NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 140 • DECEMBER 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

BÌNH AN DƯỚI THẾ **NGUYỄN MINH CẦN**

VIỆT NAM: NHỮNG BƯỚC ĐI TỚI
LÊ DOÃN KIM

VỀ NHÀ ĐÊM GIÁNG SINH **HOÀNG OANH**

Những Tặng Phẩm Lớn Nhất Là Những Hành Động Yêu Thương

Ai trong chúng ta mà không lo lắng cho gia đình? Tuy nhiên vấn đề quan trọng là phải tiến hành ngay hôm nay để qúy quyến được bảo toàn nếu có điều gì bất trắc xảy ra cho qúy vị sau này. Đây là lúc mà NEW YORK LIFE có thể giúp đỡ qúy vị.

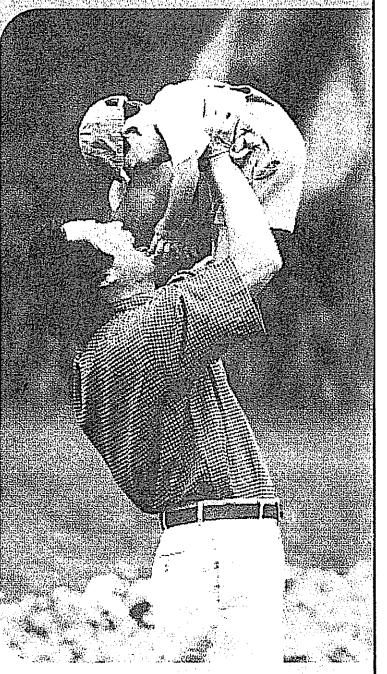

Với rất nhiều sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và tài chánh khác nhau, qúy vị có thể chọn một món quà ưng ý nhứt để bảo đảm cho gia đình qúy vị một tương lai chắc chắn.

Công Ty Bảo Hiểm New York Life thành lập trên 155 năm là một công ty uy tín và vững chắc trong ngành bảo hiểm tại Hoa Kỳ.

- Bảo Hiểm Nhân Thọ (Whole Life, Survivorhsip, Universal Life, Term)
- Niên Kim (Annuities)**
- Long Term Care Insurance
- Gây Quỹ Hưu Bổng (Retirement Funding)
- Gây Quỹ Học Bổng (College Funding)

** Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (714) 560-7800

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

MERRY CHRISTMAS
HAPPY NEW YEAR 2001

*** Quý vị đã hài lòng, khen ngợi Video Paris by Night 52, Long Beach 1999, chủ đề *Giã Từ Thế Kỷ*.**

*** Quý vị sẽ vô cùng thích thú khi thưởng ngoạn chương trình tuyệt vời Video Paris by Night 57, Long Beach 2001 thật sáng giá chào đón Thiên niên kỷ mới.**

*** Tưng bừng phát hành khắp thế giới vào Mùa Giáng Sinh December 2000.**

*** Món quà đặc sắc, tặng phẩm nghệ thuật mang niềm vui và hạnh phúc cho mọi gia đình trong mùa lễ Christmas 2000 và New Year 2001.**

MERRY CHRISTMAS
HAPPY NEW YEAR
2001

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG
(714) 531-2773
GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ
* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.
* Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.
* Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.
NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG
SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM
14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

CÕI RIÊNG

thơ

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

"Thơ, một lúc nào đó, đối với tôi chính là những dòng nhật ký tuyệt diệu và gần gũi vô cùng. Tuyệt diệu, vì nét đẹp văn chương đẩy tôi bay bổng khỏi những eo sèo đời mọn. Và gần gũi, vì thơ có thể ngụ trong tim trong óc tôi bất kể hoàn cảnh, giờ giấc nào. Thơ dựng nên một cõi riêng để tôi yên bình trú ẩn, dù với vết thương đau đớn hay với niềm hoan lạc mong manh."

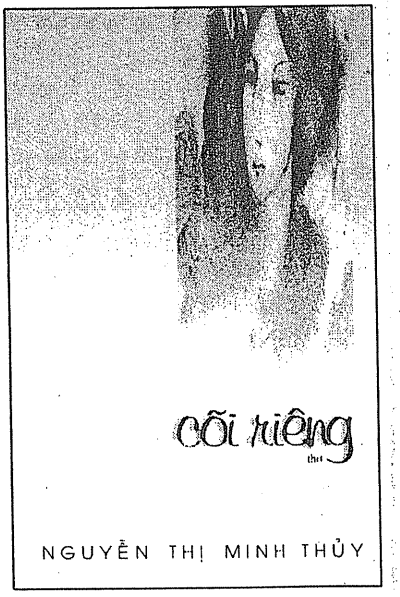

Liên lạc tác giả
9082 Jennrich Ave.
Westminster, CA 92683
e-mail:
saigonbolsa@yahoo.com
ấn phí 10MK

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

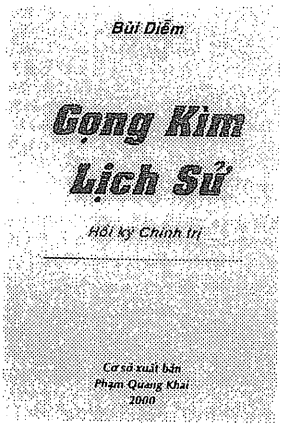

GỌNG KÌM LỊCH SỬ

Hồi ký chính trị của BÙI DIỄM, cựu Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ. Cuốn sách kiểm điểm kinh nghiệm Việt Nam một cách thấu đáo nhất của một chứng nhân sân khấu chính trị Việt Nam và Hoa Kỳ. Giá 25 Mỹ kim

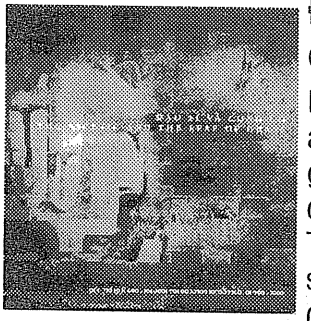

ĐẠO SĨ VÀ CỘNG CỎ

Những Ý Tưởng, như ánh chớp hay một giấc mơ, được ghi lại do đôi bạn trẻ ĐỨC TRÍ QUẾ ANH. Sách song ngữ Việt-Anh. Giá 10 Mỹ kim

TỪ ÁO CÀ SA ĐẾN THẬP TỰ GIÁ

tự truyện của HUỆ NHẬT, một nguyên tu sĩ Phật giáo cởi áo cà sa để trở thành một tín đồ Kitô. Giá 15 Mỹ kim

NHỮNG LỜI GIẢNG DẠY CỦA CHÚA GIÊSU

của Tiến sĩ TRẦN THÁI ĐỈNH, nguyên giáo sư Đại học Văn Khoa Sài Gòn. "Tôi nghĩ đến những thức giả ngoài Công giáo muốn tìm hiểu giáo lý Kitô cho nên viết cuốn sách này, vừa như sách đạo vừa như một tác phẩm văn hóa." (Tác giả) Giá 15 Mỹ kim

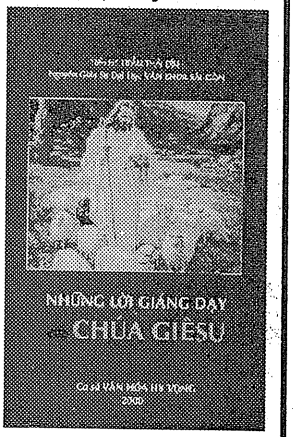

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

Sài Gòn Cali 25 Năm Gặp Lại, Văn Quang	$13.00	Kho Tàng Các Ông Trạng Việt Nam, Vũ Ngọc Khánh,	$16.00
Đạo Sống Việt, Việt Thường,	$20.00	Kho Tàng Câu Đố Việt Nam, Trần Huy Phương,	$10.00
Hồi Ký 60 Năm Cầm Bút, Xuân Tước,	$15.00	Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Bộ 2 cuốn,	$59.00
Tắm Máu Đen, Bút ký, Võ Đại Tôn,	$20.00	Kinh Dịch Diễn Giải, 2 Tập, Trần Trọng Sâm,	$28.00
Dữ Hơn Rắn Độc, Hoàng Hải Thủy,	$15.00	Linh Quang Trí Tuệ, Khai Vân Lộ,	$12.00
Ngàn Năm Xứ Huế, Nguyễn Châu và Đoàn Văn Thông,	$20.00	Minh Tâm Bửu Giám, Nguyễn Quốc Đoan,	$13.00
Mưu Lược Đặng Tiểu Bình, Tiêu Thị Mỹ,	$22.00	Tuyển Tập Nguyễn Tuân, 3 Tập, Nguyễn Tuân,	$36.00
Mai Hoa Dịch Tân Biên, Bìa cứng, Vưu Sung Hoa,	$19.00	Diện Mạo Thơ Đường, Giáo Sư Lê Đức Niệm,	$10.00
Lý Luận Văn Học, Vấn Đề Và Suy Ngẫm, Nguyễn Văn Hạnh,	$7.50	Đạo Phật Ngày Nay, Bìa cứng, Trần Tuấn Mẫn,	$22.00
Khí, Triết Học Đông Phương, Bìa cứng, Trương Lập Văn,	$20.00	Câu Đố VN, Bìa cứng, Nguyễn Văn Trung,	$14.00
Lịch Sử Trung Quốc 5000 Năm, Lâm Hán Đạt và Tào Dư Chương, 3 tập,	$36.00	Cây Cảnh Hoa VN, Trần Hợp,	$22.00
Thiên Nhiên Cuồng Nhiệm, Đức Trí và Quế Anh,	$10.00	Đoạn Trường Tân Thanh Đối Chiếu Nôm, Quốc Ngữ (Nguyễn Du), Thế Anh Phiên âm và khảo dị,	$18.00
Kỹ Thuật Phòng Thủ Cao Cấp, Hoàng Lộ Thủy,	$14.00	Tuyển Tập Nam Cao, 2 Tập, Hà Minh Đức,	$24.00
Không Cần Đàn Bà, Kathy Trần,	$14.00	Tuyển Tập Vũ Trọng Phụng, 2 tập, Vũ Trọng Phụng,	$26.00
Truyện Tình Dở Dang, Thế Dũng,	$10.00	Văn Học Dân Gian Tây Sơn, Nguyễn Xuân Nhân,	$8.00
Bốn Lần Leo Núi Tản, Lưu Văn Vịnh,	$10.00	Văn Xuôi Lãng Mạn, 2 tập, nhiều tác giả,	$59.00
Bến Bờ Còn Lại, Dương Thu Trung,	$14.00	Yoga Thực Hành, 2 tập, Philip Du Merk,	$9.00
Khí Công Nghiêm Tân, Hoàng Mộng Khánh,	$13.00	Vợ Chồng Trẻ Cần Biết, Trần Thanh,	$9.00
Hồ Xuân Hương, Thơ Chữ Hán - Chữ Nôm Và Giai Thoại, Bùi Hạnh Cẩn	$8.00	Nhà Văn Việt Nam Hiện Đại, 2 tập, Vũ Ngọc Phan,	$29.00
Không Gia Đình, 2 tập, Hector Malot,	$15.00	Những Người Bạn Cố Đô Huế, 7 tập, nhiều tác giả,	$56.00
Khảo Luận Về Thời Đại Xuân Thu Chiến Quốc, Ngô Nguyên Phi,	$22.00	Non Nước Việt Nam, Tổng Cục Du Lịch,	$16.00
Món Ăn Thái Lan, Thanh Ly,	$6.00	Văn Hóa Việt Nam Truyền Thống Và Hiện Đại, Nhiều tác giả,	$20.00
Hoài Thanh Toàn Tập, 4 tập, 4375 trang,	$99.00	Nhất Linh Truyện Ngắn,	$12.00
		Nhật Ký Đi Tây, Phạm Phú Thứ,	$11.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

NGÂN KHƠI

Quà Tặng Ý Nghĩa

Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi trân trọng giới thiệu
2 bộ đĩa nhạc CD Đôi mới nhất mang tên:

Đêm Ngàn Khơi 3: (CD1: HÒN VỌNG PHU; CD2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỄ)
Đêm Ngàn Khơi 4: (CD1: ÁI CHI LĂNG; CD2: VIỄN DU)

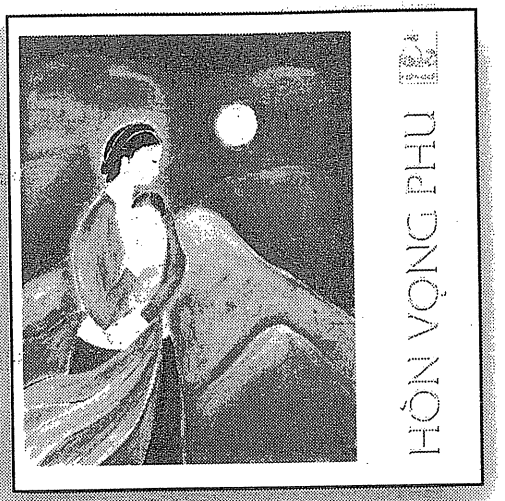

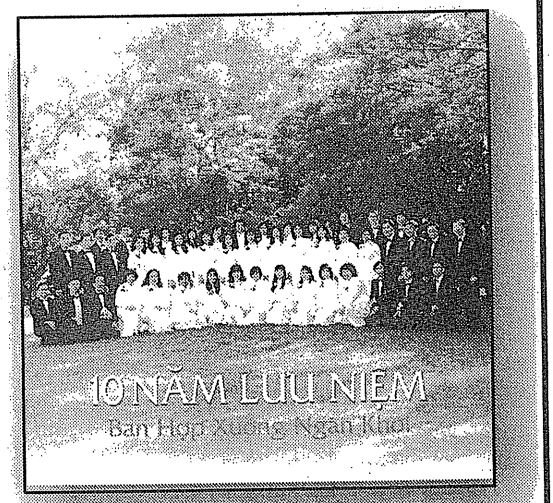

Những ca khúc hào hùng, bi tráng do
NGÀN KHƠI trình bày Hợp Xướng cùng Dàn Nhạc **FESTIVAL ORCHESTRA**:

Hòn Vọng Phu 1, 2, 3. Trích đoạn Mẹ Việt Nam,
Ải Chi Lăng, Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ, Viễn Du,
Dừng Bước Giang Hồ, Ô Mê Ly, Suối Tóc v.v...

- Những bản dân ca, tình ca bất hủ qua các giọng ca vàng:
  KIM TƯỚC, MAI HƯƠNG, QUỲNH GIAO, THIÊN THANH,
  THÁI HIỀN, VŨ ANH, ANH DŨNG, NGUYỄN THÀNH VÂN,
  NGA MI, BÍCH LIÊN, LÊ HỒNG QUANG, TRẦN THÁI HÒA v.v...
- Thi phẩm *Hồ Trường*
  do Trần Lãng Minh diễn ngâm cùng dàn nhạc giao hưởng.
- Phần hòa âm phối khí rất công phu của Lê Văn Khoa, Trần Chúc,
  Nghiêm Phú Phi, Hoàng Trọng, Lê Ngọc Chân, Hoàng Lộc v.v...

Xin tìm mua tại
TÚ QUỲNH (714) 531-4248
BÍCH THU VÂN (714) 897-4519
THIÊN NGA (713) 520-8013
NGÀY NAY (713) 568-6400

Và trụ sở BHX NGÀN KHƠI:
14265 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843
Phone: (714) 531-2773
Email: ngankhoichorus@yahoo.com

Giá bán: **US$ 17**/ 1 Bộ CD đôi (bao gồm cước phí). Chi phiếu đề tên: *Ngàn Khơi Chorus.*

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: *Hoa Lư*, ảnh của nhiếp ảnh gia **Phí Văn Trung**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành, Kicon,** tư liệu

MỤC LỤC

Số 140 . Tháng Mười Hai 2000

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

16 Bình an dưới thế - **Nguyễn Minh Cần**
17 Bầu cử Tổng thống Mỹ - **Ngô Nhân Dụng**
21 Chuyến đi lịch sử - **Hà Tường Cát**
23 Việt Nam: Những bước đi tới - **Lê Doãn Kim**
33 Một ngày ở Sài Gòn với gia đình TT Clinton - **Văn Quang**

TÔN GIÁO - VĂN HÓA

40 Thờ Tứ Bất Tử - **Lưu Văn Vịnh**
60 Căng thẳng và sợ hãi ngăn trở việc học - **Quỳnh Anh**
63 Phỏng vấn Hòa thượng Thanh Từ - **Kicon**
83 Trao đổi văn hóa, nghiên cứu, đối thoại - **Nguyễn Khiêm**

TIỂU LUẬN - KHOA HỌC

28 Việt Nam trong ngôi làng thế giới - **Lê Đình Thông**
37 Đồ mã - **Tưởng Năng Tiến**
67 Yếu tố di truyền trong thể thao - **Nguyễn Văn Tuấn**
71 Thực đơn cho một bữa tiệc Trung Hoa - **Lê Văn Lân**
104 Tiền cổ Việt Nam - **Lục Đức Thuận**

VĂN

76 Về nhà đêm Giáng Sinh - **Hoàng Oanh**
86 Mùa Giáng Sinh êm đềm... - **Hà Kỳ Lam**
92 Ngã ba lòng - **Trần Yên Hòa**
96 Tìm một quê hương - **Đoàn Văn Khanh**
101 Đến với nước Nga - **Phạm Xuân Đài**

THƠ

45. Đã rồi một cánh chim bay - **Hà Nguyên Du. 75.** 75. Em đầy sống chết trong tôi - **Thế Dũng. 89.** Tôi tìm bóng tôi, Cái chết, Vô đề - **Vương Đức Lệ. 97.** Và như lá... - **Hoàng Khanh. 99.** Kinh Kim Cương - **Trần Vấn Lệ**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
10 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
11 Tin Việt Nam
48 Sổ tay
53 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
110 Chân trời Văn Học Nghệ Thuật: **Tiểu Ký, Anh Thành**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài, Tiểu Quyên, Nguyễn Hùng Vũ**

Biết người biết ta

Tôi vừa đọc xong bài Phỏng vấn giáo sư Đỗ Mạnh Tri trên Thế Kỷ 21 số 139, xin gửi liền một e-mail cho Tòa soạn nói vài cảm tưởng.

Lâu lâu nghe được một người viết lách nhận định rằng *"may lắm thì chúng ta mới đi kịp thời cuộc,"* rằng *"người của mỗi tôn giáo phải đối thoại với nhau trước khi đặt vấn đề đối thoại với người của tôn giáo khác,"* rằng *"giáo dục là luôn luôn tự giáo dục mình"* như ông Đỗ Mạnh Tri đã trả lời phỏng vấn của Kicon, thật thú vị và đã lỗ tai quá! Mặc dầu ông giáo sư ở cuối thế kỷ hai mươi có giọng điệu "biết người biết ta" hơi ngạo mạn nhưng ông cứ dũng cảm nói được những điều hay ho là chúng tôi hoan nghênh và quý hóa lắm! Ước mong Kicon sẽ còn thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn với nội dung đặc sắc như thế nữa cho chúng tôi nhờ. Đa tạ.

Hà *(Quận Cam)*

Rực bóng cờ vàng

Ít lâu sau khi báo *Thế Kỷ 21* số tháng Mười năm 2000 phát hành, tôi được cột cú điện thoại của một người bạn đang ở Đông Âu (anh ấy sang từ Hà Nội), than phiền về bài "New York rực bóng cờ vàng" trong mục Đời Sống Quanh Ta. Anh ta nói đến giờ này mà báo *Thế Kỷ 21* còn đề cao cờ xí làm gì, cờ có là cái gì quan trọng đâu, đề cao lá cờ một phía chỉ tổ làm chia rẽ người Việt hải ngoại đang chống chế độ độc tài trong nước.

Tôi nói với bạn tôi rằng tôi hiểu ý anh và tâm trạng anh, và đề nghị anh nhìn vấn đề dưới mấy góc độ khác nhau. Thứ nhất đó là mục Đời Sống Quanh Ta, bài trong mục đó ít nhiều cũng có tính cách thời sự, và một sự kiện lớn như vụ diễn hành ở New York thì thông tin là phải rồi. Thông tin không có nghĩa là đề cao hay hạ thấp.

Thứ hai, phải đặt mình vào vị trí của đồng bào tị nạn miền Nam để hiểu vấn đề. Miền Nam biết trước chế độ cộng sản là thứ độc tài xấu xa, trong mấy mươi năm ra sức chống lại, nhưng cuối cùng phải thua về quân sự, và một bộ phận dân chúng phải bỏ nước ra đi để trốn khỏi chế độ đó. Họ biết họ thua, nhưng lý tưởng mà họ có trước kia — xây dựng một Việt Nam không cộng sản, thịnh vượng, dân chủ, tự do — thì đến bây giờ vẫn đúng và càng sáng tỏ. Lá cờ vàng đó là tượng trưng cho cái lý tưởng mà người quốc gia vẫn theo đuổi mấy mươi năm qua, và họ không thấy có lý do gì để bỏ nó đi cả, vì lý tưởng đó vẫn là điều cả dân tộc ta đang khao khát trong hiện tại, đang cùng nhau đấu tranh để thực hiện. Nếu anh không phải là người miền Nam và không thấy mình dính dáng gì với lá cờ ấy, thì ít ra cũng phải tôn trọng nó như là tôn trọng một cái gì thiêng liêng riêng tư của một người khác, như tôn giáo của người ta, hay cái bàn thờ ông bà của nhà người ta. Bao nhiêu xương máu đã đổ ra dưới lá cờ ấy vì một lý tưởng đúng, người miền Nam không thể không tôn kính nó được.

Dĩ nhiên lá cờ ấy thuộc về dĩ vãng. Nó không thể là tượng trưng chung cho cuộc đấu tranh cho tự do của cả dân tộc hiện nay. Nhưng đó là vấn đề khác rồi...

Phạm Thị Hường *(Chicago)*

Vấn đề tự thẩm định

Trong khi viết hồi ký, đặc biệt là hồi ký chính trị, một tác giả không tránh được việc thường phải có những lời lẽ đánh giá công việc làm của mình trong quá khứ. Tự thẩm định mình như thế có thể đạt giá trị khách quan không? Vấn đề thật là khó.

Viết hồi ký không phải là viết sử, với các phương pháp nghiêm nhặt của nó. Sự thẩm định công việc mình đã làm trong quá khứ của người viết hồi ký dĩ nhiên là một thẩm định chủ quan. Nhưng chủ quan cũng có nhiều thứ. Có những cá tính cứ thích tâng bốc mình, điều này sẽ lộ rõ trong từng trang, từng dòng, người đọc có thể nhận ra rõ ràng. Với những hồi ký loại này, độ tin cậy về Sự Thực rất là ít oi — ít chứ không phải là hoàn toàn không. Nhưng phần lớn các cây bút tự trọng thì đều cố giảm thiểu mình đi, hoặc ít ra đặt mình đúng với vai trò thực mà mình đã đóng. Đọc một cuốn hồi ký là đọc được nhân cách của người viết, và độc giả tùy theo cái nhân cách mà mình cảm nhận được trong khi đọc ấy, sẽ thấy mình có thể tin hay không tin nội dung cuốn sách.

Trên đây là vài ý nghĩ của chúng tôi sau khi đọc bài viết "Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ" của tác giả Trần Anh Tuấn trên số *Thế Kỷ 21* số 139 vừa rồi. Sau loạt bài dài của ông, Trần Anh Tuấn chứng tỏ là một người nghiên cứu sử cẩn trọng và rất có lòng. Ông chịu khó sưu tầm và đọc rất nhiều và rất kỹ các sách vở của người Việt tị nạn khắp nơi liên quan đến giai đoạn lịch sử Việt Nam vừa qua. Cách đánh giá của ông nói chung vô tư, nhưng cũng tỏ ra khá nhạy bén với

cái "dỏm" và cái "thật." Đôi khi quá nhạy bén, ông trở nên ra khắt khe, và bộc lộ sự "thích" hay "không thích" của mình đối với một tác phẩm hay tác giả, một loại tình cảm có thể do tiên kiến hay hậu kiến (có trước hay sau khi đọc), mà độc giả rất dễ nhận ra.

Kể ra thì *cái ta* của ai cũng quan trọng cả, khi viết về mình, có nhún nhường và cố gắng khách quan cách mấy cũng phải ngầm có những ý tốt về mình, biện hộ cho chính mình. Khi đã đọc hồi ký thì nên tinh tế và rộng lượng nhận ra chỗ ấy, và quan trọng hơn cả là nhận ra cái biên giới của sự có thể chấp nhận hay không chấp nhận những thiên kiến về "cái ta" ấy, mà một cách cố ý hay vô tình, tác giả hồi ký nào cũng mắc phải.

Lê Đình B. *(Houston, TX)*

Chuyện dài Clinton thăm Việt Nam

Tháng 11.2000 vì có vụ thăm viếng của Tổng thống Clinton, tin tức về Việt Nam sôi nổi hẳn. Không biết chuyến thăm này "có tính cách lịch sử" đến mức nào, chứ về phương diện tán gẫu thì đó là một đề tài rất phong phú cho người Việt Nam ở Mỹ.

Một ông bạn của tôi không biết xem tài liệu ở đâu, nói rằng: "Các ông biết không, năm 1975 khi Sài Gòn sụp đổ, ông Kissinger có tuyên bố một câu xanh giờn: 'Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam giống như một người rời khỏi một căn nhà, khóa trái cửa lại, bỏ chìa khóa vào trong túi, và ra đi.' Nói thế không khác nào bảo rằng khi nào trở lại, chúng tôi sẽ dùng chính chìa khóa của chúng tôi để vào nhà. Các ông có nghĩ ông Clinton đang tượng trưng cho nước Mỹ vào lại căn nhà Việt Nam với chìa khóa riêng không?"

Trong tình hình năm 2000 thì điều ấy quá rõ. Ổng là vua thế giới này rồi, ổng có cả chùm chìa khóa về mọi lãnh vực, mọi lãnh thổ, tùy nơi tùy lúc mà xài cái chìa nào thôi.

Nhưng một ông bạn khác thì không đồng ý lắm. "Tôi thấy Hà Nội ngon. Sức mấy họ cho Clinton cái vẻ tự tung tự tác muốn làm gì thì làm của một người nắm trong tay đủ mọi loại chìa khóa của thế giới này. 'Xin lỗi nghen, chúng tôi nhờ theo chủ nghĩa xã hội mà đánh thắng Mỹ, thì bây giờ chúng tôi vẫn là chủ nghĩa xã hội. Mọi chuyện bình đẳng hai bên cùng có lợi nghen.'"

Ôi dào, chuyện mặc cảm thôi. Người thắng thành thua, kẻ thua thành thắng, bên nào trong tâm lý cũng lấn cấn, anh yếu thì càng lên gân, anh mạnh thì cố làm ra vẻ bình dân xuề xòa.

"Nhưng các ông ạ, rõ ràng dân miền Bắc còn dè dặt với người Mỹ. Đối với vợ chồng Clinton họ như đứng xa xa ngắm nhìn tò mò thôi, chưa có thân mật thoải mái gì. Họ đâu có quên những trận mưa bom hơn hai mươi năm trước. Còn dân Nam thì khác hẳn. Ổng từ Hà Nội vô Tân Sơn Nhứt thì đã nửa đêm, vậy mà hai bên đường Công Lý đặc nghẹt người. Bạn cũ mà. Vẫn người bạn ấy, dù lâu ngày vẫn nhớ lắm. Lại thêm con cái cháu chắt bà con hiện nay cư ngụ bên nước ổng cả đàn, học hành làm ăn đều khấm khá, gởi đô la về nuôi sống đều đều từ bao năm nay. Nước ổng đâu khác gì quê hương thứ hai của dân miền Nam đâu."

Một bạn vượt biên từ miền Bắc lên tiếng:

"Theo tôi nếu bây giờ hỏi vị nguyên thủ quốc gia nào trên thế giới được dân Việt Nam cả trong Nam lẫn ngoài Bắc yêu thích nhất thì chắc chắn đó là Tổng thống Mỹ. Họ càng thấy chế độ cộng sản bế tắc và đáng chán ghét thì họ càng thấy nước Mỹ như một hy vọng. Tôi không nghĩ người dân miền Bắc còn oán ghét Mỹ vì vụ bom đạn ngày xưa đâu. Đó là chiến tranh, mà qua đã lâu rồi. Cái họ chán ghét là cái chế độ bây giờ, độc tài, áp bức, tham nhũng luôn luôn đè nặng đời sống hàng ngày của họ, đến độ họ phải nhiều lần vùng lên nổi loạn. Họ cũng có nhiều bà con bạn bè đang ở Mỹ chứ đâu phải chỉ dân miền Nam. Biết bao người từ Mỹ đã về quê cũ xây lại mồ mả ông bà cha mẹ, trùng tu từ đường, giúp đỡ bà con làng xóm... những người đó đã mang hình ảnh nước Mỹ về với họ từ lâu rồi. Hình ảnh đó không phải chỉ là tờ giấy đô la không thôi đâu, mà còn là một đời sống thoải mái, tự do dân chủ, được bảo vệ, ai cũng có cơ hội vươn lên về học vấn, về làm ăn... Người dân miền Bắc họ biết những ưu điểm ấy của nước Mỹ lắm chứ, và họ cũng yêu thích những điều đó lắm chứ. Sở dĩ họ không thân mật với ông bà Clinton vì họ bị ở trong một xã hội đè nén từ quá lâu, chưa có thói quen thoải mái bộc lộ đó thôi..."

Chuyện của chúng tôi thì còn dài vô tận. Nếu có thể thì dịp khác sẽ kể nữa...

Ba Xi Đế *(Little Saigon)*

Đính chính Bài "Những mục tiêu tranh đấu xây dựng dân chủ tự do cho Việt Nam" của Võ Nhân Trí trên số 138, có những chỗ đánh máy sai, xin bạn đọc vui lòng sửa chữa:

- Trang 28, cột 2, dòng 19 từ trên xuống, thêm: **(69)** sau chữ *VNT).*
- Trang 30, cột 1, dòng 9 từ trên xuống: luận **điệu** thay vì *luận điện.*
- Trang 31, cột 1, dòng 25

và 26 từ trên xuốngVienne thay vì *Việt Nam.*

- Trang 32, cột 1, dòng 16 từ dưới lên: **Ba Lan** thay vì *La Lan.*

- Trang 33, cột 2, dòng 5 từ trên xuống: **phải "đổi màu"** thay vì *"đổi màu"*; dòng 25 từ trên xuống: **Sydney** thay vì *Caberra.*

Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Nguyễn Văn Thành, Vương Đức Lệ, Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Đạm Thạch, Hồng Khắc Kim Mai, Lê Tùng Minh, Mai Bá Cang, Trần Vấn Lệ, Sương Mai, Qua Thiên San, Lê Đình Thông, Lê Doãn Kim, Nguyễn Văn Cường, Minh Hân, Khánh Hà, Trần Doãn Nho.

Vi Phạm *(Netherland):* Cô đừng ngại tên cô như thế luôn luôn có vẻ... vi phạm một cái gì. Về phương diện tâm lý, lo ngại kiểu đó riết có khi biến thành một ám ảnh, và lúc bấy giờ có khi... vi phạm thật. Chúng tôi không biết họ Phạm là họ của cô hay của chồng cô, nhưng trường hợp nào thì theo cách xếp tên họ của Tây phương, tên cô cứ vẫn phải là Vi Phạm. Nếu có một chữ lót chen vào giữa thì hình dạng của tên sẽ biến đổi ngay, và không cho một cảm giác là đang *violer/violate* một cái gì cả, do đó khỏi một mặc cảm tội lỗi tưởng tượng có thể có. Chúc cô vui và đạt được các nguyện ước.

Bảo Thắng *(Germany):* Sống một lúc với hai giờ khác nhau như bà nói thì có vẻ vất vả thật, nhưng không phải là không thú vị. Khi bà thức dậy buổi sáng bên Đức thì ông nhà và các cháu ở Cali vừa ăn xong bữa cơm tối. Nếu bà có thói quen dậy sớm thì khi bên này đang dùng bữa, bên đó cũng có thể đang uống cà phê và ăn điểm tâm, như vậy vẫn có cảm tưởng cả nhà đang cùng ăn uống. Người Việt chúng ta đi tị nạn khắp nơi, gia đình bị phân cách như thế cũng nhiều, và phải cùng lúc sống những giờ khác nhau với người thân. Kinh nghiệm ấy chắc ít dân nào có.

Cám ơn các nhận xét của bà về tờ *Thế Kỷ 21.* Hiện nay chỉ có một số hiệu sách ở phía Tây Đức cũ có bán thôi. Chúc bà chóng được đoàn tụ với gia đình.

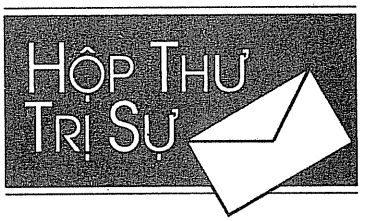

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Nguyen Ngoc Lien (Jersey City NJ), Huynh Hoang Cuong (Buffalo NY), T.Nguyen (Reisterstown MD), Pham Trong Le (Fairfax VA), DR.Ngo Medical Office (Everett WA),F.Toan Trinh (Clackamas OR), Nguyen Tan Phat (Hampton VA), Doan The Hoang (Lincoln NE), Le Ngoc Minh (La Habra CA), Robert P. Neathery (Renton WA), Anaheim Public LIb.(Anaheim CA), Australian National (AUSTRALIA), Carrie Estelle Doheny Mem Lib.(Camarillo CA), Pomona Public Lib.(Pomona CA), South Branch Lib. (Berkeley Ca), Columbia Lib.(Seattle WA), Biblio Ville Montreal (CANADA), The Dung (GERMANY),Quynh Loan Pham (New Brighton MN), Nguyen Van Cung (Baldwin Park CA), Le Khanh Hoang (Plano TX), Hanh Doan (Charlotte NC), Nguyen Kim Lien (Eagan MN), Los Angeles Lib.(Los Angeles CA), Chinatown Lib. (Los Angeles CA), Milpita Comm Lib.(Milpitas CA), Deichmanske Bibliotek (NORWAY), Melhus Bibliotek (NORWAY), Fredrikstad Biblioted (NORWAY), Toensberg og Neotteroey Bibliotek (NORWAY), Bergen Offentlige Bibliotek (NORWAY), Tu Van Dat (New Hope MN), Nguyen Thanh Loc (Mounds View MN), Ha Thuc Chu (Linnwood WA), Hoa Nguyen (Westminster CA), Ewing Diep (Shalimar FL), Le Tuong Loan (Houston TX), Bach Thi Le (Brooklyn Park MN), Ton That An (Medford MA), La Trung Chanh (Ellicott City MD), Buu Vien (Mclean VA), Hoang Phuong (Troy MI), Lib: Day-Riverside (salt Lake City UT), Lib: Chapman (Salt Lake City UT), Lib:San Francisco (San Francisco CA), Van Minh Phuc (CANADA), Le Thi Hanh (CANADA), Tran Oanh (GERMANY), Le Ngoc Chan (FRANCE), Pham Cong Thien (AUSTRALIA), Anthony Thai (Orange CA), Vo Thanh Sum (AUSTRALIA), Pham Phung (Duncan OK), Pham Nguyen Hong (El Passo TX), An Vu Gia (Herndon VA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Anh Nguyen (Westminster Ca), Nguyen Duc Ban (Oak Lawn IL), Tran Cong Nghi (CANADA), Deichmanske Bibliotek (NORWAY).

TIN VIỆT NAM

Thư của một người thường dân Việt Nam

Tòa soạn Thế Kỷ 21 có nhận được từ Internet một bức thư viết từ trong nước liên quan đến việc Tổng thống Clinton đi thăm Việt Nam, do một thân hữu chuyển đến. Thư như sau:

"Phong thân,

Số là hôm qua đội VN thua Indonesia 3-2 mất quyền vào chung kết cup tiger rồi. Anh buồn như bị bồ đá nên ngủ khèo quên kể chuyện đá banh như đã hứa. Mình tạm quên chuyện banh đi, chiều này xem TV trực tiếp tường thuật TT Bill nói chuyện tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Anh ngồi trong quán cafe có đông người xem lắm.

Bài nói của Mr. Bill rất hay và rất tình cảm. Có lẽ các bạn sẽ đọc nó trên báo ở Mỹ nên tui không tường thuật làm gì. Khi ông mở đầu bằng chuyện đá banh với các cầu thủ nổi tiếng của VN, sau đó ông dẫn tới lịch sử 200 năm quan hệ giữa hai nước, khán giả VN rất cảm kích. Họ gần như bị thôi miên bởi cách dẫn câu chuyện và cách nhìn lịch sử của ông. Vì thế mọi người cùng đồng ý với ông ta về chuyện khép lại trang sử đẫm máu của hai dân tộc.

Ông biểu dương sự anh hùng của ba triệu người Việt từ dân thường đến lính tráng cuả hai phía đã bỏ mình trong cuộc chiến vừa qua. Ông nói về quan điểm của chính phủ Mỹ về các vấn đề dễ gây dị ứng như chuyện nhập cư sang Mỹ, chuyện VN nên mở rộng cửa đón đầu tư nước ngoài, chuyện so sánh các hiểm họa của kinh tế toàn cầu như nước và gió. Người ta có thể lợi dụng sức gió để làm tàu thuyền, dùng nước để sinh hoạt. Nhưng gió và nước cũng có thể gây nên bão.

Mình không thể tránh được bão và cũng không thể tránh được các tai họa của việc mở cửa. Bằng chứng đáng thuyết phục của ông đưa ra là chuyện trong tám năm từ 1990 tới 1998, số đầu tư nước ngoài vào VN tăng sáu lần từ 25 tỷ usd lên 150 tỷ usd. Hai năm gần đây, vì sợ tình hình khủng hoảng kinh tế VN đã giới hạn. Việc giới hạn giúp VN tránh hậu quả xấu của cuộc khủng hoảng nhưng cũng làm giảm mức đầu tư vào VN. Tốt hơn VN nên tìm cách khác để tránh khủng hoảng mà vẫn duy trì mở cửa vào kinh tế toàn cầu...

Ông nói kinh nghiệm của Mỹ về việc phát triển là phải có dân chủ (ông không nói thẳng vào từ này). Nước Mỹ đã mất nhiều năm để chống chế độ nô lệ, nhiều năm để dành quyền bỏ phiếu cho phụ nữ. Vì lẽ phụ nữ cũng đóng góp tích cực vào việc phát triển xã hội, do vậy phải tạo cơ hội tốt cho họ. Ông khuyến khích dân chủ như động cơ chính đáng để phát triển kinh tế. Vì thế VN cần dành cho dân chúng quyền quyết định trong việc bầu cử, đi lại. Ông còn nói quyền tự do thờ cúng không hề làm giảm sự phát triển kinh tế. Ông mong muốn những kinh nghiệm này được người VN hiểu nó nhằm vào việc phát triển VN, và vì nếu VN giàu sẽ đóng góp cho vùng Đông Nam Á. Và còn vì VN rất quan trọng với Mỹ, Mỹ sẽ gia tăng giúp người Việt để xây dựng một xã hội dân chủ nhưng cuối cùng quyết định vẫn là của người Việt. Ông chờ đón VN phát triển...

Những lời nói như vậy làm dân VN rất cảm kích. Nhiều người khen ông viết quá hay. Đến khi phía đại học Hà Nội lên đáp lời vài câu ngắn ngủi, viện trưởng nói những cấu ngu ngốc tới nỗi dân chúng tức quá chửi thề tùm lum. Viện trưởng (quên tên rồi) nói như tuyên truyền vậy. VN sẽ phát huy truyền thống và xây dựng đất nước theo con đường XHCN như chủ tịch HCM đã dạy. Nghe tới đó tui nghe mấy tiếng đ.m. vang lên trong quán.

Thiệt tình ở đây ai mà chẳng biết. CS có gì hay để phải định hướng phát triển xã hội vào đó. Những cái hay mà CS có chẳng qua rút từ kinh nghiệm nhân loại như bình đẳng, tự do... Cái mà CS cần giữ thì cũ rích ai cũng biết và ai cũng có. Cái mà của riêng CS thì tầy huầy ra đó rồi, ai cũng gớm ghiếc hết.

Từ lâu nay, cán bộ học về Marx đã bị tuyên truyền chớ có học chó gì đâu. Tui nhớ hồi đó có thằng nào dám nói Marx rút những gì từ các lý thuyết trước ông như Hegel... Họ huyền thoại Marx như một thiên tài chỉ mình ông biết, trước ông không có ai và

sau cũng không.

Cái căn bản của ông là xã hội chỉ cần người lao động không vốn. Những kẻ có vốn bị coi là bóc lột, và kẻ có vốn là đám dư thừa của xã hội. Thật ra ai cũng cần thiết hết. Nếu không cần thì xã hội tự loại họ rồi.

Chẳng hạn, có nhiều nghề ngày xưa dùng nhưng ngày nay không ai dùng nên nghề phải mất đi như nghề làm bàn ủi than. Ngày nay cắm điện là ủi đồ rồi, có điên mới ủi than. Mấy cha chỉ vì ngu nên chạy tông thôi. Không biết lớp đàn anh của tui đã nhìn việc đi lính quốc gia của họ thế nào vì họ chỉ nhìn một phía. Bây giờ tui được nhìn hai phía, tui đồng ý họ thiếu lý tưởng nếu so với lính CS.

Giải thích điều này tui thấy vì CS ngu mới tưởng là CS mang lại hạnh phúc. Nói ra thì xúc phạm đến vong linh bao nhiêu triệu người CS, nhưng rõ là họ chết vì cái ngu. Còn phe kia thua vì sự ích kỷ. Lịch sử hay chơi xấu với người quá cố là xét xử họ mà không cho họ quyền biện hộ. Thiệt ra đây chỉ là người đời sau nhìn lại vết xe trước mà rút kinh nghiệm thôi.

Nữ Dân Biểu Loretta Sanchez đã bí mật gặp bốn nhân vật đối kháng chế độ CSVN tại Hà Nội. Hình trên từ trái qua là Phạm Quế Dương, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, bà Loretta Sanchez và Hoàng Minh Chính

Nữ dân biểu Sanchez bí mật gặp bốn nhân vật đối kháng tại Hà Nội

Nữ dân biểu liên bang tại quận Cam, Loretta Sanchez, đã bí mật gặp bốn nhân vật đối kháng chế độ CSVN trong một cuộc tiếp xúc được dàn xếp trước ở Hà Nội, theo tin của báo O.C. Register số ra ngày Chủ Nhật 19-11 vừa qua.

Theo báo này, bà Sanchez đã lặng lẽ rời khách sạn lúc hừng sáng ngày Thứ Bảy mà không có sự hộ tống của viên chức tòa đại sứ hay nhân viên an ninh đặc biệt.

Bà Sanchez tháp tùng tổng thống Clinton trong chuyến viếng thăm Việt Nam đi gặp một số trong những người chống đối chế độ CSVN nổi tiếng nhất và cũng là những người bị chế độ cô lập đặc biệt. Cuộc tiếp xúc đã được dàn xếp từ những người Mỹ gốc Việt hoạt động nhân quyền tại quận Cam qua một số đường giây để tránh bị theo dõi và sự phá đám của chế độ Hà Nội. Bà Sanchez cho hay: "Tòa đại sứ không gửi theo ai vì cuộc tiếp xúc này xảy ra trong cuộc thăm viếng của tổng thống nên họ không muốn can dự."

Cả bốn nhân vật đối lập ít nhiều cũng là mối đe dọa đến sự an nguy của chế độ độc đảng CSVN vì họ đã từng là cha đẻ của cuộc cách mạng, sĩ quan cao cấp và trí thức đã quay lại chống chế độ.

"Tôi vinh hạnh là đã phục vụ đất nước tôi từ năm 1940" ông Hoàng minh Chính nói, một cựu quân nhân và cũng từng là giám đốc viện nghiên cứu lý thuyết Mác Lê, "Nhưng tôi lại càng cảm thấy vinh dự hơn khi tôi bị chính cái chế độ tôi phục vụ đem bỏ tù. Tôi chiến đấu cho nền dân chủ Việt Nam."

Bà Sanchez thảo luận hơn một tiếng đồng hồ về tự do mậu dịch, tự do báo chí, nền dân chủ và các đề tài chính trị tế nhị khác với những nhân vật sau đây:

- Hoàng Minh Chính, 78 tuổi, bị bỏ tù hay bị quản thúc tại gia tổng cộng 20 năm vì đòi hỏi dân chủ.

- Trần Độ, 77 tuổi, một trung tướng về hưu, từng là trưởng ban Văn hóa Tư Tưởng của trung ương Đảng

CSVN, bị trục xuất khỏi đảng CSVN đầu năm ngoái sau khi cho công bố các bức thư đòi cải cách chính trị.

- Phạm Quế Dương, 70 tuổi, cựu đại tá của quân đội CSVN, sử gia, nguyên là chủ biên một tờ báo đảng, đã trả lại thẻ đảng hồi năm ngoái để phản đối việc khai trừ tướng Trần Độ.

- Nguyễn Thanh Giang, 64 tuổi, một nhà địa vật lý nổi tiếng quốc tế bị bắt giam hồi năm 1998 vì những bài viết chống chế độ.

Bà hy vọng gặp thêm nhiều nhân vật đối kháng khác khi đến thành phố Sài Gòn trong hành trình thăm Việt Nam cùng với tổng thống Clinton.

Cả bốn nhân vật đối kháng trên chưa bao giờ có dịp ngồi chung trong một căn phòng từ nhiều năm qua. Còn hai nhân vật khác, nhà toán học Phan đình Diệu và nhà văn Hoàng Tiến đã không thể đến tham dự vì những lý do không thể giải thích.

Các nhân vật trên đều cho bà Sanchez hay rằng đường giây điện thoại của họ bị nhà nước nghe lén thường xuyên, công an canh chừng họ hàng ngày, họ bị công an quấy nhiễu cũng như đe dọa đánh đập.

"Các ông là những người vô cùng can trường, đầy dũng khí đã dám đương đầu với chế độ" bà Sanchez nói với họ "Các người Việt hải ngoại tại quận Cam muốn quí vị hiểu là họ mong muốn thấy quí vị tiếp tục cuộc chiến đấu."

Các vị này lấy làm tiếc rằng tổng thống Clinton đã không nói gì nhiều qua bài diễn văn truyền hình nhằm tạo áp lực với nhà cầm quyền CSVN mà họ cho hay đang kiểm soát hết tất cả mọi ngành truyền thông từ in ấn báo chí đến truyền thanh truyền hình, hầu dân chúng có cơ hội được hưởng tự do báo chí.

Họ ủng hộ bản thương ước Việt Mỹ một cách dè dặt vì cho rằng những viên chức nhà nước CSVN tham nhũng chống lại việc ký kết. Họ hy vọng thương ước với những điều khoản thúc đẩy tự do kinh tế sẽ được sử dụng như những cái chêm để thúc đẩy các quyền tự do khác. Tuy nhiên họ cảm thấy lo rằng tự do kinh doanh sẽ khiến nước Việt Nam trở thành môi trường cho các xí nghiệp Mỹ lợi dụng để trục lợi.

"Chúng tôi mong bản thương ước có hiệu lực" cựu tướng Trần Độ nói, ông đang bị bệnh tiểu đường nặng và cố rời giường bệnh để đến dự cuộc thảo luận "Nhưng chúng tôi không muốn một bản hiệp ước mà có vẻ như người Mỹ đến để chiếm lĩnh thị trường."

CSVN đòi Thái Lan trừng phạt Lý Tống

Nhà cầm quyền Hà Nội ngày Thứ Năm nói rằng cựu phi công của VNCH hồi trước, Lý Tống, người thả truyền đơn xuống thành phố Sài Gòn trước ngày TT Mỹ Clinton đến đây, là một "kẻ khủng bố nguy hiểm" cần phải được trừng trị.

"Lý Tống, một người Mỹ gốc Việt, là một kẻ khủng bố nguy hiểm" phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao CSVN Phan thúy Thanh nói như vậy trong bản trả lời bằng thư Fax khi được hỏi về biến cố thả truyền đơn hôm 17-11 vừa qua ở bầu trời Sài Gòn và Tây Ninh.

Bản tuyên bố đó đòi Thái Lan phải đưa Lý Tống ra tòa, nơi anh đang bị tạm giữ.

"Việt Nam nghĩ rằng hành động nguy hiểm của Lý Tống phải được đối phó một cách nghiêm ngặt phù hợp với luật Việt Nam và các quốc gia liên hệ dựa theo các luật lệ và công ước quốc tế."

Thanh nói rằng đây không phải lần đầu xảy ra việc như vậy. "Năm 1992, Lý Tống bị CSVN bắt giam và ra án tù 20 năm vì tội không tặc nhưng đã được phóng thích tháng 9 năm 1998. Tháng giêng năm 2000, Lý Tống đã xâm phạm không phận Cuba thả truyền đơn xuống thủ đô Havana. Lần này, hành động của Lý Tống đặc biệt nguy hiểm: xâm phạm chủ quyền và an ninh của Việt Nam, vi phạm luật lệ hàng không và an ninh hàng không, vi phạm luật lệ và công ước quốc tế."

Ngày Thứ Ba, Thái Lan cho hay cảnh sát Thái sẽ có thể truy tố Lý Tống sau khi anh đã buộc phi công của chiếc máy bay mà anh thuê bay từ Thái Lan sang Việt Nam. Anh đã bị chính quyền Thái bắt giữ sau khi đã thả khoảng 60,000 truyền đơn xuống Sài Gòn và Tây Ninh.

Thủ tướng Thái, Chuan Leekpai nói với ký giả rằng vụ này liên hệ tới chính trị và ngoại giao giữa Thái và Việt Nam. Ông chỉ cho hay cảnh sát Thái đã truy tố Lý Tống về hai tội nhưng không đi vào chi tiết.

Lý Tống, năm nay 52 tuổi, nổi tiếng trên thế giới với nhiều phi vụ khác thường. Lần sau cùng này xảy ra chỉ một ngày trước khi ông Clinton đến Sài Gòn, thủ đô của VNCH cho đến tháng tư 1975.

Truyền đơn của Lý Tống

được trang trí với cờ vàng ba sọc đỏ, biểu tượng của VNCH, và với nội dung kêu gọi dân chúng trong nước vùng lên lật đổ chế độ bạo quyền CSVN.

Hồi năm 1992, Lý Tống đã không tặc một chiếc phi cơ của Hàng không Việt Nam, chiếc Airbus 310, bay từ Băng Cốc về Sài Gòn, bay thấp xuống để ông thả truyền đơn kêu gọi đình công, biểu tình đòi hỏi tự do dân chủ rồi nhảy dù ra ngoài. Lý Tống bị bắt ở một khu vực ngoại ô Sài Gòn, nằm tù đến 1998 thì được trả tự do nhờ nhiều sự can thiệp của quốc tế.

Đầu tháng giêng năm nay, Lý Tống thuê một chiếc phi cơ nhỏ, Cessna 172, bay từ tiểu bang Florida sang rải truyền đơn trên bầu trời thủ đô Havana nhưng đã bay về Mỹ an toàn. Ông chỉ bị tịch thu mất bằng lái máy bay. Trong truyền đơn, ông gọi nhà độc tài Cuba, một đồng minh thân thiết của chế độ Hà Nội, là tên "khủng long già."

CSVN đang cho sửa đổi hiến pháp vào năm tới cho hợp tình thế mới

CSVN sẽ cho tu chính hiến pháp, sửa lại một số điều của bản hiến pháp ban hành năm 1992 trong các điều khoản liên hệ đến tổ chức chính quyền cũng như hệ thống kinh tế vào năm tới, một viên chức thuộc Văn Phòng Quốc Hội Hà Nội nói như vậy.

Những điều khoản được sửa đổi sẽ được đem ra quốc hội CSVN vào tháng tư năm tới, dự trù sẽ kéo dài khoảng một tháng, để lấy thêm ý kiến cho ra vẻ dân chủ rồi sau đó sẽ được biểu quyết trong khóa họp thứ hai trong năm, khoảng tháng 10. Viên chức trên, theo thông lệ, khi cho tin đã yêu cầu không nêu danh tánh.

Sự soạn thảo để thay đổi hiến pháp được thực hiện tùy thuộc vào kết quả của đại hội đảng CSVN lần thứ 9 mà như nghe nói sẽ diễn ra sớm trong năm tới, có thể tháng Ba năm 2001. Nguồn tin trên nói rằng sự sửa đổi nhằm làm nền tảng cho CSVN trong năm năm tới và nhất là cho "phù hợp với tình hình mới," ông ta không giải thích thêm.

Hiến pháp CSVN nhấn mạnh đến sự duy trì độc đảng của đảng CSVN, không hề có ý định chia sẻ chính quyền với những người ngoài đảng. Và cũng không có ý định đi ngược lại chế độ XHCN theo như lời Lê khả Phiêu lập đi lập lại thường xuyên.

Như các tin đồn từ trước đến nay, có thể sự sửa đổi hiến pháp nhằm tạo cơ hội cho Lê Khả Phiêu thu tóm quyền hành và vinh dự vào tay mình, vừa là Tổng bí thư vừa là Chủ tịch nước. Có thể một danh xưng mới sẽ được đẻ ra cho vai trò mới của Phiêu. Diễn tiến từ khi Phiêu lên nắm tổng bí thư đảng CSVN cho thấy, càng ngày, Phiêu càng củng cố quyền lực, nắm chặt công an và quân đội.

Trong rất nhiều dịp ở cả trong nước cũng như khi ra ngoại quốc, Lê Khả Phiêu đều lên giọng cho mọi người thấy y là một kẻ cộng sản giáo điều, tuy nới lỏng kinh tế nhưng vẫn siết chặt chính trị. Điều 4 hiến pháp dành độc quyền chính trị cho đảng CSVN sẽ nhiều phần không thể là điều sẽ được đưa ra bàn cãi trong khóa họp của quốc hội Hà Nội.

Cũng để mua thời gian cho đảng viên khắp nước nắm chặt thêm nữa guồng máy kinh tế trong các tổ chức quốc doanh cũng như các công ty TNHH, công ty tư nhân nhưng thực chất là hầu hết của đảng viên bỏ tiền kinh doanh, CSVN chỉ cải cách nửa vời, chậm chạp dù bị các định chế cấp viện quốc tế và các chính phủ hối thúc thường xuyên.

Phó thủ tướng CSVN Nguyễn Tấn Dũng, mới đây nhất lên tiếng cho hay, CSVN chỉ nới lỏng kinh tế từ từ theo kiểu của họ để bảo vệ hệ thống xí nghiệp quốc doanh. Ba phần tư các công ty này đều lỗ vốn nhưng vẫn được nhà nước "bù lỗ" để tiếp tục hoạt động. Các cơ quan kinh tài này vừa nộp tiền cho nhà nước, vừa phải nộp tiền cho tổ chức đảng, phải nuôi một lúc hai thứ, guồng máy nhà nước và hệ thống đảng.

Sợ họ gặp TT Clinton để tự thiêu CSVN lùng bắt nhiều tín đồ PGHH

Nhà cầm quyền CSVN tại Sài Gòn đã lùng bắt rất nhiều tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tại Sài Gòn vì sợ rằng họ sẽ tìm cách gặp mặt vị tổng thống Hoa Kỳ đưa thư tố cáo và tự thiêu, theo nguồn tin của tổ chức Giáo hội Trung Ương Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại mà ông Nguyễn Văn Cội là hội trưởng thông báo.

Nhằm ngăn chặn các tín đồ và viên chức ban trị sự PGHH ở thánh địa Hòa Hảo về Sài Gòn nhân dịp tổng thống Clinton đến đây, nhà cầm quyền CSVN, nguồn tin trên nói, đã buộc họ không được rời khỏi nhà trong các ngày 17, 18 và 19-11-2000. Ai ra khỏi nhà trong những ngày

này "sẽ bị trừng trị nghiêm ngặt."

Tuy vậy, một số viên chức Ban Trị Sự cũng như tín đồ dù bị bắt dọc đường và đuổi đi ngược về nhà đã tìm cách trốn về được Sài Gòn như các ông Nguyễn Văn Điền, Hà Hải, Nguyễn Minh Sơn, bà Nguyễn Thị Thu, bà Mai Thị Dung, Nguyễn Văn Thành v.v...

Ông Cội cho hay, để truy lùng tung tích những người này, công an Sài Gòn đã khám xét nhiều nơi, điều tra thân nhân và người quen biết của họ ở Sài Gòn.

Riêng nhà của cụ Lê Quang Liêm cũng như nhà các người con của cụ, công an đã phá cửa vào và lục soát "cứ ba tiếng đồng hồ bị lục soát một lần."

Có thể CSVN đã tung ra một lực lượng công an lớn để làm việc này nên, nguồn tin trên nói, 12 giờ 30 phút rạng sáng ngày 17 sang ngày 18-11-2000, bà Nguyễn Thị Thu (một trong những người đã từng tuyên bố tự thiêu) cùng bảy tín đồ khác, bị bắt tại một căn nhà ngoại ô quận 8. Khoảng 10 giờ 30 tối ngày 18-11, bà Mai Thị Dung (người đã mổ bụng trước khám đường Bằng Lăng ở An Giang hồi giữa tháng 9) cùng ba tín đồ khác bị bắt trên đường An Dương Vương, thuộc quận 3. Đến 3 giờ 45 sáng sớm ngày 19-11, tu sĩ Nguyễn Văn Điền (Phó hội trưởng Ban Trị Sự) ông Hà Hải (chánh thư ký GH/TƯ/PGHH), ông nguyễn Văn Thành (thư ký BTS/Kiến Phong), ông Nguyễn Minh Sơn cùng 9 tín đồ bị vây bắt tại một căn nhà vùng ngoại ô quận 8.

Theo ông Cội, ông chưa biết nhà cầm quyền CSVN sẽ đối xử với những người kể trên ra sao nhưng tất cả đều đã cho biết rằng họ "nhất định chết vinh hơn sống nhục. Đạo còn người còn, đạo mất người mất."

Mỗi năm, 3,000 giáo viên mẫu giáo bỏ nghề

Tiền lương không đủ sống, mỗi năm có khoảng 3,000 giáo viên dạy mẫu giáo đã bỏ nghề, theo một bản tin ngắn đăng tải trên tờ Người Lao Động ngày 17-11-2000.

Theo tin của báo Người Lao Động, phần lớn giáo viên dạy mẫu giáo, nhất là các vùng thôn quê, không được tuyển dụng như công chức chính ngạch, nên đã được trả lương thấp hơn cả mức lương tối thiểu do nhà cầm quyền CSVN qui định.

Mới đây, lương tối thiểu được qui định là 180,000 đồng (hơn 12 đô la một chút) nhưng các giáo viên mẫu giáo chỉ được trả có 144,000 đồng (khoảng 10 đô la) một tháng.

Hiện tại theo thống kê của nhà nước, khu vực nông thôn có 79,000 người, trong đó có 1,700 hiệu trưởng, hiệu phó và 77,600 giáo viên của các trường mẫu giáo không phải là công chức chính ngạch nên được trả lương thấp không đủ sống.

Tờ báo còn nói rằng có nhiều giáo viên mẫu giáo dù đã dạy học thâm niên đến 20 năm vẫn không được "vào biên chế" và cũng không được một khoản trợ cấp thêm nào hay tăng lương.

Đại sứ Mỹ phản đối Hà Nội

Tòa đại sứ Mỹ tại Hà Nội trong ngày Thứ Sáu 17-11-2000 đã gửi một thư phản đối đến nhà cầm quyền CSVN vì đã từ chối không cho hai phóng viên của đài Á Châu Tự Do (RFA) đi tháp tùng theo phái đoàn TT Clinton thăm viếng Việt Nam để tường thuật.

Sau khi ông Clinton đã đến Việt Nam và được dân chúng mừng rỡ chào đón thì chuyến máy bay chở báo chí vẫn bị giữ ở trên đường chạy (taxiway) của phi trường Nội Bài.

Một viên chức cao cấp trong chính phủ Mỹ cho hay chuyến phi cơ đó đã bị giữ lại một tiếng rưỡi để công an xét giấy tờ để lùng sục hai phóng viên Mỹ gốc Việt của đài RFA.

Phát ngôn viên Bạch Ốc, P.J. Crowley, nói Hoa Kỳ đã cố thuyết phục nhà cầm quyền CSVN là không có hai người đó trên máy bay nhưng họ không tin.

Crowley cho hay đại sứ Douglas 'Pete' Peterson đã viết thư phản kháng về vụ này. Ông nói tiếp rằng nếu CSVN muốn hội nhập với thế giới thì nước này cần phải trở nên tự do hơn, trong đó có sự tôn trọng nhân quyền.

Đài RFA được Quốc Hội Hoa Kỳ tài trợ và phát thanh về Việt Nam mỗi ngày hai giờ trên làn sóng ngắn, mới đây có một số bài phát thanh về chính quyền cũng như quân lực CSVN.

Đài này cũng nhấn mạnh đến nhân quyền ở Việt Nam, đồng thời, phỏng vấn nhiều nhân vật đối kháng với chế độ CSVN hiện đang ở trong nước.

Đài RFA cho hay hai phóng viên Arin Basu và phụ tá chương trình phát thanh của đài, Nguyễn Văn Khanh, đã bị CSVN từ chối chiếu khán đến Hà Nội.●

BÌNH AN DƯỚI THẾ!

NGUYỄN MINH CẦN

"Bình an dưới thế!" - tôi muốn mượn lời chúc phúc đầy ý nghĩa này để nguyện cầu cho toàn nhân loại đạt tới khi bước vào thế kỷ 21. Sung sướng biết bao, nếu trong thế kỷ mới này, loài người được hưởng mọi sự bình an trên thế gian! Sau khi đã phải trải qua một thế kỷ đầy đau thương và xương máu, với bao cuộc chiến tranh, cách mạng, nội chiến, khủng bố, tàn sát... giờ đây nhân loại không mong ước gì hơn là được sống thanh bình, yên vui.

Nhưng "Bình an dưới thế!" đâu phải là điều dễ dàng có được trên cõi trần thế này? Vì, từ khi con người xuất hiện trên hành tinh Trái Đất, mỗi người đều đi tìm hạnh phúc vật chất riêng của mình với lòng tham muốn vô độ, với lòng ghen ghét, hận thù lẫn nhau nên đã gây ra muôn vàn khổ đau cho nhau, làm cho cuộc sống của con người dưới thế gian này trở thành biển khổ triền miên không dứt. Sự bất an của loài người chính là bắt nguồn từ đấy. Cho nên các bậc Đại Trí, Đại Giác đã chỉ cho loài người con đường đạt tới "Bình an dưới thế!" là phải mở rộng tâm từ bi đối với mọi loài chúng sinh, mở rộng lòng thương yêu đồng loại, mở rộng lòng vị tha. Chỉ có cách duy nhất đó mới làm cho con người cảm nhận được niềm vui lớn, đem lại sự thỏa mãn tâm linh và bình an trong tâm hồn. Và chính sự bình an trong tâm hồn của mỗi cá nhân lại là nền tảng của "Bình an dưới thế!". Mà sự bình an trong tâm hồn con người chỉ có thể dựng xây được trên nền tảng đạo đức chung bền vững của toàn nhân loại.

Khi hiểu được những điều căn bản đó rồi, thì trong thế kỷ mới, con người sẽ biết từ bỏ mọi thứ học thuyết, mọi thứ chủ nghĩa, mọi thứ tôn giáo cực đoan, quá khích, kêu gọi hận thù, đấu tranh chủng tộc, đấu tranh giai cấp, đấu tranh tôn giáo, hoặc chủ trương vị thế độc tôn của một quốc gia, một dân tộc, một giai cấp, một tôn giáo, một đảng, một khối - dù là quân sự, hay chính trị, hay kinh tế... Vì tất cả những thứ đó đều dẫn tới nền chuyên chế, độc tài của một thiểu số, đều phá hoại "Bình an dưới thế!" mà loài người hằng ước mong. Trong thế kỷ mới, không thể có chỗ dung thân cho những tên bạo chúa, những nhóm độc tài, mà trái lại một nền dân chủ chân thật, rộng rãi, đa nguyên phải được kiến lập vững chắc trên toàn cầu, phù hợp với xu thế chung của thời đại. Và đó sẽ là một trong những bảo đảm cho "Bình an dưới thế!".

Nhưng bảo đảm quan trọng nhất, lâu bền nhất cho "Bình an dưới thế!" vẫn là căn bản đạo đức của nhân loại, dựa trên tâm từ bi, lòng yêu thương và lòng vị tha. Khi toàn nhân loại đã có một căn bản đạo đức vững chãi rồi thì những vấn đề nan giải trong thế kỷ 20, như vấn đề "Bắc - Nam", vấn đề đói nghèo, vấn đề sinh thái, v.v... đều có thể dần dần giải quyết được. Có căn bản đạo đức cao con người càng biết thương yêu nhau, nhường nhịn nhau hơn, nên có thể chia sẻ cho nhau phúc lợi trên Trái Đất này hợp lý hơn, giảm nhẹ những mâu thuẫn đã có giữa "Bắc - Nam", giàu - nghèo. Có căn bản đạo đức cao, con người dễ có tinh thần tự chế, càng biết quý trọng hơn, nâng niu hơn "ngôi nhà hành tinh" chung, và nhờ đó những vấn đề sinh thái cực kỳ gay go sẽ có cơ may tìm được lối thoát tối ưu. Có căn bản đạo đức cao, có bình an trong tâm hồn, lại có nhiều thành tựu khoa học tối tân, con người sẽ có nhiều thuận lợi hơn để khắc phục được nhiều bệnh tật hiểm nghèo trên thế giới. Và đó cũng chính là những tiền đề tốt đẹp nhất cho "Bình an dưới thế!" lâu dài, bền vững mà loài người hằng mong ước.

Chính vì thế, bước vào thế kỷ mới, chúng ta càng nguyện cầu cho con người có tâm từ bi rộng lớn hơn, biết thương yêu nhau hơn, cầu nguyện cho căn bản đạo đức của nhân loại được bền vững lâu dài.

Cũng có người cho rằng chờ đợi sự tỉnh thức, giác ngộ ở con người là ảo tưởng. Nhưng, lẽ nào trí tuệ của con người đã đạt đến đỉnh cao tuyệt vời vào cuối thế kỷ 20, đã tạo nên những thành tựu chưa từng thấy về mọi mặt, kể cả trên không gian vũ trụ, mà lại không đủ thông minh để tìm cách bảo đảm cho mình một cuộc sống tốt "Bình an dưới thế!" hay sao? Nghĩ như thế, nên lòng người viết vẫn đầy tin tưởng ở con người và thành tâm cầu chúc cho loài người được thật sự "Bình an dưới thế!" ngay trong thế kỷ này.

Cuối năm 2000

BẦU CỬ TỔNG THỐNG Ở MỸ

NGÔ NHÂN DỤNG

Cho đến lúc chúng tôi viết bài này, 29 tháng 11 năm 2000, hai ứng cử viên Al Gore và George W. Bush vẫn còn chờ trước cửa tòa án để khiếu nại về vụ đếm phiếu lại ở tiểu bang Florida. Ông Gore đang được 267 phiếu cử tri đoàn, ông Bush được 246 phiếu, ai chiếm được 25 phiếu dành cho Florida thì đắc cử Tổng thống Mỹ. Ngày 26 bà Quốc vụ khanh tiểu bang đã công bố kết quả ông Bush hơn ông Gore 537 phiếu trong số 6 triệu phiếu của dân chúng tiểu bang, tức là ông Bush thắng ở Florida. Nhưng phải chờ tòa án sẽ quyết định kết quả đó có đúng luật hay không.

Khiếu nại quan trọng nhất của ông Gore là có hàng chục ngàn lá phiếu không được đếm. Đó là những lá phiếu mà người Mỹ gọi là "có bầu, có chửa" (pregnent) hay là "có vết lõm" (dimpled), nghĩa là thấy dấu vết cử tri đã đục lỗ bầu cho một ứng cử viên Tổng thống, nhưng cái lỗ chưa thủng, chỉ phồng lên hay lõm xuống mà thôi. Luật bầu cử nước Mỹ cho mỗi tiểu bang quyền quyết định về thủ tục tổ chức bầu cử, mà trong tiểu bang thì quyền của mỗi quận, các Ban tổ chức bầu cử, Ban kiểm phiếu các quận có quyền rất lớn. Ai bất mãn cứ việc khiếu nại, miễn là mọi người làm đúng luật. Mỗi quận nhìn lá phiếu có bầu một cách khác nhau. Có quận ngưng không đếm lại nữa vì không đủ thời giờ. Có quận nộp kết quả trễ quá thời hạn mấy giờ, không được kể. Nhưng họ làm những chuyện đó trong vòng luật lệ.

Sau cuộc bầu cử này, nhiều người Mỹ lại thấy nên bỏ lối bầu Tổng thống qua cử tri đoàn của mỗi tiểu bang, cho dân bầu trực tiếp. Ông Gore hơn ông Bush hơn 200 ngàn lá phiếu dân bầu trên toàn quốc, nhưng không được làm Tổng thống chỉ vì thua 537 phiếu ở Florida. Nghe thì kỳ cục, nhưng nước Mỹ vẫn theo lối đó từ 200 năm rồi, bỏ đi khó lắm. Các tiểu bang nhỏ sẽ chống sự thay đổi, mà muốn sửa hiến pháp thì phải được các tiểu bang chấp thuận.

Lối bầu Tổng thống qua cử tri đoàn, ai thắng được tất cả các phiếu cử tri đoàn tiểu bang, rất có lợi cho các tiểu bang nhỏ. Số phiếu cử tri đoàn mỗi bang lớn bằng số ghế dân biểu (chia theo tỷ lệ dân số) và hai phiếu nữa. Do đó tiểu bang lớn hay nhỏ cũng được thêm hai phiếu đó, tương đương hai ghế nghị sĩ. Tiểu bang California đông dân nhất, được 54 phiếu cử tri đoàn. Nếu cộng dân số của 22 tiểu bang thưa dân nhất nước Mỹ thì dân số của họ cũng chưa bằng California, nhưng số phiếu cử tri đoàn của họ cộng lại lớn gấp đôi.

Nếu bỏ lối bầu Tổng thống qua cử tri đoàn thì sau này sẽ không ứng cử viên Tổng thống nào thèm đi vận động ở các tiểu bang nhỏ nữa, họ sẽ chú trọng đến các nơi như California, New York, Texas, ... mà thôi. Dân chúng ở những tiểu bang thưa dân, chuyên về nông nghiệp sẽ bị bỏ rơi! Và nước Mỹ có thể sẽ giống như Canada bây giờ: Tỉnh Ontario đông dân nhất, đảng nào thắng ở Ontario là hy vọng nắm quyền. Tình trạng các "Tổng thống của từng miền" có lẽ còn tệ hại hơn là những lủng củng như năm nay, hàng thế kỷ mới xảy ra một lần.

Ngoài ra, hai đảng chính trị lớn nhất hiện nay chắc không muốn thay đổi. Những ứng cử viên đảng thứ ba, như ông Perot năm 1992

được 19% phiếu của dân, hoặc ông Nader năm nay được 3% phiếu, không hy vọng được một phiếu nào của cử tri đoàn cả. Những chủ trương "quá khích" của họ bị loại, các ứng cử viên khác phải hướng về trung dung hơn. Với quy tắc bầu cử bây giờ, nước Mỹ sẽ chỉ có hai đảng lớn thôi, bao giờ có một đảng thứ ba đủ mạnh thì nó sẽ loại bỏ một trong hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa, chứ khó lòng có ba đảng mạnh.

Luật chơi bầu cử

Những năm đầu thập niên 1960 dân Sài Gòn có khi "đi coi đảo chính" cứ như người ta coi đá banh! Nghe súng nổ hay bom rơi là người dân kéo đến chung quanh dinh Độc Lập nhìn các toán quân bố trí sau những gốc cây chờ lệnh. Thấy tiếng súng nổ đâu đây là ù té chạy. Súng im, quay trở lại nghe ngóng tiếp.

Cái trò giải trí đó không hay ho bằng coi đếm phiếu trong những trận đấu gay go như cuộc bầu cử tổng thống Mỹ tháng rồi. Tuy lúc coi đảo chính cũng có mối hồi hộp, vừa coi vừa bàn tán, tranh luận với nhau, có khi đánh cá nữa; nhưng thú vui đó rõ ràng không được lành mạnh lắm. Cũng giống như bây giờ dân Hà Nội có lúc hồi hộp chờ coi ông nào lên, ông nào xuống trong mấy ngày Bộ Chính trị hay Trung ương Đảng họp kín với nhau. Nó không lành mạnh, bởi vì người ta tự thấy mình đang bàn tán thích thú trong một hoàn cảnh đáng lẽ nên buồn mới phải. Vì đi coi đảo chính hay nghe ngóng tin hành lang phiên họp của Trung ương Đảng là chuyện đáng buồn thật, có thể nói là đáng tủi thẹn nữa. Người dân lúc đó thấy rõ cái thân phận hèn kém của mình. Trong lúc các tay cường hào đấm đá hoặc họp kín diễn tuồng tranh quyền đoạt vị với nhau thì mấy anh Chí Phèo đứng ké bên ngoài biết mình chẳng làm gì được mặc dù những quyết định nó ảnh hưởng đến chính mình, gia đình mình, và cả nước mình. Chỉ còn cách đứng bên lề tán gẫu, tán gẫu mà vẫn sợ bị bắt phạt vạ nữa chứ!

So sánh thì thấy theo dõi tin bỏ phiếu bầu tổng thống vẫn là một thú vui lành mạnh hơn. Vì trong màn trình diễn này thì người dân vô danh đóng vai chính, các ứng cử viên chờ đếm phiếu để coi mấy thằng dân nó quyết định vận mạng của họ ra sao! Thử tưởng tượng khi ông Bush được tuyên bố đắc cử, chỉ nhờ mấy trăm phiếu của dân Florida thì anh Jack chị Jean nào ở Florida cũng có thể tuyên bố "Trong mấy trăm phiếu ông Bush thắng ông Gore là có phiếu của tôi đấy!" Chị Mary cũng có thể nói, "Tôi không bỏ phiếu cho ông Nader nên ông Gore mới thua, lần sau ông ta đừng quên vụ bảo vệ môi trường sống mới được!"

Cho nên dân Mỹ họ theo dõi tin tức kiểm phiếu và đếm lại phiếu ở Florda giống như ta đã coi trận đá banh chung kết giải Euro 2000. Hết hai hiệp thủ huề 1-1, hai đội phải đá thêm mỗi bên năm trái trực tiếp để phân thắng bại. Nó hồi hộp và hứng thú, mà cái thú vui này nó lành mạnh hơn đi coi đảo chính hay nghe ngóng phiên họp của Bộ Chính trị! Lại thêm một lý do nữa thấy người ta nên sống trong chế độ dân chủ! Ngay trong chuyện giải trí, chế độ đó cũng cho mình những thú vui thanh nhã hơn!

Nghĩ tới đá bóng mới thấy tranh cử cũng giống như thể thao. Chế độ dân chủ chỉ gồm những "luật chơi" mà mọi người đồng ý tôn trọng. Đấu xong rồi, người thua chúc mừng người thắng, dù trong bụng vẫn nghĩ đáng lẽ mình thắng mới phải. Có ai vào chung kết mà không tin rằng đội mình đáng lãnh chức vô địch? Một nhà chính trị đã diễn tả tâm trạng đó. Một vị Thủ tướng Ái Nhĩ Lan, ông Eamon de Valera đã hai lần bị thất cử trong thời gian dài ông cầm đầu chính phủ, từ 1932 đến 1959. Sau một lần bị thua ông de Valera nói: "Nhân dân mới có một cơ hội để bầy tỏ nguyện vọng. Họ không bầy tỏ nguyện vọng thật của họ như chúng tôi vẫn biết". Bất cứ ai thất cử đều có thể nghĩ và nói như thế! Rõ ràng là dân chúng lầm lẫn, vô cùng lầm lẫn! Những người bỏ phiếu cho đối thủ mình đã ngu ngốc chọn sai, ngay cả những người đáng lẽ ủng hộ mình mà lại ngồi nhà không đi bỏ phiếu cũng quá ngu, phạm sai lầm nghiêm trọng nữa! Năm 1945 ông Churchill mới lãnh đạo nước Anh (và đồng minh) chiến thắng Đức quốc xã và phe Trục, thì dân Anh bỏ phiếu cho đảng đối lập lên, vị anh hùng chiến thắng được cho về vườn nghỉ. Bà Clementine an ủi chồng rằng chuyện thất cử biết đâu lại che dấu một điều may mắn tốt lành (a blessing). Ông Churchill trả lời "Dấu kỹ quá nhỉ!"

Một bà Mỹ bạn tôi 80 tuổi mà vẫn than phiền: Tại sao mấy người đó ngu thế, chỉ có việc bấm thủng cái lỗ mà cũng làm không nên thân! Không đáng cho bỏ phiếu! Tôi thưa lại: Hiến pháp của nước bà bảo đảm thằng ngu và thằng khôn có quyền bỏ phiếu như nhau, có phải vậy không? Ngu là một quyền hiến định

đó, thưa bà.

Tổng thống Mỹ biết khiêm tốn hơn

Dân Mỹ chắc chắn không hãnh diện chút nào về cảnh phải đếm đi đếm lại những thùng phiếu ở Florida, mà sau cùng người được tuyên bố thắng cử làm Tổng thống Mỹ chỉ do mấy trăm phiếu quyết định thôi. Đây cũng là một bài học về đức khiêm cung cho các ông Tổng thống tương lai. Con người uy quyền nhất đó sẽ luôn luôn được nhắc nhở rằng ông được ngồi đó cũng chỉ là nhờ những lá phiếu mỏng manh, của những người dân thấp cổ bé miệng, và họ hoàn toàn vô danh!

Cựu Tổng thống Jimmy Carter đã lập ra một cái viện để chuyên đi phổ biến và vận động cho chế độ dân chủ khắp thế giới. Giáo sư Robert Pastor, một nhà chính trị học làm việc cho Viện Carter đã từng đi quan sát các cuộc bầu cử ở 20 quốc gia. Mỗi khi ở nước nào có những vụ lủng củng, lẩm cẩm xẩy ra trong cuộc bầu cử, từ cách vẽ lá phiếu, thùng phiếu cho đến đếm phiếu, người ta hay hỏi ông: thế ở Mỹ các ông làm thế nào?

Ông Pastor mới nhắc lại câu hỏi đó, và ông thường trả lời rằng: Nước Mỹ cũng có những vụ lộn xộn như ở nước quý vị vậy. Nhưng chúng tôi có hai thứ bảo đảm tinh thần dân chủ được tôn trọng. Đó là những người tổ chức bầu cử không thiên vị, và hệ thống tư pháp vô tư. Free, fair, and every vote counted: Tự do, công bằng và lá phiếu nào cũng được đếm. Cuộc tranh cãi ở tiểu bang Florida nhắm vào điểm thứ ba này: những phiếu nào thì được đếm? Dù có luật, có lệ chăng nữa, cuối cùng thì vẫn là con người áp dụng và giải thích luật lệ.

Trong xã hội gồm toàn các thiên thần (tức là các đảng viên chân chính) thì không biết ra sao, chứ trong xã hội loài người thì con người có thất tình lục dục, không biết lúc nào nó sai lầm, hay nó thiên vị. Nếu bà Quốc vụ khanh Harris ở Florida thiên vị thì sao? Nếu các thẩm phán cũng để tình cảm chi phối trong khi giải thích luật lệ bầu cử thì sao? Những chuyện đó thế nào chẳng xẩy ra?

Chế độ Dân Chủ có những thứ khác để chữa bớt bớt các nhược điểm đó. Một là báo chí tự do. Báo chí độc lập và thuộc đủ mọi khuynh hướng đều có quyền nói, dân chúng được nghe phơi bầy mọi chuyện, ai bị nghi là thiên vị, ai nhầm lẫn sẽ bị vạch ra hết. Như vậy chắc sẽ đỡ hơn một phần. Ngoài ra, trong xã hội dân chủ, không ai, không đảng nào có quyền nắm đầu nắm cổ dân mãi mãi, vì có nhiều người, nhiều đảng sẽ tranh đua với nhau! Người dân có thể ngu, và lầm một lần, nhưng họ có cơ hội khác để thay đổi.

Liệu hai thứ đó, báo chí tự do và đảng phái tự do, có giúp cho chế độ thành hoàn thiện hay không? Loài người còn lâu mới hoàn thiện được. Thế giới hoàn thiện là thế giới của các vị Bụt và Bồ tát, của các thiên thần, hay của những nhân vật tưởng tượng gọi là "các đảng viên chân chính!"

Hai ngày trước khi dân Mỹ đi bỏ phiếu chọn những người cai trị họ (ở Mỹ người ta gọi đó là những người "tiêu tiền thuế của dân",) Tòa Thánh Vatican chính thức đề cử Thánh Thomas More làm quan thầy của các chính trị gia!

Ngay cả những người không theo giáo hội La Mã cũng nên tìm hiểu cuộc đời của Sir Thomas More để lấy ông làm gương. Sinh năm 1477 ở London, ông đi học luật rồi làm luật sư, nhưng lại muốn thử vào tu viện sống bốn năm xem mình có thể làm thầy tu được hay không. Biết mình không có khiếu đó, ông ra đời, làm chính trị, viết rất nhiều sách, làm thương mại, lo việc ngoại giao, v.v. và lúc nào cũng giữ một tư cách thanh khiết, với lòng thương xót dân nghèo. Ông là bạn của triết gia Erasmus. Năm 1535, sau khi đã từ chức thủ tướng, ông còn bị vua Henry VIII đưa ra pháp đình xử chém. Vì ông không đồng ý vụ ông vua này li dị vợ để lấy bà mới, không công nhận nhà vua là đứng đầu giáo hội Anh quốc. Trên giảo đài, ông yêu cầu được tự bịt mắt mình. Erasmus ca ngợi ông như "một tâm hồn trong trắng hơn tuyết, một thiên tài mà Anh quốc chưa bao giờ có và sẽ không bao giờ có được.

Các nhà chính trị theo chủ nghĩa Cộng Sản cũng có thể coi Thomas More như một vị tiền hô của Karl Marx. Ông viết cuốn *Không tưởng xứ - Utopia* năm 1516, trong đó ông mô tả một thế giới "hoàn thiện" theo lời một nhà du lịch kể lại. Ở xứ Utopia chuyện giáo dục được quốc hữu hóa, phụ nữ cũng có quyền, nhiều tôn giáo cùng sinh hoạt trong tinh thần tương dung, mọi người "làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu," v.v.. Karl Marx cũng chỉ ao ước có như vậy. Chỉ tiếc là Marx thiếu đức tương dung đối với những người không tin tưởng như mình. Nhưng cái tên Utopia báo trước giấc mộng sau này của Marx cũng là hão huyền, không thể thực hiện được. Thomas

More đặt tên xứ Utopia ghép hai chữ Hy Lạp *ou - topos* nghĩa là "chỗ không có".

Tội nghiệp ông Tổng thống mới

Vị Tổng thống Mỹ sắp tới sẽ yếu lắm. Một nửa dân Mỹ sẽ coi ông ta là không xứng đáng ngồi đó! Đảng của người thất cử có hai năm sắp tới để nhắc nhở dân chúng về những "tì vết" trong cuộc kiểm phiếu ở Florida. Để chuẩn bị cuộc tranh cử Quốc hội năm 2002! Và cuộc tranh cử Tổng thống năm 2004.

Quốc hội Mỹ cũng yếu đi, vì tuy đảng Cộng Hòa vẫn chiếm đa số ở Hạ viện nhưng đa số mỏng manh hơn, mà không phải Dân biểu nào cũng tuân theo lệnh của đảng khi bỏ phiếu cho các đạo luật. Những chương trình lớn như cắt thuế, cải tổ Quỹ hưu bổng, sẽ khó được thông qua, ông Tổng thống mới bị kẹt! Tại Thượng viện thì hai đảng hiện chia đều nhau mỗi bên 50 ghế. Nếu hai Nghị sĩ già nhất thuộc đảng Cộng Hòa, ông Thurmond 97 tuổi, ông Helms 79 tuổi mà chết hay mất năng lực thì các Thống đốc hai tiểu bang của họ sẽ cử người cùng đảng Dân Chủ thay thế. Ông Bush lên năm quyền sẽ khó làm được việc gì quan trọng. Bốn năm tới ăn nói làm sao với dân nếu ông Gore lại tranh cử nữa (hay bà Hillary Clinton?) Cho nên người ta đoán ông nào đắc cử thì cũng sẽ phải thực hiện một chính sách "đại đoàn kết." Năm 1960 ông Kennedy đắc cử với 300 ngàn phiếu của dân chúng, sợ mình không đủ thế mạnh, ông đã mời các người thuộc đảng Cộng Hòa vào chính phủ, giữ những chức quan trọng như Bộ trưởng Ngân khố. Năm tới chắc nước Mỹ cũng có một thứ "chính phủ liên hiệp" như vậy, để an lòng dân chúng.

Nhưng về mặt đối ngoại, ông Tổng thống Mỹ mới sẽ bị kẹt lớn. Các chính sách đối ngoại của Mỹ thường do thỏa thuận giữa Hành pháp và Lập pháp. Một ông Tổng thống phải chinh phục được dư luận, ý kiến dân chúng trước khi vận động với quốc hội. Nhiều khi vị Tổng thống phải nhượng bộ những Dân biểu, Nghị sĩ, thuộc đảng mình hay đảng đối lập, cho họ hưởng các điều kiện nho nhỏ trong đơn vị bầu họ, để họ ủng hộ chủ trương ngoại giao của mình. Như khi ông Clinton chủ trương mở cửa Tổ chức Mậu dịch Thế giới cho Trung Quốc vào, ông đã được đa số dân Mỹ ủng hộ, nhờ uy tín của ông. Sau đó, ông còn phải "trao đổi quyền lợi" với nhiều Dân biểu. Dân biểu Reyes ở Texas thì được ông Clinton hứa thúc đẩy Cơ quan bảo vệ môi trường sớm thông qua cho lập đường ống dẫn dầu tới Houston đi qua El Paso, tạo thêm công việc làm cho cử tri của ông Reyes. Một dân biểu Texas khác được ông Clinton hứa sẽ có ngân khoản mua thuốc sát trùng trừ loài bọ đang làm hại những cánh đồng nho trong đơn vị của ông ta. Sau những cuộc mặc cả đó, Trung Quốc được hưởng quy chế Mậu dịch Bình thường vĩnh viễn! Chính trị ở Mỹ luôn luôn là những cuộc mặc cả.

Vị Tổng thống Mỹ sắp tới sẽ không có uy tín trong dân chúng cao như ông Clinton và sẽ khó chinh phục được các Dân biểu, Nghị sĩ, thế mặc cả của Hành pháp sẽ yếu đi. Mà Quốc hội thì bị ảnh hưởng của các nhóm áp lực, các tổ chức vận động (lốp bi) trong nước. Công đoàn vận động ông này bảo cần hạn chế hàng nhập cảng, nông gia vận động ông khác đề nghị bỏ cấm vận Cuba để họ bán lúa mì. Các nước ngoài cũng có quyền thuê các công ty chuyên về lốp bi ở Mỹ một cách hợp pháp. Nhật Bản đang thuê 60 công ty, Nam Hàn có 16 công ty, Trung Quốc, Đài Loan, Ấn Độ đều có những công ty lo vận động Quốc hội Mỹ để bảo vệ quyền lợi cho họ. Mà quyền lợi các nước đó xung khắc lẫn nhau. Do đó các chính sách đối ngoại của vị Tổng thống mới sẽ kẹt, không có chuyện lớn nào được quyết định. Chính phủ các nước khác biết như vậy. Các nước lớn như Nga, Trung Quốc, Liên hiệp Âu châu, Ấn Độ, Nhật Bản, cho đến các nước nhỏ hơn như Iraq, Bắc Hàn, Do Thái, sẽ thấy không nên và không cần hỏi ý kiến nước Mỹ như trước nữa! Các xung đột trên thế giới: Trung Đông, Ấn Độ và Pakistan, Nam và Bắc Hàn, Đài Loan và Trung Quốc, v.v. sẽ không trông chờ nước Mỹ giúp giải quyết. Chính sách mở cửa của ông Clinton đối với Bắc Hàn, Cuba và cả Việt Nam chắc sẽ dậm chân tại chỗ trong mấy năm tới.

Trong khi nước Mỹ vắng mặt, các cường quốc khác sẽ thay vào. Riêng đối với Đông Nam Á và Việt Nam, chúng ta sẽ thấy vai trò của Trung Quốc mạnh hơn. Tháng Mười Một, Chủ tịch Giang Trạch Dân đã đi thăm Lào, Cam Bốt và Thái Lan. Tháng Bẩy, phó chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã đi Indonesia. Ông Nguyễn Thiết Sơn, giám đốc Trung tâm nghiên cứu Bắc Mỹ ở Hà Nội nói với một nhà báo ngoại quốc: "Trời ở xa, nhưng Trung Hoa ở gần!" Chuyến đi Việt Nam của ông Clinton sẽ chỉ còn lại những tấm hình kỷ niệm.●

CHUYẾN ĐI LỊCH SỬ

HÀ TƯỜNG CÁT

Nhiều cơ quan truyền thông quốc tế gọi chuyến công du Việt Nam của Tổng thống Clinton là một chuyến đi lịch sử. Theo trình bày của Cố Vấn An Ninh Quốc Gia Sandy Berger trong cuộc họp báo ngày 9 tháng 11 tại tòa Bạch Ốc thì "bằng một cách nhìn nào đó, đây là một chuyến du hành lịch sử." Chủ tịch nhà nước CSVN Trần Đức Lương ở buổi tiệc tiếp đãi vị quốc khách tối 17 tháng 11 tại Hà Nội, nói rằng "chuyến viếng thăm của Ngài có một ý nghĩa đặc biệt." Còn chính Tổng thống Clinton, trong buổi này lập lại lời mà ông đã nhiều lần nói tới: "Chúng tôi vinh dự được cùng quý vị viết nên một chương mới tromg quan hệ giữa hai nước Hoa Kỳ và Việt Nam."

Một số người khác chưa đồng ý với điều này cũng như chắc chắn không đồng ý trong sự đánh giá kết quả toàn bộ của chuyến công du. Tất nhiên chuyến đến Việt Nam của Tổng thống Bill Clinton không thể ở tầm mức sánh với chuyến đi Trung Quốc đầu tiên của Tổng thống Richard Nixon năm 1972. Tuy vậy, không chỉ vì hình thức là vị Tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên đến Hà Nội, chuyến công du của ông Clinton là một hành động có ý nghĩa lịch sử cho Hoa Kỳ hay ít nhất cũng cho cá nhân vị Tổng thống vẫn còn bị những vướng mắc về thái độ hành xử trong quá khứ chiến tranh Việt Nam.

Người Việt Nam tị nạn Cộng Sản và nhất là những cựu chiến binh Việt Mỹ hãy còn khó chịu đối với Tổng thống Clinton về việc vào thời trẻ tuổi ông đã tránh thi hành nghĩa vụ trên chiến trường Việt Nam. Một bài phỏng vấn trên tờ *Los Angeles Times* phản ánh tâm lý đó qua ý kiến hai cựu chiến binh, Hoa Kỳ là cựu binh nhất bộ binh Keaveney và Việt Nam là cựu Trung tá Đoàn Triệu Hưng. Bài báo dẫn lời của ông Hưng cũng như nhiều cựu quân nhân Việt nam khác cho rằng Tổng thống Clinton muốn làm sự kiện lịch sử bằng cách là vị Tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên đến Hà Nội có lẽ chỉ quảng cáo cá nhân ông và làm lợi chính quyền Cộng Sản chứ không tạo được lợi ích gì cho Hoa Kỳ cũng như dân chúng Việt Nam. Cựu Trung tá Thủy Quân Lục Chiến Ed Cathcard tỏ ra phẫn nộ hơn khi nói với thông tấn xã Reuters rằng: "Clinton đi Việt Nam vào cuối nhiệm kỳ này là một điều xúc phạm đối với tất cả chúng tôi, ông ta nên đi sau khi mãn nhiệm." Cathcart cũng nói thêm rằng ông không chống lại việc một vị Tổng thống Hoa Kỳ tương lai đến Việt Nam.

Phản ứng ấy có tính cách giận hờn, đến thăm Việt Nam như một công dân Mỹ bình thường sẽ chẳng có một lợi ích hay giải quyết được việc gì chung cũng như riêng cho cá nhân ông Clinton. Mặt khác, trong hai bài viết trên tờ *Wall Street Journal, The Washington Times* ký giả Lê Văn Tiến cho rằng Tổng thống Clinton đã hàng phục Việt Nam trong vấn đề mậu dịch và đồng thời bỏ lỡ một cơ hội để mạnh mẽ đòi hỏi cho nhân quyền và hỗ trợ những người đối lập chính trị ở Việt Nam. Chỉ trích này có thể không sai, nhưng thật ra không nên kỳ vọng Tổng thống Clinton làm được trong một lúc tất cả mọi chuyện cũng như không thể chờ đợi những điều không phải là chủ định của chuyến đi này.

Tờ *Baltimore Sun* cho rằng sự quan tâm đặc biệt của Tổng thống Clinton đối với Việt Nam có những nguyên nhân sâu xa. Bên cạnh yếu tố chiến lược ở khu vực châu Á, Việt Nam có một vị trí đối với cá nhân Tổng thống Clinton và bằng hành động thăm quốc gia này vào thời điểm trước khi mãn nhiệm, chắc hẳn ông còn muốn hoàn thành cả những mục tiêu của riêng mình.

Tổng thống Clinton đã lựa chọn rất kỹ thời điểm để viếng thăm Việt Nam và trong chuyến đi này nhiều chi tiết được chuẩn bị khá tỉ mỉ từ việc ông biết cầm đũa một cách thành thạo khi vào ăn phở tại Sài Gòn cho đến lịch trình thăm viếng nơi đâu và gặp gỡ những ai. Qua những bài nói chuyện tại Hà Nội và Sài Gòn cũng như khi trả lời phỏng vấn trước và sau chuyến đi, chúng ta thấy ông đã nêu lên đầy đủ những điểm cần phải đề cập với lời lẽ tế nhị nhưng hết sức hàm súc. Rất nhiều người thích thú với bài phát biểu của ông ở buổi tiệc tiếp tân, đã có trích dẫn nhiều tư tưởng văn hóa Việt Nam trong đó có cả hai câu Kiều.

Các quan sát viên nhận xét việc xếp đặt để bà Hillary đến Hà Nội trước ông mấy giờ đồng hồ cũng đã được tính toán kỹ. Liền ngay sau khi về tới khách sạn, bà ra ngay trung tâm thành phố, dạo trên phố hàng Gai, xem hàng hóa và bắt tay nói chuyện với mọi người. Tính

cách khả ái của bà Hillary thu hút được cảm tình dân chúng Việt Nam và hào quang đắc cử Thượng Nghị Sĩ New York cũng đồng thời là một đóng góp giá trị cho Tổng thống Clinton, bảo đảm rằng những cam kết đã có với Việt nam sẽ còn được tiếp tục duy trì sau khi ông mãn nhiệm. Dân chúng Hà Nội qua nửa thế kỷ sống dưới chế độ gò bó, tỏ ra rất ngạc nhiên và ngưỡng mộ thái độ hết sức bình dân thân thiện, lần đầu tiên được biết ở vị nguyên thủ một quốc gia tự do dân chủ đứng đầu thế giới. Sự kiện này chắc hẳn không là mong đợi của giới lãnh đạo Cộng Sản khi mời Tổng thống Clinton đến Việt Nam.

Có thể là lời biện minh tối hậu cho thái độ từng phản chiến và trốn tránh phục vụ quân ngũ, Tổng thống Clinton muốn chứng tỏ rằng bằng phương cách không phải chiến tranh vẫn đi tới kết quả mà những Tổng thống Hoa Kỳ trước kia đã không thành đạt được. Sau 1/4 thế kỷ, khi nhìn thấy dân chúng Việt Nam cả hai miền Nam Bắc tiếp nhận Tổng thống Clinton bằng nhiệt tình mà chưa một nhà lãnh đạo quốc gia nào khác có được, những người chống đối hay đứng ở phía nào trong cuộc chiến chắc hẳn đều sẽ phải có đôi chút suy tư. Mang lại phần nào nỗi nguôi ngoai cho những tâm lý trăn trở bởi "hội chứng Việt Nam," hành động của ông Clinton thực tế đã có một giá trị lịch sử.

Trên mặt chính thức, chuyến đi Việt nam của Tổng thống Clinton được trình bày như là nhắm vào việc xúc tiến nỗ lực tìm kiếm người Mỹ mất tích và bình thường hóa quan hệ hai bên trong đó có sự thúc đẩy thực hiện thương ước Việt Mỹ. Tuy vậy cuộc thăm viếng rõ ràng không nhằm đạt thêm thỏa thuận mới mà chỉ là để tái xác định tiến trình hòa giải với Việt Nam từ tám năm qua, theo lộ trình được vạch ra từ thời Tổng thống tiền nhiệm George Bush.

Qua chuyến viếng thăm này, nhà cầm quyền CSVN không nhận thêm được gì hơn ngoài những thực tế mà họ đã có. Nếu trước đây 20 năm, một Tổng thống Hoa Kỳ đến Việt Nam thì đó sự công nhận cho họ một vị trí trên trường quốc tế, ngày nay điều ấy không còn là thiết yếu. Bằng cuộc thăm viếng vào cuối nhiệm kỳ, Tổng thống Clinton có đủ lý lẽ để không cần phải cố gắng thỏa hiệp, hứa hẹn hay đưa ra thêm một cam kết gì mới ngoài những đường lối đã áp dụng từ nhiều năm qua. Ngược lại, chỉ thấy ông khuyến cáo và thúc đẩy giới lãnh đạo Việt Nam cởi mở chính trị, đổi mới kinh tế và tạo điều kiện gia nhập vào nền mậu dịch toàn cầu. Tóm lại giới lãnh đạo CSVN chỉ nhận được những đề nghị và đòi hỏi, dù họ có thể công khai hay lặng lẽ chối bỏ thì sự kiện vẫn còn nguyên đó để tới một lúc, bằng cách này hay cách khác, phải đi đến chuyển biến.

Một số người đã chỉ trích Tổng thống Clinton về sự chấp nhận một cuộc tiếp đón không long trọng xứng đáng với tầm mức của một nguyên thủ đại cường quốc. Sự tế nhị và nhiều yếu tố tâm lý trong vụ này khiến cả hai phía Việt Mỹ có lẽ đã thỏa thuận không làm những lễ nghi linh đình mà chỉ giới hạn đủ mức trọng thể và phù hợp với thủ tục ngoại giao. Nhà cầm quyền CSVN rất hạn chế phổ biến những tin tức trước cũng như trong và sau chuyến thăm viếng. Đài phát thanh Hà Nội chỉ loan tin trong một ngày trước, kèm thêm với lời giới thiệu tiểu sử Tổng thống Clinton và tóm lược quan hệ bang giao Việt Mỹ trong nhiệm kỳ của ông. Tờ *Thanh Niên* số ra ngày 16/11 là tờ báo duy nhất loan tin "Tối nay Tổng thống Hoa Kỳ đến Hà Nội."

Nhưng chính ý đồ của Hà Nội muốn giảm nhẹ tầm quan trọng của cuộc viếng thăm lại đưa đến phản tác dụng cho họ. Dân chúng đã tiếp đón cả gia đình nhà lãnh đạo Hoa Kỳ bằng sự hân hoan nồng nhiệt chưa từng bao giờ có. Thành công lớn nhất của Tổng thống Clinton và bà Hillary ở Việt Nam là đã thể hiện rõ mục tiêu đây là chuyến thăm viếng dân chúng Việt Nam chứ không phải thăm viếng giới lãnh đạo Việt Nam. Tất cả những phát biểu của Tổng thống Clinton từ Hà Nội đến Sài Gòn, căn bản đều nhắm vào dân chúng, đặc biệt là giới trẻ và hướng đến tương lai. Như vậy có nghĩa tiềm ẩn là sự gạt bỏ qua bên những quá khứ và hiện tại, là sự mặc nhiên phủ nhận chế độ hiện hành ở Việt Nam. Một vài phản ứng của giới lãnh đạo Cộng Sản sau đó cho thấy trên mặt chính trị không phải Việt Nam đã tính toán khôn ngoan hơn là Hoa Kỳ như dư luận thường quan niệm. Vậy thì nếu dư âm từ chuyến đi Việt Nam của Tổng thống Clinton sẽ còn là đề tài tranh luận không thể đi tới đồng ý trong dư luận cộng đồng người Việt hải ngoại, thì có lẽ những mâu thuẫn tương tự như thế cũng phải xảy ra trong những phe phái thuộc giới lãnh đạo Hà Nội. Điều thứ nhất có lẽ không đưa đến hậu quả nào, nhưng nếu điều thứ hai là như thế thì, bằng một cách nhận định nào đó, chuyến đi Việt Nam của ông Clinton phải coi là đã thành công hơn nhiều dự đoán và mong đợi.●

VIỆT NAM: NHỮNG BƯỚC ĐI TỚI

LÊ DOÃN KIM

LTS. *Cách đây một năm, vào số tháng 12-1999,* Thế Kỷ 21 *đã đăng bài "Thế đứng tất yếu của Việt Nam vào đầu thế kỷ 21" của tác giả Lê Doãn Kim. Nay nhân việc Tổng thống Clinton đi thăm Việt Nam, ông gửi cho chúng tôi bài viết sau đây, mà theo ông, có thể xem là phần nối tiếp của bài viết năm ngoái.*

*

Quan trọng hơn việc kết thúc một cuộc chiến, chúng ta cần phải chận đứng sự khởi đầu của mọi cuộc chiến tranh. (More than the end of war, we want the end of the beginnings of all wars.)

Franklin D. Roosevelt

Các Liên Hệ Mỹ-Việt

Kể từ thế kỷ thứ 19 đến nay, vào những khúc quanh quyết liệt của lịch sử, Việt Nam ta ở Đông Nam Châu Á, đều đã hướng về Huê Kỳ, một cường quốc tại Mỹ Châu, nằm tận bên bờ phía Tây Bắc Thái Bình Dương.

Năm 1873, khi thực dân Pháp chiếm thành Hà Nội lần đầu, trong việc tìm cầu một giải pháp, vua Tự Đức phái cụ Bùi Viện đi ra nước ngoài để tìm đồng minh có khả năng giúp VN đánh đuổi ngoại xâm. Nhà ngoại giao sáng suốt, lỗi lạc Bùi Viện khi đến Hương Cảng liền tìm hiểu cuộc diện thế giới và nhận định ngay rằng: *"Ngoài các nước ở Âu châu như Anh, Pháp, Đức, Ý, Hòa Lan, Bỉ... mà người ta cho là văn minh, còn có một nước khác ở Mỹ châu, tức Hiệp Chủng Quốc Huê Kỳ, tiến bộ hơn, lại đã từng nếm mùi bị đô hộ, nên ắt có cảm tình với các nước bị xâm lăng. Bùi Viện liền hướng đến nước Mỹ. Cụ lại được vị Lãnh Sự Huê Kỳ tại Hồng Kông biên thư gởi gắm cho một người bạn làm việc tại Tòa Bạch Ốc. Đến Mỹ năm 1874 và được Tổng Thống Ulysse S. Grant tiếp kiến, Bùi Viện liền trình bày việc Pháp xâm chiếm miền Nam Việt Nam rồi tiến chiếm luôn thành Hà Nội; cụ yêu cầu Huê Kỳ can thiệp và giúp Việt Nam đánh đuổi Pháp thực dân. TT Grant đồng ý trên nguyên tắc sẽ giúp Việt Nam, nhưng đòi Bùi Viện phải có quốc thư để chính thức nói chuyện với Huê Kỳ. Cụ Bùi Viện trở về nước và được Vua Tự Đức phong làm Đặc Sứ Toàn Quyền Đại Thần, cử qua Mỹ để trình quốc thư, năm 1875, thì Mỹ đã thay đổi chính sách, nên việc viện trợ cho Việt Nam đánh đuổi Pháp không được Huê Kỳ đề cập đến nữa. Cuộc bang giao Việt-Mỹ, khởi từ ý chí sáng suốt và nỗ lực phi thường của nhà ái quốc Bùi Viện, chẳng may đã bị sớm đứt đoạn." (1) Không có Mỹ giúp, Việt Nam đã bị Pháp thôn tính dễ dàng.*

Trong tài liệu The Vietnam Experience (2), gồm 13 tập, nơi Quyển Ba: "Setting The Stage," bài "American in Vietnam: The First Encounters," trang 94-95, lại ghi rằng vì Quân Pháp đã rút lui khỏi Hà Nội và các tỉnh miền Bắc VN từ đầu năm 1874, nên Huê Kỳ thấy không còn có lý do để can thiệp nữa.

Thực tế là Pháp đã chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1862), buộc VN ký hòa ước Nhâm Tuất (1862) nhường ba tỉnh này cho Pháp. Rồi Pháp chiếm luôn ba tỉnh Miền Tây (1867), và tiến chiếm Hà Nội lần thứ nhất năm 1873. Sau đó, Pháp trả Hà Nội lại cho VN đầu năm 1874, buộc VN phải chịu ký hòa ước Giáp Tuất, 1874, nhường đứt sáu tỉnh Nam Kỳ cho Pháp. (6)

Bảy mươi năm sau, sau Bùi Viện, người Việt Nam thứ hai là Hồ Chí Minh, đã cố vận động Huê Kỳ giúp VN ngăn chận Pháp tái chiếm Đông Dương sau Thế Chiến Hai, nhưng không thành. Vào những năm 1943, 44, 45, tại Côn Minh bên Tàu, trong chiến khu Việt Bắc và tại Hà Nội, ông Hồ lợi dụng được nhu cầu của Huê Kỳ dùng VN để giải thoát các phi công Huê Kỳ bị Nhật bắn rơi trong lãnh thổ Trung Hoa và miền Bắc Việt, đã chinh phục được cảm tình của nhiều nhân viên Huê Kỳ ở nhiều cấp, nhiều ngành và họ đều tận tình giúp ông Hồ. Huê Kỳ đã vận động tích cực với chính quyền Tưởng Giới Thạch trả tự do cho ông Hồ Chí Minh (4), bị Tướng Trương Phát Khuê, tư lệnh Chiến Khu 4, tức Quảng Tây, cầm giữ vì khi bị bắt tại Liễu Châu ngày

29-8-1942, ông Hồ mang trong mình những giấy tờ do phe cộng sản Mao Trạch Đông cấp từ năm 1940 (5). Tướng Trương Phát Khuê đã trả tự do cho ông ngày 10-9-1943. Sau đó, ngày 28-8-1944, William R. Langdon, tổng lãnh sự Mỹ tại Côn Minh lại đánh điện tham khảo ý kiến bộ Ngoại Giao Huê Kỳ về phương cách cấp hộ chiếu cho ông Hồ Chí Minh đi Mỹ (6), vì ông Hồ không có sổ thông hành. Tháng 9-1944, từ Quảng Tây ông Hồ trở về Việt Nam; đến cuối năm lại sang Côn Minh để liên lạc với Tướng Claire Chennault, tư lệnh không đoàn 14 của Huê Kỳ.

Tiếp đó, cả hai nhóm tình báo Mỹ, "Deer" và "Cat," nhảy dù xuống vùng núi ở Tuyên Quang đều phải công nhận rằng Việt Minh là tổ chức kháng chiến duy nhất chống Nhật hữu hiệu, có thể giúp Mỹ tại miền Bắc Đông Dương. Họ đều báo cáo là Huê Kỳ cần phải giúp Việt Minh hơn là giúp Pháp để chống Nhật. Trung úy John, tháng 5-1945, đã nhảy dù xuống chiến khu Việt Bắc, gần làng Kim Lung, đã từng sống và làm việc chung với ông Hồ trong suốt mấy tháng, và do ông Hồ yêu cầu, đã cố vận động với Bộ Chỉ Huy ở Côn Minh, Trung Hoa, cung cấp bản Tuyên Ngôn Độc Lập (1776) của Huê Kỳ, làm sườn cho bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Việt Nam, mà ông Hồ Chí Minh đã đọc tại công trường Ba Đình, Hà Nội, ngày 2-9-1945 (7). John còn giúp chuyển về Côn Minh những bức điện văn ông Hồ gởi cho Liên Hiệp Quốc. Ông Hồ cũng đã gởi điện thư cho Tổng Thống Truman; nhưng đều không được Huê Kỳ phúc đáp. Rồi VNCS cho là Mỹ không những đã không tôn trọng điều cam kết nơi Hiến Chương Đại Tây Dương, minh định rằng sau thế chiến hai là "thời đại giải phóng thuộc địa," mọi dân tộc bị trị đều được độc lập và tự do, mà lại còn hỗ trợ Pháp gây hấn nhằm tái chiếm Việt Nam và Đông Dương.

Sự thực không phải Mỹ thờ ơ với ý chí tranh thủ độc lập của dân tộc VN, năm 1945 đã do Việt Minh lãnh đạo. Chung quy chỉ vì chính quyền Mỹ không tin ông Hồ quyết tranh đấu cho quyền lợi tối thượng của VN mà còn nhằm bành trướng chủ nghĩa cộng sản tại Đông Dương và Đông Nam Á, thi hành nhiệm vụ quốc tế do Liên Xô chỉ đạo. Mỹ nghi ông Hồ âm mưu tranh thủ viện trợ của Mỹ để sớm nhuộm đỏ toàn cõi Đông Dương và Đông Nam Á theo kế hoạch của Mạc Tư Khoa. Tại Hội Nghị Potsdam nhóm vào cuối tháng 7-1945, sau khi đối đầu với một Stalin tham lam, cuồng vọng không thua gì Hitler, quyết thách thức Huê Kỳ, quyết sát nhập trọn vùng Đông Âu vào khối Nga, khiến Tổng Thống Truman đã chán ngán, quyết bằng mọi giá phải ngăn chận, không để cho "phe cờ ĐỎ" ngự trị tại Bắc Kinh, Bình Nhưỡng, nhất là tại Hà Nội và Sàigòn, dù cho Mỹ buộc lòng phải tạm thời nhờ đến bàn tay De Gaulle của Pháp (8). Cái "cốt cách: XANH VỎ ĐỎ LÒNG" của ông Hồ Chí Minh và Việt Minh cộng sản, mong được "Đồng Minh Huê Kỳ" ủng hộ, nhưng lại quyết sử dụng cờ ĐỎ của quốc tế cộng sản làm nền cho Quốc Kỳ VN, đã không tranh thủ được hậu thuẫn của Mỹ. Và cũng chỉ vì ông Hồ Chí Minh đã không dành được hậu thuẫn của Huê Kỳ mà Việt Nam đã phải kinh qua ba trận chiến tranh khốc hại, làm tan hoang đất nước! Năm 1945, nếu như ông Hồ Chí Minh quyết đặt quyền lợi đất nước và dân tộc lên trên hết, cũng như đặt mục tiêu tối thượng của Việt Nam là độc lập và hòa bình mà thôi, để tranh thủ hậu thuẫn của Huê Kỳ, thì đương nhiên Quốc Kỳ Việt Nam không thể là Cờ Đỏ Sao Vàng (cộng sản)!

Sau một nghìn năm đô hộ của Tàu, một trăm năm đô hộ của Tây, rồi Nhật, nhân Thế Chiến II, và trước một Vận Hội Mới đầy triển vọng hòa bình, độc lập và thống nhất đất nước, nhằm hội nhập VN vào cộng đồng nhân loại... Tất cả đã bị phí phạm trong một chính sách sai lầm, không lấy dân tộc làm nền tảng.

Nay, 55 năm sau, bước sang thế kỷ 21, một lần nữa, trong cố gắng cứu vãn kinh tế và thoát khỏi ảnh hưởng của Trung cộng, Hà Nội đã phải ký kết bản Thương Ước Việt-Mỹ tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn vào ngày 13-7-2000. Trong hoàn cảnh bi đát của nước ta, việc Hà Nội phải ký hiệp thương với Mỹ là điều tối thiểu phải làm. Tuy nhiên, Việt Nam có tạo được thế đứng vững vàng, thiết yếu cho sự sống còn và vươn lên của dân tộc Việt, lại hoàn toàn tùy thuộc vào hai vấn đề căn bản:

1) Mục đích nhắm tới phải là biến Việt Nam từ một chiến trường đẫm máu trong quá khứ để trở thành *một thị trường thịnh vượng trong tương lai gần.*

2) Thiết lập được những *bước đi tất yếu* để tiến tới đích.

Hiện Tình Việt Nam và Đông Dương

Vào đầu thế kỷ 21, tình thế tại bán đảo Đông Dương chừng như đang rục rịch diễn lại

lịch sử của thập niên 70 của thế kỷ vừa qua. Vào tháng Tư 1975, khi Mỹ chuẩn bị rút lui, Hà Nội vội xua quân chiếm trọn miền Nam, trắng trợn vi phạm Hiệp Định Paris 1973, ký chưa ráo mực về Hòa Bình VN. Bắc Kinh lại tích cực yểm trợ Pol Pot nhằm khiêu khích Hà Nội, loại ảnh hưởng Việt Nam ra khỏi Cao Miên. Trận chiến tranh ác liệt giữa ba nước anh em Xã Hội Chủ Nghĩa bỗng bùng nổ cuối năm 1978, khi công sản Việt Nam tấn công ồ ạt Cao Miên đánh đuổi phe Khmer Đỏ thân Tàu chạy dài lên vùng biên giới Thái Lan. Đến tháng Hai 1979, Bắc Kinh lại xâm lăng miền Bắc Việt, gọi là "dạy Hà Nội một bài học," vì VNCS vội rời quỹ đạo của Trung Hoa để bành trướng vùng ảnh hưởng cho Nga Xô.

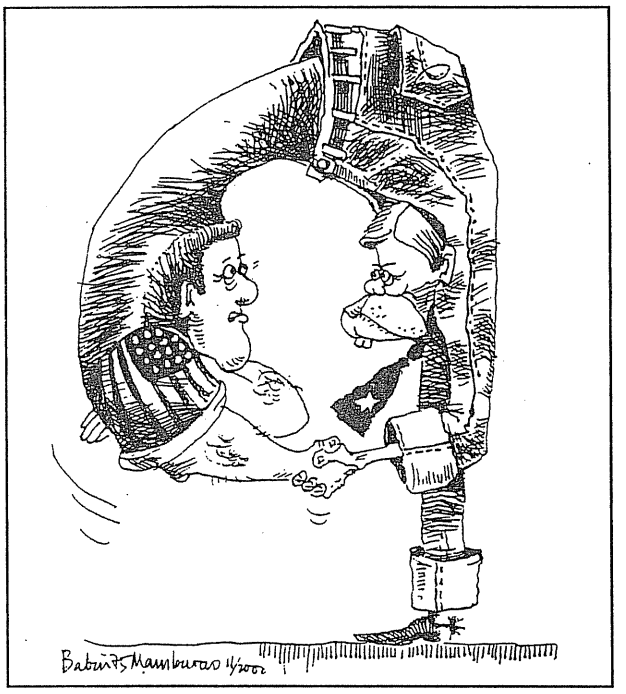

Còn nay, trước cuộc viếng thăm Việt Nam của Tổng Thống Huê Kỳ, Bill Clinton, định vào ngày 16 tháng 11, 2000, Tổng Thống Trung Quốc, Giang Trạch Dân, trên đường đi dự hội nghị APEC tại Brunei và đồng thời hội kiến riêng với TT Clinton, lại ghé thăm Lào trong hai ngày 11 và 12, rồi qua thăm Cao Miên ngày 13 và 14. Cuộc viếng thăm của nhà lãnh đạo Trung Hoa tại Vạn Tượng và Nam Vang, chỉ vài ngày trước khi TT Huê Kỳ đến Hà Nội, ắt không phải là cuộc thăm viếng xã giao bình thường. Bắc Kinh muốn thế giới, mà trước hết là Việt Nam, hiểu rằng *"dầu cho chiến tranh VN và chiến tranh lạnh đã chấm dứt, nhưng không dễ gì Trung Quốc chịu để cho Huê Kỳ trọn quyền ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam và Đông Dương."* Không phải chỉ có TT Mỹ, Clinton, đi thăm VN mà thôi. TT Giang Trạch Dân cũng sẽ đến Hà Nội một ngày gần đây; rồi đến đầu năm 2001, TT Putin của Nga cũng qua VN. Cả ba cường quốc Huê Kỳ, Trung Hoa và Nga, lại một lần nữa, như trong thời chiến tranh VN đợt Hai (1959-1975), tranh nhau gây ảnh hưởng trên một nước VN nhỏ bé! Lại còn vấn đề chủ quyền tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam vẫn còn đang tranh chấp, vì trữ lượng dầu tại Biển Đông còn dồi dào hơn các mỏ dầu ở Trung Đông. Nay Trung Quốc và Huê Kỳ, và có thể cả Nga nữa (vì Nga có Hạm Đội tại Cam Ranh nhìn thẳng ra Biển Đông), lại đang ngấm ngầm đối đầu nhau tại địa bàn Đông Dương mà Việt Nam là thành phần cốt lõi của ba nước Việt-Miên-Lào. Do đó, Đông Dương sẽ có hòa bình hay chiến tranh, là *tùy ở thế đứng chính trị của Việt Nam* trên bàn cờ Đông Nam Á.

Tại sao vậy? Vì Việt Nam nằm trên trục giao thông huyết mạch từ Thái Bình Dương qua Ấn Độ Dương, luôn chiếm giữ một vị thế địa dư-chính trị độc đáo trên bàn cờ thế giới mà các cường quốc đều muốn dành độc quyền sử dụng. Lại sát nách với một nước Trung Hoa khổng lồ, hung hãn và bá quyền, khiến Việt Nam đã phải không ngừng, trong suốt bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, đấu tranh gian khổ chống xâm lăng, cố bảo toàn những đặc tính dân tộc.

Trong quá trình lịch sử, Việt Nam cũng đã phải bao phen đơn độc đóng vai trò tiền đồn ngăn chặn Trung Hoa tràn xuống Đông Nam Châu Á. Nhưng kể từ thời Đệ Nhị Thế Chiến, rất may cho Việt Nam là Huê Kỳ lại rất quan tâm đến Việt Nam và Đông Dương. Huê Kỳ, với Tổng Thống đương thời là Franklin D. Roosevelt đã chủ trương Quốc Tế Hóa cùng Trung Lập Hóa Việt Nam và Đông Dương, yêu sách Nhật Bản rút quân khỏi Việt Nam nhằm tháo gỡ ngòi nổ chiến tranh tại Đông Nam Á và Thái Bình Dương, đồng thời giải phóng luôn ba nước Việt, Miên, Lào khỏi nền cai trị của Pháp và Nhật. Nay, ở vào thời đại toàn cầu hóa, Huê Kỳ đương nhiên đã trở thành một *đối lực thiết yếu* cho sự sinh tồn của

Việt Nam và Đông Dương trước áp lực bành trướng của Trung Quốc.

Sau ngày Nhật Bản đầu hàng Huê Kỳ, kết thúc Thế Chiến thứ II, nếu như Việt Nam quyết noi theo truyền thống tự chủ, hiếu hòa, sáng suốt và thực tiễn của dân tộc Việt, nếu biết khai thác đúng mức tinh thần bản Hiến Chương Đại Tây Dương, nếu biết đứng ngoài cuộc tranh chấp ý thức hệ giữa Nga, Hoa và Huê Kỳ, nếu không dại dột dựng "cờ Đỏ cộng sản quốc tế" làm quốc kỳ, làm con chốt thí, trực tiếp đương đầu thách thức chống Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh, thì Việt Nam cũng như Đông Dương đã mau chóng thu hồi Độc Lập và Thống Nhất xứ sở, đã đoàn kết tiến lên xây dựng lại đất nước trong hòa bình an lạc, trong sự giao hảo và hợp tác tích cực về chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, kinh tế, kỹ nghệ, khoa học... với mọi quốc gia trên thế giới. Oan uổng thay, Việt Nam đã phí trên 30 năm cho chiến tranh tàn phá xứ sở, đã phải hy sinh vô lối trên 10 triệu người con dân nước Việt! Và chỉ vì "nghĩa vụ quốc tế," vì "sợ môi hở răng lạnh," Việt Nam đã phải hy sinh xương máu để bảo vệ biên thùy mạn Nam cho Trung Quốc! Để rồi, Việt Nam lại phải gánh nợ của Nga, Hoa đã cung cấp cho cuộc nội chiến, mệnh danh là chống "Mỹ-Nguỵ," mà đến nay Hà Nội cứ phải trả mãi mà vẫn chưa hết nợ!

Nay, tuy cuộc chiến tranh Việt Nam và cuộc chiến tranh lạnh đã chấm dứt, nhưng căn cơ và đầu mối gây nên sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam, *mà mục đích tối hậu là ngăn chận làn sóng cộng sản cùng chủ nghĩa bành trướng và bá quyền của Trung Quốc,* lại vẫn còn y nguyên như cũ. Và thùng thuốc súng âm ỷ tại Việt Nam và Đông Dương, từng là đầu mối gây nên ba trận chiến tranh khốc liệt trong bán phần cuối của thế kỷ 20 (mà trận chót là cuộc tấn công xâm lăng của Trung Quốc, đầu năm 1979, vào lãnh thổ Việt Nam) vẫn chưa dập tắt, lại vẫn còn có cơ nguy bùng nổ trở lại bất cứ lúc nào! Hơn nữa, người dân Việt vẫn bị bạo quyền cộng sản Hà Nội tiếp tục đàn áp, gây chia rẽ, gây cảnh thù trong giặc ngoài, trong một xã hội rối loạn, băng hoại, kinh tế tụt hậu, chính trị chuyên quyền, độc ác, tham nhũng, thối nát, độc tài độc đoán, khiến cuộc sống của toàn dân và sự sống còn của đất nước Việt Nam bị đe dọa trầm trọng.

Những Bước Đi Tới của Việt Nam

Hiện tình thảm thương, đen tối tại quê hương xứ sở đòi hỏi cấp bách một cuộc đổi mới tư duy và thay đổi chính sách, nhằm phát động một cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên hai mặt đối nội và đối ngoại, để toàn dân đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam thịnh vượng, ổn định xã hội, và hòa bình thân thiện với các nước lân bang.

Mục tiêu chiến lược của cuộc cách mạng Việt Nam là tích cực dự phần phát triển kinh tế thị trường toàn cầu, xây dựng, củng cố hòa bình khu vực và hòa bình thế giới. Việt Nam phải vừa là môi trường hòa hợp giữa ảnh hưởng của mọi nước trên thế giới quan tâm đến Việt Nam và Đông Dương, lại vừa là nơi tương ngộ Đông Tây trong tinh thần phát triển ý niệm "toàn cầu" mới của nhân loại.

Đối Nội - Việt Nam phải xây dựng một XÃ HỘI PHÁP TRỊ, một nền KINH TẾ THỊ TRƯỜNG và một nền CHÍNH TRỊ DÂN CHỦ TỰ DO. Ba yếu tố đó là căn bản không thể thiếu được cho một xã hội ổn định và phát triển. Có được vậy, Việt Nam mới tạo được sự kính nể và sự hợp tác tích cực của thế giới, mới thu hút được vốn đầu tư của nước ngoài để phát triển kinh tế, kỹ nghệ, khoa học, giáo dục, huấn nghệ, vv... nhằm giải quyết tình trạng thất nghiệp, xã hội rối loạn, kinh tế tụt hậu, èo ọp của VN. Và toàn dân Việt, trong và ngoài nước, mới nhìn thấy nơi guồng máy chính quyền tính trong sáng, nền công lý và tình dân tộc, mới tin tưởng ở tương lai đầy thực chất, mới phấn chí đoàn kết, tận lực phục vụ tạo dựng một xã hội công bình, an lạc, ấm no, tân tiến và hạnh phúc trong một nước Việt Nam thanh bình, thạnh trị, phú cường.

Đối Ngoại - Việt Nam phải đạt cho bằng được một QUY ƯỚC QUỐC TẾ có cả Trung Quốc, Huê Kỳ, các cường quốc khác và các tổ chức chính trị cấp quốc gia như khối ASIAN và Liên Hiệp Quốc đồng ký kết, đảm bảo hòa bình, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam và Đông Dương trong thế đứng Trái Độn và Trung Lập. Quy Ước Quốc Tế cho Việt Nam và Đông Dương chính là cái "KHIÊN" chính trị tối ư cần thiết, nhắm vào ba mục tiêu quốc phòng khẩn yếu:

1. Giải tỏa mọi áp lực chiến tranh (như đã từng xảy ra trong quá khứ) do các cường quốc gây nên, để giành độc quyền trên vị thế địa dư, kinh tế, chính trị, quân sự vô cùng lợi hại của Việt Nam và Đông Dương và để gián tiếp ảnh hưởng đến cuộc diện Đông Nam Á, Biển Đông

và Thái Bình Dương.

2. Ngăn chận sự va chạm quân sự trực tiếp giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Huê Kỳ, ngay trên lãnh thổ, lãnh hải và không phận Việt Nam. Việt Nam nhất quyết không đảm nhận vai trò tiền đồn, trận địa, căn cứ hay hậu cứ, hay liên kết chiến lược quân sự và chính trị với bất cứ cường quốc nào.

3. Tạo dựng một thế đứng quân bình vững mạnh giúp Việt Nam và Đông Dương bung ra khỏi vòng cương tỏa của mọi cường quốc để được thảnh thơi mà tiến bước đi lên trong Hòa Bình, đuổi kịp trào lưu tân tiến trên thế giới, đáp ứng thỏa đáng khát vọng hòa bình, an lạc, tự do, dân chủ và hợp tác thân thiện giữa ba dân tộc Việt-Miên-Lào.

Tóm lại, *Những Bước Đi Tới của VN* phải là những bước đi vững mạnh, có ý thức và tầm cỡ, nhằm kiến tạo và củng cố Hòa Bình tại Đông Dương và Đông Nam Á. Việt Nam ngày nay *không thể tiếp tục lần theo những lối cũ đường mòn, hay lập lại trò đi giây bấp bênh, của mấy mươi năm trước, do ông Hồ vạch ra, chỉ đưa tới mâu thuẫn, hận thù, chia rẽ và chiến tranh!*

Năm 1947, khi báo chí đánh điện phỏng vấn ông Hồ nghĩ sao về ý đồ của Huê Kỳ tại Á Châu, ông Hồ trả lời rằng: *"Mỹ muốn bành trướng chương trình Marshall hóa trên toàn thế giới. Còn Nga Xô chủ trương chống kế hoạch Marshall của Mỹ."* (9) (Thực tế mà xét, kế hoạch Marshall đã tích cực cứu đói, giảm nghèo, giúp các nước Tây Âu xây dựng lại xã hội và nền kinh tế hoàn toàn suy sụp sau thế chiến hai. Nếu Mỹ không bày ra Chương Trình Marshall thì trong tình trạng nghèo đói và khốn cùng sau chiến tranh, Đảng Cộng Sản tại mọi nước ở Tây Âu sẽ dành được ưu thế để phát động phong trào đấu tranh chiếm đoạt và thiết lập chính quyền cộng sản độc tài, giúp Nga Xô bành trướng thế lực khắp Âu Châu). Âu cũng vì sợ Mỹ sẽ trực tiếp tạo một miền Nam Việt Nam ấm no, giàu mạnh sau Hiệp Định Genève 1954, trong khi miền Bắc thì bần cùng, đói khổ và lạc hậu, nên tuân theo chính sách chống kế hoạch Marshall hóa của Mỹ, ông Hồ đã phát động cuộc nội chiến cốt nhục tương tàn trong Nam, để chỉ cốt ngăn chận Huê Kỳ xây dựng ấm no và thịnh vượng tại Miền Nam VN.

Nay ở vào thời đại tin học, nền kinh tế thế giới đã được toàn cầu hướng, thì việc Hà Nội chủ trương ký kết Thương Ước với Mỹ để "Xây Dựng Kinh Tế Thị Trường Theo Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa" là hoàn toàn nghịch lý và sai trái. Kết quả rồi sẽ không khác gì hậu quả tang thương, bi đát do việc dựng Đảng Kỳ cộng sản làm Quốc Kỳ Việt Nam năm 1945.

Xưa nay VNCS luôn dựa vào lực lượng Công An, Cảnh Sát, Bộ Đội, tức là dựa vào "Âm Binh" để củng cố chế độ toàn trị, bất chấp hậu quả cực kỳ tai hại dồn dập nhận chìm đất nước. Còn nay, nếu Hà Nội vẫn cứ cố bám vào cái "định hướng xã hội chủ nghĩa" lỗi thời, tai quái ấy, nếu không sớm thức tỉnh, lo đổi mới tư duy, dân chủ hóa chế độ, cởi trói đất nước, cởi trói toàn dân, kiến tạo hòa bình, xây dựng kinh tế thị trường, cho dân giàu nước mạnh, thì trước áp lực của thời cuộc chuyển biến không ngừng..., chắc gì âm binh của chế độ lại không tranh nhau lập công đầu, vật mấy trự phù thủy ác ôn tại Hà Nội, Sàigòn v.v..., làm y như cảnh "Âm Binh vật Phù Thủy tại Rumani, tại Serbia..." mà cả thế giới và toàn dân Việt đều đã chứng kiến?

Quý Thu Canh Thìn (Nov. 2000)

Chú thích:

1. Trích từ sách *Bùi Viện, một nhà nho sáng suốt, lỗi lạc, phi thường* do Bảo Vân sưu tầm và biên soạn, nxb Quê Hương, 1988.

2. Do Ban biên tập Boston Publishing Company xuất bản, có Cabot Lodge tham dự.

3. Theo sách *Quảng Nam trong lịch sử*, tr 125, của Trần Gia Phụng, nxb Non Nước, Toronto, 2000, và sách *Việt sử tân biên*, quyển V, tr 320, của Phạm Văn Sơn, xuất bản 1962, Sài Gòn.

4. Suốt mùa hè và thu năm 1943, Cơ quan Tình báo OSS của Mỹ, qua đường lối ngoại giao và quân sự, đã vận động chính phủ Tưởng Giới Thạch trả tự do cho ông Hồ Chí Minh, bị giam từ ngày 28-8-1942. (Xem *Why Vietnam? Prelude to America's Albatross* của Archimedes L.A. Patti, tr 47-49, University of California Press xuất bản năm 1980).

5. Xem *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*, tr 215 đến 231, Tưởng Vĩnh Kính, 1972, Thượng Huyền dịch sang tiếng Việt từ Hoa ngữ, nxb Văn Nghệ, 1999, California, Huê Kỳ.

6. Xem chương "The Americans discover Ho Chi Minh," tr 46, sách *Why Vietnam?* của A. Patti.

7. Xem *The lost Revolution* của Robert Shaplen, tr 28,29,30, nxb Harper & Row, New York, Huê Kỳ.

8. Từ 1945 đến 1954, trong "cuộc chiến tranh Việt Nam" (đợt đầu), Mỹ đã chi viện cho Pháp hơn 2.5 tỷ đôla, cao hơn số tiền viện trợ của Mỹ nhằm phục hồi kinh tế cho cả nước Pháp trong chương trình Marshall. Xem *Vietnam, a History*, do Stanley Karnov, tr 137.

9. Xem *The Lost Revolution*, tr 52, Robert Shaplen.

VIỆT NAM TRONG NGÔI LÀNG THẾ GIỚI

LÊ ĐÌNH THÔNG

Tạp chí *Thế Kỷ 21* #136 (8-2000) đăng ý kiến của ông Lữ Phương, thứ trưởng (hàm) trong MTGPMN, hiện nghỉ hưu vì bất đồng chính kiến với chế độ. Ông Lữ Phương "bật mí" về việc tổng bí thư Lê Khả Phiêu bí mật sang Bắc Kinh nhiều lần, hiến kế Trung Quốc nên "đăng cai" *(deng gai)* đại hội thường niên cộng sản quốc tế, giúp Việt Nam chống diễn biến hòa bình. Trung Quốc bác bỏ đề nghị của ông Phiêu vì thừa biết việc cộng sản níu kéo chính quyền chỉ là nhất thời, dân chủ mới là vạn đại. Ngược lại, ông Lê Khả Phiêu ngây thơ cho rằng chế độ cộng sản sẽ tồn tại thiên thu. Sự ngây thơ chính trị được chứng minh qua sự việc như sau: Ngày 25-7-1999, Việt Nam đã ký tạm với Mỹ hiệp định thương mại. Tháng 11-1999, tới lượt Trung Quốc ký với Mỹ. Một năm sau (13-7-2000), Việt Nam mới ký với Mỹ hiệp ước này. Điều này chứng tỏ là Hà Nội dùng dằng, không dám dấn thân vào tiến trình toàn cầu hóa.

Ai cũng biết thái độ của Hà Nội bắt nguồn từ thái độ hẹp hòi, thiếu hiểu biết. Họ cho rằng việc không ký hiệp định thương mại sẽ khiến Việt Nam thoát khỏi vòng cương tỏa của toàn cầu hóa. Nghĩ như vậy là sai. Năm 1964, Marshall McLuhan đưa ra thuật từ "ngôi làng thế giới" (village mondial) để chỉ định hiện tượng toàn cầu hóa hiện nay. Thế giới như một làng. Ông tổng bí thư Lê Khả Phiêu muốn đứng ngoài toàn cầu hóa chỉ có cách di cư sang một hành tinh khác, hoặc sang cõi sa bà thế giới xa xăm. Vì vậy, thay vì hỏi *tại sao*, vấn đề đặt ra ở đây là Việt Nam hội nhập tiến trình toàn cầu hóa *như thế nào*.

*

Nếu "ngôi làng thế giới" là một khái niệm tương đối mới mẻ, "làng" là một hình ảnh quen thuộc của đất nước. Vì vậy, có thể dùng "ngôi làng" để dẫn nhập bài viết này. Trong *Le Tonkin* (ấn hành trong khuôn khổ Hội chợ Đấu xảo Paris 1931, không ghi tên nhà xuất bản), giáo sư Pierre Gourou (thạc sĩ Sử Địa - dạy ở lycée Albert Sarraut Hà Nội) viết về thôn làng miền Bắc như sau: *"Làng (village) gồm những căn nhà có vườn tược bao quanh, có mấy con lợn (heo) ủn ỉn trên những lối đi khúc khuỷu, có nhiều ao nhỏ và mấy ngôi chùa tạo thành toàn cảnh sinh hoạt chính trị và xã hội khá sinh động. Xã thôn (commune) có quyền tự trị thực sự. Tổ chức truyền thống này của An Nam (Việt Nam) khiến công việc hành chính, qua trung gian các kỳ mục trong làng, trở thành đơn giản. Các vị này lo nộp thuế và giữ gìn trật tự. Chỉ có làng thôn mới biết đích xác dân số làng. Thượng cấp chỉ được trình báo sổ đinh bạ (sổ thuế). Làng do hội đồng kỳ mục (conseil de notables) - gồm những nhà phú hộ (habitants les plus riches) và những quan lại có phẩm hàm (ceux qui ont des degrés de mandarinat) - cai quản. Hội đồng kỳ mục có khuynh hướng quản lý công việc thôn làng có lợi cho tầng lớp phú hộ, nhất là việc phân chia công điền. Công việc của họ được quy định bởi một tập tục khá phức tạp đáng nể trọng, tiên liệu ngay cả việc chia phần thịt trong những bữa cỗ (tiệc) làng do dân quê đóng góp"* (tr. 108).

*

Trong luận án tiến sĩ Kinh tế học *L'Economie communaliste du Viet Nam* đệ trình tại Đại học Luật khoa Paris cách đây nửa thế kỷ (11-5-1950), giáo sư Vũ Quốc Thúc viết :*"Hai từ ngữ "Xã"* (commune) và *"Làng"* (village) *thường hay lẫn lộn : "Làng" là nơi tập hợp dân cư* (agglomération) xét về thứ loại địa lý (catégorie géographique), trong khi "Xã" là một thứ loại xã hội học (catégorie sociologique)" (tr. 30). Trong phần dẫn nhập luận án,

giáo sư Thúc đã giải thích và chuyển dịch một số danh từ được sử dụng trong phạm vi thôn làng. Chúng tôi chép lại một số tự vựng thôn làng, đồng thời sắp lại theo hệ cấp (hiérarchie) từ cao xuống thấp: *tiên chỉ* (premier notable), *lão nhiêu* (vieillards), *chức sắc* (gens titrés), *kỳ mục* (fonctionnaires communaux), *tư văn* (lettrés d'un même village), *đồng môn* (anciens disciples d'un maitre commun), *hoàng đinh* (simple habitant), *giáp* (habitant d'un même hameau).

*

Đó là thôn làng Việt Nam rút ra từ công trình khoa học của hai tác giả, một Việt một Pháp. Làng thế giới (village mondial) là ngôi làng phổ quát, không riêng của Việt Nam. Làng thế giới một mặt đồng quy: *tứ hải giai huynh đệ*, thể hiện ý nguyện của các tôn giáo và hệ thống triết học chân chính, Hegel tiên đoán sự kết thúc của lịch sử (la fin de l'histoire) với sự ra đời của Nhà nước toàn cầu, đồng nhất (Etat universel et homogène). Ý kiến này hoàn toàn khác biệt với chủ trương cộng sản:

- Làng thế giới (hoặc *toàn cầu hóa*) tôn trọng con người (être humain) và cá nhân (individu) vốn là đối tượng của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (10-12-1948): *quyền tư hữu* (điều 17), *quyền tự do ngôn luận* (đ. 18), *quyền tự do hội họp và lập hội* (đ. 20), *quyền trực tiếp tham gia việc ấn định đường lối chính trị trong nước hoặc, qua trung gian các đại diện bầu cử tự do* (đ. 21) v.v.

- Tuy cộng sản cũng chủ trương xã hội đại đồng (xã hội cộng sản không còn giai cấp, cũng không còn Nhà nước: *société communiste sans classe, sans État),* nhưng sở dĩ vào đầu thập niên 90, toàn khối cộng sản Liên Xô và Đông Âu tan rã trước cơn lũ toàn cầu hóa vì chế độ cộng sản triệt hạ toàn bộ các quyền của cá nhân (trong số có quyền tư hữu). Mầm tan rã vốn đã manh nha ngay từ tháng 6-1847. Vào thời điểm này, Engels sang Luân Đôn họp đại hội Liên đoàn những người Công chính. Khẩu hiệu của đại hội thoạt đầu là "Tứ hải giai huynh đệ" (tous les hommes sont frères), nhưng Marx phản đối: "Có khối gì người. Tôi không thể kết bè với hết thảy" (il existe une multitude d'hommes, dont je ne tiens guère à être le frère). Đại hội bèn đổi khẩu hiệu là "Những người vô sản các nước hãy đoàn kết lại" (Prolétaires de tous les pays, unissez-vous). Năm sau, cũng tại Luân Đôn, Liên đoàn đổi tên thành Liên đoàn cộng sản, đồng thời công bố Tuyên ngôn cộng sản, câu chót chép lại khẩu hiệu vừa trích dẫn. Đệ nhất quốc tế (1ère Internationale) họp phiên cuối cùng năm 1881, sau đó dời trụ sở sang Nữu Ước rồi giải thể. Ngay từ khởi điểm, chủ nghĩa mác xít chứng tỏ tinh thần cục bộ, hẹp hòi (bác bỏ "Tứ hải giai huynh đệ"). Vì vậy, không những cộng sản không có khả năng "quốc tế hóa" các nước không cộng sản, ngược lại còn bị toàn cầu hóa cuốn trôi. Trong khi toàn cầu hóa là ngôi làng thế giới, cộng sản chỉ là lũy tre làng (rideau de bambou). Lũy tre là rào cản ngoại vi, không làm nên ngôi làng. Vì vậy giấc mơ thiết lập xã hội cộng sản tan thành mây khói.

*

Thiết tưởng cũng nên mở dấu ngoặc nói qua về từ ngữ "cộng sản" và "đảng cộng sản Việt Nam." Chủ nghĩa cộng sản chủ yếu dựa trên học thuyết kinh tế mác xít. Các Mác giải thích giá trị thặng dư (plus-value) có được là nhờ bóc lột sức lao động của *công nhân* (làm thêm giờ không trả lương (surtravail impayé), hoặc trả dưới một hình thức nào khác (contre-valeur). (Thực tế chứng minh ngược lại: nhờ hệ thống pháp luật hữu hiệu và hoạt động công đoàn tự do, công nhân các nước Tây phương được trả tiền phụ trội đầy đủ. Hiện tượng bóc lột "giá trị thặng dư" chỉ còn thấy tại các nước cộng sản). Cũng vì ý kiến của Marx : *"l'exploitation de la force de travail de l'ouvrier"* (vừa trích dịch), đảng cộng sản tự nhận là đảng của giai cấp công nhân. Trong cơ chế thị trường hiện nay, các công nhân làm trong khu vực quốc doanh chỉ đem lại thua lỗ, khiến ngân sách Nhà nước phải "bao cấp" (trợ cấp), trong khi các lãnh vực khác mới đem lại phúc lợi kinh tế. Hơn nữa, cơ cấu GDP (tổng sản phẩm quốc nội) trong sáu tháng đầu 1999 như sau: 38,9% dịch vụ (cao nhất), 32,6% công nghiệp và xây dựng, 28,5% nông lâm nghiệp, thủy sản. Kết quả là cơ cấu GDP mới này tạo ra tầng lớp trung lưu *(tiểu tư sản)*: mầm mống của nền dân chủ đích thực đang thành hình giữa lòng chuyên chính. Ngày nay, "công nhân" chỉ là một trong những thành phần trong nền kinh tế thị trường. Đảng "cộng sản" cũng chỉ là một trong nhiều khuynh hướng chính trị khác phát xuất từ cơ chế thị trường. Việc đảng cộng sản tiếp tục độc quyền chính trị trước hết là chống Mác, đi ngược lại

sách vở mác xít, sau đó là chống lại xu hướng đa nguyên đã thành hình trong nước. Đảng nên tự giải thể hoặc tự biến thể cho phù hợp với tình hình mới này.

*

Việc nhắc lại thành ngữ của Marshall McLuhan - đối chiếu với ý kiến của các giáo sư Pierre Gourou và Vũ Quốc Thúc - đưa đến kết luận là mỗi quốc gia dẫu nhỏ hoặc lớn, dầu muốn hay không, đều là một thực thể trong ngôi làng thế giới. Vấn đề là vị thế của mỗi nước trong hệ cấp làng thôn (hiérarchie communale) như thế nào? Trong ngôi làng đó, Việt Nam hiện chỉ là một *hoàng đinh* túng quẫn, cuốn theo toàn cầu hóa một cách bị động (globalisation passive). Với việc chuyển đổi kinh tế sang cơ chế thị trường, đất nước đã thực sự bước vào toàn cầu hóa từ mười năm nay mà không hề hay biết.

Từ ngữ "Toàn cầu hóa" vừa chỉ định xã hội quốc tế *(Gesellschaft)*, đồng thời bao gồm ý nghĩa toàn diện (universalité). Năm 1983, Théodore Levitt đề xướng toàn cầu hóa kinh tế tài chánh (mondialisation économique et financière). Năm 1990, Kenichi Ohmae mở rộng sang lãnh vực sáng tạo giá trị (création de la valeur), trở nên quen thuộc với ký hiệu R-D (recherche-développement). Ngày nay, người ta có khuynh hướng mở rộng toàn cầu hóa sang nhiều lãnh vực khác: môi sinh (environnement), văn hóa (cultures, viết ở *số nhiều*), luật pháp (droit et mondialisation), các giá trị phổ quát và nhân quyền (universalisme et droits de l'homme), toàn cầu hóa thông tin (mondialisation de l'information: internet), toàn cầu hóa hòa bình và an ninh (mondialisation de la paix et de la sécurité) v.v. Đó là chưa kể đến hiện tượng toàn cầu hóa người Việt cần được bàn đến trong một bài riêng biệt.

Trong lãnh vực kinh tế, các công ty đa quốc gia có quy mô toàn cầu (multinationales globales) đã đi bước đầu trong việc xóa bỏ ranh giới quốc gia. Các công ty này xâm nhập thị trường trong nước trong khuôn khổ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), bỏ vốn trong tích sản thực (actifs réels) nhằm mở chi nhánh *(greenfield investment)*. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam hiện bao gồm nhiều lãnh vực : nhà ở và công trình phúc lợi công cộng (23,9%), công nghiệp (23,5%), khách sạn (11,5%), địa ốc (10,6%), xây dựng (2,3%). FDI bắt đầu hoạt động ở Việt Nam từ 1991 (100 dự án, 1 tỷ USD), lên cao điểm vào năm 1996 (500 dự án, 8,7 tỷ USD). Sau đó giảm mạnh và gần như lui về điểm xuất phát (1998 : 1,4 tỷ; 6 tháng đầu năm 1999: 885 triệu USD). Ngoài ra là viện trợ phát triển chính thức (ODA): 413 triệu USD giải ngân năm 1993; 900 triệu USD/1996; 1452 triệu USD/1999. Trong các nước viện trợ phát triển giúp Việt Nam, Nhật Bản đứng đầu. Tiếp đó là Mỹ, Pháp, Đức, Anh, Ý và Canada.

Nếu lấy Việt Nam là điểm quy chiếu, toàn cầu hóa kinh tế tài chánh hiện được thực hiện

theo tiến trình hướng tâm (processus centripète). Tiến trình này chỉ mang lợi ích lâu dài nếu Việt Nam tự thực hiện tiến trình ly tâm song song (processus centrifuge), nhằm biến toàn cầu hóa bị động trở thành chủ động (mondialisation active). Việt Nam vẫn chưa khởi động tiến trình này, hoặc chỉ làm một cách uể oải, chiếu lệ. Sở dĩ toàn cầu hóa trở thành hiện thực vì tiến hành cùng lượt với tiến trình tư nhân hóa trên khắp thế giới. Ngược lại, xã hội cộng sản (toàn cầu hóa ý thức hệ) thất bại vì không thực tế và lỗi thời:

- Các nhà kinh tế đều đồng ý về "bản luận tội" doanh nghiệp công (entreprise publique): lỗ lã thường xuyên khiến kinh tế đình đốn (stagnation de l'économie) ; phân phối lợi tức (redistribution des revenus) bất công khiến một số cán bộ cao cấp trục lợi ; tài chánh công phải chịu gánh nặng quá đáng (poids intenable) đối với khu vực quốc doanh v.v. (Trong thực tế, doanh nghiệp Nhà nước [entreprise d'Etat] của Việt Nam tệ hại rất nhiều hơn so với doanh nghiệp công (entreprise publique) trong các nước tự do).

- Hiến pháp Việt Nam (14-4-1992, hiện áp dụng) lội ngược dòng, một mình một chợ quy định: *Kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển (...), giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân* (điều 17).

Vì vậy, Việt Nam cần gấp rút thực hiện toàn cầu hóa ly tâm (centrifuge) bằng hai biện pháp cơ bản liên hệ lẫn nhau: tái cấu trúc và tư nhân hóa các doanh nghiệp Nhà nước [thay vì chỉ cổ phần hóa nhỏ giọt : từ 1992 tới 1996 chỉ có năm doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) được cổ phần hóa (CPH), so với 5/1996-6/1998: 25 DNNN/CPH. 6/1998-12/1998 : 90 DNNN/CPH. 12/1998-12/1999 : 250 DNNN/CPH]. Tư nhân hóa gắn liền với toàn cầu hóa. Đó là hiện tượng kinh tế vi mô (phénomène micro économique) của toàn cầu hóa. Nhận xét này không phải là không có cơ sở: Tiến trình tư nhân hóa trên quy mô toàn cầu diễn ra từ 1988 tới 1993. Trong thời gian này, các văn phòng giám định *Shearman&Sterling, Sullivan&Cromwell, Clifford Chance* đã giám định (expertise) hầu hết các dự án tư nhân hóa trên thế giới. Tư nhân hóa được phát động cùng lượt với các tiến trình khác:

- tiến trình giải thể cộng sản tại Liên Xô và Đông Âu (1989-1991);

- việc phát triển cả về lượng lẫn phẩm mạng thông tin điện tử (từ 1990);

- tiến trình toàn cầu hóa mở rộng (từ 1990).

Các hiện tượng này có liên hệ nhân quả, tác động lẫn nhau. Nói tới hiện tượng kinh tế vi mô của toàn cầu hóa là nói tới tương quan giữa tiểu vũ trụ (microcosme) và đại vũ trụ (macrocosme) trong phạm vi triết học. Trong lãnh vực kinh tế chính trị, mối tương quan này là vi mô - vĩ mô. Người ta có khuynh hướng chú trọng tới những chuyện to tát *(toàn cầu hóa)* mà bỏ qua thực tế trước mắt. Trong bối cảnh đất nước hiện nay, nên bắt đầu bằng "tề gia," tiếp đó là "trị quốc," sau cùng là "bình thiên hạ":

- "Tề gia" là thực hiện kinh tế thị trường đầy đủ, thay vì chỉ thực hiện chọn lọc những điều có lợi về kinh tế và vô hại về chính trị như hiện nay;

- "Trị quốc" là dân chủ hóa đất nước, xóa bỏ những trở lực chính trị làm cản trở bước tiến của xã hội, cụ thể là các điều 4, 15, 17, 19 của hiến pháp;

- Sau khi đã "tề gia" về phương diện kinh tế, "trị quốc" về phương diện chính trị, "bình thiên hạ" (toàn cầu hóa) là một tiếp nối tất yếu, chắc chắn sẽ đem lại lợi ích cho đất nước.

*

Cũng như tư nhân hóa đòi hỏi việc thiết lập (hoặc tái lập) Nhà nước pháp luật (Etat de droit), toàn cầu hóa có cùng một đòi hỏi, vì luật pháp chi phối toàn bộ các quan hệ quốc tế. Nhưng tại sao tư nhân hóa và Nhà nước pháp luật lại đi đôi với nhau? Trong *Les privatisations: un défi stratégique, juridique et institutionnel (De Broech/Université),* Pierre Guislain liệt kê một số nguyên tắc cụ thể nhằm bảo đảm tiến trình tư nhân hóa: công bố luật pháp (publicité des lois), minh bạch (clarté), chắc chắn (certitude), nguyên tắc không phân biệt đối xử (principe de non-discrimination) và sự ổn cố (stabilité) của luật pháp.

Tiến trình toàn cầu hóa một mặt đòi hỏi mỗi nước cải tiến hệ thống pháp luật hiện có nhằm đáp ứng trào lưu hiện nay (tôn trọng quyền cá nhân, quyền tư hữu, các nhân quyền ghi trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền). Mặt khác, cần ban hành những quy định đáp ứng những đòi hỏi mới (vấn đề sử dụng mạng thông tin toàn cầu). Tuy nhiên, nếu không thay đổi chính trị, chính quyền trong nước sẽ vừa là định chế ban hành luật pháp, đồng thời là đối tượng vi phạm luật pháp (vi phạm nhân

quyền; vi phạm nguyên tắc tự do thông tin qua việc thiết lập bức tường lửa (firewall) v.v.). Năm 1999, Việt Nam có 300 000 máy tính (computer) so với 60 000 năm 1995. 46,33% máy tính nhập từ Singapore; 13,17%: Đài Loan; 10,79%: Hong Kong; 7,44: Mỹ; 5,28: Thái Lan; 2,08: Malaysia; 1,7: Hàn Quốc; 2,49: Australia. Trong số 300 000 máy tính, chỉ có 17 000 đã nối mạng internet (internaute), tỷ lệ 5,67% con số này rất thấp so với 153 triệu internautes trên thế giới hiện nay (Mỹ, Canada dẫn đầu với 87 triệu; châu Âu: 34 triệu; châu Á/ Thái Bình Dương: 26 triệu; 6 triệu: phần còn lại trên thế giới). Nhưng đó là thông điệp hy vọng: 42% internautes trong nước là tư nhân, 33% cơ quan nước ngoài, 16 doanh nghiệp tư nhân, Khu vực Nhà nước chỉ chiếm 9%. Kỹ thuật mới mẻ trong lãnh vực thông tin và truyền thông này (NTIC : nouvelle technologie de l'information et de la communication) đang làm biến đổi thế giới, trong số có Việt Nam. Thật vậy, ngoài ảnh hưởng về kinh tế (net economy, e-commerce: ước lượng 500 tỷ USD trong năm 2000), internet còn ảnh hưởng trực tiếp đến lãnh vực giáo dục (impact sur l'éducation) và tiến trình dân chủ. Tại Trung Quốc, bất chấp sự hù dọa của chính quyền, nhiều tiếng nói đối lập đã sử dụng WWW (World Wide Web, do Tim Berners-Lee sáng chế năm 1992). Tại Việt Nam, Câu lạc bộ Sinh viên Việt Nam (gồm hai Câu lạc bộ Thăng Long - Hà Nội và Câu lạc bộ Sinh viên Saigon) đã lên mạng, phát biểu nhiều ý kiến từ độc lập tới đối lập. Có thể đơn cử một ví dụ : Bản Điều tra của Câu lạc bộ Thăng Long - Hà Nội nhận định về việc vẽ lại đường biên giới Việt - Trung có đoạn viết: "Chưa có bối cảnh ngoại giao nào giữa Việt-Trung lại nhục nhã hơn là trong giai đoạn hiện nay. (...) Chúng tôi là tầng lớp sinh viên ngay tại thủ đô Hà Nội, nay đã thấy sự kiện bán đất trắng trợn của nhà cầm quyền nên chúng tôi không thể yên lặng mãi được. (...) Trước sự kiện nhà cầm quyền mà đích thực là bộ chính trị đảng cộng sản đứng đầu là Lê Khả Phiêu bán đất, đổi "hòa bình lợi ích" cho bản thân đảng cộng sản Việt Nam thì nhân dân không thể yên lặng được."

Đầu thập niên 90, một trong nhiều nguyên nhân trực tiếp khiến Liên Xô tan rã là việc áp dụng chính sách glastnost (ban hành năm 1987) chấm dứt bưng bít thông tin: *"Glastnost cho phép báo chí không để một phút nào ngơi cho những kẻ làm biếng, những kẻ chỉ biết tìm kiếm lợi nhuận, những kẻ đầu cơ trục lợi, những kẻ chăm chăm kiểm duyệt những lời chỉ trích của người khác, những chính khách mị dân."* Vào đầu thập niên 2000, các *sit web* từ Việt Nam và về Việt Nam sẽ góp phần triệt tiêu bức tường thông tin do đảng cộng sản manh tâm thiết lập, tất yếu đưa đến việc làm sụp đổ bức màn tre.

*

Toàn cầu hóa không làm mất đi bản sắc dân tộc, ngược lại còn giúp đất nước phục hồi những giá trị truyền thống, kết hợp với xu hướng tiến bộ trên thế giới. "Hồng hơn chuyên" từng là nguyên tắc chỉ đạo trong nước trong nhiều thập niên đã bị đảo ngược. Trong thời gian tới, "chuyên môn" từng bước loại bỏ "chuyên chính," làm thay đổi cơ cấu kinh tế và chính trị trong nước. Sự biến đổi này khiến đất nước hội nhập chủ động và hiệu quả trong tiến trình toàn cầu hóa, từ nay trở thành một thực tế bất khả phục hồi (réalité irréversible).●

Bestseller

Sài Gòn Tuyết Trắng

Việt Nam Tháng 4, 1975

Vũ Thụy Hoàng

44 năm trong ngành báo chí

33 năm với Washington Post

để biết

-Vì sao miền Nam VN xụp đổ?
-Những mưu kế, dồn phép ở hậu trường chính trị VN
-Sài Gòn trong những ngày hoang mang, lo sợ
-Những chuyến bay bí mật di tản khỏi Việt Nam
-Những cuộc di tản tất tưởi ở tòa đại sứ Mỹ, ở Tân Sơn Nhứt, ở bến tàu, trên biển cả

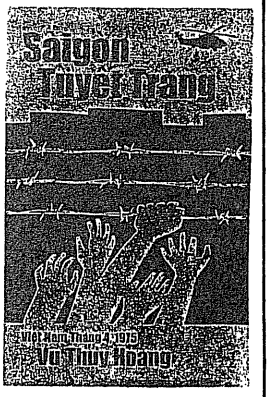

Sưu tầm công phu
Tài liệu xác thực, phong phú
Sách 350 trang. bìa bốn màu
Giá bán: $18. Ngoài Mỹ: $20
Xin gửi check, money order:
Catherine Vũ, P.O. Box 5060
Springfield, VA. 22150-5060

Website: www.geocities.com/vuthuyhoang

MỘT NGÀY Ở SAIGON VỚI GIA ĐÌNH TỔNG THỐNG CLINTON

VĂN QUANG

T.P. Hồ Chí Minh. Đêm thứ Bảy, 18 tháng Mười Một, chờ tin Tổng Thống Clinton đến thăm Sài Gòn, nhưng chờ mãi, hơn 11 giờ truyền thanh truyền hình thành phố vẫn chỉ sôi nổi với những trận đá banh được truyền hình trực tiếp từ sân cỏ nước Ý và nước Anh theo chương trình thường lệ. Mãi đến sáng hôm sau, mới được biết tổng thống Mỹ đã đến Sài Gòn vào lúc 11 giờ 45 phút đêm thứ Bảy. Tuy vậy cuộc đón tiếp ông cũng đã diễn ra rất long trọng, không phải là sự long trọng theo "nghi thức" có tính "ngoại giao" mà là một cuộc đón tiếp của người dân Sài Gòn đứng dài dọc theo hai bên đường trên lộ trình đoàn xe của cùng đoàn tùy tùng đi qua. Cuộc đón tiếp ấy rất hiếm thấy từ bao năm nay đối với những vị nguyên thủ quốc gia đã từng ghé thăm Sài Gòn. Tổ chức đón tiếp một phần là do chính quyền Sài Gòn, nhưng cái chính là do người dân Sài Gòn vì tò mò hay vì một thứ tình cảm nào khác là do tùy từng người đã bỏ công ra chờ đợi suốt buổi tối thứ Bảy, quên cả những tụ điểm giải trí ăn chơi.

Một Chủ Nhật vui vẻ của gia đình Clinton ở Sài Gòn

Sáng Chủ Nhật, vẫn không có truyền hình trực tiếp cảnh Clinton nên tôi đã lao ra đường với chiếc máy hình digital nghiêm chỉnh để hy vọng chộp được vài "pô" hình dù chỉ để "làm kỷ niệm." Nhưng mọi ngả đường vào Quận 1, trung tâm thành phố đều bị ngăn chặn rất kỹ. Đây chỉ là biện pháp an ninh thông thường. Nhưng là dân Sài Gòn từ gần nửa thế kỷ qua, tôi bỏ xe gắn máy ở nhà người bạn rồi cùng anh ta tà tà đi bộ qua vài con hẻm, lần vào khu Quận 1 không khó khăn gì. Những hàng rào người bị chặn lại khắp các con phố chính, rất đông, dĩ nhiên đây là những người "tình nguyện" đứng đón chờ để "xem mặt" gia đình Tổng Thống Clinton mà họ đã từng có dịp được nhìn thấy qua những mảnh thời sự quốc tế và gần đây nhất là qua hai ngày ông đến thăm Hà Nội. Có một lý do nữa là hình ảnh bà Hillary Clinton đã khiến mọi người háo hức muốn được nhìn thấy tận mắt bà xuất hiện ở thành phố quê hương của họ. Và nếu được bắt tay bà thì càng tốt. Người bạn đi bên tôi xác nhận điều này khi nói : "Vợ tôi bán hàng ở chợ An Đông cũng hy vọng bà Hillary Clinton bất ngờ đi shopping ở khu này như đã từng đi shopping ở những phố phường Hà Nội."

Chen chúc trong đám người toát mồ hôi vì cái nắng nóng của hè phố vào buổi sáng đẹp trời, những khuôn mặt đủ mọi từng lớp người đứng "hòa đồng" chẳng cần phân biệt ai là trí thức ai là dân lao động thuần túy. Mọi người cùng có một niềm vui, chẳng cần hiểu vui vì sao. Chúng tôi chui và một quán cà phê "bụi" để ngắm nhìn thiên hạ. Ở đây chúng tôi thừa hiểu rằng phải cẩn thận hơn vì bên phải bên trái đều là những nhân viên an ninh của cả hai phía Việt Mỹ. Lúc này ông Clinton đang thăm nhà Bảo Tàng thành phố (nhà Chú Hỏa cũ).

Bỗng tiếng reo hò nổi lên từ đường Lê Công Kiều, chúng tôi nhào ra nhưng vẫn bị ngăn cách bởi hàng rào người sau tấm chắn cuối phố. Dù sao thì chúng tôi cũng thấy được ông Clinton cùng cô con gái Chelsea đang tươi cười đi dạo trên đường phố. Tôi không thể nào giơ chiếc máy hình lên bấm một kiểu vì hàng người chen lấn và vì những con mắt đang theo dõi rất có thể mang họa. Đúng lúc đó tổng thống Mỹ tiến đến bắt tay những người đang chờ đón reo hò chào mừng ông tại đây. Cô con gái rất thú vị trước cái cảnh này cứ kè kè đi sát vào nách bố. Người ta xì xào bàn tán cô

con gái ông rất dễ thương nhưng không đẹp bằng bà mẹ Hillary Clinton. Tiếc rằng lúc này bà không có mặt. Cái tâm lý thông thường

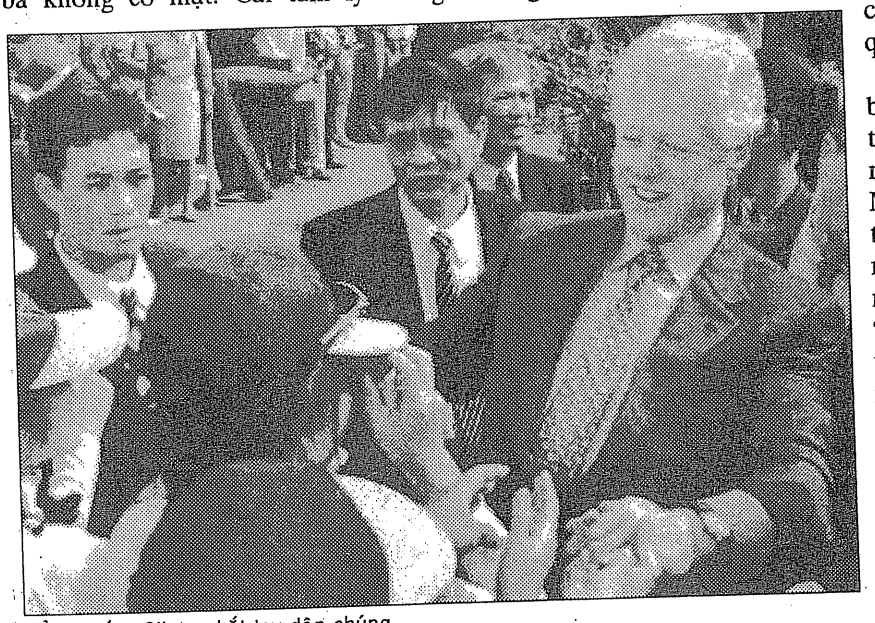

Tổng thống Clinton bắt tay dân chúng

người ta thích được bắt tay những nhân vật nổi tiếng và nhất là nhân vật ấy lâu nay đã từng là đề tài bàn tán của rất nhiều người Việt Nam. Nhưng ở đây cần nói đến một chi tiết khác. Người bạn tôi có nhận xét rằng ông Clinton đã để lại nhiều cảm tình với giới trí thức và nhất với thanh niên sau bài nói chuyện duyên dáng và thực tế của ông với sinh viên Đại Học Quốc Gia Hà Nội. Trước khi nói chuyện với sinh viên Đại Học Quốc Gia, tổng thống đã nói tiếng Việt Nam, ông mào đầu: "Nếu tôi phát âm không đúng, tha hồ các bạn cứ việc cười." Sinh viên cười và bình luận: "Ông này khôn dóc tổ." Trong khi nói chuyện Tổng Thống Clinton đã đề cập đến tài năng của giới trẻ Việt và nhắc đến ba người là Trần Hiếu Ngân, huy chương vàng Olympic Sydney và Huỳnh Đức cùng Hồng Sơn đang thi đấu ở Tiger Cup Thái Lan. Đó là một lối chơi "tâm lý" gây cảm tình với người nghe, không có gì đáng bàn, nhưng có điều oái oăm là thông dịch viên người Việt (chắc là của phái đoàn Mỹ) đã phiên dịch như sau: "có ba kẻ xuất sắc như Trần Hiếu Ngân...", chắc là lâu nay ít dùng tiếng Việt nên thông dịch viên mới gọi người xuất sắc là "kẻ" như kiểu người Việt thường gọi "kẻ xấu" vậy. Thêm một điểm đáng suy nghĩ là: Một nữ sinh viên khoa ngữ văn Đại học Hà Nội tên Minh Tân phát biểu trước cuộc nói chuyện của Tổng Thống Clinton rằng: "Ông ấy chưa bao giờ đến đây, nhưng tôi nghĩ ông ấy hiểu Việt Nam. Tuy vậy tôi muốn hỏi ông ấy thật sự quan tâm đến việc kết bạn hay chỉ là việc mở rộng quan hệ toàn cầu."

Một phóng viên bèn vồ lấy đăng trên tờ báo ở Malaysia ngày 17 tháng Mười Một. Nếu nhận xét kỹ thì câu này dường như là đại diện cho một khuynh hướng "nghi ngờ" mà nó có thể có ở Việt Nam, nhất là ở Hà Nội. Ở Sài Gòn thì khuynh hướng này có vẻ như ít hơn nhưng tất nhiên không thể tránh khỏi cái tâm trạng dửng dưng của những người chẳng thiết can dự gì đến thời cuộc.

Sau đó tiếp tục cuộc dong chơi buổi sáng Chủ Nhật, Tổng Thống Clinton vào xem các hàng bán đồ cổ và mỹ nghệ tại phố Phó Đức Chính, khu bán đồ cổ nổi tiếng của thành phố. Ông vui vẻ tạt vào nhiều cửa hàng, thân mật trò chuyện thăm hỏi những người bán hàng và ông đã chọn mua một số đồ cổ vì sau đó những người của "Nhà Trắng" đã trở lại mua những món hàng này. Mỗi lần ông và con gái từ hàng này chuyển sang hàng khác thì những tiếng reo hò lại nổi lên. Những cái vẫy tay thân thiện hay xã giao hướng về phía tổng thống và con gái. Ông lại "vượt rào" bắt tay mọi người. Nếu nhớ lại lần tổng thống Pháp Francois Mitterand sang thăm Sài Gòn và cũng đi dạo trên đường Nguyễn Huệ thì cuộc dạo chơi này của bố con ông Clinton tấp nập ồn ào và náo nhiệt hơn nhiều.

Tổng Thống Mỹ và con gái ăn trưa bằng phở

Lúc 11 giờ 45 trưa, Tổng Thống Clinton và Chelsea rời phố đồ cổ vào cửa hàng Phở 2000 ở đường Phan Chu Trinh (cửa tây Chợ Bến Thành). Tại đây, ông bắt tay chủ nhân và một số người phục vụ. Ông đã thản nhiên ăn luôn một lèo hai tô phở. Một tô phở bò chín và tô phở gà không lấy da. Ông cũng uống hết ly

sinh tố xoài, ly cà phê sữa đá, và chai nước suối. Ông gật gù khen ngon, chẳng hiểu vì lịch sự hay khen thật, cái đó thì chỉ có chính ông mới biết.

Người ta có thể thấy rõ tổng thống ngồi ăn cùng con gái tại một cái bàn gần cửa sổ, dân chúng vẫn tụ tập để đón chào ông hay đúng hơn muốn được nhìn thấy ông rõ hơn và họ thích thú bởi cái tính cách "bình dân" này. Tổng thống Mỹ ăn phở cũng như mình ăn phở! Cái đám đông đã nhanh chóng tụ tập suốt dọc đường ông Clinton và cô con gái đi qua. Có những cô gái không ngần ngại bày tỏ: "Chúng tôi 'săn' bố con ông ấy suốt từ nhà Bảo Tàng tới đây, bây giờ mới nhìn rõ, ông này cũng đẹp trai đấy chứ."

Tổng thống Clinton và con gái của ông Chelsea thăm một gian hàng bán đồ gốm tại TP Saigon

Tôi cũng đã có vài lần ăn phở tại đây, nhưng quả thật chưa thấy gì là thú vị lắm. Người ta vẫn cho rằng nó còn thua vài tiệm phở khác như Phở Bà Dậu, Phở Hòa. Người ta không hiểu tại sao ông Clinton đã chọn tiệm phở này. Chắc là đã có một người nào đó giới thiệu. Bởi bà chủ tiệm này là Nancy Lee, một Việt Kiều từ Los Angeles đã về làm ăn ở Sài Gòn từ năm năm trước đây. Bà đã mở hai hiệu phở khá thành công và đây là tiệm Phở 2000 thứ ba.

"Mừng quá! Mừng lắm!" bà Nancy Lee, đã nói như thế với phóng viên của đài RFI. "Ông ăn hết luôn. Thiệt, tôi thấy ổng ăn hổng còn. Nếu là mình thì chỉ ăn hết một tô."

Sau một tiếng đồng hồ ăn phở thay cho bữa trưa của một vị nguyên thủ quốc gia đang đi công du, tổng thống đi về cảng Tân Thuận để gặp gỡ một số nhà doanh nghiệp Mỹ ở đây. Buổi sáng nay Sài Gòn mới được chứng kiến chút ít cách sống, cách làm việc, lối xử sự của người lãnh đạo nước Mỹ.

Bà Hillary Clinton nói chuyện với phụ nữ Sài Gòn

Bốn giờ chiều, trong khi tổng thống đến trụ sở Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố (tòa Đô Chính cũ) để đàm đạo cùng những nhà lãnh đạo trong chính quyền thành phố thì bà Clinton đã có cuộc gặp gỡ với những đại biểu phụ nữ của thành phố tại Nhà Hát Lớn. Những đại biểu phụ nữ này thuộc đủ mọi thành phần khác nhau: văn nghệ sĩ, doanh nhân, luật sư, bác sĩ, chủ tịch hoặc phó chủ tịch các quận huyện, chính xác là 390 vị phụ nữ do cả hai phía UBND thành phố và Tổng Lãnh Sự Mỹ tại Sài Gòn đã đặt giấy mời trước đó vài ngày. Chia đều cho hai bên, mỗi bên mời 195 vị. Trong số những văn nghệ sĩ có mặt nhà thơ nữ Lê Thị Kim, diễn viên điện ảnh Trà Giang, nhiếp ảnh gia Đào Hoa Nữ, một số bác sĩ...

Bà Hillary Clinton rất duyên dáng trong bộ trang phục màu vàng nhạt giản dị. Bà tiến vào hội trường trong sự nôn nóng chờ đợi của mọi người và hầu hết đều mang chung một tâm trạng được thấy mặt người phụ nữ là một trong 100 phụ nữ tiêu biểu của nước Mỹ hiện nay. Một cô bé 13 tuổi đã chờ sẵn để tặng bà bó hoa tươi, cô bé đọc lời chào mừng bằng tiếng Việt và tiếng Anh. (Có một chi tiết rất ít người biết sau đó mới được tiết lộ là cô bé đã từng được "làm việc" với một nhân viên từ Mỹ sang Sài Gòn từ mấy tháng nay rồi). Phía Việt

Nam cũng đã bày tỏ những tình cảm nồng nhiệt khi đón tiếp bà. Tiểu sử của bà Clinton cũng được phía Việt Nam giới thiệu trong buổi nói chuyện này, trước khi bước lên địa vị đệ nhất phu nhân, bà Clinton đã từng có nhiều hoạt động tích cực cho phụ nữ và trẻ em ở nước Mỹ.

Trong bài nói chuyện bà Clinton đã nêu lên các vấn đề về người phụ nữ quan tâm nói chung trên toàn thế giới trong đời sống khoa học kỹ thuật hiện đại. Bà Clinton nhắc lại Hội Nghị Phụ Nữ Bắc Kinh năm 1995, bà đã kêu gọi phụ nữ hãy can đảm nói tất cả những gì cần nói, làm những gì cần làm, cùng nhau hành động và bà quả quyết trong tất mọi việc đều phải có bàn tay người phụ nữ.

Bà cũng kể lại những cuộc gặp gỡ với nhiều phụ nữ ở các quốc gia đã và đang sôi nổi lăn xả vào hoạt động trên khắp các lãnh vực hành chánh, kinh tế, khoa học, xã hội, từ thiện. Bà không quên ca ngợi những người phụ nữ Việt Nam, và bà cũng thuộc khá nhiều lịch sử Việt như cuộc chiến đấu của hai bà Trưng, bà Triệu và bà tin tưởng với một truyền thống như thế thì cái gì người phụ nữ Việt Nam cũng có thể làm được.

Bà nói một câu châm ngôn tiếng Việt: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn." Bà ngỏ ý tin tưởng phụ nữ Việt Nam và phụ nữ Mỹ cũng như phụ nữ trên toàn thế giới sẽ có một tiếng nói chung. Bà Clinton cho rằng chúng ta không thể quên được những đau buồn trong quá khứ nhưng tương lai vẫn là cái đích để con người vươn tới.

Sau hơn một giờ, bà Hillary đã được hoan hô nồng nhiệt. Bà Phạm Phương Thảo, phó chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã ngỏ lời chào mừng bà, chia sẻ niềm vui với tân Thượng nghị sĩ Hillary Rodham Clinton, cảm ơn và trao tặng bà một món quà kỷ niệm. Bà Thảo đã đeo lên cổ bà Clinton một cái vòng đeo cổ như những người Việt Nam thường hay đeo.

Theo một số nghệ sĩ có mặt như Lê Thị Kim, Đào Hoa Nữ thì người phụ nữ Mỹ Hillary Clinton đã chinh phục được cảm tình nồng nhiệt của hầu hết những người đại biểu phụ nữ có mặt trong hội trường. Đã có không ít người "tiên đoán" rằng một ngày nào đó bà Clinton sẽ có thể bước lên chiếc ghế tổng thống Hoa Kỳ. Suy nghĩ này phản ảnh những tình cảm bà vừa thu được.

Trong bài này tôi không đề cập đến những thông tin chi tiết về những công việc của Tổng Thống Clinton đã làm ở Việt Nam. Tôi chỉ xin trích dẫn một vài đoạn then chốt để từ đó nói lên được những tình cảm của người Sài Gòn đối với cuộc viếng thăm lịch sử này và nó cũng có thể sẽ mở đầu cho một trang mới về những quan hệ nhất là về thương mại giữa hai nước Mỹ và Việt Nam vốn xưa kia là "đại thù địch" nay trở lại làm ăn buôn bán bình thường như với tất cả những nước khác trên thế giới. Tất nhiên, sau cuộc thăm viếng này, các doanh nhân Việt Nam đang mở ra một hy vọng mới, nhưng là với những nhà doanh nghiệp lớn, còn với những nhà buôn bán cò con thì lại có những lo âu khác. Một bà chủ hàng tạp hóa ở chợ Bến Thành đã nói: "Các siêu thị là của những ông chủ lớn, mỗi khi có một siêu thị mới nổi lên thì cửa hàng của tôi lại mất đi một mớ mối hàng. Khách cũng dồn về mua ở các siêu thị, cho nên đây lại là mối lo."

Bà ta hoàn toàn có lý. Nhưng một sinh viên thì lại cho rằng anh ta sẽ có cơ hội phát triển nghề nghiệp, nhất là ngành tin học hay chính xác hơn là việc phát triển khu vực sáng tạo và sản xuất các phần mềm. Những trường dạy tiếng Anh uy tín đang phát đạt nay lại thêm yếu tố để phát đạt hơn nữa không phải chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội mà là ở hầu hết các tỉnh miền Nam Việt Nam. Nhưng một người đàn bà ở lưng chừng giữa trí thức và lao động, cô nữ y tá của bệnh viện Sài Gòn nhận xét: "Bất cứ cái gì xảy ra đều phải mang lại lợi ích thiết thực cho con người Việt Nam đã và đang còn nghèo khó, như quê tôi ở tuốt tận Đồng Tháp đang còn bị thiên tai lũ lụt tàn phá hàng năm, đang còn có hàng chục vấn đề về bệnh tật, về khoa học kỹ thuật chưa biết đến bao giờ mới vươn lên bằng người."

Làm sao quên?

Sau khi Tổng Thống Clinton cùng đoàn tùy tùng lên máy bay từ giã Sài Gòn vào chiều 19 tháng Mười Một thì dư âm của ông bà Clinton để lại đây là hai bài diễn văn, một với sinh viên Đại Học Quốc Gia Hà Nội và một với phụ nữ Sài Gòn cùng với một buổi sáng Chủ Nhật vui vẻ nhất trong chuyến đi này. Tôi chắc là ông bà Clinton cũng đã có nhiều bất ngờ vì đã được đón tiếp quá nồng hậu ở một quốc gia không cùng một thể chế với nước Mỹ. Mặc dầu người ta vẫn không thể quên rằng dĩ vãng vẫn còn lẩn khuất đâu đây, làm sao có thể quên. ●

ĐỒ MÃ

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Dối như vẹm (Thành ngữ Việt Nam)

Ở Hà Nội *"... có Hàng Bún, Hàng Cá, Hàng Cháo, Hàng Chuối, Hàng Dầu, Hàng Mắm, Hàng Muối, Hàng Đường, thậm chí có cả Hàng Rươi. Tiểu thủ công nghiệp có các Hàng: Bạc, Bài, Cót, Da, Điếu, Đồng, Mã, Giầy, Giấy, Nón, Vải, Trống, Phèn, Quạt, Vôi, Thiếc, Mành, Tre, Thùng, Cân... Đa số các hàng chỉ còn là cái tên gọi, còn hàng hoá thì đã "hiện đại hóa", phố nào cũng đầy quần áo dầy dép, hàng Trung Quốc và Thái Lan. Hàng Mã có lẽ là nơi duy nhất giữ nguyên truyền thống, bán toàn đồ mã."*

Nhà văn Phạm Xuân Đài đã ghi nhận như trên, trong tác phẩm *Hà Nội Trong Mắt Tôi*, sau khi ghé thăm thành phố này (lần đầu), vào mùa thu năm 89. Dù vốn dễ dụ, và hoàn toàn không có ác cảm gì với người cầm bút, sao tôi vẫn thấy có điều gì "không ổn" khi đọc đoạn văn vừa dẫn.

Kinh nghiệm của tôi về người cộng sản tuy ngắn nhưng tương đối đủ. Ngay sau khi họ chiếm được miền Nam, có lẽ ngay cả rau cỏ và côn trùng của phần đất này cũng phải lập tức thay hình đổi dạng - để thích nghi với hoàn cảnh mới - chứ đừng nói chi đến những sinh hoạt của con người. Như thế, lẽ nào, sau nửa thế kỷ "cách mạng" mà vẫn có một thứ "truyền thống" nào đó (như Hàng Mã - ở Hà Nội) còn được "giữ nguyên"?

Hơn một thập niên sau, qua tờ *Việt Báo* - phát hành từ California, số ra ngày 7 tháng 10 năm 2000 - tôi được đọc bài viết của ký giả Hư Trúc về một "Cô Học Trò Dán Vàng Mã." Em tên là Dương Thị Thanh Hương, nhà ở thị xã Thái Bình, trong hai năm liền thi đậu vào bốn trường đại học nhưng vẫn không bao giờ được cấp sách đến trường. Vì thương tật của bố nên Thanh Hương phải ở nhà làm việc gia công. Em dán tiền vàng mã kiếm được 5.000 đồng mỗi ngày để phụ giúp mẹ nuôi sống các em...

Tôi thực áy náy vì đã thiếu niềm tin nơi một người cầm bút khả tín như nhà văn Phạm Xuân Đài, và đã "ngờ oan" cho những người Cộng Sản. Đồ mã, rõ ràng, vẫn còn phổ biến ở Việt Nam. Không những thế, tôi còn được nghe kể nhiều giai thoại lý thú về món hàng này - nhất là thứ đồ mã làm tại làng Ba Đình, Hà Nội.

Nhiều nơi ở quê tôi cũng thường có những sản phẩm đặc thù tương tự như thế. Dân Việt ai cũng biết đến những mặt hàng nổi tiếng như nhiễu Bình Định, the La Khê, lụa Cổ Độ, bút Bạch Liên, mực Kiêu Kỵ, giấy Yên Thái, vải Thượng Hội, giầy Trúc Lâm, chiếu Thiện Trạo, gốm Bát Tràng, mây Phú Vinh, nón lông Kim Động...

Bằng chính sách kinh tế hoạch định, những sinh hoạt ngành nghề riêng biệt kể trên đều được người cộng sản đưa vào tổ hợp. Với thời gian, tất cả đều chết dần, chết mòn, và chết ráo - trừ nghề làm đồ mã. Hiện tại ở Việt Nam có hai loại đồ mã: loại gia công, gồm những thứ vặt vãnh (nhà, cửa, ngựa, xe, con hầu, tầu thuyền, tiền giấy...) để đốt cúng cho người chết, không tiện đưa vào tập thể vì nó trái với chính sách bài trừ dị đoan của nhà nước; loại quốc doanh, gồm những mặt hàng

chiến lược là sản phẩm riêng biệt của dân làng Ba Đình, Hà Nội - nơi tập trung những gia đình thuần túy hành nghề cách mạng và hiện đang là giới người thống trị ở Việt Nam.

Phần nhờ bản tính khéo léo, phần nhờ học hỏi thêm được nhiều tiểu xảo từ những nước xã hội chủ nghĩa anh em, nửa thế kỷ qua, dân làng Ba Đình đã làm được nhiều thứ đồ mã nổi tiếng khắp nơi. Xin đơn cử một vài mặt hàng tiêu biểu.

Trước hết, xin giới thiệu qua về Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam. Món đồ mã này được làm ra vào ngày 20 tháng 12 năm 1960, và làm khéo đến độ khiến một số người dân miền Nam tưởng là đồ thật. Không ít kẻ đã bỏ mạng hay bỏ mẹ đời vì nó. Đến lúc được mang ra đốt, nó cháy như điên. "Sự nghiệp cách mạng" của không ít người miền Nam cũng cháy theo luôn - như đuốc.

Trên danh nghĩa Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chưa hoàn toàn cháy hết, nó chỉ bị "sát nhập" vào Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Đây là một sản phẩm đặc sắc khác của dân làng Ba Đình, được làm ra vào tháng 9 năm 1955. So với nó thì những thứ đồ mã vớ vẩn như Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, Liên Minh Các Lực Lượng Dân Tộc Dân Chủ Và Hoà Bình Việt Nam... đều là chuyện nhỏ, thứ mặt hàng lặt vặt, chỉ có tính cách giai đoạn mà thôi.

Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam là loại hàng chiến lược, tập hợp nhiều món đồ mã linh tinh và thổ tả khác - đại loại như Hội Cựu Chiến Binh, Ủy Ban Tôn Giáo, Hội Nông Dân Việt Nam, Hội Phụ Nữ Việt Nam, Tổng Công Đoàn... Nó được dân làng Ba Đình dụng công dụng sức rất nhiều, thỉnh thoảng vẫn được tu bổ hay sơn phết lại, để dùng lâu hay dùng luôn - nếu được.

Hiến pháp 1992, điều 9, của CSVN đã "tô điểm" cho nó như sau: *"Mặt Trận Tổ Quốc và các thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân ... chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân ... động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước ... Nhà nước tạo điều kiện để Mặt Trận Tổ Quốc và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả."*

Nghe cứ y như thật vậy. Sự thật, theo như nhận xét của một nhân sĩ Việt Nam, như sau: *"Anh nắm hết mọi sức mạnh trong tay, muốn bầy đặt cái gì cũng được, anh có dành cho nhân dân một hội đồng để giúp anh thu thập tiếng nói của dân, hay anh lại tìm cách đưa Bí thư tỉnh ủy, Bí thư thành ủy sang phụ trách luôn... cho nhất quán?"* (Chia Tay Ý Thức Hệ. *Tuyển Tập Hà Sĩ Phu*. Phong Trào Nhân Quyền Cho Việt Nam Năm 2000 và Tạp Chí Thế Kỷ 21 xuất bản tháng 1 năm 96, trang 162).

Đó không phải là thái độ của những người quân tử - nếu vẫn nói theo ngôn ngữ (rất lịch sự) của Hà Sĩ Phu, qua tác phẩm vừa dẫn. Cùng với cung cách tiểu nhân tương tự, theo điều 5 của Luật Bầu Cử Quốc Hội thì Mặt Trận Tổ Quốc có nhiệm vụ "chọn lựa giới thiệu người ứng cử đại biểu quốc hội..." Như vậy kêu bằng "đảng cử dân bầu," nếu nói một cách lươn lẹo - theo chính sách. Còn thấy sao nói vậy thì cái gọi là Quốc hội Việt Nam (rành rành) chỉ là phó sản của Mặt Trận Tổ Quốc, hay là một thứ đồ mã khác của dân làng Ba Đình - thế thôi.

Và điều này đã được cố luật sư Nguyễn Mạnh Tường nhìn thấy từ lâu. Khi đọc tham luận trước Hội Nghị Mặt Trận Trung Ương, hôm 30 tháng 10 năm 1956, ông thẳng thắn nêu rõ: *"Dư luận quần chúng quan niệm rằng Quốc hội chỉ có quyền thông qua chính sách mà thôi... với vai trò yếu ớt hiện thời quyền dân chủ của quần chúng không được thực hiện."*

Nửa thế kỷ sau, "vai trò yếu ớt" của Quốc hội không còn là điều khiến "dư luận quần chúng" dị nghị nữa mà đã trở thành một sự kiện hiển nhiên, ai cũng biết. *"It served as a rubber stamp for decision already reached by the Communist Party* (Nó được dùng như con dấu chuẩn cho những quyết định đã rồi của Đảng Cộng Sản). *Microsoft Encarta Online Encyclopedia 2000* (một loại tự điển bách khoa vô cùng phổ thông) có ghi một câu nguyên văn như trên, khi đề cập đến ngành lập pháp ở Việt Nam - bây giờ.

Dân làng Ba Đình Hà Nội không chỉ thiện nghệ trong việc làm những đồ mã có tính cách cơ chế như Quốc hội, Viện kiểm sát nhân dân, Ủy ban tôn giáo ... Họ còn làm những hình nhân nữa. Lênin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh... đều là những sản phẩm tiêu biểu cho loại mặt hàng này.

"Học thuyết Marx - Lénine, tư tưởng Mao Trạch Đông và tác phong Hồ Chí Minh" đã từng là thứ đồ mã "vang bóng một thời." Thời đó đã qua. Cả ba đều đã cháy. Dân làng Ba Đình đang loay hoay với một thứ đồ mã mới: tư tưởng Hồ Chí Minh. Lý do, có lẽ, vì tư

tưởng dễ dấu hơn hơn tác phong. Và tác phong của một người đã "lỡ" viết sách để tự ca tụng mình, hay "trót" nộp đơn xin học Trường Thuộc Địa ... e khó được coi là "con nhà tử tế" - theo tiêu chuẩn của người dân Việt .

Báo *Nhân Dân* - số ra ngày 7 tháng 1 năm 1999 - đã trích dẫn phần "cốt lõi" tư tưởng của ông Hồ, trong *Hồ Chí Minh Toàn Tập*, và coi đó như đuốc soi đường cho cả nước, như sau: **"Không có lực lượng gì ngăn trở được mặt trời mọc. Không có lực lượng gì ngăn trở được loài người tiến lên. Cũng không có lực lượng gì ngăn trở được chủ nghĩa xã hội phát triển."**

Không có lực lượng gì ngăn trở được mặt trời mọc! Giời ạ, *mặt trời* chứ bộ *mặt trận* sao mà đòi lấy *lực lượng* ra ngăn trở. Tương tự, có cái *lực lượng* mẹ rượt nào mà ngăn trở được loài người tiến lên, cha nội? Viết như thế mà cũng bầy đặt cầm bút.

Đó mới là chuyện hình thức. Bây giờ xin xem qua chút đỉnh về nội dung tư tưởng "tinh túy" của họ Hồ. *"Cũng không có lực lượng gì ngăn trở được chủ nghĩa xã hội phát triển."* Coi, thằng chả hàm hồ dễ sợ chưa? Chớ có ai chọc ghẹo, đụng chạm hay chàng ràng, dính dáng gì tới nó đâu. Khi khổng khi không cái chủ nghĩa xã hội ngưng phát triển mình ên, vậy thôi. Rồi nó đột ngột "chuyển qua từ trần" (liền sau đó) mà không hề có một lời từ tạ - dù là "tạ từ trong đêm," cũng không.

Có lẽ vì chủ nghĩa xã hội ra đi bất ngờ và âm thầm quá nên bác Phiêu và đám dân làm đồ mã ở làng Ba Đình chưa phát hiện ra. Họ vẫn thản nhiên "bắt" nó phải "phát triển" như thường - theo như "luồng" tư tưởng của bác Hồ.

Làm ăn thiếu thông tin như vậy đó nên tay nghề đồ mã của dân làng Ba Đình cứ lụt dần với thời gian. Món hàng mỗi lúc một thêm ế ẩm và tồi tệ là báo *Nhân Dân*. Nó được khai sinh vào ngày 11 tháng 3 năm 1951, trải qua hai đời chủ nhiệm và một mớ tổng biên tập. Tất cả đều là đảng viên cộng sản, đều xuyên suốt và nhất quán chủ trương dối trá. Do họ mà ngôn ngữ Việt có thêm một thành ngữ mới: "Dối như vẹm." So với "vẹm" thì "cuội" chỉ là đồ bỏ; bởi vậy, từ khi người cộng sản xuất hiện ở Việt Nam thì thành ngữ "dối như cuội" vĩnh viễn biến mất khỏi ngôn ngữ của dân tộc này.

"Có người nói đùa một cách chua cay rằng trên báo Nhân Dân chỉ có tin dự báo thời tiết là có thể tin cậy phần nào (vì vẫn có trường hợp dự báo sai), có thể tin tưởng được hoàn toàn là tin buồn, tin cáo phó. Họ nói quá như thế để nhấn mạnh một cái tật." (Bùi Tín, *Hoa Xuyên Tuyết*, 2d ed. Turpin Press, 1994, 42).

Nếu nói như thế mà gọi là "nói quá" thì tôi sợ rằng nhà báo Bùi Tín (lâu nay) đã thôi đọc "báo nhà." Tờ *Nhân Dân* không còn "...hô hào xuông, đạo lý rỗng, nói lấy được, kiểu hoa ngôn và đại ngôn..." (svd, trang 50 và 51) tự lâu rồi. Nó sa đọa, tệ hại hơn thế nhiều lắm.

"35 triệu lượt người đọc báo Nhân Dân điện tử," đó là nguyên văn tựa bản tin của báo *Nhân Dân* số ra ngày 10 tháng 3 năm 2000. Và tờ báo này chỉ mới xuất hiện trên "net" từ ngày 21 tháng 6 năm 98. Ở một quốc gia hàng trăm người dân dành nhau một cái điện thoại, và hàng chục ngàn người chung nhau một cái computer mà mỗi ngày có đến 50.000 độc giả lên lưới để coi báo Nhân Dân sao? (Vừa thôi Tám!) Chớ tờ "công báo" này có cái con mẹ gì "hấp dẫn" dữ vậy, mấy cha ?

Câu trả lời tìm được ngay hai hôm sau, cũng trên báo Nhân Dân (số ra ngày 12 tháng 3 năm 2000, trong mục "bạn đọc góp ý và phê bình"), qua thư của một độc giả, ở California: *"Đối với kiều bào ở California là nơi có đông người Việt Nam, thì báo Nhân Dân điện tử là món ăn tinh thần lớn nhất, quí nhất. Riêng đối với tôi việc làm đầu tiên trong ngày là mở trang báo Nhân Dân điện tử... Nhiều người chỉ mong sáng ra để đọc báo Nhân Dân..."*

Đêm ở California hẳn là dài lắm vì nơi đây ("hình như") chỉ có điện ban ngày nên "nhiều người chỉ mong sáng ra để ... đọc báo Nhân Dân." Tôi chết được chứ chả bỡn đâu, Giời ạ!

Nhà báo lão thành Bùi Tín, cựu phó biên tập của nhật báo *Nhân Dân* (và cũng là người đã có thời trực tiếp phụ trách tờ tuần báo *Nhân Dân Chủ Nhật*) - rõ ràng - đã không theo kịp những bước lùi (vĩ đại) của ngành truyền thông xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Còn cỡ thường dân, như kẻ đang viết những giòng chữ vớ vẩn này, chịu đời (thiệt tình) không thấu.

Viết thêm nửa chữ, về đồ mã của dân làng Ba Đình, tôi sợ cũng thừa. Tuy nhiên, còn mỗi điều này, nếu không nói luôn, sợ thiếu: trong lúc chờ vứt hết mớ đồ mã của dân làng Ba đình vào thùng rác, chả hiểu có ai đã hay đang chuẩn bị thứ đồ gì khác để thay thế chúng không? Tương lai thường vẫn không mấy sáng sủa cho những dân tộc chưa sẵn sàng chờ đón nó.●

TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM:
THỜ TỨ BẤT TỬ

LƯU VĂN VỊNH

Đời Hùng Vương, khởi đầu khoảng 2000 năm trước Tây lịch, quy tụ con dân sinh hoạt quanh vùng châu thổ sông Hồng tới châu thổ sông Mã, mạn Bắc lên tới vùng Yên Tử Hạ Long, mạn Nam tới dẫy núi đá vôi Ninh Bình Thanh Hóa.

Nhìn hình các trống đồng tiêu biểu nền văn minh Lạc Việt thời đại lập quốc này có thể thấy Mặt Trời hay gọi tắt là Trời chính là tín ngưỡng của dân tộc cổ xưa, sau này nhân cách hóa thành Oạng Trời, Trời Xanh (*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*), Trời Cao, Trời già... Nhật Bản thờ Thái dương thần nữ, người Âu châu nghìn năm trước Thiên chúa giáo có lẽ cũng thờ Mặt trời, có tài liệu cho rằng ông già Noel mặc áo đỏ là dấu vết của tín ngưỡng thờ mặt trời xa xưa.

Cũng như nhiều dân tộc khác và nhiều nền văn minh khác trên thế giới, tín ngưỡng cổ sơ nhất của người Việt là tin vào thần lực vũ trụ thiên nhiên: thần sấm thần sét, thần gió, thần mưa, hoặc quanh mình như thần sông thần núi, thần cây thần đá, thần hang thần động... con người không sinh hoạt biệt lập mà liên lập với thế giới linh thiêng, cầu mong phù trợ của thần lực gia tăng cho đời sống luôn luôn bị thiên nhiên đe dọa.

Khi Đạo Phật vào Việt Nam, khoảng thế kỷ thứ II, và khi Sĩ Nhiếp tôn sùng cả Phật lẫn Nho, thì tín ngưỡng cổ sơ của Lạc Việt bắt đầu chuyển hóa: *thần Sấm thần Sét thành Pháp Lôi Pháp Điện, thần gió thần mưa thành Pháp Vân Pháp Vũ*... tứ Pháp này cũng giống như diễn trình Phật hóa đạo Bons bên Tây Tạng thế kỷ thứ VI, đạo Phật gieo hạt giống khế cơ với tín ngưỡng địa phương để dung hòa phát triển mà không triệt tiêu tín ngưỡng bản xứ.

*

Thời đại Hùng Vương bắt đầu với một bà mẹ: Âu Cơ, lịch sử quật khởi dân tộc bắt đầu với một nữ anh hùng: Trưng Vương, thì lịch sử đạo pháp dân tộc cũng khởi đi từ một người đàn bà: Man Nương.

Man Nương là một cô gái nghèo ở chùa vùng Luy Lâu (phía bắc Hà Nội bây giờ), được pháp sư Khâu Đà La (Ksudra) truyền dậy phép thần thông từ thuở 12 tuổi, lại trao cho nàng một cây gậy trúc trước khi vân du và dặn khi nào hạn hán thì cắm cây gậy xuống đất thì mạch nước sẽ trào ra. Suốt ba năm Man Nương mang phép gậy trúc ra hoằng dương giúp nhà nông có nước cầy cấy, chuyện đến tai Sĩ Vương, Sĩ Vương cho người đi rước Khâu Đà La thì pháp sư đã đi xa rồi. Truyền thuyết nói Man Nương mang linh thai, sinh ra một gái, nàng bế con trao cho Khâu pháp sư, pháp sư đặt đứa bé vào hốc cây đa giao cho thần cây giữ gìn, sau cậy đa bị đổ, thân cây trôi về bến sông Dâu. Khi ấy Man Nương đã già (80 tuổi) ngồi ở bến sông cửa chùa, thấy mọi người không kéo nổi cây đa vào bến, mang búa chặt thì búa gãy, bà mới hỏi cây đa "*có phải là con thì vào đây với mẹ!*" thì tự nhiên cây đa dạt vào bến. Man Nương biết là cây đã thành thần nên xin với Sĩ Vương cho tạc thành tượng để thờ. Khi thợ xẻ khúc đầu thì trời nổi mây *(pháp vân)*, xẻ khúc nhì trời mưa xuống *(pháp vũ)*, xẻ khúc ba, khúc tư thì trời nổi sấm sét *(lôi, điện)*. Riêng khoảng hốc cây trước kia giữ đứa bé thì cứng như đá, phát hào quang nên được tạc thành Thạch Quang Phật cùng thờ với tượng Pháp Vân ở chùa Dâu, là ngôi chùa cổ nhất Việt Nam và theo sư Pháp Hiền (tk VI-VII) thì là linh địa số một nước Nam ta.

Chuyện Man Nương cho thấy: cây đa có thể thiêng thành Phật, mưa gió sấm sét có thể hóa phép thành pháp độ chúng sinh, chưa kể đứa con (có thể do mối tình vụng trộm giữa Man Nương và pháp sư!?) phải dấu đi, phản ánh phần nào phong tục cổ Việt 1800 năm trước.

Trong khi Phật, Lão và Nho du nhập đất

Việt thì *tín ngưỡng đời Hùng vẫn tồn tại,* đó là tín ngưỡng bình dân, là Thần đạo, thờ thần sông, thần núi, thờ anh hùng, thờ nhân vật dị kỳ... gọi chung là ĐẠO NỘI, đối lại với các đạo từ ngoài mang vào. TỨ BẤT TỬ là bốn vị thần chính của Đạo Nội.

Tứ bất tử là bốn vị thần nào?

1. Chử Đồng Tử

Chử lấy tên làng Chử Xá, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên bây giờ, Đồng Tử chỉ người mang tâm hồn trong trắng hồn nhiên (như nhi đồng), đấy cũng là *xích tử chi tâm* của Mạnh Tử (tâm hồn trẻ sơ sinh), là Tâm thanh khiết theo Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo *"bienheureux ceux qui ont le coeur pur car ils verront Dieu"* (Mathieu) (xem Nguyễn Đăng Thục, Tư Tưởng VN tr. 153).

Chuyện xảy ra từ đời Hùng Vương thứ III: cha con họ Chử (hay Sử) nhà bị cháy, hết sạch của cải chỉ còn một chiếc khố chia nhau mặc. Khi người cha, Chử Cù Vân chết, dặn con chôn mình trần để khố lại cho con mặc, nhưng người con thương cha nên không nỡ chôn cha trần truồng nên chôn khố theo, còn mình chịu ở truồng, ngày thì trốn tránh dưới cát, dưới sông chờ thuyền buôn qua lại ăn xin hay câu cá ven sông mà sống.

Tình cờ một hôm công chúa Tiên Dong con vua Hùng và đoàn thuyền tuần du đến bến Chử Xá, thấy phong cảnh tươi đẹp liền ghé bãi giăng màn cởi xiêm áo mà tắm, lúc dội nước cát trôi đi mới thấy Chử Đồng Tử nằm trốn trần truồng dưới lớp cát trong bãi lau sậy! Công chúa cho là kỳ duyên bèn cho họ Chử mặc quần áo rồi vời xuống thuyền yến tiệc. Sau đó hai người thành vợ chồng mặc dù vua Hùng không ưng thuận, vì thế công chúa Tiên Dong và Chử Đồng Tử ở lại Chử Xá cùng nhau buôn bán làm ăn.

Chẳng bao lâu, cả vùng ven biển sầm uất, khách buôn ngoại quốc qua lại coi Tiên Dong là chủ xóm làng. Một người lái buôn rủ Chử Đồng Tử đi ra bể xa buôn đồ quí, chỉ một năm tất lời bội phần. Chử Đồng Tử theo lời mang vàng bạc ra bể đi buôn, đến núi Quỳnh Lãng neo thuyền, ghé lên am nhỏ gặp một nhà sư trẻ tên Phật Quang, sư thấy Đồng Tử tiên phong đạo cốt nên bảo Chử Đồng Tử ở lại học đạo. Hơn một năm sau, trước khi trở về đất liền, đạo sư trao cho Chử Đồng Tử một cây gậy và một cái nón lá có phép thần thông. Chử Đồng Tử đem đạo pháp về dậy Tiên Dong rồi cả hai vợ chồng bỏ việc buôn bán đi theo đường đạo. Một hôm đi đã xa, trời tối mà không thấy dân cư, Chử Đồng Tử mới chống gậy và che cái nón để dừng chân tạm nghỉ. Canh ba đêm ấy, bỗng nhiên chỗ cắm gậy hiện ra thành quách lầu ngọc, đủ hàng văn võ thị nữ tiểu đồng như một tiểu quốc, dân chúng quanh vùng kinh ngạc tấp nập tới dâng cúng! Vua Hùng nghe tin, tưởng là con làm loạn bèn sai quân tướng tới đánh. Tiên Dong cười nói: *"Việc này tự trời xui nên, không phải tại ta làm, sống chết đã có trời, ta đâu dám chống lại cha!"* Khi quan quân tiến đến bờ sông, đóng trại ở châu Tự Nhiên (sau là Khoái Châu phủ), chưa kịp sang sông thì nửa đêm hôm ấy giông bão nổi lên, cả thánh quách điện đài người vật của vợ chồng Tiên Dong Đồng Tử bay mất lên trời, chỉ còn lại bãi đất không giữa đầm lầy mà thôi. Bãi ấy gọi là bãi *Tự Nhiên* và đầm ấy gọi là đầm *Nhất Dạ* (một đêm).

Lời Bàn :

1- Trong bốn vị Tứ Bất Tử, Chử Đồng Tử xuất hiện từ đời Hùng Vương thứ III, xưa nhất.

2- Hai tên Tiên Dong và Đồng tử, bãi Tự Nhiên... cho thấy chuyện này mang ảnh hưởng đạo tu Tiên, mọi sự đều tự nhiên, có, không, giầu nghèo, từ không có khố đến giầu sang cung điện, từ cây gậy cái nón thành lâu đài, trong một đêm rồi lại bay đi mất... Họ Chử từ cửa biển Khoái châu (sau này *thứ nhất kinh kỳ thứ nhì phố Hiến* cũng từ cảng này!) ra biển Đông, phải chăng là học đạo thần thông từ các nhà tu Bà La Môn hay Phật giáo Tiểu Thừa, trên các thuyền buôn ngoại quốc? giống như An Tiêm cũng ra biển với chuyện dưa hấu *tự nhiên* trời sinh trời dưỡng, tất cả từ tiền thân mà thành. Chử Đồng Tử có cây gậy thần, Tản Viên có gậy đầu sinh đầu tử, Phù Đổng nhổ tre làm gậy... phải chăng cây gậy biểu tượng thần lực, hoặc là một pháp khí?

3- Công trạng hiển linh phù trợ dân nước :

Theo truyền thuyết Chử Đồng Tử sau lại gặp Tây Cung Tiên Nữ và lấy làm thứ thất, Chử Đồng Tử cầm gậy trúc đọc thần chú cứu người chết đi sống lại, còn Tây Cung thì có thuật viết chữ son đỏ lên giấy đốt đi rồi hòa vào nước làm thuốc chữa bệnh ôn dịch cứu mạng cả trăm người. (Nhiều huyền sử đời Hùng mang dấu ấn từ phương Tây tức Ấn Độ như dưa hấu của An Tiêm gọi là *Tây qua* và An Tiêm được dân gọi là *Tây qua phụ mẫu*, từ phương Tây tới).

Thời Triệu Việt Vương (tk VI) bị tướng Tầu nhà Lương là Dương Sàn vây ở đầm, Vương bèn lập đàn cầu khấn thì thấy Chử Đồng Tử hiển linh cưỡi rồng xuống đàn, cho Triệu Việt Vương một vuốt chân rồng, dặn cắm lên chỏm mũ thì sẽ phá được giặc. Từ đấy Triệu Việt Vương thấy mình mạnh mẽ bội phần, đánh tan quân Tầu, chém chết được Dương Sàn.

2. Phù Đổng Thiên Vương

Đời vua Hùng Vương thứ VI, nước ta bị giặc Ân đe dọa, vua cho lập đàn cúng tế Long quân xin ngài giáng thiên tướng xuống cứu dân. Ba ngày cầu khấn bỗng trời mưa gió sấm sét ầm ầm thì có một cụ già cao chín thước râu tóc bạc trắng ngồi ở ngã ba đường, cười nói, múa may... vua thấy dị nhân liền tới thăm hỏi vận nước thì cụ già khuyên vua hãy đi khắp nước tìm kiếm kỳ tài phá giặc, ba năm nữa tất giặc kéo đến, rồi cụ già biến mất lên trời!

Vua Hùng nghe lời cho sứ giả đi khắp làng mạc tìm nhân tài giúp nước. Khi sứ giả tới làng Phù Đổng, huyện Võ Ninh (nay là Võ Giàng, Bắc Ninh) thì sứ giả gặp một cậu bé lên ba, chỉ nằm ngửa, không biết nói. Khi cậu bé thấy sứ giả đến bỗng nhiên biết nói với mẹ: *"Mẹ gọi sứ giả lại đây!"* bà mẹ lấy làm lạ kể chuyện với láng giềng, sứ giả nghe thấy liền tới gặp cậu bé lên ba. Cậu bé nói sứ giả về tâu với vua Hùng: đúc cho ta một con ngựa sắt cao 18 thước, một thanh kiếm dài 7 thước, một nón sắt, để ta phá giặc, không việc gì phải lo!

Sứ giả mừng rỡ, biết là gặp dị nhân, về tâu ngay với vua Hùng, vua mừng lắm liền sai người đúc ngực sắt, rèn kiếm, mũ mão, đem đến cho cậu bé làng Phù Đổng. Biết sứ giả nhà vua sắp đến, bà mẹ lo lắng không biết con mình nói thật hay nói xằng, cậu bé mới cười bảo mẹ: *"Mẹ cứ cho con ăn uống mau lớn, việc đánh giặc chẳng phải lo."* Từ đấy cậu bé bỗng lớn lên như thổi:

Bảy nong cơm, ba nong cà
Uống một hơi nước cạn đà khúc sông

Khi giặc Ân đến núi Châu sơn (huyện Tiên Du, Kinh Bắc), cậu bé liền đứng dậy vươn vai cao hơn hai trượng, ngửa mặt lên trời gầm lên mươi tiếng, cầm kiếm nhẩy lên ngựa sắt vua ban, hét lên rằng: *"Ta là thiên tướng nhà Trời đây"* rồi xông thẳng ra trận, đằng sau dân làng trai tráng kéo theo đánh giặc rất đông.

Ngựa Thánh hí ra lửa, Thánh cầm gươm xông vào đám giặc chân núi Châu sơn giết một hồi lâu đến gãy cả gươm, Thánh liền nhổ cả cây tre mà quất vào giặc :

Đứa thì sứt mũi, sứt tai
Đứa thì chết chóc vì gai tre ngà

Quân giặc khiếp sợ quỳ lạy xin tha: "Ngài là *thần tướng* trên trời, chúng tôi xin hàng cả." Đánh tới núi Ninh Sóc thì giặc hoàn toàn tan dã, Thánh cởi áo bỏ lại trên núi rồi cưỡi ngựa sắt bay lên trời biến mất. Bây giờ trên núi Sóc Sơn còn dấu người ngựa, khóm tre Ngài nhổ lên đánh giặc nay mọc thành rừng ở huyện Gia Bình gọi là tre Đằng ngà, chỗ ngựa của Thánh khạc ra lửa cháy mất một xóm nay gọi là làng Cháy.

Vua Hùng tưởng nhớ công đức, phong ngài làm Phù Đổng Thiên Vương, lập đền thờ ngay tại vườn nhà ngài khi trước, lại ban trăm mẫu ruộng cho dân làng để bốn mùa cúng tế.

Lời Bàn :

1- Công đức với dân với nước: cậu bé lên ba làng Phù Đổng khi thấy có xâm lăng thì vụt lớn như thổi, cùng dân làng nhổ tre lên mà đánh giặc giữ nước, đánh xong thì biến mất, chẳng màng công danh trần thế. Đây là Triết lý truyền thống cao cả của dân tộc: *nhập thế trong tinh thần xuất thế,* giúp dân giúp nước vô vị lợi, lúc bình thì hòa vào dân, lúc biến thì cùng cả làng xóm từ lũy tre xanh mà vụt lên đánh giặc, lúc xong việc thì mai danh ẩn tích quên cả chính mình.

2- Đức Trần Hưng Đạo, thường được coi là hóa thân của Phù Đổng Thiên Vương, sau ba lần đánh Mông Cổ vào thế kỷ 13, được quốc dân tôn thờ như thánh ngay khi còn sống ở đền Sinh Từ, Thăng Long. Ngài giữ đúng truyền thống cao cả của anh hùng dân tộc khởi đi từ Phù Đổng Thiên Vương: quên chuyện nhà lo việc nước, chẳng màng ngôi cao, cùng toàn dân một lòng như cha con đánh cường địch, lấy đoản kháng trường... khi chết lại truyền thiêu xác mình làm tro bón cây.

3- Tín ngưỡng thờ thần của dân tộc tin rằng khi đất nước gặp cơn hiểm nghèo thì trời giáng thiên tướng để cứu dân cứu nước, khi non sông bị ma vương quỷ sứ ám hại tất có ngày thánh xuất để trừ gian diệt ác, dân tộc thờ những bậc anh hùng dấy lên từ dân, cùng sức dân mà oanh liệt bảo vệ quốc gia, chứ không bao giờ trọng người vong bản, lừa dân, hại nước. Đấy cũng là lý do về sau dân chúng tôn thờ Nguyễn Huệ, mặc dầu ở một tầm mức hữu hạn hơn.

4- Man Nương có cây gậy phép, Chử Đồng

Tử có cây gậy và cái nón thần thông, tới Phù Đổng thì đã có gươm (có sách lại ghi là cây roi sắt) và ngựa sắt, phải chăng tới thời Hùng Vương thứ VI, văn minh trống đồng, đất Việt đã có lò đúc gang sắt để tiến tới thời mũi tên đồng Cổ Loa khoảng 300 năm trước Tây lịch? Cụ già cao chín thước, ngựa sắt cao 18 thước... cho thấy những con số 9, 18 là những biểu tượng, như nói 18 đời vua Hùng thì có thể hiểu là đời vua Hùng rất dài, không nhất thiết là đúng 18 đời hay 18 chi như một số sử gia cố gò cho đúng số 18, cũng như sông Cửu Long không phải có chín cửa sông mà số 9 chỉ tiêu biểu cho cực đại, như ta nói chín tầng mây cao...

3. Thánh Tản Viên

Cuối đời Hùng Vương, tức Hùng Vương thứ 18, vua đã già mà không có con trai truyền ngôi, nên nhường ngôi cho con rể, lấy công chúa Ngọc Hoa, là tướng Nguyễn Tuấn, hóa thân của Sơn Tinh núi Tản. Lúc ấy Thục Phán, thủ lãnh Âu Việt, một bộ tộc ở vùng Tây Bắc nước Việt, đang đánh nước Lạc Việt của nhà Hùng, Nguyễn Tuấn là vị tướng cột trụ mang quân chống trả mãnh liệt. Vua Hùng Vương bị tấn công bất ngờ phải nhảy xuống giếng tự tử, quân Thục giết gần hết họ Hùng và quan quân, riêng phò mã Nguyễn Tuấn mang vợ, Mỵ Nương, chạy lên cố thủ ở vùng Tản Viên Ba Vì. Tướng nhà Thục là Lý Thân tức Lý Ông Trọng tiến đánh từ sông Đà lên, hai bên đánh nhau suốt hai ngày bất phân thắng bại. Sau cả hai bãi binh, giảng hòa, Thục Phán chém đá ăn thề bảo vệ tôn miếu vua Hùng, tảng đá thề chặt làm hai, một nửa thờ trên đền Hùng, một nửa mang về Cổ Loa, đô mới của nhà Thục. Có thể Nguyễn Tuấn và Mỵ Nương đã chết trên non Tản cùng với nhóm quan quân Lạc hầu Lạc tướng sót lại, có thể lúc này quân Tần với Đồ Thư đang tấn công nước Việt nên Lạc Việt và Thục phải đoàn kết mà chống xâm lăng to lớn hơn... cũng có thể họ Thục đã hoàn toàn thành công nhưng phải an lòng dân Lạc Việt bằng cách tôn thờ lăng miếu vua Hùng...

Người sau thờ Nguyễn Tuấn là Thánh Tản, còn Lý Thân hiệu Ông Trọng sau này An Dương Vương cống cho Tần Thủy Hoàng làm danh tướng (cao 2 trượng 6 thước, khỏe như thần) đánh Hung nô và khi về quê nhà (Từ Liêm tức làng Chèm) chết cũng được thờ làm thánh Chèm.

Truyền thuyết về Thánh Tản rất nhiều và lẫn lộn giữa sử và huyền sử: Nguyễn Tuấn là thần núi Tản, thần núi Tản là Sơn Tinh, hay Nguyễn Tuấn là hóa thân của thần núi Tản? Chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh phản ánh chuyện chống lụt thời xưa khi đồng bằng sông Hồng còn ngập nước, dân cư tụ tập trên miền trung du núi non như Ba Vì, Hương sơn, Việt trì Tam đảo... hay chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh cũng phản ánh khúc Việt sử đời Hùng bị Thục diệt, chuyện đánh nhau ở núi Tản, Nguyễn Tuấn trên núi cao chống với Lý Thân từ Hắc Long Giang (sông Đà) đánh lên? Có phải Nguyễn Tuấn và Thục Phán, hai chàng trai, cùng đến xin cưới công chúa Mỵ Nương con vua Hùng, rồi Nguyễn Tuấn được vợ mà Thục Phán thì ghen tức nên mang quân đến đánh, hay Thục Phán chủ ý cướp nước Lạc Việt của vua Hùng? hoặc giả tiền lễ, hậu binh, họ Thục thật sự muốn thông gia Hùng-Thục mà họ Hùng không muốn?

Truyền thuyết kể rằng Sơn tinh mang dâng lễ cưới vàng bạc châu báu, các loài chim quí thú lạ như voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, một chĩnh vàng cốm... đến trước Thủy Tinh nên cưới được vợ, còn Thủy Tinh đến sau, hụt vợ, nên tức giận làm ra mưa to gió lớn, dâng nước lên để đuổi theo toan cướp Mỵ Nương đã theo Sơn Tinh về non Tản chót vót! Sơn Tinh làm lưới sắt chắn ngang đường thượng lưu huyện Từ Liêm, Thủy Tinh lại đi đường khác từ sông Lý Nhân vào sát chân núi Quảng Oai, men theo bờ Hát giang, ra sông Lư, vào sông Đà đánh mé sau núi Tản, mở cả sông nhỏ dâng nước đánh phía trước núi Tản, *"Đi qua các làng Cam Giá, Đông Lân, Cổ Nhạc, Mỵ Xá, đi đến đâu xoáy nước đến thành vực để làm chỗ cho các giống thủy tộc ở, rồi tiến nước lên đánh nhau với thần núi. Thần núi thì bảo dân xung quanh đấy đan phên chắn nước và dùng cung nỏ bắn xuống; lại sai các loại hùm beo, voi gấu, bẻ cây cối vận đá ném xuống sông. Mỗi phen đánh nhau, mưa gió sấm chớp ầm ầm, trời đất mù mịt. Đánh nhau xong rồi thì thấy các loài cá, ba ba, thuồng luồng, chết nổi cả trên mặt sông. Từ đấy hai thần thù nhau, mỗi năm đánh nhau một chuyến."* (*Nam Hải Dị Nhân* - Phan Kế Bính, Mạc Lâm xb 1968, tr.146-47).

Thánh Tản là thượng đẳng thần, thiêng liêng nhất nước Việt, Cao Biền đời Đường (tk thứ 8) lập đàn định sát hại như pháp thuật đối với các thần khác, thì thấy thần cưỡi ngựa trắng trên đám mây nhổ vào cỗ tế mà đi. Cao Biền sợ quá tâu với vua Đường là Thánh Tản

thiêng quá, không dám ở lâu trên đất Việt và xin trở về Tầu!

Nguyên thánh Tản nhà nghèo vào rừng kiếm củi, chặt phải cây cổ thụ, hôm sau có *sao Thái Bạch* hiện ra cứu cây sống lại rồi cho ngài một cây gậy đầu sinh đầu tử có phép cứu nhân độ thế. Một hôm ngài thấy lũ trẻ chăn trâu đánh chết một con rắn to, trên đầu có chữ *vương* nên biết là rắn lạ, liền dùng gậy thần gõ vào đầu rắn làm rắn sống lại, rắn hồi sinh bò xuống sông đi mất. Vài hôm sau, một chàng trai xuất hiện đem vàng bạc châu báu tới biếu ngài xưng là Tiểu long hầu, con Nam Hải Long Vương, mải đi chơi trên trần chẳng may bị bọn trẻ con đánh chết, Tiểu long hầu được thánh Tản cứu sống nên tới tạ ơn. Ngài nhất định không nhận đồ biếu nên Tiểu long hầu mới biếu ngài một cái ống linh tê có thể rẽ sóng xuống thăm Thủy cung. Ngài nhận lời xuống thăm Long cung, Long Vương gặp ngài mừng rỡ mở tiệc ba ngày khoản đãi, trước khi ra về Long Vương tặng gì ngài cũng không nhận, sau Long Vương mới tặng ngài một cuốn *Sách Ước*, ước gì được nấy. Từ đó trở đi, thánh Tản trở thành vị thánh thượng đẳng, không thánh thần nào sánh được. Từ biển Nam, qua cửa Thần phù, ngài tới vùng Ba Vì, thấy dân thuần hậu, đất cao ráo, núi xuè ra như cái lọng, bèn ngụ tại đấy, hóa thân quanh vùng tế độ dân gian, diệt trừ yêu quái. Về sau, chỗ nào Thánh hóa độ thì dân chúng lập đền thờ, hiện tại quanh vùng Ba Vì, còn nhiều đền thờ Thánh và người Mường cũng vẫn thờ thánh Tản.

Lời Bàn :

1- Làng Lý Nhân có liên quan gì tới Lý Thân, vị tướng nhà Thục đánh nhau với Nguyễn Tuấn không? Lý Thân tức Lý Ông Trọng có tội giết người đời vua Hùng, có phải vì thế mà quay ra theo nhà Thục xâm lăng không ?

2- *"Tại sơn vô hổ lang"* câu sấm Trạng Trình cho thấy vùng rừng núi Ba Vì không có hùm beo, vậy truyền thuyết Thánh Tản sai hùm beo voi gấu... đánh lại Thủy tinh chắc là cường điệu hoặc giả thời ấy khu này còn có hổ lang? Truyền thuyết kể rằng cha Nguyễn Tuấn làm nghề bán dầu ở chân núi Tản, còn Tuấn làm nghề hái củi. Sau thế vua Hùng làm vua, là ông vua họ Nguyễn đầu tiên trong sử Việt.

3- Thục Phán đánh Lạc Việt năm 259 tr. TL, lập nước Âu Lạc năm 258 tr. TL, mãi tới năm 214 tr. TL tức 44 năm sau Đồ Thư nhà Tần mới sang đánh Việt, vậy Thánh Tản đánh nhau với nhà Thục, rút lên núi Tản, và khó có chuyện hai bên Âu-Lạc hòa nhau để chống Tần. Sử liệu về khoảng thời gian này rất mù mờ, chưa xác định được. Cột đá thề, một nửa để ở đền Hùng, một nửa để ở Cổ Loa, là Thục Phán thề với ai? chắc gì Nguyễn Tuấn Thánh Tản có mặt ở đó, có thể Thục Phán chém đá ăn thề cho yên lòng dân Lạc Việt của vua Hùng mà họ Thục đang cần vỗ về để thực hiện việc đoạt nước Việt. Cần ghi thêm là khu ngoài chùa Hương có đền Trình thờ một vị tướng có công bảo vệ vua Hùng, vị tướng này có phải vào đời Hùng Vương thứ 18 không?

4- Truyền thuyết khá rõ, trận đánh giữa Sơn tinh Thủy tinh trộn lẫn chuyện lụt lội với trận chiến giữa vua Hùng cuối (Tản Viên) và nhà Thục, giữa Lạc Việt và Tây Âu. Nhà Thục thắng, xây thành Cổ Loa theo kiến trúc khác hẳn Lạc Việt phương Nam, việc xây thành mãi không xong, phải nhờ tới thần Kim Qui, phải chăng là bị dân Lạc Việt bản địa chống đối. Nhà Thục nói tiếng gì? Tiếng Tầu Tứ Xuyên, tiếng Quảng, hay ngôn ngữ khác? Được 50 năm nhà Thục bị Triệu Đà đánh bại (207 tr. TL), họ Thục và họ Triệu đều là từ phương Bắc xâm lăng, con cháu Lạc Việt họ Hùng 250 năm sau, lại phục hưng dành lại non sông là Hai Bà Trưng và các nữ tướng (phải chăng đàn ông họ Hùng đều bị diệt hay lánh mình?)... điều này chứng tỏ họ Hùng và Lạc Việt vẫn tồn tại, là căn cơ của dân tộc, không bọn xâm lăng ngoại tộc nào làm mất được.

5- *"Núi thất cổ bồng mà có Thánh sinh"* Thánh đây là Thần núi Tản Viên hóa nhập vào một đại nhân vật cứu tinh dân tộc, hay Thánh đây chính là Nguyễn Tuấn vị vua cuối đời Hùng, hóa thân trên non Tản, thành Thánh được quốc dân thờ phụng và sẽ hóa thân thành một đại nhân vật cứu quốc tương lai? Dù sao, các sách Dư Địa Chí, như sách của Nguyễn Trãi, đều xác định núi Tản là Tổ sơn của phong thủy đất Việt ta (thuộc tay hổ, Tam Đảo là tay long, sông Hồng chảy ở giữa), Cao Biền thế kỷ thứ 8 sang nước Việt tìm cách trấn yểm cũng phải nhận là Thánh Tản thiêng nhất nước Nam, Hoàng Phúc đời Minh cũng chỉ dám dựng bia trên Tam Đảo chứ không dám động tới núi Tản. Nguyễn Tuấn đã được dân gian nhập một với Sơn thánh núi Tản. Công trình với dân với nước của ngài đã rõ ràng: bảo vệ non sông Hồng Bàng chống lại quân Thục xâm lăng. *(Nguyên nước Thục là*

một nước nhỏ ở vùng Ba Thục bên Tầu, bị Tần diệt, gia tướng mang được bà phi có thai chạy sang Sở, Sở không chứa, phải bỏ sang đất Tây Âu, Quảng Tây gần nước Việt ta, bà hậu phi sinh ra Thục Chế, Thục Chế sinh ra Thục Phán, sau Tây Âu cho họ Thục ra ở đất Nam Cương tức vùng Cao Bằng, Bắc Việt bây giờ .

Khó có thể nói rằng họ Thục thuộc Bách Việt vì gốc ở mãi Ba Thục, trên Tứ Xuyên, vả lại vua Hùng Duệ Vương phải nhảy xuống giếng tự vẫn (?) hoặc vua Hùng và toàn gia tướng, nhạc công... có thể bị họ Thục giết chết ở núi Sái gần Cổ Loa, nếu thế thì họ Thục không thể là huynh đệ của Lạc Việt).

6- Theo huyền thoại thì Thánh Tản có sao *Thái Bạch* cho cây *gậy thần đầu sinh đầu tử* để cứu mạng người, lại có *Sách Ước* của Long Vương trao tặng. Được cả trên trời lẫn dưới nước phù trợ bản thần, thánh Tản mới trở thành vô song, bất tử. Huyền thoại cũng có ẩn ý nhắc Thánh Tản liên hệ với Long vương hay Lạc Long Quân. *Sách Ước của thánh cũng là cuốn kinh của dân, thuở xa xưa khi dân Lạc Việt có hoạn nạn gì thì cầu Bố Lạc Long về cứu, như Lạc Long Quân từng về Hồ Tây diệt Hồ tinh chín đuôi, con tinh này sống hơn ngàn năm thấy thần núi Tản mặc áo trắng- Bạch Y man- nên cũng giả dạng mặc áo trắng bắt trai gái cư dân vùng núi mang về hang động làm hại.* Về sau ở Tây hồ (Thăng Long), các nhà sư có pháp thuật mới lập chùa quán để trấn yểm yêu khí, con Hồ tinh này thường được coi là ác sát lực ẩn hiện bên dòng sử Việt cho tới hiện đại.

7- Cuốn *Sách Ước* đã đi vào tiềm thức cộng thể dân tộc, sau này khi các giáo sĩ Tây phương sang truyền đạo có thể đã dùng chữ Ước để dịch tên Cựu Ước và Tân Ước chăng? Nếu thực vậy, thì các nhà truyền giáo Tây phương quả là rất thâm hiểu nội đạo Việt.

4. Liễu Hạnh Thánh Mẫu

Nàng Công Chúa xinh đẹp như tiên giáng sinh trong gia đình Lê Thái Công mẹ họ Trần, giữa đêm rằm tháng Tám cách đây 500 năm, vào năm 1557 (đời Mạc Phúc Nguyên) tại làng Vụ Bản, Nam Định. Theo sự tích thì nàng là Công chúa thứ hai, con Ngọc Hoàng Thượng đế, lỡ tay làm rơi chén ngọc nên bị trích giáng xuống nước Nam. Nàng lớn lên xinh đẹp lạ thường, thi nhạc đều giỏi, có để lại bốn khúc Xuân, Hạ, Thu, Đông cầm ca. Thái Công cho nàng làm con nuôi bạn, họ Trần, rồi gả nàng

HÀ NGUYÊN DU

ĐÃ RỒI MỘT CÁNH CHIM BAY

đã rồi một cánh chim bay
ta tên hề khóc, thời nay lỡ mùa
dặm nghìn chân bước, chân thua
em cho ta gió, ta mưa ngập tràn
môi hồng, mắt biếc, khuôn trăng
thương con bướm chết, thiên đàng đâu lên?
nghiệt đời thêm nhớ, không quên
em luôn quyến rũ, dáng hình càng ghi

mơ đêm luôn kéo em về
cho ta chết đuối khi kề thân hoa
đời thường gió táp, mưa sa
em ru ta ngủ trong ngà tháp mơ
theo em, ta biết làm thơ
đi trong chớp bể, qua bờ tử sinh
như ban ta ánh bình minh
về xây tổ ấm trên cành phôi phai

đã rồi một cánh chim bay
em đi về với, cuồng quay ánh đèn
lạc loài ta giống tên điên
bơ vơ ca hát ngang nhiên cợt đùa
đâu rồi suối cũ, trăng xưa?
thêm ta chức tước, đâu vừa thiên hương
nguyệt tà, dương xế, mây buông
ta, em hát mãi khúc buồn thiên thu...

3/98

cho Đào lang, là con nuôi của ông quan hàng xóm họ Trần ấy. Chúa lấy Đào Lang - một chàng con nuôi họ Trần khi nhỏ bị bỏ rơi nằm dưới gốc Đào - năm 18 tuổi, sinh được một trai, không bệnh mà về trời ngày 3 tháng 3, năm 21 tuổi. Chúa Giáng Tiên thường hiển linh về an ủi mẹ, an ủi chồng và rồi sau đưa chàng về cõi tiên. Xong xuôi công chúa hóa hiện độ dân lành từ ải Lạng Sơn vào đến cõi Nam...

"Xuất thế vi Tiên, Giáng thế vi Phật." Phật ở đây là Pháp nhập thế, là Bồ Tát như Quan Thế Âm, mặc áo trắng, cứu khổ trừ tà... hiển linh làm cô gái đẹp bán nước, kẻ đùa bỡn đều bị thánh phạt lăn ra chết, làm kinh động vua quan ở đèo Ngang Phố Cát, Thanh Hóa, đến nỗi vua phải phong làm Mã Vàng Công Chúa, sửa lại đền miếu cầu thánh cho dân thoát nạn dịch tễ, sau lại tôn làm Chế Thắng Bảo Hào Hiệu Đại Vương vì Chúa phù trợ quân vua đánh thắng giặc Mán Chiêm Thành! Nhưng sự hiển linh chỉ có thể trở thành một đạo nội lan tràn từ Lạng Sơn tới Thanh Nghệ nếu Tiên Chúa có những tông đồ biết hoằng đạo, biết gieo hạt giống xuống thửa ruộng bình dân đất Việt. Tông đồ ấy là Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, mà họ Phùng lại là một cao đồ của Trạng Trình, (cũng như Nguyễn Dữ, tác giả Truyền Kỳ Mạn Lục người vào tận Thanh Hóa "tu tiên," viết truyện kinh dị kim cổ kỳ bút và Trương Thời Cử, thâm hiểu sấm ký)! Thế nên rất có thể cả môn phái Bạch Vân Am phò trợ một linh chúa thành Thánh Mẫu, mở ra một loại tôn giáo bình dân để giữ lấy gốc, mà lúc ấy, đời Hậu Lê độc tôn Nho Giáo, đời Mạc đã có các giáo sĩ du nhập giảng đạo Tây dương... cơ hồ làm cho nền Tam Giáo và *nền văn hóa hữu lễ* tâm linh Hùng Vương lay động!

Phùng Khắc Khoan gặp Thánh Mẫu Liễu Hạnh hiển linh hai lần; lần đầu ở chùa Thiên Minh là nơi chúa trụ trì, quanh đây có khi chúa hóa hiện làm người đàn bà ngâm thơ dưới trăng, có khi làm bà lão chống gậy bên đường, lúc chúa đang ngồi dưới gốc cây tùng gảy đàn mà hát:

... tùng minh vạn hác hề thanh tiêu tiêu
... vũ đàn trường khiếu hề độc tiêu dao...
thông reo cửa động rì rào
vỗ đàn vang tiếng tiêu dao một mình

thì vừa lúc sứ giả họ Phùng đi sứ Tầu về nước. Hai người xướng họa đối đáp nhau một hồi thì Chúa biến mất, để lại tên chiết tự thành chữ Liễu Hạnh và một chữ *khởi*, ngụ ý bảo họ Phùng khởi công làm đền thờ.

Lần thứ hai, họ Phùng và các bạn thơ Lý, Ngô... chơi thuyền lạc lối vào khóm đào xanh tươi, giữa có lầu cao đề bốn chữ *"Tây hồ phong nguyệt"* ngay ở Hồ Tây, Thăng Long. Chúa lần này mặc áo hồng như một thiếu nữ khuê các trên lầu, xướng họa với nhóm thi tửu họ Phùng, tới lúc Chúa kết thúc với câu:

Trăng tròn soi một bóng tiên thôi

thì nhóm bạn bè họ Phùng mới biết là Chúa Liễu hiển linh.

Lời Bàn :

1- Ba vị tứ bất tử trước đều ở vào thời xa xưa đời Hùng Vương, Chúa Liễu là vị bất tử nữ giới độc nhất và xuất hiện sau cùng, cách đây khoảng 500 năm (1557).

2- Tài liệu về Chúa Liễu, theo học giả Nguyễn Đăng Thục, có chép trong sự tích Sùng Sơn Thánh mẫu của Hội Chân Biên của Thanh Hòa Tử, vào đời Nguyễn, *"từ đời Lê đến nay (1847), từ hàng nhất phẩm triều đình, các quan không ai không cúi đầu chịu thờ phụng... "* (Tư Tưởng Việt Nam tr. 181). Điểm cần nhấn mạnh Chúa Liễu Hạnh xuất hiện vào Triều Mạc, trên đất Nam Định lúc ấy thuộc nhà Mạc (cho tới mãi sông Mã), vậy không thể viết là Chúa sinh vào đời Lê được. Nhiều sử liệu của ta bị ninh thần nhà Lê sơ và Lê Trịnh thay đổi, rất cần điều chỉnh lại *(nhà Lê mất ngôi 65 năm từ 1527 đến 1593, giai đoạn Lê trung hưng trong góc rừng Thanh Hóa-Ai Lao không thể gọi là chính triều, đất chiếm đóng cũng chỉ nhỏ bằng đất Cao Bằng của nhà Mạc sau này và quốc đô Thăng Long suốt 65 năm vẫn thuộc nhà Mạc).* Việc thờ cúng Chúa Liễu đi theo với tục lên Đồng bóng, cộng với việc xưng tụng là Thánh Mẫu, cho thấy có nỗ lực đưa Chúa Liễu làm Bà Mẹ thiêng liêng của quần chúng nữ giới, từ xưa nay tín ngưỡng dân tộc tồn tại và phát triển là nhờ vào thành phần này. Đàn ông lên đình họp, đàn bà lên đền cúng, cúng Thánh, lạy Phật, và Thánh Mẫu cũng có khi gọi lẫn là Phật Bà, Phật Mẫu, không phân biệt theo cặp mắt bình dân. Sau này, theo dòng Nam tiến, nguyên lý Mẹ, Mẫu này biến thể thành Thiên Y A Na ở miền Trung và Bà Đen ở miền Nam. Ở Tây phương, thờ Chúa Ky Tô, cũng phải thờ thêm Đức Mẹ đồng trinh, cũng có thể là do nhu cầu của nữ giới vốn rất đông đảo và cảm thông với siêu linh sâu mạnh hơn nam giới. Tín ngưỡng *hang động*, như động Hương tích, cho thấy phần âm, tĩnh, sâu, tiềm ẩn, là phần không thể thiếu trong tâm thức tín đồ.

3- Chúa Liễu mãi tới đời vua Tự Đức còn được sùng kính, khi Pháp xâm lăng, nhà vua còn cử sứ thần tới đền Sòng xin cơ bút, bài cơ bút này, giống như sấm Trạng Trình, tiên tri sự xuất hiện một bậc thánh nhân vào thời thánh đạo: *Trời Nam mở vận Viêm bang... Non xanh mà mọc trắng răng mới kỳ...* trắng răng tức Bạch Sỉ, là bậc đại nhân mà Trạng Trình hay nhắc tới.

4- Ta có câu :

Tháng Tám giỗ Cha

Tháng Ba giỗ Mẹ

Giỗ Cha là giỗ Đức Thánh Trần Hưng Đạo ở đền Kiếp Bạc, hóa thân của Thánh Gióng, Giỗ Mẹ là giỗ Chúa Liễu, bậc thánh Mẫu Trời giáng xuống cõi Nam bang. Dân tộc có Cha Thần Mẹ Thánh kế tiếp cặp Rồng Tiên Lạc Long-Âu Cơ để phù trì dân tộc.

*

Kết luận

Tứ bất tử là bốn vị chính của Đạo Nội, nhưng không phải là tất cả đạo nội. Sau này *Đức Thánh Trần*, được thờ cúng ngay lúc còn sống (đền Sinh từ) vì đại công đánh Mông Cổ, được coi là hóa thân của Thánh Gióng, đền Kiếp Bạc trở thành một thánh địa của Đạo Nội, cầu đảo trừ tà diệt ma, theo truyền thuyết gươm Thánh Trần linh thiêng, từng chém chết tên phù thủy lai Tầu Nguyên Bá Linh tức Phạm Nhan. Đạo Nội, danh từ không biết từ đời nào, thường dùng để chỉ tín ngưỡng cổ truyền, thờ cúng các bậc linh thánh giúp dân giúp nước trừ tà diệt ma như *Từ Đạo Hạnh* đời Lý học được phép Mật tông bùa chú trong hang Phật tích, kết hội Bạch liên, dùng gậy thần trôi ngược dòng sông đánh kẻ giết cha là Đại Điên, hùm báo chung quanh đều sợ, lại có phép lột xác tái sinh thành Hoàng tử Lý Dương Hoán... (1116), học trò Đạo Hạnh là Minh Không có phép chữa bệnh cuồng điên hóa hổ của vua Lý Thần Tôn (1136), biết phép rút đất, hóa cơm gạo cho nhiều người ăn, khi chết dân thờ cầu đảo mưa nắng rất nghiệm.

Sau này, đời Lê, xuất hiện các người học phép biến hóa thành tiên như Phạm Viên (Nghệ An), Trần Lộc (Thanh Hóa) cao tay phù thủy đặt ra một hàng môn sinh, tự xưng là Phật tổ, hàng dưới là Bồ tát, Kim cương... một thời được dân địa phương mê tín tuân phục, cũng có khi gọi là Đạo nội nhưng không lan tràn rộng. Trong Văn tế sống hai Cô Gái Trường Lưu, Nguyễn Du cũng có nhắc đến đạo sĩ Phạm Viên :

... Lên chùa Giằng, toan tu với sư Viên

Rũ sạch làu làu, mua chưa được mũ ni áo vá...

Riêng Từ Thức và Tú Uyên là hai vị thành tiên, có lẽ nhờ phép tu hành của Lão Trang, hoặc hướng về tiên đạo, không phải là tứ bất tử, nhưng cũng được thờ, như Tú Uyên ở đền Bích Câu, Thăng Long. Có thể sách của Hội Chân Biên chép tất cả các vị tu tiên, có tài biến hóa thần thông, nên gây ra ngộ nhận giữa Đạo Nội và Tứ Bất Tử. Đạo Nội có đủ cả Tứ Bất Tử và nhiều vị linh thánh khác, *còn ngôi Tứ Bất Tử thì chỉ có Chử Đồng Tử, Thánh Gióng, Tản Viên và Liễu Hạnh.*

Tứ Bất Tử, cốt cách của đạo nội, nghiêng nhiều về Tiên thánh hoặc Mật tông Phật và Ấn Độ Giáo (ảnh hưởng thấy rõ vào đời Đinh, Lê với các cột kinh Đà La Ni Tổng Trì Tam Ma Địa vùng Hoa Lư), nên đưa tiêu chuẩn Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Dũng... của đạo Nho để gán làm tiêu biểu cho mỗi vị e rằng không thích hợp, mặc dù các vị đều có đủ các đức tính trên của Nho giáo. Lòng tin giản dị của bình dân, đi vào tiềm thức cộng thể, tôn thờ những linh thánh giúp dân giúp nước, mà bao đời công đức hóa hiện đã được dân gian nghiệm là thiêng liêng bất tử, cho nên mang tri thức phân tích vào có thể làm hỏng lòng tin đi. Trống Đồng, tiêu biểu cho văn hóa Hùng Vương Đông Sơn, khó so sánh được với ảnh hưởng của Đạo Nội, vì Tín ngưỡng siêu linh bén rễ sâu xa hơn trong quần chúng.

Xã hội nào cũng có hai yếu tố hưng vong trọng đại nhất: Tôn giáo và Địa phương. Xã hội tiến hóa thì yếu tố địa phương sẽ giảm dần mức hệ trọng, nhưng yếu tố tôn giáo dường như vẫn dai dẳng chia rẽ nhân thế, cho nên, trong đại trường kế dân tộc lấy đạo nội Thần đạo Hùng Vương và Tứ Bất Tử làm cốt lõi đồng qui, có thể là một chiến lược bất chiến tự nhiên thành cho nước nhà.

Cũng như Nhật Bản có Thần Đạo và Thiền làm cốt tủy tôn giáo, Việt Nam có Thần đạo Tứ Bất Tử song hành với Thiền môn làm chủ đạo tinh thần dân tộc. Việc hưng phấn nội lực phải bắt đầu bằng việc phục hưng đạo nội, nội lực tinh thần yếu đuối thì không thể phát khởi một xã hội hùng cường, cơ sở tâm linh trống rỗng thì không thể xây dựng một quốc gia phồn thịnh. Lịch sử cổ kim Đông Tây đều tỏa rực nhân lý đó.●

8-2000

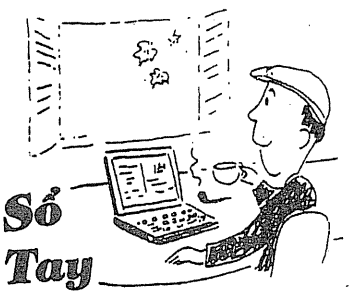

TỔNG THỐNG CLINTON QUA VIỆT NAM

Một bà mẹ ở Hà Nội gọi điện thoại cho con gái ở California bảo rằng chưa bao giờ bà ra đường nhìn mặt người lãnh đạo một nước nào một cách vui sướng, hồ hởi, và nhìn với nhiều thiện cảm, như khi đi ngắm ông Clinton. Bà nói thêm, "kể cả các lãnh đạo nước mình - trừ Bác Hồ, tất nhiên rồi."

Mặc dù cái tin ông bà Clinton đến Việt Nam đã bị báo, đài trong nước "dìm," chỉ được loan báo vào ngày chót với cái tin một, hai cột trên các báo của đảng. Khi đài truyền hình Hà Nội báo tin ông Clinton sắp đến thì bà Hillary Clinton đã có mặt và đi dạo ở Hà Nội rồi.

Ngay việc sắp xếp thời biểu cũng có dụng ý. Ông Clinton đến Hà Nội vào nửa đêm, tới Sài Gòn cũng gần nửa đêm. Còn ma nào muốn đi coi đoàn xe của quốc khách chạy qua nữa? Một nhà báo Việt Nam ở California mô tả là "mặc áo gấm đi đêm."

Bộ Chính trị đảng Cộng Sản đã đạo diễn mọi chuyện như vậy, vì họ muốn người dân càng ít chú ý đến cuộc thăm viếng của ông Tổng thống Mỹ càng tốt. "Lãnh đạo," theo thói quen của Đảng, nghĩa là "phân phối." Xưa thì họ phân phối gạo, bo bo, đường thẻ, kim chỉ, đinh đóng guốc, v.v.. Bây giờ Đảng vẫn chủ trương phân phối được cái gì hay cái đó, như phân phối xe dream, ô tô, và phân phát cả tin tức, hiểu biết, hình ảnh, v.v. Nhưng họ càng hạn chế việc "phân phát khẩu phần tin tức" thì người dân càng tò mò muốn biết, cho nên dân mới rủ nhau đi xem mặt vợ chồng ông Clinton.

Vì vậy, đến ngày thứ nhì sau khi ông Clinton tới Hà Nội thì dân chúng đã chạy ra đường nhìn mặt cái ông trốn lính thời chiến tranh Việt Nam bây giờ đang làm tổng thống Mỹ. Nhất là sau khi ông Clinton xuất hiện trên truyền hình, nói chuyện một cách lễ độ và vui vẻ. Nhưng người dân Hà Nội thì thấy đi xem mặt một Tổng thống Mỹ đủ vui rồi. Nhất là sau khi họ so sánh cách ăn nói hoạt bát của ông ta với bài học thuộc lòng của ông Viện trưởng Viện Đại học Quốc gia. Đi thăm Văn Miếu ông Clinton còn bước tới bắt tay dân chúng đứng bên đường. Ông ta còn dẫn vợ con vào quán ăn, tiếp xúc với những thường dân, theo lối các chính trị gia Mỹ đi vận động tranh cử. Toàn những cảnh lạ mắt mà dân Hà Nội chưa bao giờ thấy cả - kể từ nửa thế kỷ nay.

Có người nói dân Việt Nam đón ông Clinton cứ như đón Việt kiều về nước! Điều đó chỉ đúng với dân Sài Gòn, tuy nhiên cũng có nhiều loại Việt kiều về nước. Có một đám chuyên viên và doanh nhân Việt kiều từ California về cùng một dịp với ông Clinton đã cư xử hống hách như thể họ là Tây, là Mỹ đi sang một xứ nghèo đói để ban phát ân huệ đầu tư và dậy dỗ cho dân bản xứ biết cái gì là *chíp*, cái gì là *bít*, làm thế nào gọi là *cờ-lích* vậy! Thái độ tự cao tự đại của đám Việt kiều này làm cho các nhà báo ngoại quốc cũng phải nhăn mặt khó chịu, và thấy tội nghiệp.

Nhưng ông bà Clinton thì được dân Sài Gòn chờ đón như các Việt kiều tốt về thăm bà con, bạn bè. Các báo, đài không loan tin đầy đủ nhưng dân chúng vẫn đứng hai bên đường Công Lý suốt từ phi trường vào giữa thành phố, như thể chờ gặp một người quen đi xa lâu ngày mới trở về. Người Hà Nội đi xem mặt vợ chồng ông Clinton vì tò mò, còn người Sài Gòn thì thiệt tình chào đón khách.

Hơn 100 bà con nông dân từ Thủ Đức về, và từ đồng bằng sông Cửu Long lên Sài Gòn biểu tình ngồi ở bên đường Thống Nhất - bây giờ gọi là đường Lê Duẩn - cả tháng vừa qua không bị dẹp. Đất đai nhà cửa của người ta bị tịch thâu, vườn soài, vườn bưởi bị nhà nước lấy mất đem cho nhà thầu xây nhà xây cửa mà không bồi thường thiệt hại. Nhưng khi máy bay chở vợ chồng ông Clinton cất cánh ở Hà Nội để vào Sài Gòn thì công an chìm nổi cũng bắt đầu dẹp hết đám biểu tình này!

Một phụ nữ biểu tình đòi bồi thường đất đã nói thẳng rằng bà con mong muốn vụ nằm vạ của họ lọt vào mắt ông Clinton, Tổng thống Mỹ! Bà còn nói hy vọng ông ta sẽ can thiệp giúp với các cụ ở trên! Lạ thật, Đảng đã kể công chống đế quốc Mỹ cứu thiệp để giải phóng họ từ suốt 25 năm nay, bây giờ một phụ nữ nông dân miền Nam lại ước mong ông Clinton động lòng rồi xin hộ Đảng và Nhà nước trả lại nhà, đất, hoặc lỡ

cướp rồi thì bồi thường thiệt hại!

Khi ông bà Clinton đi dạo mấy con đường quanh nhà Chú Hỏa, bây giờ là Viện bảo tàng Mỹ thuật, và lúc họ đi vào quán ăn phở, thì họ đã chinh phục được tấm lòng của người dân ngoài phố. Mấy cô "phục vụ" bưng phở, mấy bà bán hàng cảm động vì được bắt tay ông Tổng thống Mỹ, "người mạnh nhất thế giới," như lời họ nói.

CƯỠI NGỰA XEM PHIÊU

Cố Thủ tướng Anh quốc Winston Churchill từng nói: ngồi chỗ nào, đứng lập trường đó - where you stand depends on where you sit. Hai ông Bill Clinton và Lê Khả Phiêu gặp nhau ở Hà Nội, và "trao đổi," đọc các bài tường thuật, tưởng như nghe hai người điếc nói chuyện với nhau. Ông Lê Khả Phiêu nói gì là do báo *Nhân Dân* kể lại. Còn ông Clinton thì tự mình nhắc lại các điều ông nói với đài truyền hình CNN cho dân Mỹ nghe. Những ý kiến mà ông Lê Khả Phiêu nêu lên, giống như các Tổng Bí thư đảng Cộng Sản khác, câu nào cũng vì mục tiêu chính trị nhất thời. Mà hiện nay ông Lê Khả Phiêu chỉ lo một chuyện, là giữ vững cái ghế Tổng Bí thư trong Đại hội Đảng Cộng Sản lần thứ chín vào năm tới.

Thông thường, một Tổng thống Mỹ đi thăm nước nào, ông ta sẽ đáp lễ ngỏ lời mời người đứng đầu nước đó sang thăm Mỹ. Nhưng lần này ông Clinton không mời ai hết, thành thật vì không biết ai sẽ là ông chủ lớn để mời! Ông Lê Khả Phiêu gặp ông Clinton ở trụ sở đảng. Để chứng tỏ Đảng nặng hơn Nhà nước, ông Phiêu lên giọng nói rằng các ông Lương và Khải đã báo cáo đầy đủ những gì đã bàn với tổng thống Mỹ rồi. Ông Phiêu chỉ dùng cuộc gặp gỡ xã giao này để hô to mấy khẩu hiệu cũ. Chỉ khi ông Phiêu hô đến khẩu hiệu đả đảo đế quốc thì ông Clinton mới giật mình cải chính rằng nước Mỹ không bao giờ có tham vọng đế quốc hết! Nhưng phản ứng này báo Đảng không thuật lại!

Nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến viết trong nhật báo *The Wall Street Journal* dùng hình ảnh "Cưỡi ngựa xem hoa" để mô tả chuyến đi của gia đình ông Clinton. Nhà báo lão thành này dịch là "riding a horse to enjoy the gardens." Tổng thống Bill Clinton đến Việt Nam mấy ngày mà không được gặp, như bà Dân biểu Loretta Sanchez, dân biểu Quận Cam đã gặp, để nghe những người có ý kiến chính trị độc lập, như các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Tướng Trần Độ, Đại tá Phạm Quế Dương.

Ông bà Clinton đã nói đến những quyền sống làm người, các quyền tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do bất đồng ý kiến chính trị. Nhưng ông Clinton đã phạm sai lầm kỹ thuật rất lớn khi nhấn mạnh trong bài nói chuyện ở Đại học Hà Nội rằng việc hội nhập các giá trị nhân bản đó vào đời sống của dân tộc Việt Nam "là do quý vị quyết định." Ký giả Lê Văn Tiến thấy một điểm tế nhị, là khi ông Clinton nói đến "do quý vị quyết định" thì ông nghĩ mình đang nói cho giới trẻ Việt Nam nghe. Nói như thế là đúng rồi. Nhưng ở nước Việt Nam thì người ta thấy khác. Các sinh viên và người dân Hà Nội sẽ hiểu rằng chữ "you - quý vị" ông Clinton đang nói là nhắm vào "các cụ ở trên." Vì ở nước Việt Nam chỉ có "quý vị" đó mới quyết định! Người dân Việt Nam nghe câu "do quý vị quyết định" không ai nghĩ câu đó nói với mình cả!

Ngay việc truyền hình trực tiếp bài diễn văn của ông Clinton cũng bị hỏng. Toà Đại sứ khoe chính họ mướn thông dịch viên để dịch bài diễn văn, nhưng khi ông Clinton nói đến những quyền tự do tôn giáo, đối lập chính trị, thì thông dịch viên bỗng nhiên hụt một hơi thở và bắt đầu ăn nói ngọng nghịu, không ai hiểu gì cả! Tòa Đại sứ không bao giờ biết thông dịch viên của họ và gia đình anh ta đã được công an đến thăm viếng bao nhiêu lần!

CƯỠI NGỰA XEM HIÊU

Hiêu là lối nói của đồng bào ngoài Bắc, trong Nam gọi giống thú bốn chân sống ở trong rừng đó là con "Hươu." Nói ông Bill Clinton đi Việt Nam "cưỡi ngựa xem hươu" cũng đúng. Ông Bill Clinton được nghe ông Lê Khả Phiêu nói chuyện trên rừng dưới biển, đồng bào Hà Nội đọc báo *Nhân Dân* phải lắc đầu: "Lại nói hiêu nói vượn rồi!"

Thí dụ, ông Lê Khả Phiêu nói quá khứ là nền tảng, là sức mạnh của hiện tại và tương lai. Tại sao phải bám lấy quá khứ? Vì đó là món hàng duy nhất còn chút công dụng mà đảng chứa đầy trong kho. Họ cần đem bán cho dân tiêu thụ, giống như cửa hàng bán nước mắm quốc doanh độc quyền. Nước mắm lưu cữu bẩy chục năm, dân phải cố mà nuốt, vì không có món nào khác. Không có báo chí

độc lập, không người bất đồng ý kiến nào được nói. Ông Phiêu tiếp tục ca tụng Đảng "đưa đất nước tiến tới Chủ nghĩa Xã hội."

Tới đây thì dù muốn hay không ông Phiêu cũng phải đụng tới tương lai. Vì cho tới giờ thì cái "Chủ nghĩa Xã hội" vẫn chỉ là một dự phóng tương lai, chưa ai thấy mặt mũi nó ra sao cả. Lần trước, khi ông Lê Khả Phiêu gặp bà Ngoại trưởng Mỹ Madeleine Albrigt bà ta đã thẳng thắn tâm sự với ông. Bà Albright nói, với tư cách là một người sinh ra ở Tiệp Khắc, từng trốn thoát hai chế độ độc tài phát xít và cộng sản rồi chạy sang Mỹ, bà đã vui mừng khi chế độ cộng sản tự sụp đổ ở khắp các nước Đông Âu. Bà Albright hỏi: Thế bao giờ đảng Cộng Sản Việt Nam cũng bắt chước các đàn anh trả Chủ nghĩa Xã hội về cho Viện Bảo tàng Karl Marx?

Cho nên lần này gặp ông Clinton, ông Lê Khả Phiêu bèn nói trước khi bị hỏi: Liên xô sụp đổ mặc kệ Liên xô, đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn nhất định tiến tới Chủ nghĩa Xã hội. Theo báo *Nhân Dân*, ông Lê Khả Phiêu còn nhấn mạnh: Bà Ngoại trưởng của ông đã hỏi tôi liệu Chủ nghĩa Xã hội còn tồn tại được bao lâu, tôi trả lời rằng Chủ nghĩa Xã hội không những tồn tại, mà còn phát triển cao hơn nữa! Nghĩa là ông Lê Khả Phiêu còn làm thơ hay hơn cả ông Tố Hữu. Xưa Tố Hữu viết "Đây Việt Nam Tháng Tám - Em Liên Xô Tháng Mười." Bây giờ thi sĩ Lê Khả Phiêu cải chính rằng Cộng Sản Việt Nam không phải đàn em mà đòi làm đàn anh Cộng Sản Liên xô nữa kia! Nếu có người dịch ra tiếng Mỹ, chắc ông Bill Clinton sẽ học thêm được một thành ngữ Việt Nam khác: "Trứng khôn hơn vịt!"

KHÔNG DIỄN BIẾN, CŨNG KHÔNG HÒA BÌNH?

Sau khi vợ chồng Bill Clinton đi rồi, Tướng Lê Văn Dũng, Tham mưu trưởng quân đội ký tên một bài trong nhật báo *Quân đội Nhân Dân*, lại cất lời dọa nạt sẽ dẹp tan mọi "diễnến hòa bình."

Như vậy nghĩa là gì? Đảng chống mọi thứ diễn biến ở trên đời hay sao? Thế giới không biến đổi là thế giới chết khô. Ngay cả cái xác chết nằm trong tòa nhà bằng đá lạnh cũng luôn luôn diễn biến, không bơm thuốc vào thì nó sẽ rữa, làm sao thế giới người sống lại không diễn biến được? Một nước nghèo nhất thế giới mà không diễn biến thì bao giờ ngóc đầu lên được?

Hay là họ vẫn biết phải diễn biến nhưng chỉ chê lối diễn biến hòa bình thôi? Không muốn hòa bình thì muốn cái gì? Muốn chiến tranh? Muốn bạo loạn? Phải chăng vì thấy dân Việt Nam mới gặp ông Clinton nên Đảng phải lập tức xác định lại lập trường chống diễn biến hòa bình, ký tên một ông tướng Thứ trưởng Quốc phòng? Cách xác định lập trường đó cũng giống như khi công an lên cò súng, cốt cho ai nghe thấy tiếng đạn lên lách cách cũng phải sợ.

Đảng lên cò súng dọa dân để làm gì? Chỉ có một cách giải thích, là thật sự Đảng không muốn có diễn biến, không muốn thay đổi. Ai ngồi đâu ngồi đó, để yên cho Đảng lãnh đạo! Một quy tắc lãnh đạo của các đảng Cộng Sản từ thời ông Lênin đến giờ không đổi, là kiểm soát nồi cơm của dân. Mất gì thì mất, vẫn phải nắm quyền, còn kiểm soát được chỗ nào thì Đảng còn phải củng cố quyền làm chủ của Đảng ở chỗ đó. Một chỗ quan trọng nhất là quyền sở hữu đất đai, Đảng nhất định không chịu nhả ra. Đất là của nhà nước quản lý. Nhà nước cho ai dùng thì người đó được dùng. Nhà nước bảo không, là không. Trong một quốc gia mà 80% dân số sống bằng nghề nông, Đảng làm chủ đất thì cũng như vẫn làm chủ nồi cơm, vẫn nắm thẻ mua gạo của người ta vậy!

Trong khi Đảng vẫn cố tiếp tục bảo vệ quyền kiểm soát nồi cơm của nông dân bằng cách kiểm soát đất, ruộng, không cho tư nhân được làm chủ, thì dân thành phố có thể kiểm soát ra sao? Kiểm soát bằng công ăn việc làm. Nói chuyện với ông Clinton, ông Lê Khả Phiêu nhắc lại khẩu hiệu "doanh nghiệp nhà nước là chủ đạo!" Nếu đa số các xí nghiệp vẫn nằm trong tay Đảng, các cán bộ quản lý là do Đảng chỉ định, thì mọi công nhân viên đều có một ông chủ chung, ông chủ lớn, là Đảng. Đó là lợi khí kiểm soát dân thành thị. Một thiểu số tư nhân và người ngoại quốc được Đảng nương tay cho phép làm ăn thì cũng vẫn lệ thuộc các thứ "kô ta," giấy phép, các thứ con dấu, triện son do các đảng viên cất trong túi. Đảng nắm cả đầu lẫn đuôi, tội gì nhả ra?

CHUYỆN ĐẾM PHIẾU Ở FLORIDA

Trong khi ông Bill Clinton cưỡi ngựa xem hoa thăm Việt Nam tiểu bang Florida đang là sân khấu diễn ra những vụ

đếm phiếu, tranh tụng coi ai sẽ được làm Tổng thống Mỹ. Sau một bài của Tướng Lê Văn Dũng dọa dẹp tan những "diễn biến hòa bình," lại đến một bài khác trên báo *Nhân Dân* để chống khuynh hướng đòi đa nguyên, đa đảng, ký tên Tiến Hải.

Nước Việt Nam có bao nhiêu chuyện khẩn cấp, tại sao cơ quan tuyên truyền của Đảng lại bàn về Đa nguyên Đa đảng trong lúc này? Các ông Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Tướng Trần Độ ... đều bị bịt miệng. Ông Nguyễn Đình Huy thì vẫn ngồi tù. Ai đang đòi đa nguyên đa đảng mà Bộ Chính trị phải lo lắng, cả vú lấp miệng em?

Chỉ có thể giải thích rằng chuyến cưỡi ngựa xem hoa của ông Bill Clinton có hậu quả bất ngờ. Tự nhiên dân chúng Việt Nam, từ Hà Nội vào đến Sài Gòn lại quan tâm đến chuyện chính trị, theo dõi cả chuyện chính trị nước Mỹ! Nghe chuyện đếm phiếu bằng máy, bằng tay ở tiểu bang Florida bên Mỹ, bà con ta theo dõi hàng ngày, đánh cá coi ai thắng bại, chẳng khác gì giữa mùa bóng đá! Dân chúng bắt đầu thấy việc đếm phiếu, chuyện bầu cử, cái gì cũng có vẻ hào hứng, thú vị, đáng lắng nghe. Người dân coi bộ bắt đầu muốn tìm hiểu về những trò chơi mới đó, đảng hơi lo ngại!

Cho nên mới có cái bài "Để làm tròn sứ mệnh một đảng cầm quyền." Ông Tiến Hải viết rằng "... căn cứ nguyện vọng của phần lớn nhân dân, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn chủ trương không thực hiện đa nguyên, đa đảng... (Đó) là nguyện vọng tha thiết của toàn dân. Nếu lúc này mà chấp nhận đa nguyên, đa đảng là phản bội nhân dân..."

Thế làm cách nào các ông biết cái gì là nguyện vọng của nhân dân? Lý thuyết gia của Đảng và báo của Đảng không chịu tiết lộ. Chắc các ông ấy nghĩ rằng cứ đọc báo *Nhân Dân* là biết nguyện vọng của nhân dân ở trong đó rồi! Nếu ông Gore ở Mỹ học được lối ăn nói đó, chỉ việc tự tuyên bố đắc cử, "theo nguyện vọng của nhân dân" thì thật giản dị, chẳng cần ai đếm phiếu nữa!

Ông (bà?) Tiến Hải viết: *"Nhìn nhận vấn đề dân chủ ở một nước là phải xem đảng cầm quyền ở đó thực thi dân chủ như thế nào chứ không thể căn cứ vào việc họ nói như thế nào về dân chủ...* (in nghiêng trên báo *Nhân Dân*.) Nói như vậy chắc dân Hà Nội được dịp cười thỏa thích. Từ trước đến nay đảng Cộng Sản chỉ NÓI chứ có THỰC THI dân chủ bao giờ đâu?

Bằng cớ là chính trong bài báo đó, ông Tiến Hải thú nhận rằng ngay trong nội bộ đảng Cộng Sản cũng có cảnh "Quyền lực thường tập trung vào người đứng đầu một cơ quan, một đơn vị, một cấp, một ngành, một địa phương. Sự may, rủi của cán bộ cấp dưới nhiều khi phụ thuộc việc (lòng) thích hay không thích, yêu hay ghét của người đứng đầu này..."

Tình trạng trong đảng đã không dân chủ như vậy rồi, thì liệu Đảng có thể thực thi dân chủ cho dân chúng ở ngoài xã hội được không? Thì cũng chính ông Tiến Hải viết trong bài đó, trích lời Hồ Chí Minh, "... có dân chủ trong đảng thì mới có dân chủ ngoài xã hội." Cái này nghe giống như phiếu mua gạo vậy. Nếu trong Đảng người ta chưa được ăn gạo thì tất nhiên dân chúng làm sao có gạo ăn? Trong Đảng chưa có thịt thì tất nhiên bà con bên ngoài chịu khó ăn bo bo với muối!

Ông Tiến Hải nói về một nước mà không nêu tên, để chỉ trích rằng: "Thí dụ có nước 20% số dân là những người giầu. Số này chiếm đến 85% tài sản của cả nước. Số dân còn lại (80%) chia nhau 15% tài sản quốc gia. Như thế sao có thể gọi là một xã hội dân chủ được..." Tuy không nói, bà con ở Việt Nam ai cũng biết rằng nó ám chỉ nước Mỹ. Nhưng bà con lao động Việt Nam có thể trả lời ngay rằng họ không mong gì hơn là được khá giả bằng những công nhân nghèo nhất ở Mỹ! Và họ cũng biết rằng trong xã hội Mỹ thì những người thuộc 20% dân số nghèo nhất lúc nào cũng có hy vọng vài ba năm sau sẽ nhẩy lên hạng giầu hơn, mấy năm sau lại nhẩy lên nữa. Bà con Việt Nam đã thấy những người tỵ nạn chạy sang Mỹ với hai bàn tay trắng, mươi năm sau về nước đem đô la đi tặng cho cả họ, cả làng. Ba chục năm trước ông Bill Gates chưa bỏ ngang thôi học Harvard, chắc ông ta cũng thuộc loại nghèo nhất nước Mỹ!

Nhưng trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* ra cùng ngày, tờ báo đảng ở Sài Gòn viết một câu về tình trạng Việt Nam: "Hiện nay có một thực tế: khoảng cách giầu nghèo trong xã hội ngày càng tăng nhanh, nếu so sánh 2% nhóm người giầu và 2% nhóm người nghèo thì khoảng cách đó là gần 30 lần!" Người giầu ở

Việt Nam chắc lợi tức cũng không bằng những người trung lưu hạng thấp ở Mỹ. Vậy những người nghèo nhất nước, lợi tức chỉ bằng một phần 30, thì họ ăn cái gì? Họ sẽ được nghe nói hiêu nói vượn!

MỘT CƠ HỘI LẠI BỎ LỠ

Trước ngày ông Clinton đến Hà Nội, nhiều nhân vật trong chính quyền cộng sản đã đổi giọng, họ nói đến "viện trợ" mà không nói gì đến chuyện "bồi thường" nữa. Những chuyên viên và quản đốc kinh doanh thì nhấn mạnh đến việc phát triển thương mại. Như người con rể của Tướng Võ Nguyên Giáp nói, nhờ chuyến đi của ông Clinton lần này, hy vọng thế giới sẽ nhìn thấy Việt Nam có nhiều thứ để xuất cảng ngoài gạo, cao su, cà phê. Thí dụ, công ty FPT của ông đang xuất cảng nhu liệu máy vi tính mỗi năm hơn một triệu Mỹ kim, hy vọng trong năm năm sẽ lên 500 triệu. Trong thực tế, chỉ có hai mối lợi lớn Việt Nam có thể được hưởng: viện trợ và thương mại, đầu tư. Nghĩa là đảng Cộng Sản đang mong được hưởng những điều mà chính phủ Mỹ đáng lẽ đã làm ngay từ những năm 1974, 75 như lời ông Nixon hứa, nếu họ thi hành đúng bản hiệp định Paris. Chậm trễ hơn 25 năm, chỉ vì chính sách "lãnh đạo" của Đảng nhất định chiếm miền Nam cho cả nước "tiến lên Chủ nghĩa Xã hội." Nước ta đã mất một cơ hội, phí phạm 25 năm với bao nhiêu xương máu, với bao nạn đói.

Nhưng liệu Việt Nam có đạt được hai mối lợi kể trên hay không? Nhìn vào các hành động của đảng Cộng Sản trong mấy năm qua thì thấy nghi ngờ. Chính sách của họ từ năm năm nay là "không quyết định" gì cả. Báo *The Economist* ở Anh nhận xét: "Nếu như chính phủ (Hà Nội) can đảm hơn một tý... Đất nước này đã giầu có ít nhất cũng bằng các tỉnh miền ven biển Trung Hoa. Dân số 80 triệu của họ có óc kinh doanh, trẻ, thông minh, biết chữ, lấy tiền công rẻ, và ai cũng quyết tâm muốn cải thiện đời sống của mình..." Trong thời gian từ khi Hà Nội mở cửa năm 1993, những nhà đầu tư ngoại quốc đã kéo nhau vào, nhờ thế lợi tức trung bình của dân Việt Nam đã tăng gấp đôi trong dăm năm - từ 181 Mỹ kim lên 368 Mỹ kim một năm. Nhưng từ hai, ba năm nay kinh tế đã khựng lại, chỉ tăng ở mức 5, 6%. Tạp chí *"Người kinh tế"* đặt câu hỏi: Tại sao vậy? What went wrong?

Câu trả lời đầu tiên là: các lãnh tụ còn sợ mất "ổn định." Ổn định thì họ tiếp tục ngồi tại chỗ để hưởng những quyền hành và lợi lộc như hiện nay. Họ đã nhìn thấy cảnh nông dân kéo ra thành phố kiếm ăn vì sau vụ mùa ở nông thôn chẳng có việc gì làm. Mỗi năm có thêm hơn một triệu người trẻ đi kiếm việc lần đầu. Các thành phố càng phát triển cao thì nông dân càng bị ánh đèn thu hút. Nếu mở cửa cho kinh tế phát triển thêm thì ở thành phố sẽ có một giai cấp cùng khổ lất lây, mà những người trẻ tuổi này lại được chứng kiến cảnh giầu nghèo chênh lệch mỗi ngày một cao hơn. Trong khi đó ngay tại thành phố số thanh niên thất nghiệp đã đông lắm rồi. Đó là một thùng thuốc nổ. Cho nên Đảng thấy thà rằng để cho tình trạng chậm tiến kéo dài, nghèo nhưng ổn định hơn, vì ai ở đâu ở đó.

Báo *Economist* còn đưa một giả thuyết ít người Việt Nam nào giám nói thẳng ra, vì phân biệt Bắc Nam. Họ thấy chính sách của đảng để mặc cho kinh tế trì trệ là vì họ muốn dân miền Nam Việt Nam dưới vĩ tuyến 17 đừng tiến nhanh quá, miền Bắc đuổi theo không kịp! Dân miền Nam đã sống mấy chục năm trong hệ thống tư bản trước năm 1975, họ đã quen kinh doanh rồi. Nếu mở rộng các cánh cửa cho tư nhân làm ăn thì dân miền Nam sẽ tiến nhiều và nhanh hơn miền Bắc. Cho nên, hãy cứ để từ từ! Và sau cùng, dân chúng càng đỡ nghèo thì càng độc lập về kinh tế, dân không sợ và không cần đảng nữa.

Ba mối lo khiến chính quyền cộng sản không muốn cho kinh tế thay đổi và phát triển, là sợ mất ổn định, sợ miền Nam tiến nhanh hơn miền Bắc, và sợ dân chúng hết cần đến đảng, cả ba nguyên do đó có thay đổi gì sau chuyến viếng thăm của ông Clinton hay không?

Có lẽ họ còn lo hơn nữa. Vì người dân càng nuôi hy vọng Đảng sẽ mở cửa rộng hơn để kinh tế phát triển hơn. Hy vọng của dân càng lên cao thì càng nguy hiểm cho chế độ. Cho nên sau khi ông Clinton về Mỹ, guồng máy tuyên truyền của Đảng phải tìm cách đổ nhiều thùng nước lạnh dập tắt bớt tâm trạng "hồ hởi đón Mỹ" đó. Các bài báo của những ông Lê Văn Dũng, Tiến Hải là các thùng nước lạnh đó. Việt Nam lại sẽ bỏ lỡ một cơ hội khác chăng?●

ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG LƯỚI ĐIỆN TOÁN TRÊN HẠNH PHÚC LỨA ĐÔI

THANH THẢO

Từ ngày máy điện toán trở thành thông dụng tại những xã hội tân tiến, điển hình là Hoa Kỳ, sinh hoạt hàng ngày của đa số con người trong những xã hội này có nhiều thay đổi lớn lao. Mới một thập niên trước máy điện toán còn được xem là một con quái vật xuẩn ngốc, (tạm dịch từ chữ "dumb beast"), mà nay, những người không biết sử dụng máy điện toán đã bị chê là lỗi thời.

Sử dụng máy điện toán ở đây không chỉ đơn thuần là đánh máy, viết bài, hay lên mạng lưới toàn cầu để tìm tài liệu, mà còn là dùng máy điện toán để thay thế luôn những hình thức liên lạc khác, đặc biệt nhất là dùng e-mail thay hẳn cho việc đối thoại, trực diện hay bằng điện thoại. Chỉ nghe những điều trên đây chúng ta có thể tự hỏi không lẽ những xã hội tân tiến biến người thật thành người máy hết rồi sao? Tuy chưa biến hẳn những người sống trong các xã hội tân tiến thành người máy, nhưng mạng lưới điện toán toàn cầu cũng đã dần dà can thiệp vào những sinh hoạt mà loài người trong xã hội văn minh gọi là nhân văn, trong đó có cả hạnh phúc lứa đôi. Hãy thử tìm hiểu xem máy điện toán lấy bằng cách nào.

Theo tin tức báo chí, hiện nay người Nhật nhất toàn thế giới về kỷ lục lên lưới nhiều, với 13.9 ngày trung bình hàng tháng, so với người Mỹ là 12.7 ngày mỗi tháng. Tuy nhiên, vì giá cước phí đường giây viễn thông bên Nhật đắt hơn, nên về số giờ bỏ ra theo dõi đủ mọi thứ trên mạng lưới điện toán, người Mỹ chiếm hạng nhất, với 900 phút hàng tháng trên lưới, Canada hạng nhì, 647 phút, và Nhật Bản hạng ba, 622 phút mỗi tháng. Với cuộc sống ngày càng có nhiều sinh hoạt bận rộn hơn trước, thử nghĩ, trừ đi 900 phút hàng tháng mỗi người dành cho internet, đời sống lứa đôi bị kém hạnh phúc là điều không khó hiểu. Nhưng thời gian này được lấy từ đâu?

Một thí dụ trong bài viết "Has the Internet stolen your mate?", tạm dịch là "Có phải mạng lưới điện toán đã đánh cắp mất người phối ngẫu của bạn?" do phóng viên Lisa Margonelli tường thuật đăng trên tạp chí Health, ấn bản tháng 10 năm 2000 cho thấy hạnh phúc của một vài cặp vợ chồng tiêu biểu bị ảnh hưởng lớn lao vì internet. Chẳng hạn trường hợp bà Cecilia Brunazzi, một chuyên viên vẽ hình kỹ thuật. Cecilia kể lại rằng hai năm qua, từ ngày bắt đầu sử dụng hệ thống America On Line, AOL, bà chỉ lên lưới để tìm những tài liệu cần thiết cho công việc, rồi tắt máy. Thời gian bà dùng sau giờ làm việc tại nhà là để nấu nướng, hay đọc sách, không khác mấy với những sinh hoạt thường có thời trước khi biết internet là gì. Ngược lại, người chồng đã thành hôn tám năm với bà, ông Ekran lại bị Internet lôi cuốn đến độ gần như bỏ rơi bà ngay trong thời gian hai người ngồi trong nhà buổi tối. Lúc đầu thấy ông Erkan, một chuyên viên địa ốc, lên lưới tìm những dữ kiện về quê quán của ông tại Thổ Nhĩ Kỳ, Cecilia cho rằng còn đỡ hơn là ông đi chơi, hoặc rủ bạn bè về nhà, và bà cũng mừng cho ông Ekran vì ông tìm được thú tiêu khiển. Nhưng không lâu sau, bà cảm thấy bị bỏ rơi khi sáng sớm chồng lên lưới, bà không thể chào từ biệt và được có những cử chỉ âu yếm như trước kia; chiều tối bà về đến nhà thấy chồng vẫn còn ngồi chăm chú đọc và tìm cái gì đó trên lưới. Cả hai đã ngừng hẳn không còn hỏi han hay kể những mẩu truyện ngắn cho nhau từ lúc nào bà cũng không nhớ rõ, chỉ biết có một hôm bà đã giận hờn hỏi chồng rằng không lẽ anh không thích nói chuyện với một người thật hay sao?

Một trường hợp khác về một "quả phụ mạng lưới," tạm dịch từ chữ "Internet Widow," là một giảng sư đại học môn Anh Ngữ, bà Petra Kyle. Bà Petra cho biết bà cũng ghét bị bỏ rơi vì chồng mê mạng lưới điện toán không khác gì bà Cecilia. Người chồng tám năm của bà, ông Roger, đã tốt nghiệp Luật

Khoa. Vì ông bận rộn học thi lấy bằng hành nghề Luật tại tiểu bang Nevada, nên hai ông bà không có giờ nói chuyện, nhiều ngày bà chỉ gặp ông ngay trước cửa nhà để chào từ biệt nhau đi làm. Nhưng gần đây, chính bà phải ký nhận những thùng hàng từ công ty Fed-Ex do ông mua đấu giá trên eBay; điều này khiến bà phải đặt lại vấn đề rằng chồng không có đến năm phút nói chuyện với mình mà có giờ mua đủ thứ trên internet, như vậy ông ta có một cuộc sống bí mật riêng chăng? Và nếu thế thì sự kết hợp giữa hai người phải được định nghĩa như thế nào?

Những trường hợp vừa nêu không gây ngạc nhiên cho chuyên gia tâm lý Hilarie Cash, cư dân Redmond, Washington, một chút nào. Bà Hilarie Cash cho biết đã điều trị cho bệnh nhân đầu tiên sáu năm về trước về loại bệnh mang tên Cyberpsychology, hay tâm lý trên lưới. Là chủ nhân trung tâm điều trị mang tên Internet Computer Addiction Services for Web Users, bà Hilarie thuật lại nhiều trường hợp bệnh nhân gần như bị nghiện mạng lưới điện toán. Những bệnh nhân bà liệt kê thuộc cả hai phái, là những người dành quá nhiều thời gian lên lưới, nói chuyện trên lưới, xem hình khiêu dâm trên lưới... đến độ họ trở thành người bệnh tâm thần, thay đổi tính tình thường xuyên, mất ngủ, bỏ mặc trách nhiệm công việc cũng như việc nhà, nói dối với thân nhân, và trở thành người có đời sống bí mật. Theo bản báo cáo được công bố cho Hội Bệnh Tâm Thần Hoa Kỳ, American Spychological Association, năm ngoái, tỉ lệ người Mỹ bị bệnh tâm thần do lên lưới quá độ là 6%.

Bên cạnh những người bệnh tâm thần vì lên lưới điện toán quá độ, những người bình thường khác như trường hợp người phối ngẫu của hai bà Cecilia và Petra, là những người chỉ dành quá nhiều giờ trên lưới, với số giờ trung bình là 3 tiếng 13 phút mỗi tuần hiện nay, so với chỉ có 2 tiếng 13 phút năm 1999, mức tăng trưởng 45%. Dù một tiếng đồng hồ không phải là dài, nhưng theo nghiên cứu gia tâm lý về gia đình John Gottman tại viện Đại Học Washington, một cuộc hôn nhân thành công đòi hỏi hai người phối ngẫu phải dành cho nhau ít nhất là sáu tiếng mỗi tuần để trao đổi những điều cần thiết nhất trong sinh hoạt chung, bàn về mơ ước tương lai, hoặc chỉ đơn giản là cùng đi chung nơi đâu đó. Mặc dù số giờ này có thể được chia thành nửa tiếng hôm nay, 15 phút ngày mai, hai tiếng ngày cuối tuần, nhưng nếu mất đi số giờ chung này, hạnh phúc lứa đôi sẽ bị ảnh hưởng trầm trọng.

Theo một bản thăm dò do công ty NPR, do hai cơ quan đồng thực hiện, Henry J. Kaiser Foundation và Harvard John F. Kennedy School of Government, 58% người được hỏi đã trả lời rằng internet đang dẫn chúng ta vào lối sinh hoạt thiếu thời gian dành cho gia đình và bạn bè. Những người bị lôi cuốn, kể cả những chuyên gia, đáng lẽ phải đủ khả năng tránh được sự cuốn hút, trong đó có cả một vị lãnh đạo tinh thần Do Thái Giáo, quá bận "chat" với những vị khác, hoặc lên lưới đọc tin trên Jerusalem Post.

Các chuyên gia tâm lý còn cho biết biện luận của những người mê mạng lưới internet rằng xưa nay họ vẫn thích coi thể thao hoặc lười biếng nằm xem TV, thì nay họ mê lên lưới có gì khác đâu, là không hoàn toàn đúng. Vẫn theo bà Cash, người xem thể thao vẫn thường có thể ngồi cùng một phòng, vào Thứ Hai của vài tháng, rồi khi cuộc tranh tài chấm dứt họ vẫn có thể trở lại sinh hoạt bình thường. Trái lại, người lên lưới thường ngồi một mình, và mạng lưới mở rộng 24 giờ hàng ngày, nên người bị nghiện khó thoát được ra, nếu không có ai giúp họ. Bà Cash khuyên những "quả phụ mạng lưới điện toán" cách thay đổi người phối ngẫu rằng thay vì than thở một cách tổng quát như "anh chẳng còn bỏ chút giờ nào cho em nữa cả," quí bà cứ nói chi tiết hơn rằng "Hồi xưa mình hay đi chơi chung thứ Bảy, bây giờ anh cứ lên lưới hết cả thứ Bảy của mình," sau đó tổ chức những buổi đi chơi chung như thời trước. Ngoài ra, việc bỏ hẳn internet là việc không tưởng, theo bà Cash, cho nên, giới hạn thời gian lên lưới vào khoảng giờ nhất định nào đó là cách hay nhất để kéo người phối ngẫu trở lại với cuộc sống trong xã hội thật. Bà còn đề nghị hai người trong nhà đặt máy điện toán bên cạnh nhau, để lúc lên lưới là thời gian cả hai cùng bận, nhưng thời giờ còn lại là của chung. Đây là cách hai nạn nhân Cecilia và Petra đã áp dụng khá thành công.

Tìm lại hạnh phúc đang bị Internet lấn chiếm không phải là chuyện dễ làm, vì cai bất cứ một hình thức nghiện

nào cũng đều khó khăn. Hy vọng với sự kiên nhẫn và khéo léo, nhiều bà sẽ dành lại được sự chú ý của chồng từ con quái vật điện toán, và có lại hạnh phúc lứa đôi.

THOÁT KHỎI TỬ THẦN TẠI CÁNH ĐỒNG CHẾT

THANH THẢO

Trong những câu chuyện thương tâm được kể lại về sự can đảm và bền chí, chúng ta thường thấy dường như sự bất hạnh đến trong cuộc đời người nhằm thử thách nghị lực. Một trong những câu chuyện thương tâm thời nay, xảy ra khoảng một phần tư thế kỷ trước, phải kể đến cuộc thảm sát dân lành Cam Bốt của nhóm Khờ Me Đỏ. Cuộc thảm sát này đã được thuật lại trong phim The Killing Fields, hay Cánh Đồng Chết, đã từng được đề nghị giải Văn Học Nghệ Thuật Oscar. Mỗi nạn nhân trong cuộc tàn sát diệt chủng này đều có ít nhất một câu chuyện hãi hùng để kể lại, trong đó có câu chuyện của cô Loung Ung, một nạn nhân đã dùng kinh nghiệm của mình làm hành trang cho cuộc tranh đấu chung chống mìn trên thế giới.

Loung Ung

Loung Ung phải đối diện với cuộc nội chiến tại Cam Bốt khi cô bé mới lên năm tuổi. Cha cô là một nhân viên cao cấp trong chính quyền, mẹ và sáu anh chị em bảo bọc cuộc sống gia đình êm ấm trong đó Loung là con áp út. Ngày 17 tháng 4 năm 1975 đã in hằn trong tâm trí cô với hình ảnh khi đang chơi nhảy lò cò trước cửa nhà, cô nhìn thấy đoàn quân xa cũ kỹ của nhóm Khờ Me Đỏ tiến vào thủ đô Phnom Penh. Những tên quân nhân Khờ Me Đỏ đã ra lệnh cho mọi người rời khỏi nơi cư ngụ nên cả gia đình cô cũng làm theo hàng chục ngàn người khác, di tản về miền thôn quê, bỏ lại tất cả tài sản sau lưng. Vì bọn Khờ Me Đỏ chủ trương tàn sát tất cả những người bị nghi ngờ là giới trí thức, hoặc có tài sản, nên gia đình cô cũng như tất cả những người dân tản cư đã phải che dấu quá khứ của mình. Vì sợ có thể bị nhận diện, cha cô đã đưa gia đình trốn từ làng này sang làng khác, nhưng cũng không thoát khỏi sự theo dõi của bọn Khờ Me Đỏ.

Một buổi trời chạng vạng tối, trong lúc cả gia đình cô đang sửa soạn ngủ, bọn Khờ Me Đỏ đã đến bắt cha cô đi. Ông đã can đảm đứng thẳng người lên rồi ôm hôn từng đứa con trước khi bị hai tên quân nhân Khờ Me Đỏ giải đi. Đó là lần sau chót cô nhìn thấy cha mình. Ba tháng sau, nhận thấy cuộc sống kham khổ và nguy hiểm của những người lẩn trốn ngày đêm có thể khiến cả gia đình cùng chết, người mẹ can đảm của cô đã làm ra vẻ chán nản, mắng rằng cô là một gánh nặng bà không thể cưu mang, để đuổi cô đi trốn riêng với những người anh em. Bà bảo rằng chỉ có đủ sức giữ lại người em út bốn tuổi. Loung vừa buồn khổ, vừa giận mẹ, nên đã rời xa bà, đi trốn riêng, nhưng nhiều năm sau cô mới hiểu được sự hy sinh lớn lao của mẹ mình. Bà và người em út đã không chịu đựng được sự hành hạ của bọn Khờ Me Đỏ, nên đã qua đời dưới sự khủng bố khắc nghiệt của chế độ Khờ Me Đỏ trên Cánh Đồng Chết, và chính bà đã không muốn trở thành gánh nặng của các con.

Rời Phnom Penh, Loung theo những thiếu niên đồng lứa vào trại lao động, nơi cô và bao nhiêu thiếu niên khác được bọn Khờ Me Đỏ huấn luyện thành những kẻ tàn nhẫn, và có khuynh hướng bạo động. Cô còn nhớ rằng mình được khen khi chứng tỏ tính hung hăng bằng cách gây sự và đánh nhau với những thiếu niên khác. Cô cũng không sao quên được một trường hợp đã gây ấn tượng sâu đậm trong tâm trí và thỉnh thoảng vẫn còn về ám ảnh cô sau này, đó là khi vì bị Khờ Me Đỏ đầu độc tư tưởng, cô đã giật nắm cơm trong tay một phụ nữ hấp hối, người phụ nữ này sau đó chết đói.

Năm 1979, khi quân đội

Việt Nam Cộng Sản chiếm Cam Bốt, cuộc đời Loung lại thay đổi một lần nữa, sau khi bọn Khờ Me Đỏ bị đuổi khỏi thành phố và thủ đô Phnom Penh. May mắn sao những thành viên còn sống sót trong gia đình tìm lại được nhau, và cùng đi bộ sang Thái Lan tị nạn. Năm cô lên 10 tuổi, thoát khỏi sự khủng bố hãi hùng nhất và mang theo trong tâm hồn nỗi đau thương, mất mát của cả một đời người, Loung được một nhà thờ tại Essex Junction, Vermont bảo lãnh sang Mỹ cùng một nhóm người tị nạn Cam Bốt khác.

Cuộc sống bình an tại Vermont đã cho Loung cơ hội để tạo lập một cuộc sống mới. Loung đã gia nhập nhóm cổ động cho những đội thể thao, cheerleading Squad, cô cũng chơi bóng đá, và bắt đầu biết ăn những món ăn phổ thông tại mỹ như bánh Pizza, nhưng cô không thể trốn chạy khỏi những cơn ác mộng quá khứ vẫn hiện về nhiều đêm. Vào năm lên 15 tuổi, cô đã bị một cơn chán đời khiến cô định tự tử. Theo lời của một cố vấn giáo dục, cô đã giữ một quyển nhật ký ghi lại tất cả những xúc cảm và những cơn khủng hoảng sau khi tỉnh dậy từ ác mộng. Ngay cả những lúc hoảng sợ, hay cảm thấy may mắn là mình thoát được Cánh Đồng Chết cô cũng ghi lại, vì vào thời điểm này không còn người nào, ngay cả thân nhân của cô, còn muốn nhớ lại hay nhắc lại những kinh nghiệm hãi hùng tại Cánh Đồng Chết. Cô cho biết rằng những quyển nhật ký này đã cứu sống cô và giúp cô vượt qua thời gian khủng hoảng kéo dài những năm cuối Trung Học, và là tài liệu để cô hoàn tất quyển sách mang tên "First They Killed My Father," tạm dịch là "Trước tiên, Họ Giết Cha Tôi." Quyển sách này cô cũng dùng làm tài liệu riêng cho những thế hệ gia đình sau này không thể biết mặt ông bà.

Sau khi tốt nghiệp Đại Học, Loung bắt đầu hoạt động xã hội, và giúp những phụ nữ bị bạo hành. Cô cho biết, lúc đó cô đã cảm thấy rằng chỉ bằng cách giúp đỡ những người khác vượt qua được sức tàn phá của bạo lực, cô mới tìm được cách chữa lành vết thương trong tâm hồn mình. Cô cũng cảm thấy vô cùng may mắn đã có được những bản năng sinh tồn và cô mong muốn giúp những nạn nhân bạo hành khác luyện được khả năng này như một hình thức tạ ơn trên đã cho cô sống sót. Năm 1995, Loung trở lại thăm Cambodia, và tình cờ gặp một bé gái đang ăn xin. Thấy hình ảnh bé gái này rất giống mình ngày trước, cô gặn hỏi và được cho biết cha cô bé đã chết vì mìn. Cô rùng mình nghĩ rằng số phận mình cũng đã có thể giống hệt như bé gái đó, điểm khác biệt duy nhất là cô đã thoát được ra nước ngoài. Loung về Mỹ với tâm trạng phải thực hiện một điều gì đó nhằm thay đổi thảm trạng con côi do cha mẹ chết vì mìn tại đây.

Loung gia nhập tổ chức chống mìn trên thế giới, và cùng với Công Nương Diana của Anh Quốc, Hoàng Hậu Noor của xứ Jordan, cô trở thành phát ngôn viên cuộc vận động tranh đấu cho một thế giới không còn mìn. Đây là một chương trình thuộc Hội Cựu Quân Nhân Hoa Kỳ từng tham chiến tại Việt Nam, hay Vietnam Veterans of America Foundation. Hội này đã đồng sáng lập Chương Trình Tranh Đấu Cấm dùng Mìn trên thế giới, và đã đồng nhận giải Nobel Hòa Bình năm 1997. Loung thông thạo năm ngôn ngữ và thường dùng 20 ngày hàng tháng thuyết trình tại nhiều địa điểm về nguy cơ của mìn. Một trích đoạn trong những bài diễn thuyết của cô: *"Những quả mìn sau khi được chôn không có ngày hết hạn, không biết cuộc chiến đã chấm dứt từ lâu, mà chỉ âm thầm nằm sâu trong lòng đất chờ đợi gây thương tích hoặc tử vong cho những nạn nhân vô tội."*

Loung không cho câu chuyện của mình là về sự hận thù hay về chiến tranh, mà là tình yêu thương, và cô cũng cho biết câu chuyện của cô không phải về tình yêu như phim Titanic, mà về tình yêu thương gia đình. Tình yêu thương đó đã là động lực thúc đẩy cô hoạt động cho công ích như một sự cảm tạ Thượng Đế đã dành cho cô sự may mắn, khả năng, và nghị lực để còn tiếp tục tranh đấu vì tình nhân loại. Nhân mùa Tạ Ơn năm nay câu chuyện của cô Loung Ung thiết nghĩ cũng là một gương tích cực của một người đã trải qua những hãi hùng đáng kể mà vẫn giữ được lòng nhân ái bao la.

BẦU CỬ 2000

TRẦN QUÁN NIỆM

Vô tiền khoáng hậu

Có thể nói là chưa bao giờ trong lịch sử trên 200 năm của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ lại có một cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ nhiều gay cấn và ly kỳ như cuộc bầu cử năm 2000. Nếu nói về số

phiếu không hơn nhau bao nhiêu thì đây không phải lần thứ nhất vì từ năm 1876 đến nay đã có bảy lần hai ứng cử viên Tổng Thống có số phiếu suýt soát nhau (gần đây nhất là năm 1976 giữa Jimmy Carter và Gerald Ford) nhưng chưa lần nào số phiếu của hai bên gần nhau như lần này. Với tổng số 100 triệu dân Mỹ đi bầu, Gore chỉ hơn Bush chưa tới 250,000 phiếu, một số phiếu quá nhỏ. Nhưng oái oăm thay, với hệ thống bầu cử tại Hoa Kỳ, thắng phiếu do dân bỏ, không có nghĩa là đắc cử, vì chỉ có thắng phiếu cử tri đoàn (electoral vote) mới thực sự đoạt được chức vụ TổngThống Hoa Kỳ.

Mời bạn đọc theo dõi tiếp những chi tiết ly kỳ khác của cuộc bầu cử năm 2000 do tác giả thu lượm từ báo chí Hoa Kỳ để cống hiến bạn đọc, nhất là những vị không theo dõi tin tức thường xuyên, hay bạn đọc ở nước ngoài.

Phiếu dân (popular vote) và phiếu cử tri đoàn (electoral vote)

Khác với hệ thống bầu cử thông thường tại các quốc gia trên thế giới, thời lập quốc Hoa Kỳ các nhà lập pháp ấn định là tùy theo dân số, mỗi tiểu bang được hiến pháp qui định có bao nhiêu phiếu cử tri đoàn, thí dụ tiểu bang California có 54 phiếu cử tri đoàn, tiểu bang Florida có 25 v.v. Toàn quốc có 538 phiếu cử tri đoàn, tính theo số Dân Biểu (435) và số Thượng Nghị Sĩ (100) và 3 cho vùng Washington DC. Dân chúng trong tiểu bang (quốc tịch Mỹ, đến tuổi đi bầu) ghi danh trước để đi bầu và ngày bầu cử chỉ có những người này được bỏ phiếu mà thôi. Ứng cử viên thắng nhiều phiếu do dân bỏ, được hưởng trọn số phiếu cử tri đoàn của tiểu bang đó. Người nào thắng 270 phiếu sẽ đắc cử Tổng Thống. Thông thường, ứng cử viên được nhiều phiếu dân bỏ sẽ được nhiều phiếu cử tri đoàn, nhưng đôi khi có trường hợp ngoại lệ là người chiếm nhiều phiếu do dân bỏ lại không hội đủ số phiếu cử tri đoàn để đắc cử Tổng Thống. Đó là trường hợp năm 2000.

Nói lộn, nói lại

Ngày bầu cử năm nay, dân Mỹ bỏ phiếu lai rai từ sáng sớm đến 8 giờ tối giờ địa phương, nhưng buổi tối trên 61 triệu dân Mỹ ngồi trước màn ảnh truyền hình theo rõi kết quả bầu cử. Ba hệ thống truyền hình lớn là CBS, NBC, ABC với các chuyên viên tin tức gạo cội (theo thứ tự) Dan Rather, Tom Brokaw, Peter Jenning, tường thuật trực tiếp và chi tiết về diễn tiến bầu cử, cộng thêm các bình luận gia uy tín góp lời bàn. Khán giả hồi hộp vì hai ứng cử viên thắng phiếu sát nút. Như tất cả các cuộc bầu cử trong dĩ vãng, các đài truyền hình căn cứ trên các toán tiên đoán kết quả đặt tại các trung tâm bầu cử tại từng tiểu bang cũng như thực hiện cuộc phỏng vấn dân đi bầu nơi phòng phiếu để dự đoán kết quả ai thắng, ai bại dù chưa đến giờ đóng cửa phòng phiếu cũng như chưa có con số đếm phiếu chính thức. Các đài truyền hình cạnh tranh nghề nghiệp trong việc thông báo tin tức nóng hổi đến khán giả, do đó tin tức được chuyển về đài, phối kiểm và định giá qua loa rồi thông báo ngay lập tức. Tiền lệ là như thế nên năm 2000 các cơ quan truyền thông cứ "bổn cũ soạn lại," không dè lần này bị "tổ trác." Trong khoảng sáu tiếng đồng hồ, ba đài truyền hình lớn nhất nước Mỹ đã tuyên bố Gore thắng tại Florida, rồi sau đó nói Bush thắng, và cuối cùng, nói không ai thắng cả, kết quả quá sát nhau, nên còn chờ. Sai lầm trầm trọng nhất là khoảng hai giờ đêm, khi đài truyền hình loan báo, Bush thắng lớn tại Florida (trên 50,000 phiếu), làm Gore hấp tấp gọi điện thoại cho Bush chúc mừng và chấp nhận thua cuộc. Ai ngờ khoảng chưa đầy một giờ sau, khi biết Bush thắng chỉ 1,784 phiếu, Gore rút lại lời chấp nhận thua cuộc, làm Bush mừng hụt (theo luật định tại Florida, khi số phiếu chênh lệch dưới 0.5%, phiếu sẽ được đếm lại).

Báo chí cũng không tránh khỏi vết xe đổ của đài truyền hình. Nhiều tờ lẹ tay, cho in hàng chữ lớn "Bush thắng Gore" trên trang nhất, rồi phải thâu hồi tất cả số báo đã in, đem liệng thùng rác.

Các quốc gia trên thế giới cũng lâm vào cảnh tương tự. Một vài quốc gia đã gửi điện văn chúc mừng Bush. Vài quốc gia tương đối may mắn, điện văn thảo rồi nhưng chưa kịp gửi nên đành ngồi chờ kết quả của một cuộc bầu cử lạ lùng. Báo chí nhiều quốc gia châm biếm, từ trước tới nay, chỉ tưởng là những quốc gia nhược tiểu mới lôi thôi trong các cuộc bầu cử, ai ngờ ngày nay nước Mỹ cũng vậy.

Bất phân thắng bại

Sau một đêm thức trắng với nhiều giây phút hồi hộp, muốn đứng tim cho cả hai ứng cử viên và hai phe ủng hộ, kết quả chưa ngã ngũ

Gore được 265 phiếu cử tri đoàn trong khi Bush được 246 phiếu. Con số 25 phiếu của tiểu bang Florida sẽ làm nghiêng lệch cán cân (đạt 270 phiếu), đưa một trong hai người này vào toà Bạch Ốc trị vì bốn năm tới. Do đó chiến trường trên toàn quốc Hoa Kỳ nay dồn vào một tiểu bang duy nhất là Florida, sẽ được trình bầy trong tiểu đoạn tới.

Bao nhiêu dân Mỹ đi bầu

Người ta những tưởng với trình độ dân trí cao tại Hoa Kỳ, lại là xứ dân chủ, tự do và người dân ưa thích chuyện chính trị, phương tiện truyền thông phổ biến rộng rãi, ắt hẳn số dân chúng Mỹ đi bầu phải rất đông đảo. Trong năm 2000, hai ứng cử viên tranh cử ráo riết, cộng thêm ba lần tranh luận đối diện trên đài truyền hình với khán giả là toàn nước Mỹ, nhưng con số người ghi tên đi bầu chỉ đạt tới 51% dân số. Nhìn về dĩ vãng 40 năm qua, người ta thấy tỷ lệ này không thay đổi là bao (1). Chẳng bù với các quốc gia nhược tiểu, thống kê của nhà nước cho biết tỷ lệ đi bầu có khi lên đến 99%.

Đặc biệt lần này người ta ghi nhận dân Việt quốc tịch Mỹ tham gia với số đông và bàn cãi rất sôi nổi về sự chọn lựa giữa đảng Cộng Hòa và Dân Chủ. Phần lớn dân Việt tại California ủng hộ Gore, nhưng tại các tiểu bang khác, nhất là miền Nam nghiêng về Bush.

Ai bầu cho ai

Như một định lệ, ai cũng biết đảng Cộng Hoà (Bush) luôn có khuynh hướng bảo thủ, thiên về bảo vệ quyền lợi dân giầu, còn đảng Dân Chủ nghiêng về cải tổ xã hội, chú ý đến quyền lợi của dân thiểu số và lợi tức thấp, đồng thời tương đối kém cứng rắn khi đương đầu với Cộng Sản. Tổng quát thì thế, nhưng thực tế, còn nhiều yếu tố khác như các kế hoạch trong tương lai liên quan đến giáo dục, xã hội, môi sinh v.v. (chưa kể sự gắn bó của dân Hoa Kỳ vào hệ thống lưỡng đảng), sự suy thịnh của nền kinh tế và đặc biệt trong lần này là đạo đức cá nhân, ảnh hưởng đến việc chọn lựa của người dân dành cho vị Tổng Thống tương lai. Theo sự thăm dò ý kiến của người dân thực hiện trước ngày bầu cử thì khoảng 45% bỏ cho Bush và 40% bỏ cho Gọre, tuy nhiên các cuộc thăm dò này chỉ có tính cách tương đối, sai số khoảng 3 đến 5%. Ngày bầu cử, quả nhiên nửa dân số bầu cho Công Hòa, còn nửa kia chọn Dân Chủ. Tuy nhiên nếu độc giả cần biết chính xác hơn, thì có bảng thống kê sau đây, đúc kết ngay sau khi bầu cử.

Bầu cho Bush:

53% đàn ông, 52% đàn bà nội trợ, 54% trắng, 51% tốt nhiệp đại học, 56% lập gia đình và có con, 57% người đi nhà thờ, 54% lương trên $100,000, 62% đề cao đạo đức cá nhân

Bầu cho Gore:

54% đàn bà, 58% đàn bà đi làm, 90% đen, 62% Hispanic, 60% trình độ dưới trung học, 54% lương từ $15,000 - $30,000, 48% quyết định trong ba ngày cuối.

Chuyện dài bầu cử

Khi bài này lên khuôn thì cuộc bầu cử Tổng Thống năm 2000 vẫn chưa biết sẽ về đâu dù đã kéo dài trên hai tuần lễ. Đây là trường hợp duy nhất trong lịch sử nước Mỹ. Dù số phiếu do công dân Hoa Kỳ ở hải ngoại (phần lớn là quân nhân) gửi về đã đếm xong với kết quả Bush hơn Gore 930 phiếu tại Florida, nhưng Bush chưa thể tuyên bố thắng cuộc vì còn đợi tòa án Tối Cao tại Florida quyết định về khiếu nại do Gore đưa ra đòi đếm lại bằng tay số phiếu bầu tại các hạt (county) mà dân chúng đa số ủng hộ đảng Dân Chủ. Dư luận dân chúng cho là Gore ngoan cố, không nhận thua dù số phiếu Bush dẫn đầu và Gore cố ý đòi đếm phiếu bằng tay với hy vọng mong manh là sẽ kiếm đủ số phiếu để đánh bại Bush, giành chiếc ghế trong tòa Bạch Ốc. Sợ rằng cuộc bầu cử kéo dài quá lâu gây ảnh hưởng không tốt trong dư luận quần chúng Mỹ và dư luận thế giới, tạo khó khăn cho vị Tổng Thống tương lai, các nhân vật trong đảng Dân Chủ khuyến cáo Gore nên chấp nhận, tuyên bố thua cuộc để tạo sự thống nhất và đoàn kết quốc gia, đặt quyền lợi quốc gia Hoa Kỳ trên tham vọng cá nhân.

Trong dĩ vãng, đã có những trường hợp tương tự, với số phiếu bầu ngang ngửa, nhưng ứng cử viên kém phiếu đã mau lẹ cân nhắc quyền lợi và uy tín đảng phái, quốc gia, để chấp nhận thua cuộc, không có ý định kéo dài kết quả bầu cử qua những thưa kiện về mặt pháp lý. Chẳng lẽ người xưa có nhiều đạo đức, liêm sỉ hơn người đương thời hay sao?

Tiền rừng bạc bể

Trong khi chờ đợi kết quả cuộc bầu cử Tổng Thống, tác giả ghi nhận thêm một vài sự việc đáng chú ý nhất của kỳ bầu cử năm 2000. Với mục

đích tiết kiệm, nhân dịp bầu Tổng Thống, dân chúng Hoa Kỳ bầu luôn các dân biểu, nghị sĩ. Trong cuộc tranh đua kiếm chiếc ghế dân cử, các ứng cử viên Tổng Thống cũng như dân biểu, nghị sĩ, đã xử dụng gần một tỷ Mỹ Kim (1,000 triệu) vào các chi phí quảng cáo trên hệ thống truyền thông (truyền đơn, báo chí, truyền hình). Bush và Gore tiêu 100 triệu mỗi người. Phần lớn các số tiền đó do ứng cử viên quyên góp từ các nhóm tư bản, các đại công ty (các người "ủng hộ" này chi tiền với hậu ý sẽ được hưởng các đặc lợi sau này khi ứng cử viên họ ủng hộ đắc cử). Tuy nhiên có một ngoại lệ là tại New Jersey, nhà triệu triệu phú Cozin, tiêu 60 triệu tiền túi vào công tác tranh cử (và ông ta thắng cử). Người ta quan sát thấy rằng, các ứng cử viên tiêu nhiều tiền, đến từng quận, hạt tiếp xúc với dân chúng (như bà Hillary, đi tranh cử khắp 62 hạt (county) của New York) có nhiều hy vọng thắng cử. Đúng là "Mạnh vì gạo, bạo vì tiền" hay "Có tiền mua tiên cũng được."

Hillary đại thắng tại NewYork

Hy hữu là đệ nhất phu nhân Hillary đoạt ghế Thượng Nghị Sĩ tiểu bang New York. Trước bà, chưa có vị phu nhân nào đạt thành quả này. Tiểu bang New York có tiếng là không thích bầu cho người không phải bản quán tại New York, ngoại trừ trường hợp đặc biệt duy nhất là vào thập niên 60 Robert Kennedy thắng cử tại đây. Bà Hillary chỉ mới mua nhà tại New York trên một năm nay, từ ngày bà quyết định tranh cử tại tiểu bang này. Mới đầu bà gặp một đối thủ sừng sỏ, nhiều uy tín là ông Rudy Giuliani (Cộng Hòa), thị trưởng thành phố New York. Ai ngờ vận may của bà quá lớn, vì giữa khi tranh cử đang gay go, ông này bị trục trặc trong đời sống gia đình, lại thêm mắc bệnh ung thư nhiếp hộ tuyến nên bỏ cuộc. Ông dân biểu bốn nhiệm kỳ nhưng trẻ tuổi là Rick Lazio nhập cuộc muộn. Nhờ nổi tiếng sẵn là đệ nhất phu nhân, mà phần lớn cũng vì cảm tình dân chúng dành cho bà trong vụ Clinton-Monica, bà đóng trọn vai trò người đàn bà hiền thục, chịu phần thua thiệt vì có người chồng "mất nết," nên uy tín bà lên như diều gặp gió. Và như trên đã nói bà "đông bạc" cũng như dư thừa phương tiện "tiền hô hậu ủng" thăm dân cho biết sự tình tại khắp 62 county, nên cuối cùng bà đã chiến thắng vẻ vang.

Tuy nhiên chủ tịch Thượng Viện đã dọa trước "vào đây, bà chỉ là một Thượng Nghị Sĩ kém thâm niên nhất trong số 100 người thôi." Nhưng dù sao tham vọng chính trị của bà cũng đã đạt thành sau bao nhiêu hoạch định.

Chuyện hiếm có: Người chết đắc cử

Ngày 18 tháng Mười 2000 Thống Đốc tiểu bang Missourie là ông Carnahan (Dân Chủ) đột ngột tử nạn máy bay trên đường tranh cử chức Thượng Nghị Sĩ tiểu bang này. Đối thủ cuả ông là Thượng Nghị Sĩ Ashcroft (Cộng Hòa) mừng thầm vì những tưởng "một mình một chiếu," phần thắng nắm chắc trong tay. Ai ngờ định mệnh trớ trêu, ông Carnahan tử nạn sau ngày được ấn định là hạn chót rút tên khỏi danh sách tranh cử, nên tên tuổi ông còn đó. Vị Thống đốc tiểu bang mới có quyền cử người thay thế đã bao trước sẽ cử bà góa phụ Carnahan. Ngày bầu cử, dân Missouri vì mến mộ ông Carnahan, lại thêm xót thương cho người "tài hoa mệnh yểu" nên đồng lòng dồn phiếu cho ông. Kết quả là ông Ashcroft thua đau 50,000 phiếu trong cảnh dở khóc, dở mếu.

Bà goá phụ Carnahan (66 tuổi) sẽ thay chồng giữ ghế Thượng Nghị Sĩ trong vòng hai năm, chờ cuộc bầu bán phần Thượng viện kỳ tới. Cần biết thêm là từ trước đến nay bà chưa từng giữ chức vụ dân cử nào, mặc dù luôn sát cánh yểm trợ chồng trong khi ông là Thống Đốc.

Khi được biết về trường hợp bà Carnahan, các giới chức thuộc các quốc gia khác vô cùng ngạc nhiên. Thật là chuyện gì cũng có thể xẩy ra trên nước Mỹ trẻ trung, tự do và phóng khoáng này. Nhưng đây cũng không phải là lần đầu tiên dân Mỹ bầu cho một người đã chết. Đã có mấy vị dân biểu được bầu như vậy rồi.

Chú thích

(1) Năm 1960, dân số đi bỏ phiếu 62.8%, bầu Tổng Thống Kennedy.
Năm 1964, 61.9% T/T Johnson.
Năm 1968, 60.9% T/T Nixon.
Năm 1972, 55.2% T/T Nixon.
Năm 1976, 53.5% T/T Carter.
Năm 1980, 54% T/T Reagan.
Năm 1984, 53.1% T/T Reagan.
Năm 1988, 50.2% T/T Bush.
Năm 1992, 55.9% Clinton.
Năm 1996, 49% T/T Clinton.
Năm 2000, 51% T/T chưa rõ.

MẤY VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

CĂNG THẲNG VÀ SỢ HÃI THAY ĐỔI BỘ ÓC VÀ NGĂN TRỞ VIỆC HỌC

QUỲNH ANH

Nếu đặt câu hỏi yếu tố nào làm cho học sinh học kém, có lẽ nhiều người sẽ nghĩ đến những yếu tố như giáo sư thiếu phương pháp sư phạm, giáo sư ít hiểu biết về môn học, sách giáo khoa dở hay lớp học phá phách. Ít ai nghĩ đến một yếu tố quan trọng là sự căng thẳng tinh thần của người học trò hay những đe dọa trù dập xảy ra cho em.

Ông Eric Jensen cho rằng sự căng thẳng của học sinh và những mối đe dọa em phải chịu có thể là yếu tố quan trọng nhất ngăn trở việc học của các em. Ông là tác giả cuốn sách nhan đề *Dạy học với sự quan tâm về bộ óc*. Ông chứng minh rằng sự căng thẳng tinh thần và đe dọa thay đổi cách cư xử của các em, thay đổi cách làm việc của bộ óc và không giúp cho việc học của các em. Sự căng thẳng và đe dọa còn có thể ảnh hưởng ngay cả đến cấu trúc của các tế bào óc. Các nhà khoa học đã chứng minh rằng tế bào óc hay nơ-rôn của một con thú thủ lãnh trong đàn có nhiều đuôi gai (dendrites) hơn và các đuôi gai này dài hơn tế bào óc của một con thú ở cấp thấp. Các đuôi gai giúp cho sự liên lạc chuyển tin giữa các tế bào óc. Như vậy bộ óc của con thú thủ lãnh ngay trong cấu trúc của nó đã linh lợi, nhanh chóng hơn bộ óc con thú cấp dưới. Con thú cấp dưới phải chịu nhiều sự sợ hãi, đe dọa, ức hiếp từ các con thú lãnh đạo và sự căng thẳng, sợ hãi này ảnh hưởng đến cả cấu trúc tế bào óc của nó.

Khi con người gặp hiểm nguy đến từ môi trường hay bị sợ hãi căng thẳng, cơ thể tiết ra chất kích thích tố cortisol và một loạt phản ứng tự nhiên khác tiếp diễn như hệ thống miễn nhiễm chống vi khuẩn yếu đi, các bắp thịt lớn co thắt và áp huyết gia tăng. Vincent cho rằng tình trạng căng thẳng kinh niên làm chết đi các tế bào óc của bộ phận hải mã (hippocampus). Mà các nhà khoa học đã cho chúng ta biết rằng bộ phận hải mã rất quan trọng cho việc tạo dựng trí nhớ. Nhà khoa học Robert Sapolsky cũng khám phá thấy rằng những cựu chiến binh Mỹ chiến đấu ở Việt Nam bị bệnh căng thẳng thần kinh, bộ phận hải mã bị teo nhỏ từ 8 đến 24% hơn người thường. Như vậy là những học sinh bị căng thẳng nhiều năm trong học đường có thể hại đến bộ phận hải mã của các em và khả năng nhớ của các em. Gazzaniga còn cho rằng trẻ em bị căng thẳng kinh niên khó phân biệt được những gì quan trọng và những gì không quan trọng. Jacobs và Nadel nhận xét rằng khả năng suy nghĩ và nhớ bị hạn chế khi con người bị căng thẳng.

Sự căng thẳng kinh niên cũng có thể hại đến sức khỏe và sức khỏe yếu ảnh hưởng tới việc học. Trong một cuộc nghiên cứu, người ta thấy sức kháng cự bệnh tật của học sinh yếu đi trong mùa thi do sự căng thẳng gây ra. Jermott và Magloire khám phá thấy rằng một chất kháng thể quan trọng để chống lại sự nhiễm trùng xuống thấp hơn trong cơ thể các em. Các em này rơi vào vòng luẩn quẩn: càng nhiều bài thi càng căng thẳng, càng bị bệnh, càng nghỉ học nhiều, càng học kém, càng bị điểm thấp và càng căng thẳng hơn. Vai vế xã hội cũng có thể là nguyên nhân tạo ra sự căng thẳng. Khi bị căng thẳng, cơ thể không những tiết ra chất kích thí tố cortisol mà nó còn có thể tạo sự mất thăng bằng về hóa chất trong người, như thay đổi mức độ serotonin trong cơ thể. Serotonin là một chất truyền dẫn (neuro-transmitter) có ảnh hưởng tối quan trọng đến xúc cảm và cách cư xử của con người. Khi nó hạ thấp, các em có thể hung bạo hơn. Một số học sinh quen cách sống muốn gì được nấy ở nhà, đến trường thành một học sinh giống như mọi học sinh khác thì bỗng trở nên hung bạo. Như vậy là vai vế trong lớp học

có thể gây sự căng thẳng làm hạ thấp mức serotonin và khiến các em hung dữ hơn. Nhưng khi được giao cho trách nhiệm và nhiều quyền hạn hơn trong những vai trò lãnh đạo, các em này đổi hẳn cách cư xử và trở nên biết điều. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc cho phép các em thay phiên nhau có những vai trò lãnh đạo trong lớp.

Trong tờ báo chuyên môn về y khoa New England Journal of Medicine, Alan Rozanski viết rằng ngay cả những câu mỉa mai và những lời phê bình nặng nề có thể khơi nguồn những bệnh bất bình thường về tim đối với những người có sẵn căn cơ bệnh. Trẻ em đến từ những gia đình hung bạo, thường bị la mắng, đánh đập có một bộ óc phát triển đặc biệt để thoát nạn nhưng lại không thích hợp để học hành. Mắt các em luôn luôn rà chung quanh phòng để nhận biết mối hiểm nguy ở đâu như một kẻ quen sống với sự hiểm nguy rập rình và có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đó là phản ứng tự nhiên của em sau nhiều lần bị cơn thịnh nộ của ông bố bất thần ập xuống thành những cú đấm đá bất ngờ. Khi bị đe dọa và sợ hãi, mắt của em không tập trung được vào một điểm. Ngược lại các em dùng thị giác ngoại biên nhiều hơn, như một kẻ nhìn rộng ra ngoài để nhận diện sự hiểm nguy từ đâu đến. Như vậy không cách nào mắt em tập trung được vào hàng chữ hay những đoạn chữ in nhỏ. Bộ óc các em như được cấu tạo và tập luyện để thoát hiểm nguy chứ không phải để học. Một bộ óc làm việc để thoát hiểm không có khả năng giải quyết những vấn đề phức tạp trong việc học. Nó không thấy được những mô thức giống nhau là một khả năng trí tuệ quan trọng để hiểu. Bộ óc đó không nhận ra được những mối liên hệ, không thấy được những hệ thống tổ chức phức tạp. Do đó, sự học của các em chỉ hạn chế trong nỗ lực nhớ những sự kiện rời rạc. Một bộ óc như thế không đương nổi với những liên hệ phức tạp của những ý niệm và vấn đề rộng lớn hơn. Ngược lại, các học sinh không bị căng thẳng có thể thấy được các mối tương quan liên hệ, hiểu được những lý thuyết rộng lớn và phối hợp được những ý niệm học đến từ nhiều lãnh vực khác nhau.

Từ ngàn xưa tới nay, nhiều nhà giáo đã dùng sự đe dọa, hình phạt, sợ hãi để kiểm soát học sinh. Nói theo những khám phá mới của khoa học thì hành động này hại đến cấu trúc và cách làm việc của bộ óc. Nó ngăn trở việc học của các em. Không phải chỉ có nhà giáo mới dùng sự đe dọa để kiểm soát con người. Nhiều chính quyền cũng áp dụng chính sách này và hậu quả của nó là ngu dân.

THIẾU CHỦ ĐỘNG CÓ THỂ TẠO SỰ NẢN CHÍ BỎ HỌC CỦA HỌC SINH

Hầu như nhà giáo nào cũng có dịp gặp trong lớp những học sinh thối chí. Dù bài làm khó hay dễ, các em không có can đảm cố gắng, làm thử. Trong lòng các em nghĩ: dằng nào tôi cũng không thành công được, cố gắng làm chi. Nhưng các em cứ phải ngồi lại trong ghế học đường, uổng phí thì giờ trong sự chán nản và thối chí. Nhiều lúc nhà giáo tự hỏi: không biết em có nên đi học nghề không thay vì tự làm khổ mình ngồi nán lại trong lớp học trong khi em không muốn học hay nói đúng ra đã hoàn toàn tuyệt vọng và không còn tin tưởng gì vào khả năng học của mình.

Nhiều cuộc nghiên cứu tâm lý làm với súc vật đã dọi ánh sáng vào vấn đề tuyệt vọng và thối chí này. Một loạt những cuộc thí nghiệm với thú vật vào năm 1968 của Maier và Geer cho thấy là nguyên nhân sâu xa của sự thối chí là sự thiếu chủ động. Các con chó được nhốt vào những cái lồng riêng rẽ. Chúng bị điện giật nhẹ qua khung lưới sắt của sàn trong chuồng và chúng không cách nào thoát được. Sau một thời gian chịu điện giựt như vậy, chúng chấp nhận số phận. Lúc đó, luồng điện chỉ đi vào nửa chuồng. Sau đó, người ta kéo các chú chó sang nửa phần an toàn của cái chuồng để chúng biết được có nửa khu an toàn có đèn bật làm hiệu. Nhưng lạ thay, các chú chó lại đi trở lại nửa sàn có điện giật và nằm cuộn tròn lại trong sự sợ hãi. Cách cư xử này cũng giống như trường hợp của em học trò đã đi học nhưng vẫn tin rằng em sẽ thất bại và không chịu cố gắng nữa. Thử hỏi bao lâu thì người ta mới dạy lại được cho chú chó biết chọn lựa nửa chuồng an toàn để ngồi trong đó? 5 hay 10 lần kéo sang nửa bên an toàn? Thực ra cần tới từ 30 đến 50 lần kéo chú chó sang bên an toàn thì chú mới tự mình chủ động cứu nguy cho mình. Đó là những gì Peterson và các đồng nghiệp của ông khám phá được vào năm 1993 khi làm các thử nghiệm này với các chú chó. Chúng ta có thể nghĩ rằng con người thông minh hơn thú vật và sẽ cư xử khác đi. Nhưng khi bộ óc đã bị thay đổi bởi kinh nghiệm thất bại thì cũng cần phải có thời gian để nó thay đổi trở lại bình thường. Nếu quý vị có dịp tiếp xúc với những người phụ nữ bị chồng đàn áp đánh đập và

quý vị khuyến khích họ đứng dậy tự bảo vệ và làm lại cuộc đời, quý vị sẽ thấy bao nhiêu người cúi gầm mặt và an phận. Nếu quý vị bước vào các lớp học và gặp các em học sinh thối chí không làm gì cả, quý vị sẽ nhớ lại hình ảnh các chú chó an phận thủ thường. Thường thì các giáo sư sẽ khuyến khích các em này năm hay 10 lần rồi cũng bỏ cuộc. Nhưng thật ra, các em có khi cần tới 10 lần khuyến khích, 10 lần cố gắng và thành công để lấy lại được tự tin. Bộ óc cần thời gian và cần kinh nghiệm chủ động và thành công để xây đắp lại những đường nối kết chạy điện mới (new neural circuitry) về niềm tin, sự chủ động và sự hăng hái.

Những cuộc nghiên cứu trong ngành sinh học về não bộ cho thấy là chỉ cần bị một cú sốc tinh thần mạnh là đủ để thay đổi các vị trí tiếp nhận tin tức của bộ óc. Nhưng chúng ta cần nhớ lại rằng sự thối chí do sự bất lực, thiếu chủ động gây nên. Chú chó bị tạo điều kiện để trở thành thối chí vì nó không có chọn lựa nào khác, dù nó chạy đi đâu chăng nữa lúc đầu, nó cũng bị điện giựt. Sự thiếu chọn lựa và chủ động này gây nên một sự thay đổi lớn lao trong sinh hoạt hóa học và sinh học của não bộ. Có thể nói rằng não bộ thay đổi để tạo nên một mô thức nối kết điện mới mang tên là thối chí và nó ảnh hưởng tới cách cư xử của chú chó. Khi hoàn cảnh bên ngoài thay đổi và chuồng chó có được nửa bên an toàn, bộ óc vẫn còn hoạt động trong mô thức thối chí và thụ động. Cần nhiều sự cải tạo, học lại mô thức mới để chú chó lấy lại quyền tự chủ và chọn lựa. Nếu người học sinh bị cú sốc tinh thần mạnh và em có chọn lựa và có lấy quyết định, bộ óc của em sẽ không bị rơi vào mô thức thối chí. Đó là lý do tại sao, những nhà cải tiến giáo dục ngày nay kêu gọi học đường cho học sinh nhiều quyền chủ động. Trong đại đa số các trường học, mọi chuyện từ thời giờ học cho đến chuyện ngồi học chung với ai đều được quyết định từ bên ngoài, ngoài quyền chủ động của người học sinh.

Về phương diện giáo dục, chúng ta rút tỉa được bài học gì từ những thay đổi não bộ này khi sinh vật bị thiếu quyền chủ động. Hai nhà nghiên cứu Villanova và Peterson trong năm 1993 đã phân tích 132 cuộc nghiên cứu làm với con người về tình trạng học bài học thối chí. Một phần của công trình phân tích so sánh hậu quả trên con người so với hậu quả đối với thú vật. Điều đáng quan tâm là các nhà nghiên cứu này cho rằng hậu quả của những bài học thối chí có thể còn mạnh hơn đối với con người. Khi học đường không cho học sinh quyền chủ động, lại gán các em vào những hoàn cảnh thất bại liên tục, học đường dạy cho em bài học thối chí. Em học sinh bị học quá mức hấp thụ của mình là một nạn nhân. Thày cô đưa những bài làm quá khả năng của các em hay những bài toán không có câu giải đáp cũng tạo nên sự thối chí. Các em cần được quyền chọn lựa và quyết định một phần nào trong sinh hoạt học đường. Như chọn đề tài nghiên cứu, chọn đề tài luận văn, chọn hình thức khác nhau để chứng minh em đã hiểu bài, chọn nhịp độ học của em v.v... Không khí tự do và quyền chủ động này là căn bản của sự tự tin và hun đúc sự say mê học vấn. Thiếu quyền chủ động không phải chỉ là vấn đề trong nền giáo dục nước nhà mà thôi. Nó còn là vấn đề sâu rộng trong đời sống dưới một chính thể độc tài. Quyền chủ động là căn bản của dân chủ. Một khi nền giáo dục gia tăng quyền chủ động của học sinh, học đường đã góp công vào việc đào tạo những thế hệ thanh niên dân chủ.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

PHỎNG VẤN HÒA THƯỢNG THANH TỪ

Đặc biệt của KICON

Sáng ngày thứ Tư, 08 tháng 11, Hòa Thượng Thiền Sư Thích Thanh Từ đã đến Thiền Thất Ngọc Chiếu ở thành phố Garden Grove bang California - Hoa Kỳ để làm Lễ Quy y cho một số Phật Tử.

Hòa thượng Thanh Từ năm nay 76 tuổi, là Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Đây là lần thứ hai Ngài từ Việt Nam qua hoằng pháp tại Hoa Kỳ. Tại Thiền thất Ngọc Chiếu, Hòa Thượng Thanh Từ đã dành cho Kicon cuộc phỏng vấn đặc biệt sau đây:

Kicon: *Xin Hòa Thượng cho biết mục tiêu của chuyến viếng thăm Hoa kỳ lần này?*

Hòa Thượng Thích Thanh Từ: Chuyến đi này của chúng tôi nhắm hai mục tiêu chánh và một mục tiêu phụ.

Mục tiêu chánh thứ nhất là ở Dallas bang Texas, Phật tử hùn với nhau mua một thửa đất, rồi xây sửa làm một thiền viện. Khi làm thì có gởi thư về Việt Nam yêu cầu chúng tôi đặt tên và sau này chúng tôi sẽ qua để dự lễ khánh thành. Vì nhiệt thành của Phật tử, nên chúng tôi đồng ý, vì vậy tôi đặt tên cho thiền viện là Quang Chiếu, tên gọi gần với thiền viện Ngọc Chiếu ở California. Khi Phật tử xây thiền viện thì tôi không có mặt ở bên đây, tưởng rằng công việc còn lâu mới xong, nhưng không ngờ mấy tháng sau, đã có thư và hình ảnh gởi về báo cho biết là đã xây xong thiền viện. Vì lời hứa, chúng tôi phải xin phép đi. Tôi đã đến thẳng Dallas dự lễ khánh thành thiền viện Quang Chiếu.

Ở bên đây có một số Phật tử trước kia đã qui y chúng tôi, sau qua đây, kế đó là những Phật tử bên này về Việt Nam qui y, cũng có một số Phật tử nghe băng giảng của chúng tôi rồi hâm mộ, muốn được gặp chúng tôi. Cho nên, sau khi dự khánh thành thiền viện Quang Chiếu, tôi nghĩ, mỗi một lần đi là một lần khó khăn, tốn hao cũng nhiều, nếu chỗ nào cần giảng thì mình cũng phải giảng cho Phật tử nghe để nhắc nhở họ tu tập. Vì có những nơi mời, tôi hứa đi giảng. Đó là mục tiêu chánh thứ hai.

Còn mục tiêu thứ ba là phụ. Trước chúng tôi đi, miền Tây bị lụt nhiều, các thiền viện chúng tôi, đại diện là Thường Chiếu tổ chức đi cứu lụt được một lần. Những Phật tử đi cứu trợ về thuật lại cho tôi nghe, tôi rất là xót xa. Đồng bào mình bị nạn lụt khổ sở đủ bề nhưng mà nhờ lòng hảo tâm của Phật tử gần xa, cũng như của đồng bào các nơi gởi về hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp cứu trợ nên nhờ vậy mà đồng bào chưa đói. Nhưng đồng bào than rằng, ngày mai nước cạn, khi trở về thì nhà cửa không còn, không biết xoay xở ra sao. Đó là cái làm tôi xót xa nhất. Tôi nghĩ rằng, ở bên đây cũng có nhiều chùa vận động để cứu trợ. Nếu khi nào có chỗ nào vận động thì tôi cũng góp ít lời để khuyến khích cho Phật tử phát tâm. Còn nếu không có thì tôi nghĩ Phật tử thương tôi ủng hộ, thì lúc về, tôi cũng chia một phần để cứu trợ đồng bào trong phạm vi thầm lặng của tôi.

Kicon: *Với những người quan tâm đến quá trình tu tập và hoằng pháp của Hòa Thượng, thì đều biết rằng Hòa Thượng đã vượt lên tất cả mọi tranh chấp và thị phi của cuộc đời. Tuy nhiên, trong vài tuần qua, trong cộng đồng người Việt hải ngoại có dư luận cho rằng, hôm 22 tháng 10 vừa qua tại chùa Bảo Quang ở San Antonio-Texas, Hòa Thượng vào giờ phút chót đã hủy bỏ việc hoằng pháp tại đây chỉ vì có tin nói rằng ban tổ chức đã treo cờ quốc gia. Xin được nghe chính thức từ Hòa Thượng về những lời đồn đãi này.*

Hòa Thượng Thích Thanh Từ: Trước khi nói về dư luận đồn đãi đó, tôi phải nói dài hơn một chút.

Khi đi tu, tôi có bản nguyện rằng, mình tu thì phải thực hiện ba điều. Một là phải Học cho tới nơi về Phật pháp. Hai là phải Hành, cái học mình học rồi thì phải thực hành cho đến nơi đến chốn. Thứ ba là đem Phật pháp

chỉ dạy lại nếu ai cần. Như vậy, nguyện vọng của tôi rất thuần túy là TU, HỌC và TRUYỀN BÁ PHẬT PHÁP mà thôi. Ngoài ra tôi không quan tâm tới điều gì nữa. Đó là điều tôi đã qui định sẵn trong cuộc đời của tôi.

Khi tôi qua tới chùa Bảo Quang, hôm đó tôi đang giảng ở Houston, thì thầy Minh Ấn là sư trụ trì và bác sĩ Thụy là chủ tịch trong hội ở chùa rước chúng tôi. Tôi hoan hỉ ngồi chung xe. Khi gần đến chùa Bảo Quang thì nghe tin ở trong đó cờ xí treo khắp nơi, nhất là treo trong phòng giảng. Khi gần tới chùa, bác sĩ Thụy dừng xe ở ngoài, cách xa chùa cũng chừng năm ba chục thước. Tôi cũng chưa thấy được chùa thì Minh Ấn chạy vào dàn xếp, nhưng rất lâu không thấy ra. Lát sau có Phật tử ra nói rằng ở trong đó đang xảy ra cãi cọ. Nghe như vậy, tôi cũng làm thinh chưa nói gì, chờ coi phản ứng ra sao. Một lát, cũng nhiều người ra nói như vậy, thì tôi nói bác sĩ Thụy thôi cho phép tôi về. Rồi tôi ra xe đi về. (cười...) Như vậy, tôi chưa thấy cái chùa, chưa thấy cờ xí gì hết, và cũng chưa bao giờ tôi bảo hạ cờ, dẹp cờ gì hết, vậy mà sau đó có những tin đồn không đúng sự thật. Tôi nói vậy để quí vị thấy là chúng tôi có một lập trường trước sau như một, giảng Phật pháp là Phật pháp, chứ không nên giảng Phật pháp mà pha lẫn màu sắc chính trị nào. Đó là chủ trương của tôi như vậy.

Cho nên ở Việt Nam hiện giờ, chúng tôi giảng ở chùa nào thì cũng thế thôi. Họ có treo cờ thì treo ở ngoài cổng, hoặc là trên cột cờ. Còn phòng giảng thì vẫn để trống, chỉ để một tượng Phật, một lá cờ Phật giáo thì tôi giảng. Còn nếu có cái gì khác thì tôi từ chối. Những điều tôi nói vừa rồi không phải là lý thuyết. Bây giờ quí vị xem kỹ lại những cuốn băng video tôi giảng ở Việt Nam mà bên này thu hình, có buổi giảng nào treo cờ như vậy không? Như vậy khi tôi qua đây, tôi tin rằng đây là xứ tự do. Tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do nhân quyền nữa (cười), mà tôi tới giảng Phật pháp mà lại bị như vậy thì tôi nói làm sao. Như vậy, nếu tôi vui vẻ thực hành theo đúng theo ý nguyện của những người đó thì đời tôi đã lem luốc rồi. Tôi bị kẹt. Hồi xưa tới giờ tôi không từng kẹt thì bây giờ tôi kẹt thì cũng tội nghiệp cho tôi.

Cho nên tôi mới có cái quyền xin rút lui. (Cười...) Không phản đối gì hết. Mình thấy làm không được thì mình rút lui. Đó là bổn phận của chúng tôi.

Nếu nói xa nữa, tôi xin nói thêm là quan niệm của chúng tôi là Phật pháp còn, không phải do tổ chức giỏi mà do người tu chân chánh và ngộ đạo. Bởi vì tôi đọc lịch sử Phật giáo từ Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, thấy rằng trải qua bao lần thăng trầm, nhưng mà qua cái trầm thì còn những người tu hành đạt đạo người ta dựng lại được. Vì vậy tôi nghĩ đời tôi phải thực hiện theo lý tưởng đó là làm sao Phật giáo còn trong thuần túy đạo đức do mình tu được, mình nói cho Phật tử hiểu mà tu. Còn cái tổ chức thì tôi không dám dự. Trong những câu hỏi Kicon đưa cho tôi có câu hỏi về Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng Độ, tôi xin nói rằng từ thời 63, tranh đấu Phật giáo với ông Diệm thì tôi cũng là một người đứng ngoài. Bởi vì tôi chủ trương nếu khi nào được cho giảng dạy Phật pháp thì tôi giảng dạy, khi nào không cho thì tôi đóng thất tôi tu. Vì mục tiêu tôi nhắm tôi chưa đạt được cho nên bao nhiêu thời gian, bao nhiêu sức lực tôi dồn hết vào việc tu tập, tôi không lo việc khác. Ngày xưa như vậy, ngày nay tôi cũng như vậy.

Kicon: *Những người hiểu biết về Hòa Thượng đều kính trọng kiến thức uyên bác và sự dấn thân của Hòa Thượng trong việc phát huy và bảo vệ đạo pháp. Tuy nhiên Hòa Thượng cũng hiểu rằng một đất nước mà chiến tranh kéo dài như vậy khiến lòng người bị phân hóa, cho nên sự ứng xử của một bậc cao tăng như Hòa Thượng cũng có khi bị giải thích sai lạc. Câu hỏi xin được Hòa Thượng làm sáng tỏ là Hòa Thượng không hề tham gia Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong giai đoạn thập niên 60 đến nay, nhưng có tin tức nói rằng Hòa Thượng lại tham gia vào Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam hiện nay, một tổ chức mà dân chúng trong và ngoài nước gọi là "Giáo hội Phật giáo quốc doanh" của nhà nước Hà Nội. Sự thật của vấn đề này ra sao, thưa Hòa Thượng?*

Hòa Thượng Thích Thanh Từ: Tôi cũng bị cái oan là Thầy đang làm lớn trong giáo hội bây giờ (Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam) tên là Thích Thanh Tứ (cười...) còn tôi là Thanh Từ. (Cười...) Thanh Tứ, Thanh Từ gần quá đi nên tôi bị oan cái đó. Còn về tôi thì xin nói rõ cho mấy anh biết, thời trước, khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất quản lý tăng ni, thì tôi là một vị tăng dưới sự quản lý của tăng ni thời đó. Thời này, Phật giáo Việt Nam Thống Nhất quản lý tăng ni, thì tôi là một vị tăng dưới sự quản lý đó. Cũng như hồi trước

75, chánh quyền xưa là Quốc gia quản lý thì tôi là người dân của Quốc gia. Bây giờ chính quyền Xã Hội Chủ Nghĩa quản lý, thì tôi là người dân của xã hội chứ tôi không khác hơn khác nhau. Riêng tôi, tôi chỉ đặt vấn đề tu làm sao cho sáng đạo, cho ngộ đạo. Đó là tôi giữ được Phật pháp. Còn quí vị đó thì nghĩ rằng phải giữ được cái đoàn thể của mình là giữ

Đinh Quang Anh Thái đang phỏng vấn Hòa Thượng Thanh Từ

được. Vậy thôi (cười thoải mái).

Kicon: *Chuyến viếng thăm Hoa Kỳ lần này của Hòa Thượng diễn ra trong một bối cảnh rất tế nhị là lũ lụt đang tàn phá các tỉnh miền Tây gây thiệt hại nặng nề về nhân mạng và tài sản của đồng bào. Hòa Thượng Quảng Độ với tất cả tấm lòng từ tâm muốn cứu giúp đồng bào thì bị nhà cầm quyền cấm cản và đuổi về lại Sài Gòn. Trong khi đó, Hòa Thượng Huyền Quang thì vẫn tiếp tục bị quản chế tại Quảng Ngãi và một số vị Hòa Thượng bị cấm xuất ngoại. Riêng Hòa Thượng lại được phép qua hoằng pháp tại Hoa Kỳ. Sự kiện này nên được giải thích như thế nào?*

Hòa Thượng Thích Thanh Từ: Như tôi đã nói khi trước, chúng tôi chủ trương là khi nào đủ duyên cho giảng đạo thì tôi đi giảng. Không đủ duyên thì tôi đóng cửa thất tôi tu. Như vậy, trước cũng như nay, có việc gì mà thuận lợi, mở mang Phật pháp trong cũng như ngoài nước mà Phật tử mời thì tôi tới. Còn không thuận lợi thì tôi rút lui.

Còn chuyện Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng Độ mỗi vị có lý tưởng được Phật pháp. Hai cái nhìn hơi khác nhau. Cái nhìn của quí vị đó tôi không dám phê phán, cũng như cái nhìn của tôi thì chỉ tôi biết thôi. Như vậy mỗi người có quyền nhìn khác nhau. Còn chuyện xử sự của chánh quyền đó là chuyện của chánh quyền. Nếu đặt câu hỏi tại sao (chánh quyền xử sự như vậy) thì tôi cũng bí thôi. (Cười...) Cho tôi đi thì tôi đi, còn cấm (những người khác) thì cấm chứ tôi có biết gì đâu.

Kicon: *Việc hoằng pháp hiện nay của Hòa Thượng, ảnh hưởng của phái Trúc Lâm, về mặt giảng đạo lẫn xây dựng các thiền viện ở miền Bắc như thế nào?*

Hòa Thượng Thích Thanh Từ: Chúng tôi nghĩ rằng mình là người Việt Nam, nhất là tôi là vị tăng theo đạo Phật Việt Nam thì trước hết, tôi muốn truyền bá đạo Phật thì tôi phải nghĩ ngay rằng, tổ tiên mình tu theo đạo Phật thế nào. Chẳng lẽ bỗng dưng tôi ra truyền bá mà không biết tổ tiên tu làm sao. Nếu như vậy thì là cái khuyết của tôi. Cho nên tôi phải truy ra xem tổ tiên mình ngày xưa tu thế nào, hay

dở ra sao để mình chọn lọc đường lối hay mình theo. Tôi cũng thuộc loại người hơi tự ái dân tộc một chút. Tôi thấy ở Ấn Độ, ông Hoàng thái tử đi tu rồi ngộ đạo, đem truyền bá chánh pháp. Như vậy, cái đạo của Ngài nó vượt ra ngoài cả quyền quí, danh vọng. Có vậy Ngài mới đi tìm được, mới truyền bá chứ nếu nó tầm thường thì Ngài trở về làm Vua sướng hơn. Như vậy ở Ấn Độ, người đầu tiên khai mở đạo Phật là một ông Hoàng, tìm được giáo lý siêu thoát như vậy cho nên Ngài đi truyền bá.

Ở Việt Nam mình, vua Trần Nhân Tông sau khi qua những chiến tranh rồi, bình yên rồi, Ngài giao hết sự nghiệp cho con cái, Ngài đi tu. Như vậy thì nếu Ngài thấy đạo Phật tầm thường thì không bao giờ Ngài đi tu. Ngài thấy đạo Phật còn cao hơn ngai vàng, cao hơn tất cả những cái thụ hưởng thế gian cho nên Ngài mới tìm đường đi tu. Như vậy vua Trần Nhân Tông đi tu với lý tưởng không kém gì ông Hoàng bên Ấn Độ. Thế mà Phật giáo Việt Nam mình gần đây tôi rất tủi nhục có nhiều người họ nói "làm nghề thầy chùa." Như vậy nghĩa là chúng ta đến với đạo để tìm sự sống chứ không phải đến với đạo vì lý tưởng cao siêu. Bởi vậy cho nên tôi trọng đường lối của vua Trần Nhân Tông mà sau này gọi là Sơ Tổ Trúc Lâm. Lấy đó làm cái chuẩn để khuyến khích người sau tu với một lý tưởng siêu thoát như vậy.

Còn chuyện xây dựng (phái thiền Trúc Lâm) ở ngoài Bắc, thực ra thì tôi cũng không dám nghĩ, vì khả năng của tôi cũng không có gì, mà tuổi tôi cũng đã già, nên không dám. Nhưng mà khi nào cần, vì trước đó Ủy ban di tích Yên Tử đã vô gặp tôi nói rằng bây giờ họ muốn phục hồi lại di tích đó, mà tôi chủ trương khôi phục Thiền đời Trần, thì (ý của họ) trúng với chỗ tôi muốn. Họ yêu cầu tôi cùng hợp tác với họ để mà khôi phục lại di tích. Tôi than với họ rằng tôi tuổi già mà núi Yên Tử quá cao, còn di tích khu đó thì rất là nhiều làm sao tôi làm xuể. Cho nên tôi nói thôi bây giờ các anh điều đình ở ngoài đó, nếu muốn chúng tôi hợp tác thì cho chúng tôi một cái di tích nào chưa có chủ trong cái quần thể di tích đó để chúng tôi có thể cất một thiền viện cho chư tăng lên đó tu đúng theo đường lối của Sơ Tổ Trúc Lâm. Điều đó tôi có thể làm được. Hiện nay họ đang điều đình với nhau ngoài đó (ngoài Bắc), tôi không rõ sự thể ra sao. Tôi chỉ biết chừng đó, còn thêm cái gì thì tôi chưa biết.

Kicon: *Tin tức trong nước cho biết rằng, số người tham dự những buổi hoằng pháp của Hòa Thượng ngày càng nhiều, trong đó có cả các cán bộ đảng viên trung-cao cấp của cộng sản. Xin được hỏi Hòa Thượng đánh giá ra sao về sinh hoạt tôn giáo nói chung tại Việt Nam, và riêng ảnh hưởng của Phật giáo với dòng sống tương lai của dân tộc.*

Hòa Thượng Thích Thanh Từ: Cái nhìn của tôi hơi chủ quan một chút. Tôi thấy rằng Phật giáo Việt Nam ngày xưa thì người theo tu ít, ngày nay người theo tu tập nhiều. Đó là điều tôi thấy cụ thể. Nếu mấy anh có về Việt Nam thì cũng thấy như vậy.

Còn ảnh hưởng sâu đậm tới những người khác thì tôi cho rằng đường lối tu của chúng tôi là làm sao cho mọi người chúng ta đều được tâm hồn an bình, đều được trí tuệ sáng suốt, thấy đúng như thật là giác ngộ. Tương trợ nhau, giúp đỡ nhau để thể hiện lòng từ bi, đó là mục đích của tôi. Nhưng mà theo tôi nghĩ, chẳng những ở Việt Nam mà có thể ở bên này (Hoa Kỳ) cũng vậy, khi người ta khổ quá, thì người ta dễ tìm đến với đạo. Vì khổ cho nên người ta muốn làm sao kiếm cái gì để an ủi cho hết khổ. Do đó, bây giờ người Phật tử đến với đạo hơi đông. Còn theo tôi nhìn bên đây (Hoa Kỳ) thì bên đây không phải khổ, bên đây thừa (cười...). Thừa, nhưng mà quí vị nghĩ khi chúng ta thừa vật chất thì chúng ta sẽ thấy thiếu phần tinh thần. Vậy thì mai kia cũng phải phát triển cái phần tinh thần, thì đó là cái cơ Phật giáo sẽ phát triển.

Kicon: *Hòa Thượng có điều gì muốn nhắn gởi những người đang theo dõi cuộc phỏng vấn này?*

Hòa Thượng Thích Thanh Từ: Tôi xin nhắn nhủ tất cả giới Phật tử và đồng bào mình rằng tất cả chúng ta có mặt ở trên đời không phải là vĩnh viễn, có ngày chúng ta phải từ giã. Như vậy thì đời của chúng ta nó ngắn hoặc nó dài, chúng ta phải xử dụng làm sao cho nó xứng đáng là một người Việt Nam có được tâm hồn đạo đức, có được tâm hồn biết yêu dân tộc, yêu quê hương. Đó là điều rất thiết yếu và mong rằng tất cả đồng bào mình phải cố gắng làm sao, ở đâu mình cũng tỏ ra là một người Việt Nam đầy đủ tư cách, phẩm hạnh. Đó là mong mỏi của tôi.

Kicon: *Xin chân thành cảm tạ Hòa Thượng đã dành cho Kicon cuộc phỏng vấn này.*●

YẾU TỐ DI TRUYỀN TRONG THỂ THAO

NGUYỄN VĂN TUẤN

Nói một cách khái quát, thể thao là một bộ môn hoạt động mang tính nhân-tài. Và điều này là yếu tố chính thu hút sự chú ý của khán giả. Trong các lĩnh vực hoạt động khác trong đời sống như kinh doanh, nghệ thuật, chính trị, quân sự, sự thành công hay thất bại thường có yếu tố mang tính chất hoặc ngẫu nhiên, nhầm lẫn, gàn dở, hoặc thủ đoạn, mánh khóe, hoặc tham nhũng. Nhưng trên sân vận động, khả năng của người lực sĩ được đo một cách khách quan bằng đồng hồ, thước đo với sự chính xác của khoa học. Trong những bộ môn tranh tài mà kết quả được tính theo điểm của đồng đội, chúng ta có thể phân biệt rõ ràng giữa đội thắng và đội thua. Thành ra, nếu chúng ta muốn đo lường tính "nhân tài," thể thao là một trong những môi trường lý tưởng.

Khuynh hướng bẩm sinh

Nhìn qua kết quả các kỳ Thế vận hội (Olympic Games) trong vòng 30 năm qua, người ta có thể ghi nhận một khuynh hướng chung: trong khi sự bình đẳng về cơ hội được thi thố tài năng trong các môn thể thao càng ngày càng được nâng cao và bảo đảm, thì kết quả tranh tài trong các bộ môn thể thao loại "tinh hoa" (elite sports) lại càng ngày càng tập trung theo sắc tộc. Nói một cách khác, trong một số môn, vận động viên của một số ít sắc tộc có khuynh hướng thành công hơn nhiều sắc tộc khác.

Vào thời trước thế chiến thứ hai cho đến thập niên 70, khi mà chính sách kỳ thị chủng tộc và tình trạnh kinh tế nghèo nàn còn là hàng rào hạn chế sự tham gia của người da đen trong các cuộc tranh tài thể thao, danh sách vận động viên đoạt huy chương và danh dự hầu như chỉ có tên người Âu châu da trắng. Nhưng kỳ thị chủng tộc dần dần được xóa bỏ, cộng với sự thịnh vượng về kinh tế trong những năm gần đây, nhiều quốc gia ở Á và Phi châu đã có thể gửi các đoàn lực sĩ đi tranh tài trong Thế vận hội. Trong Thế vận hội Sydney 2000 vừa qua có 199 quốc gia tham dự, tăng gần hai lần so với khoảng 40 năm trước đây. Đáng kể là một số nước thuộc Phi châu đã nhanh chóng trở thành những trung tâm cung cấp lực sĩ hùng hậu, và đạt nhiều thành tích ngoạn mục trong Thế vận hội, mà nếu Adolf Hitler có sống lại chắc cũng cảm thấy hổ thẹn cho cái thuyết "Người Aryan siêu việt" của ông ta.

Thực vậy, các lực sĩ Âu châu ngày nay không còn là lực lượng duy nhất chiếm huy chương trong các cuộc tranh tài. Thực ra, phân tích kết quả các kỳ Thế vận hội trong vòng ba thập niên qua cho thấy một khuynh hướng theo nhóm. Trong những môn thể thao đòi hỏi lực mạnh thuộc phần trên của cơ thể như cử tạ (weightlifting) và ném lao, các lực sĩ người da trắng hay Âu châu dẫn đầu. Trong những bộ môn đòi hỏi lực mạnh ở phần dưới của cơ thể và sự nhanh nhẹn như điền kinh, các lực sĩ gốc Phi châu thống lĩnh. Trong những bộ môn cần nhảy cao như bóng rổ, người da đen gốc Tây Phi châu lại hầu như làm chủ. Trong những bộ môn thể thao cần sự dẻo dai và thẩm mỹ như diving (nhảy lộn xuống nước), một số môn trượt băng (skating), và thể dục (gymnastics), người Đông Âu, đặc biệt người Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ, và Á châu, đặc biệt là Đông Á, dẫn đầu và đôi khi "làm chủ."

Nhận xét trên đây chỉ là khuynh hướng chung vì, trong một số trường hợp cá biệt, người da trắng (Âu châu nói chung) cũng có mặt trong các môn thể thao, chẳng hạn như thể dục và diving. Tuy nhiên sự "ngăn cách" rõ nét nhất có thể thấy trong các bộ môn điền kinh. Trong bộ môn chạy đua nước rút (dưới 400 thước, hay còn gọi là "sprint"), đại đa số [nếu không muốn nói là tất cả] các lực sĩ vô địch đều là những người hoặc sinh trưởng, hoặc có gốc gác, ở các nước Phi châu, đặc biệt là thuộc vùng Tây Phi châu. Người da trắng cuối cùng đem lại kỷ lục trong môn chạy nước rút 100 thước là một người Đức, Armin Hary,

đã chiếm huy chương vàng trong Thế vận hội năm 1960 trong 10.2 giây. Từ đó không có một người da trắng nào chiếm giải này. Gần đây nhất, trong Thế vận hội lần thứ 26 tại Atlanta và 27 tại Sydney vừa qua, *tất cả* các lực sĩ được vào vòng chung kết bộ môn chạy đua 100 thước dành cho nam đều có gốc Phi châu. Các kỷ lục trong bộ môn chạy 200 thước, tất cả đều dưới 10 giây, cũng đều do các lực sĩ gốc Tây Phi mang lại.

Đông Đức đã từng bỏ ra cả 20 năm cố gắng phá kỷ lục chạy đua 100 thước bằng cách tuyển chọn lực sĩ từ lúc còn trong nôi, nuôi dưỡng họ trong các môi trường thuận tiện nhất, huấn luyện họ bởi các chuyên viên số một của quốc gia, và bơm steroid cho họ, nhưng cuối cùng cũng chỉ mang lại một kỷ lục duy nhất với một lực sĩ. Thực ra, không có một người Á châu, Âu châu, hay Phi châu nào (ngoại trừ người Tây Phi) phá được kỷ lục 10 giây trong môn chạy đua nước rút.

Tuy nhiên, trong bộ môn chạy đường dài một khuynh hướng khác xuất hiện. Trong bộ môn này, các lực sĩ gốc Phi châu cũng "làm chủ" trên sân vận động, nhưng không phải Tây Phi, mà là Đông Phi. Thế vận hội năm 1960 tại La Mã (Ý), thế giới đã sững sờ nhìn Abebe Bikila, một lực sĩ của Ethiopia, chạy chân không trong bộ môn điền kinh (marathon) và chiếm huy chương vàng. Tại Thế vận hội lần thứ 25 ở Hán Thành (1988), các nam lực sĩ người Kenya đoạt các giải chạy đua 800, 1500, 3000 và 5000 thước. Trong Thế vận hội lần thứ 27 tại Sydney vừa qua, các lực sĩ Đông Phi châu cũng chiếm giải vô địch trong bộ môn chạy 1500 thước (Kenya), 3000 thước (Kenya), 5000 thước (Ethiopia), v.v... Nếu dựa vào tỷ lệ dân số (Kenya có một dân số khoảng 28 triệu), xác suất cho một kết quả như thế là 1 trên 1.6 tỷ.

Trong các lực sĩ Đông Phi, đặc biệt các lực sĩ người Kalenjins thuộc vùng thung lũng Great Rift, bên cạnh Thác Victoria, với một dân số khoảng nửa triệu, nhưng lại chiếm 40% các huy chương cho bộ môn điền kinh trong các kỳ tranh tài quốc tế. Nếu bộ lạc này tranh tài như một quốc gia, số lượng huy chương họ đạt được sẽ gấp ba lần nước Mỹ.

Mà chẳng phải riêng gì trong Thế vận hội, trong các môn thể thao chuyên nghiệp (professional) ở Mỹ, sự có mặt của người da đen cũng rất cao. Người Mỹ gốc Phi châu chỉ chiếm khoảng 13% tổng dân số Mỹ, nhưng họ chiếm gần 90% trong lực lượng vận động viên bóng rổ chuyên nghiệp. Cần nói thêm là khoảng 40 năm về trước, khi mà sự kỳ thị chủng tộc còn là một vấn đề, người Mỹ da đen chỉ chiếm khoảng 10% trong tổng số vận động viên bóng rổ. Ngoài ra, trong bộ môn bóng bầu dục (American Football), vài mươi năm trước đây 100% cầu thủ là người da trắng; nhưng nay, 70% cầu thủ là người da đen.

Ở Âu châu, các lực sĩ gốc Phi châu đang tràn ngập các câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp tại Pháp, Anh, Hòa Lan, Đức... Dĩ nhiên, ta cũng không nên quên rằng Nigeria và Cameron đang trên đường trở thành hai cường quốc về bóng đá.

Lý do

Có nhiều nguyên nhân kinh tế và xã hội cho khuynh hướng trên đây. Phi châu không giàu có như các nước Âu Mỹ, nên họ phải chú trọng vào những bộ môn thể thao mà họ có thể tận dụng được với chi phí thấp nhất. Điền kinh và bóng đá là hai môn thể thao cần tương đối ít cơ sở vật chất, và do đó, không cần nhiều đầu tư tiền bạc. Vì thế, người Phi châu xuất sắc trong hai bộ môn này cũng không phải là điều quá ngạc nhiên.

Nhưng còn có lý do sinh học. Con người quả là một thế giới đa dạng về sinh học cũng như về văn hóa. Mỗi bộ môn thể thao đòi hỏi một sự khác nhau về sinh-cơ lực (biomechanics) và khí lực (aerobics). Hàng trăm nghiên cứu về nhân chủng học trong vài thập niên qua cho thấy rằng các đặc điểm then chốt của người lực sĩ như cấu trúc của cơ thể, sự phân bố các bắp thịt (hay còn gọi là cơ), mức độ hữu hiệu về nội tiết, công suất của phổi, khả năng sử dụng năng lực, v.v... đều có dính dáng tới khả năng và kết quả trong các kỳ thi đua. Và, căn cứ trên các dữ kiện về thân thể, người ta có thể đặt giả thuyết là người da đen có nhiều lợi thế hơn người da trắng trong các môn thể thao như chạy đua và nhảy cao. Tính trung bình, các sắc dân Phi châu ở vùng sa mạc Sahara có chung một số đặc tính về cơ thể: mật độ xương cao, tỷ lệ mỡ thấp, đôi chân dài, mông nhỏ, và háng hẹp. Những đặc tính này đã giúp cho họ những ưu điểm quan trọng trong bộ môn điền kinh. Những dữ kiện này còn giải thích tại sao những sắc dân khác, như người Á châu chẳng hạn, hầu như vắng bóng trong một số bộ môn điền kinh và bóng rổ, vì so với người da trắng và da đen, người Á châu

có mật độ xương thấp, chân và tay ngắn, tỷ trọng mỡ thấp, và mông nhỏ.

Để có hiệu quả tối ưu trong các môn thể thao như chạy nước rút và đường dài, người lực sĩ cần có một hệ thống cơ (muscle) tốt. Cơ là loại mô (tissue) có chức năng là tạo ra chuyển động cơ thể, giữ vị trí cơ thể chống lại trọng lực (gravity), gây ra chuyển động ở các cấu trúc bên trong cơ thể và làm thay đổi áp suất hay sức căng của các cấu trúc bên trong cơ thể. Trong cơ có các cơ chế chuyển năng lượng do các phản ứng hóa học thành năng lượng cơ học. Có thể chia cơ thành hai loại xơ (fibres): sơ có độ co dãn chậm (được gọi là sơ loại I) và sơ có độ co dãn nhanh (sơ loại II). Sơ loại I có chức năng quyết định mức độ chịu đựng, trong khi sơ loại II giúp cho các động tác cần sức mạnh như chạy nước rút hay nhảy cao.

Các lực sĩ chạy nước rút có đến 75% (hay cao hơn) sơ loại II (co dãn nhanh). Ngược lại, các lực sĩ chạy đường trường thường có đến 75% sơ loại I (co dãn chậm). Người da trắng, tính quân bình, có tỷ lệ sơ loại I ít hơn người da đen gốc Tây Phi châu khoảng 30%.

Thực ra, mô hình về sơ co dãn nhanh-chậm cũng còn đơn giản. Dựa theo hiệu quả trong quy trình chuyển hóa (metabolism), người ta có thể chia các loại sơ co dãn nhanh thành hai loại khác nhau: một loại có hiệu quả cao, và một loại có hiệu quả thấp. Sơ có hiệu quả cao có khả năng đáp ứng hữu hiệu với môi trường luyện tập; ngược lại, sơ loại có hiệu quả thấp rất "lười biếng," không phản ứng mấy trong môi trường chuyển hóa. Điều này giải thích tại sao trong một số người dù tập dợt rất nhiều nhưng kết quả chẳng có gì đáng kể. Chẳng hạn như khi lực sĩ chạy cực nhanh, oxygen không tiêu hóa kịp, và vì thế bắt buộc các cơ phải dùng oxygen một cách hữu hiệu hơn. Tuy nhiên, tập dợt không thể biến các loại co dãn nhanh thành sơ co dãn chậm, hay ngược lại (mặc dù con người có thể mất dần dà và vĩnh viễn các sơ co dãn nhanh vì quá trình lão hóa).

Di truyền

Tại sao có sự phân phối mật độ xương và cơ khác nhau giữa người Phi và Âu châu? Câu trả lời đơn giản là do di truyền. Thực vậy, sự khác biệt về các đặc điểm trên giữa các dân tộc trên thế giới không thể giải thích đơn thuần bằng sự khác biệt về môi trường sống, mà là còn ở yếu tố di truyền. Một số nghiên cứu của người viết bài này và nhiều đồng nghiệp trên thế giới cho thấy các yếu tố di truyền có thể giải thích khoảng 65% tới 85% những khác biệt về mật độ xương giữa các sắc dân trên thế giới. Ngoài ra, một số nhà nghiên cứu nhân chủng học còn ước đoán là các yếu tố di truyền có thể quyết định khoảng 45% sự khác nhau về mức độ phân phối các loại cơ, các yếu tố môi trường quyết định khoảng 40% và phần còn lại (15%) là do các yếu tố liên quan đến các sai số ngẫu nhiên.

Dựa vào sự phân phối của mật độ xương trong dân số, người ta có thể ước đoán là có khoảng 70 đến 80 di truyền tố có ảnh hưởng đến sức mạnh của xương. Trong các di truyền tố đó, Vitamin D receptor gene (còn gọi ngắn là VDR) giữ một vai trò quan trọng trong việc duy trì xương. Theo nghiên cứu của người viết bài này, có đến 70-75% trong người Phi châu có di truyền tố này; trong khi đó, tỷ lệ này trong người Âu châu là 60% và người Á châu chỉ 10%. Những dữ kiện này cũng giải thích tại sao người da đen rất kém trong môn bơi lội. Họ thường được mệnh danh là "sinkers" (chìm). Họ có một bộ xương tương đối nặng và hệ thống cơ bắp tương đối dày, làm cho họ khó mà bồng bềnh trên mặt nước được như người da trắng hay Á châu. Trong các Thế vận hội, chỉ có một người da đen duy nhất chiếm huy chương vàng trong bơi lội là Anthony Nesty (Mỹ) vào năm 1988.

Một số nhà khoa học ở Úc, trong khi tìm di truyền tố gây ra bệnh loạn dưỡng cơ (muscular dystrophy), đã khám phá rằng khoảng 20% người gốc Á châu và Âu châu có một loại di truyền tố mà họ gọi là "wimp gene" (di truyền tố yếu đuối). Di truyền tố này có chức năng ngăn chận cơ thể sản xuất ra chất a-actinin-3, một hoá chất cung cấp sức mạnh trong các cơ co dãn nhanh. Các mẫu máu lấy từ bộ tộc Zulu thuộc dân tộc Bantus (Tây Phi) cho thấy chỉ có 3% mang "di truyền tố yếu đuối" này. Khám phá này có thể giải thích tại sao một số người dù luyện tập cả đời mà vẫn mãi mãi là một người yếu đuối với 80 pounds, trong khi đó có một số người có mức độ phát triển cơ rất nhanh! Có người suy luận rằng nhu cầu cho một "speed gene" ("di truyền tố nhanh") càng ngày càng mất đi, vì tốc độ đi săn thú vật hay chạy thoát kẻ thù để duy trì sự sống còn không cần thiết nữa.

Nhưng dù cho có đủ thành phần sơ cũng chưa chắc đem lại một sự vận động bền bỉ, bởi

vì các di truyền tố chỉ quyết định khoảng 25% tính bền bỉ. Như vậy, luyện tập vẫn là một yếu tố quan trọng - nhưng càng quan trọng cho người da đen hơn là cho người da trắng. Nhiều thí nghiệm cho thấy một kết quả chung: chỉ cần tăng cường độ luyện tập khoảng 5%, thể lực của người da đen có thể tăng theo cấp số nhân đến 50%; trong khi đó, dù có tăng cường độ luyện tập ở mức độ tối đa 50%, thể lực trong người da trắng tăng chỉ 5%! Cần nói thêm là mức độ khác biệt giữa các lực sĩ trong các bộ môn thể thao tinh hoa như chạy nước rút cực kỳ nhỏ; nhỏ đến nỗi nếu một lực sĩ có một cơ thể hay khả năng dùng các cơ sơ (muscles fibres) hữu hiệu hơn thì kết quả sẽ cực kỳ quan trọng. Một phần phút hay thậm chí một phần giây đồng hồ có thể quyết định một huy chương vàng hay bạc.

Ý nghĩa

Sự thành công của các lực sĩ người Phi châu, dù ở Phi châu hay Mỹ hay Âu châu thường là con dao hai lưỡi. Nếu họ thắng, họ trở thành mục tiêu của một suy luận thiếu logic như sau: thể lực và trí lực liên hệ với nhau theo tỷ lệ nghịch; và người da đen có thể lực tốt do trời sinh ra như vậy (đồng nghĩa với di truyền), suy ra, người da đen không thông minh bằng người da trắng. Cái thông điệp ngầm và thâm hơn là: đứng trên quan điểm di truyền và cơ thể học, người da đen gần gũi với thú vật hơn người da trắng. Nhưng nếu họ không thắng trong một cuộc thi đua, sẽ có người cho rằng vì họ là sắc dân thấp kém, không chịu nổi sự thách thức của cuộc tranh tài, và kém trí lực để đối xử với tình thế căng thẳng.

Ngược lại, có người dùng lá bài kỳ thị chủng tộc để chế giễu những nghiên cứu về di truyền học như là một trò chơi phản trí thức. Thực vậy, những bàn tán quanh chủ đề di truyền và thể thao dễ đem lại nhiều hiểu lầm đáng tiếc. Trong bài diễn văn đọc tại Hội nghị của Hội Khoa học Tiến bộ (Association for the Advancement of Science) vào năm 1955, một nhà tâm thần học danh tiếng, Roger Bannister, đề cập đến sự liên hệ giữa di truyền và thể thao khi ông cho rằng sự khác biệt về cơ thể của người da đen và da trắng có thể là một yếu tố quan trọng trong các cuộc tranh tài điền kinh. Liền theo đó, ông ta bị đồng nghiệp chế giễu và xa lánh. Có người cho rằng vì người da trắng thất bại trong môn điền kinh, nên họ tìm cách chạy trốn thực tế bằng cách mang khoa học ra giải thích!

Tất nhiên, những mỉa mai bình phẩm trên đây chỉ là những phản ứng đơn giản hóa vấn đề. Sự thực là phần lớn các sắc dân có những đặc tính sinh lý khác nhau. Tất cả những chỉ số về nội tiết, mật độ xương, cấu trúc của cơ, v.v... có liên hệ mật thiết đến mỗi bộ môn thể thao. Đó là một sự thật. Những đặc tính sinh lý trên đây là do các di truyền tố quyết định. Đó cũng là một sự thật. Tuy nhiên, không có lý do gì để tin rằng các di truyền tố làm việc độc lập với môi trường. Theo tôi, vấn đề huyền bí cần được khai thác là di truyền tố nào hợp (hay không hợp) với môi trường nào để người lực sĩ có một năng suất tối đa trong vận động. Tức là, có trong mình những loại cơ và sơ tốt chưa chắc bảo đảm được chức vị vô địch, nếu người lực sĩ không tập dượt.

Thực ra, trong bất cứ hoạt động nào, bộ não (chứ không phải trái tim hay cuống phổi) mới là cơ quan đóng vai trò chủ đạo. Di truyền học không phải là một trò chơi với tổng số 0, với thể lực và trí lực ở hai thái cực đối nghịch nhau. Chỉ có một số di truyền tố liên quan đến thể lực, nhưng gần phân nửa trong số 100 ngàn di truyền tố tạo nên cái cơ quan phức tạp nhất của con người: bộ não. Như vậy, cái giả thuyết về kém trí lực trong thể thao xem ra khó có thể tin cậy được.

Do đó, người ta có thể làm một dự đoán mà xác suất đúng có thể khoảng 99%: tất cả các lực sĩ sẽ vào vòng chung kết của môn chạy đua 100 thước trong Thế vận hội Olympic ở Athens năm 2004 sẽ là những người được sinh trưởng tại, hay có gốc gác ở, các nước thuộc miền Tây Phi châu. Một tiên đoán khác: không ai ngoài các lực sĩ Tây Phi sẽ giữ danh hiệu không chính thức "Người nhanh nhất thế giới" trong tương lai.

Điều này cũng có nghĩa là nếu Việt Nam muốn lập thêm thành tích trong các kỳ Thế vận hội, tôi tin rằng chúng ta nên tập trung nhân lực và cơ sở vật chất vào những bộ môn như bơi lội, võ thuật, và diving, hay những môn hợp với cơ thể của chúng ta: đó là chân tay tương đối ngắn, mật độ xương thấp nhất so với các sắc dân khác, nhưng bù lại ta có cơ thể dẻo dai, có thể chịu đựng bền bỉ hơn và trí lực khá.

Tất nhiên, chúng ta không nên tập trung tài nguyên vào các bộ môn cần lực mạnh cấp thời như chạy đua hay phóng lao.●

THỰC ĐƠN CHO MỘT BỮA TIỆC TRUNG HOA

LÊ VĂN LÂN

Trước đây, có dịp bàn về món ăn Tầu ở Việt nam, tôi chỉ đưa ra tiêu biểu thứ thực đơn thông thường cho những tiệc cưới phổ thông thường tổ chức ở Việt và ở Mỹ, đại khái gồm 3 phần khá giản đơn. Kỳ thực, cỗ bàn chính thức của Trung Hoa thịnh soạn hơn nhiều và cũng đa dạng, thay đổi tùy theo mỗi bếp của địa phương trên lãnh thổ Trung Hoa. Tôi chỉ nói ở đây về "tiệc" (tịch) mà người thường có thể mở ra mời khách, chứ chưa nói đến những hình thức khác cực kỳ sang trọng gọi là "yến," "diên" gồm những món hiếm quí trân tu.

Người Trung Hoa ngồi ăn trên bàn tròn - tức là viên đài nói theo âm Quảng Đông là "duỳn thồi," nói gọn là "thồi" như khi đặt tiệc ở tiệm các chú Tầu hỏi rằng đặt bao nhiêu thồi? Vì cái bàn tròn nên vấn đề phân ngôi chủ khách khác hẳn Âu Tây ngồi bàn chữ nhật mà gia chủ ngồi ở một đầu bàn. Còn ở bàn tròn thì chỗ khách tối danh dự là cái ghế đối diện với cửa phòng ăn, còn gia chủ ngồi đưa lưng ra cửa để nhìn lại, vợ chồng chủ phải ngồi kế cận nhau. Trên mặt bàn có gắn một cái bàn xoay để thực khách tùy nghi xoay để gắp thức ăn.

Sau đây chỉ là mô thức chung cho những thực đơn tùy theo tính chất lễ nghi tuyệt đối hay tương đối, thân mật hay trang trọng. Và thành phần thực đơn cũng theo bếp của địa phương mà áp dụng nhưng vẫn giữ nguyên tắc chung là phần khai mào với các món ăn chơi nhậu lai rai trò chuyện, phần chủ lực ăn ngon nhiều hơn để thưởng thức hương vị và thỏa mãn cái khoái lạc tuyệt đỉnh, phần kết thúc là ăn cho chắc dạ dầy.

Tiệc vui thân mật

Tiệc vui thân mật thường là những dịp mời không câu nệ lễ nghi phiền phức mà tiếng Mỹ gọi là *non-formal invitation*. Đại để phần đầu có bốn món ăn chơi bầy cả ra bàn để khai vị, phần lớn là món lạnh (khách không uống rượu hay uống ít để đưa cay), còn phần sau là vài món chủ lực ăn với cơm. Trong trường hợp chủ nhân cố ý mời nhậu rượu thì phần khai mào, ít nhất lúc ăn chơi không dọn đồ lạnh (đông bàn hay cold-cuts) mà dọn lần lượt ba món chiên xào thật nóng sốt - ví dụ tôm bóc vỏ chiên hay mực xào - để thực khách lai rai trò chuyện tận hưởng cái ngon từng món, trước khi qua phần chủ lực ăn no.

Tiệc chính thức

Về tiệc chính thức (banquets) thì khá rắc rối vì phải chia ra thành

- tiệc dọn nhiều món (đa vị)
- tiệc chỉ dọn một món (độc vị)

Tiệc đa vị như tên gọi phải có rất nhiều món linh đình dọn ra có lớp lang, không phải tùy hứng, thường đại khái chia thứ cấp thịnh soạn như sau:

Đại tiệc

(đãi 10 đến 12 người)

Phần nhập tiệc: thì quan khách thấy bày đủ ra bàn cho đẹp mắt cái gì cũng bốn dĩa cả. Con số bốn (tứ) là con số đặc biệt mà người Trung Hoa trân quí như Tứ Quí (bốn mùa), Tứ bảo (bốn món quí của thư phòng như bút, nghiên, mực, giấy), Tứ Thư Ngũ Kinh của Nho giáo...:

tứ quả: quít, nho, lê, ngó sen

tứ can (bốn thứ hạt khô): hạt dưa, đậu phọng, hạnh nhân rang, hột hồ đào rang

tứ điểm (bốn món ngọt đậm): mứt sơn tra, mứt táo, mứt quất, mứt mận

tứ đông bàn (4 món lạnh): trứng bách tuế với xì dầu, thịt jambon, thịt vịt phá lấu , thịt gà luộc (thiết bạch kê).

Mười sáu dĩa trên phải bày biện đủ trước khi chủ khách an vị. Sau khi ngồi đủ, thì bốn

dĩa trái cây phải dọn cất đi để ăn về sau. Bốn món hạt để cho khách nhấm nháp trong khi trò chuyện trước khi xử lý bốn món lạnh.

Phần Tứ xảo là phần chuyển tiếp, gồm bốn món xào nóng sốt lai rai, dọn ra lần lượt tiếp nhau: như can bối (scallops) xào, tôm bóc vỏ xào, thịt vịt phá lấu, thịt gà vò viên xào dầu hào.

Phần Tứ đại tức là bốn món lớn chủ lực, cực kỳ quan trọng, thường là mắc tiền, dọn ra trên bàn tiệc. Mỗi khi một món được dọn ra thì quan khách thường theo phong tục lễ nghi phải trầm trồ khen ngợi và nói:

"A! Sao Quí chủ nhân phiền toái bày đặt tiêu pha tốn kém làm vậy?" (*"Ai! T'ai fei lê!"* - Ai! Thái phí liễu!)

Tứ đại có thể là:

- Vi cá nấu đỏ (hồng thiêu ngư xí)
- Xúp yến sào kê thang (kê ty yến oa thang)
- Cá chua ngọt (đường thố ngư)
- Thập vị trai (La-Hán trai) [Món này tuy là món chay nhưng gồm 10 thứ mà chủ nhân phải tùy mùa mà chọn riêng rồi phối hợp rất công phu như tóc tiên, kim châm (hoa hiên hay huyên thảo), miến tàu, bạch quả (ginko), nấm, mì căn, cải trắng, đậu hòa lan, măng tre, tàu hũ chiên (tùy địa phương và thời vụ có thể thay bằng củ năng (mã đề), đậu đũa, cà rốt). Tất cả những vật liệu trên được xào với dầu nêm nước tương.]

Phần điểm tâm (tien-hsin): phần này gọi là điểm tâm nhưng không có ý nghĩa lót lòng, dằn dạ để ăn sáng như ta ở Việt Nam vẫn hiểu, cũng không phải là ăn "tỉm xấm" (dim-sum) như ta vốn quen ăn ở Mỹ, mà ở đây là món lót dạ lai rai bắt cầu chuyển tiếp qua bốn món nặng ăn chắc bụng cho no kế tiếp. Phần điểm tâm thường gồm hai ngọt và hai mặn: như Xôi ngọt chưng các thứ trái cây khô (Bát bửu phạn), món chè bánh trôi bột nếp Nguyên Tiêu (gọi vậy vì thường ăn vào dịp đêm rằm tháng giêng) nấu với trái cam cắt đôi (quất canh), các thứ bánh bao (giảo tử), chả giò (xuân quyển - gọi vậy vì chả giò người Tàu quen ăn vào mùa xuân).

Phần Tứ trọng tâm

Gọi như vậy là vì nó gồm bốn món ăn nặng để quan khách ăn cho chắc dạ, no bụng:

Khi bắt đầu phần này, thì trò chơi phạt rượu hay cuộc chơi hoa quyền (trò chơi này là thủy tổ chơi "oẳn tù tì" *one-two-three* sau này) phải chấm dứt vì các thực khách không còn rảnh tay múa đũa tung hoành gắp món nhậu mà phải sử dụng hai tay để cầm chén cơm và đũa.

Bốn món tứ trọng có thể là:

- Đậu hũ kho ơ đất với thịt, đậu và nấm (hỏa oa đậu hũ)
- Thịt heo vai kho tàu (hồng thiêu trừu tử)
- Gà nấu canh nước trong với cải bắp (thanh đốn kê thạng)
- Giăm bông heo nấu với cải làn (hỏa thoái bạch thái thang)

Kể về lượng thì riêng một món nặng cũng đủ cho cả gia đình ăn no trong một bữa cơm thường nhật rồi, nhưng đây là "đại tiệc" phải bày ra đủ nếu không thì bị chê là bủn xỉn hay không đúng lễ. Vào giai đoạn này, đôi lúc xen kẽ có thể dọn món cù lao thập cẩm thịnh soạn Cúc hoa thang. Món cơm trắng có thể thay bằng món bánh bột mì hấp cuốn lại (hóa quyển) và món cháo gạo nhẹ (chúc).

Trong phần kê tên những món ăn dọn ra, tôi chỉ xin nói giới thiệu rất sơ lược thành phần chính và kiểu thức nấu xào của từng món mà không dám đi vào từng chi tiết kê khai tỉ mỉ đầy đủ thành phần gia liệu và nhất là cách thức xào nấu đặc biệt, bí quyết từng mỗi giai đoạn khiến món ăn trở nên ngon, nóng đòn, thơm phức như các sách thực phổ mô tả. Ví dụ chỉ riêng món nhiệt xảo là món xào thật nóng trong thời gian thật ngắn để dọn lên cho khách nhắm rượu không những nóng vì có gừng cay xắt lát, thơm vì cho rượu nồng và hành lá đúng lúc và phải canh nhiệt độ của lửa lò thế nào cho đúng thời điểm. Tôi đọc trong tờ *National Geographic* tường thuật về Tứ Xuyên có nói nơi này mỗi năm chỉ đào tạo một thiểu số chọn lọc những đầu bếp giỏi rồi tung ra thế giới mà chinh phục khẩu vị của thiên hạ. Tôi lại thấy vài sách nói về đao pháp của các trù phòng phải làm sao xử dụng lưỡi dao cho miếng thịt gà luộc tầm thường trở nên hấp dẫn trong món thiết bạch kê trông hơ hớ giống như nàng thiếu nữ đang độ xuân thì... như "Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi (Xuân Diệu). Còn đặc biệt nhất là hỏa pháp tức là điều khiển ngọn lửa: thế nào gọi là "văn hỏa," thế nào là "vũ hỏa" thì chỉ có những danh trù Trung Hoa từng nấu xào trong cung đình mới khổ công nắm vững, chỉ đưa mắt ngó là biết rõ không cần đo nhiệt kế. Độ lửa để "nhiệt xảo" đương nhiên phải khác xa độ lửa cho món "thanh đốn" (chưng), xuất chiêu không đúng thì khi ăn các thớ thịt, thớ cá ăn khác nhau ngay...

Trung tiệc

(đãi 10 đến 12 thực khách)

Một Trung tiệc đương nhiên không có thể kể ngang với Đại tiệc về số lượng các món cũng như về tính chất đắt giá, nhưng gọi là tiệc thì phải ra tiệc, hoàn toàn không giống một bữa thường phạn.

Nhập tiệc là *Tứ đông bạn* là bốn món ăn chơi nguội, bốn món này chia thành hai dĩa phân nửa:

Bốn món lạnh này đại khái cũng giống những món lạnh trong đại tiệc gồm những lát thịt đùi muối, thịt gà luộc chặt, tôm, mực mang những tên đẹp sau:

- đông bạn bào ngư cần thái: bào ngư ăn với cần tầu
- đông bạn hỏa thoái hoàng qua: thịt đùi heo muối với dưa chuột
- thiết bạch kê: (Tàu Quảng quen nói là xịt pạc cấy) là thịt gà luộc ăn với củ cải la đì (radishes)
- can phẫn hà: món tôm tươi xào qua với đường, gừng, rượu

hay : hà mễ bạn ba thái tức là tôm khô ăn với rau spinach.

Kế tiếp là *Tứ nhiệt xảo* là bốn món xào nóng mang những tên sau:

- phù dung kê phiến: gà xắt lát mỏng xào kiểu thức "phù dung" thật nóng
- tiên ma xảo nhục phiến: nấm xào thịt xắt lát

- ngõa khối ngư: món cá tẩm bột sơ xào thật nóng kiểu Hà nam ăn với gừng và hành lá
- xảo hà nhân: tôm bóc vỏ xào thật nóng với gừng, rượu, hành (xào với xì dầu là hồng xảo, xào không xì dầu là bạch xảo)

Cuối cùng là *Tứ trọng tâm* là bốn món chắc dạ gồm món cá chưng, vịt bát bửu... với những danh vị sau:

- thanh đốn thời ngư tức là món cá chưng (cá thật tươi chọn theo mùa, chỉ rửa sạch nhưng không đánh vảy kẻo cá ăn khô xẩm)
- bát bửu áp: vịt hầm với bạch quả, hạt sen, táo tầu, chà là, trái lật và nho, gạo
- bạch thái thiêu nhục viên: thịt vò viên hầm cải bắp
- hỏa thoái nhục phiến thang: thịt đùi heo muối hầm với bí đông qua

Trong tiệc kiểu Quảng Đông, trong phần ăn trọng tâm, có thể thêm hoặc thay với Cá mặn hay hàm dũy (hàm ngư), cải làn xào, nghĩa là những món để ăn cơm mặn miệng dễ nuốt (Tầu gọi "hạ phạn").

Tiệc độc vị

Trên là những thực đơn toàn tiệc đa-vị nghĩa là nhiều món, sau đây là những tiệc độc-vị nghĩa là từ đầu đến cuối chỉ dọn duy nhất một món chủ lực như:

- loát dương nhục
- Vịt Bắc kinh
- Ăn Cua

Loát dương nhục

Món này là món thịt trừu nhúng, cách thức ăn rất quen thuộc với dân mình nên tôi không nói nhiều. Miền Hoa bắc lạnh và các triều đại đóng đô ở Bắc Kinh vốn là chủng tộc Bắc phương du mục thích ăn thịt nhất là dê trừu để có năng lượng chống rét khác hẳn dân Hoa nam ăn ngũ cốc và rau trái mát châu thân hơn. Thịt trừu nếu tiếng Việt quen nói là "ăn nhúng" thì tiếng Hoa nói là "ăn khoẳng, ăn quậy" - do chữ "loát" nghĩa là cầm đũa gắp thịt mà khoẳng, mà quậy hồi lâu cho chín (rinsed lamb). Miền bắc ít rau nên món thịt trừu này thường ăn với cải xôi muối, cần tàu chấm với nước chấm làm bằng nước tương, dấm, rượu nấu, ớt, dầu mè, hành hay kiệu băm nhỏ.

Vịt Bắc Kinh

Món này cũng khá quen thuộc với thực

khách Việt Nam nhưng tôi sẽ nói riêng đặc biệt trong một bài khác. Khi ăn Vịt Bắc Kinh thì từ đầu tiệc cho đến cuối tiệc toàn là ăn vịt: da vịt, thịt vịt, gan vịt, ruột vịt, cật vịt, lưỡi vịt.... Ăn kèm với Vịt Bắc Kinh là món bánh tráng thật mỏng bằng bột mì (bạc bỉnh) để gói. Còn xương vịt thì nấu súp với cần tàu đánh trứng!

Ăn Cua

Cua thường được hấp hơn là luộc, mỗi thực khách được dọn một dĩa nhỏ đựng dấm (dấm Tân cương rất nổi tiếng), gừng thái chỉ và nước tương. Vì cua vốn là món "hàn" nên tiệc này còn dọn ra một món "chè ngọt nấu gừng" thật nóng hổi để khử hàn.

Phần trình bầy tiệc bàn Trung hoa ở trên sở dĩ tôi nói khá chi tiết chính là vì tôi đã dựa vào cuốn Trung Quốc thực phổ (cookbook) có tuổi già 55 năm, nhan đề là *How to cook and eat in Chinese* của bà Buwei Yang Chao xuất bản năm 1945, được học giả trứ danh Hồ Thích viết lời mở và bà văn hào Pearl S. Buch đề tựa. Ông Hồ Thích rất thông thái, đã một thời rất lâu sáng lập và làm Giám đốc Thư viện Đông Phương Gest tại Đại học Princeton. Bà Pearl S. Buch là một người Mỹ ở Trung Hoa nhiều năm, nên gần như trở thành người Trung Hoa trong ngôn ngữ và trong tâm hồn. Bà là tác giả nhiều sách viết về Trung Hoa, nổi tiếng nhất là cuốn *The Good Earth* (Đất Lành), lãnh giải Nobel văn chương năm 1938. Cuốn thực phổ của bà B. Yang Chao là cuốn sách rất hiếm hiện nay, sách này là sách đầu tiên viết bằng Anh ngữ không những dạy cách nấu ăn Tầu cho dân chúng Mỹ mà còn giới thiệu, phân tích và tổng hợp nghệ thuật nấu nướng cho họ rõ như lời giáo sư Hồ Thích. Bà Pearl S. Buck xưng tụng là sách này có giá trị trọng lượng tương đương như vàng, kim cương, ngọc thạch, hồng ngọc cho người phụ nữ Mỹ học hỏi... So với các Chinese Cookbook hiện nay, sách này kể như vào hàng bà nội, bà ngoại, vì tác giả là người đi tiên phong trong vấn đề dịch rất chính xác những thuật ngữ Trung Hoa về nấu nướng ra Anh ngữ như "Defishers" (vật liệu làm báng mùi tanh), "Stir-frying" (xào)," "Meeting"(đổ chung lại) v.v... Còn những recipes trong sách phần lớn được các sách con cháu chép lại. Tôi rất thích phần danh từ bằng Hoa ngữ trong sách của bà vì nhờ nó giúp tôi hiểu cặn kẽ ý nghĩa và tinh thần từng món ăn như chữ Hồi oa nhục (Twice-Cooked Pork), Lỗ áp (pot-stewed duck - vịt phá lấu), Thiết bạch kê (gà luộc thái miếng)... Sách của bà Chao rất quí về phương diện tài liệu vì nó cho ta biết nguyên tắc đãi tiệc, tiệc lớn tiệc nhỏ, của Trung Hoa ra sao, điều mà hiếm có sách đề cập đầy đủ có hệ thống trước đây. (Ví dụ về phong tục cỗ bàn Việt Nam, thì chính chúng ta là dân Việt cũng ít người hiểu thế nào là "cỗ bát", thế nào là " cỗ mâm", thế nào là những "dĩa" gì, "bát" gì trong một mâm! Cỗ năm dĩa có phải gồm một giò lụa, một giò pha, một chả ống, một chạo nem, một thịt luộc chăng? Cỗ năm bát phải chăng gồm một bát măng, một bát miến, một bát hầm hạt sen, một bát mọc, một bát cà ri? Ôi còn linh tinh thứ nữa!)

Tuy rằng nguyên tắc thù tạc đối đãi và ý nghĩa giao tế xã hội về tiệc tùng cỗ bàn Trung Hoa ngàn đời vẫn không biến đổi, nhưng thiết tưởng hình thức trên thực tế bây giờ chắc không còn hoàn toàn mô phỏng đúng như bà Buwei Yang Chao vốn là người An Huy mô tả cách đây 55 năm qua những món ăn hầu như là Bắc Hoa, vì đương nhiên phải thay đổi tùy theo ba yếu tố: thời điểm, địa lý và nhân sự... Phú quí thì sinh lễ nghĩa, nghèo túng thì thắt lưng buộc bụng. Đối với dân Tàu nói chung là sung túc ở Đài loan hay các cọng đồng Hoa ở hải ngoại, thể thức ăn uống tiệc tùng đương nhiên còn giữ cái phong phú tuy rằng chi tiết thể thức khẩu vị có thể biến chế thích nghi với hoàn cảnh địa phương về vật sản hay tài năng của đầu bếp, ví dụ ăn cơm Tầu không nhất thiết phải uống rượu Mao đài gốc Quế Châu, rượu Phần tửu gốc Phần Châu, mà người ta dùng rượu Tây hay săm banh như tôi thấy trong một sách Cookbook mới đây. Theo nhiều nhà khảo sát bên ngoài có dịp thăm Trung Hoa, thì việc tiệc tùng lễ lạc của từng lớp dân chúng bị cắt giảm tối đa nếu không nói là bị phê bình kiểm thảo hay nhòm ngó báo cáo trong thời gian sau 1949 lúc Trung Cộng mới chiếm cứ Hoa lục, nhất là vào giai đoạn Cách mạng văn hóa với toán Vệ binh đỏ cuồng tín cực đoan, hột cơm sợi mì nhiều nơi bị thay thế bằng bo bo, bắp như ở Việt Nam, lấy đâu mà tiệc tùng rượu thịt. Rồi hình như khi tình trạng nông nghiệp phục hồi trở lại với sự cải thiện canh tác và thủy lợi, thì dần dần có sự nới lỏng dễ dãi, người dân bắt đầu ăn cơm, ăn mì trở lại và khẩu phần thịt cá có tương đối cải thiện. [Đây là chỉ nói về người dân thường ăn theo tiêu chuẩn, chứ ai biết các cán bộ có đặc quyền, đặc lợi ăn uống kín đáo ra sao? Tôi

nhớ rằng trong hàng ngũ cố vấn Trung Quốc qua Việt Nam trước đây có ba giai cấp trong sự ăn là đại táo (bếp lớn) nghĩa là ăn cơm nấu bằng chảo đụng, tiểu táo (bếp nhỏ nấu cho thiểu số) và đặc táo (một mình một bếp riêng!) kia mà.] Hiện nay, về những vật thực ngon ngọt nếu có sản xuất thì cũng để xuất khẩu lấy ngoại tệ hoặc dành cho lớp cán bộ ăn theo "chế độ đặc táo" hay dùng cho khách du lịch quốc tế. Hãy đọc đoạn viết khảo sát của Vera và Francis Hsu thì đủ rõ:

"Trong những khách sạn dành cho người nước ngoài và người Hoa Hải ngoại, sự nấu bếp tuyệt hảo và đa dạng tiền 1949 vẫn là chuyện thường tình. Dù ăn tại khách sạn Ch'ien Men hay Hsin Ch'iao ở Bắc kinh, khách sạn Hua Ch'iao Ta Hsia (Hoa kiều đại hạ) ở Quảng Đông, khách sạn Chiang Han ở Vũ Hán, khách sạn Tientsin ở Thiên Tân, món ăn thanh quí rõ ràng chứng tỏ rằng chuyện chính trị không hề tạo ra một khác biệt gì cho tài nấu nướng của Trung Hoa. Trong một tiệc vinh dự đón tiếp chúng tôi tại Tung Hsing Lou (Đông Hưng Lâu) ở Bắc Kinh, chúng tôi được chiêu đãi bằng một tiệc độc-vị Vịt Bắc Kinh. Người đầu bếp không những cống hiến chúng tôi món Vịt Bắc Kinh ngon chưa từng được nếm qua, mà còn dọn ra nhiều dĩa nhỏ riêng từ con vịt: cật vịt, gan vịt, ruột vị xào kiểu sauté, lưỡi vịt chiên ngập dầu, lá lách tuy tạng vịt chiên phá lấu, óc vịt hun khói, và trứng vịt chưng với mỡ vịt.

Về rượu uống, một thứ bia do Trung Quốc chế đã được thêm vào kể từ khi cách mạng. Ngoài ra, không có dấu chỉ rằng sự tiêu thụ rượu gia tăng về số lượng và về thể loại. Trò chơi hoa quyền phạt rượu trong tiệc không còn thịnh hành. Trong gian hàng quốc doanh do chính quyền tên là Trung-Quốc Quốc-Hóa Công-Ty , chúng tôi đếm được 50 loại rượu bày ra trên kệ, mang nhiều nhãn hiệu kiểu cách như Long-Sắt bổ tửu (rượu bổ Cà cuống!), Sơn-Tây Thanh trúc diệp tửu, Trường-Xuân dược tửu (Trường Xuân hay Ch'angch'un là đô thị thủ phủ ở Mãn Châu), Bạch-bô-đào mỹ tửu, Tiêu-tương hồi nhương tửu (cất hai lần), Phần tửu, Cúc hoa bào tửu (rượu tăm), Khương bạch-lan-địa tửu (Ginger brandy), Mộc-qua tửu (rượu đu đủ), Lưỡng-Hổ Ngũ-Long tửu. Ngoài hai thứ Phần tửu và Long Sắt bổ tửu là rượu cổ truyền, còn nhiều thứ khác toàn là mới mẻ. Tuy nhiên, đa số thể loại rượu hình như xuất hiện để bán ra nước ngoài."●

(trích dịch từ Vera & Francis Hsu - Modern China: North trong Food in Chinese Culture edited by K.C. Chang)

THẾ DŨNG

EM ĐẦY SỐNG CHẾT TRONG TÔI

Hình Em đầy Ngày đầy Tuần
Bóng Em đầy Năm đầy Tháng

Tiếng Em đầy ắp giác quan
Lời Em dào dạt mưa nắng

Hơi Em đầy ngực đầy tóc
Hương Em mềm mát gối chăn

Hiu quạnh đêm Em làm tôi ứa lệ
Nỗi vui ngày của em khiến tôi cười vỡ mây trời

Tôi đã xót xa chết lặng nhìn em thịnh nộ giữa
cõi đời loang lổ
Tôi bị ném vào bóng tối hờn tủi bởi sự
hiểu lầm bất giác từ EM

Xa Em thấp tha thấp thỏm
Không Em Sinh lực tán loạn

Bên Em Khí lực thăng hoa
Có Em trí tuệ phát sáng

Em đầy Sống Chết trong tôi
Không biết yêu Em?
Thì tôi đến cõi đời này làm gì?

1996

VỀ NHÀ ĐÊM GIÁNG SINH

HOÀNG OANH

Vừa bước chân vào đã thấy chị Nghiêm chủ nhà ngồi đợi. Thấy Hoàng, chị vội vã nói:

"Lúc nãy có một cậu gọi tới cho em, chị đã ghi lại số điện thoại. Cậu ấy muốn em trả lời càng sớm càng tốt."

Hoàng phân vân cầm lấy mảnh giấy nhỏ chị Nghiêm vừa trao. Một số điện thoại lạ, không thể đoán ra là ai, không biết có chuyện gì mà lại gấp gáp đến thế? Suốt một ngày bận rộn với việc học, việc làm Hoàng đã mệt nhừ, chỉ muốn mau mau về nhà, nằm dài ra cho thân thể và trí óc mệt mỏi rã rời được một chút nghỉ ngơi. Thế mà vừa về đến nhà đã có chuyện phải làm, Hoàng cảm thấy bực bội hơn là tò mò. Một cú điện thoại, một chuyện vui hay buồn không còn gợi lên niềm háo hức trong lòng của một thiếu nữ đơn độc, phải một mình đảm đương trăm thứ như Hoàng nữa. Dường như chị Nghiêm cũng đang tò mò theo dõi những phản ứng trên gương mặt Hoàng để xem cái cậu gọi điện thoại ấy có quan hệ như thế nào với con nhỏ cứ tối ngày im hơi lặng tiếng nầy. Ánh mắt của chị khiến Hoàng cảm thấy buồn cười, bởi vì ngay cả Hoàng còn chẳng biết anh chàng đó là ai nữa kia mà! Để khỏi phải vòng vo giải thích, Hoàng vội vã nói vài lời cảm ơn rồi rút ngay vào phòng.

Qua Mỹ một thân, một mình mấy năm nay Hoàng là khách share phòng trong nhà chị Nghiêm. Kiểu sống thầm lặng của Hoàng chị đã quen, sáng đi làm, chiều về đi học đến tối mịt. Hoàng chẳng mấy khi có bạn bè gọi đến, lại là bạn trai nữa. Bảo sao mà chị lại chẳng tò mò? Hoàng phớt lờ ánh mắt dò xét của chị Nghiêm đang nhìn theo, khép nhẹ cửa phòng lại phía sau rồi ngã lưng lên giường. Chuyện đâu còn có đó chẳng cần gì phải vội vã, cái anh chàng đó cũng chẳng chết đi đâu mà lo, nghỉ ngơi trước cái đã! Hoàng mệt mỏi lăn vòng trên giường, ôm vội chiếc gối vào lòng rồi khép mắt lại để cảm nhận được sự thư giản thoải mái của từng thớ thịt sau một ngày nhọc nhằn, đầu óc vơi dần đi sự căng thẳng của những lo toan bận rộn trong ngày. Hoàng thèm vô cùng một giấc ngủ say, không còn biết trời đất gì nữa, không cần biết cái anh chàng nhắn lại ấy là ai nữa! Nhưng khổ chưa, đúng thật con gái là chúa tò mò! Mảnh giấy nhỏ chị Nghiêm vừa trao như đang nhúc nhích, vặn vẹo trong tay Hoàng. Nó chẳng chịu nằm yên, nó như một kẻ bị hàm oan đang kêu nài công lý. Mà cái công lý đó thuộc về Hoàng, nên hay không nên cho nó một cơ hội để được giải bày? Hoàng do dự cầm lấy ống nghe. Chuông điện thoại reo vang ở đầu giây bên kia, một giọng đàn ông trẻ trung, ấm áp và quen thuộc cất lên như một cơn gió xoáy buốt tim Hoàng:

"Hello! Khanh đây!"

Bàn tay cầm điện thoại dường như trơn tuột đi, giọng nói của Hoàng run rẩy:

"Khanh hả? Hoàng đây, về từ bao giờ thế? Vậy mà Hoàng còn tưởng là ai nữa chứ. Số điện thoại lạ quá!"

"Mới về tới thôi, gọi cho Hoàng ngay đấy. Khanh không còn ở chỗ cũ nữa. Bây giờ đang ở tạm nhà một người bạn."

"Sao vậy, lại định dọn nhà nữa hả?"

"Ồ không, lần nầy thì không dọn tới dọn lui nữa Hoàng ạ. Sắp xếp vài ba chuyện rồi Khanh lại đi nữa, mà lần nầy chắc còn lâu lắm mới trở về."

"Lại đi nữa à?"

Câu hỏi của Hoàng rơi xuống như một nốt nhạc chùng thấp, một chút thất vọng và u buồn trộn lẫn. Hoàng cố lấy giọng bình thản để che giấu xúc động.

"Chừng nào thì Khanh sẽ đi?"

"Hai tuần nữa Hoàng ạ."

Hoàng lưỡng lự một chút, rồi nói:

"Trước khi đi nhớ để giành một ngày cho Hoàng nhé!"

"Vâng, thế nào cũng sẽ đến thăm Hoàng."

"Không, không chỉ đến thăm thôi. Giành riêng cho Hoàng một ngày, mình sẽ đi chơi đâu đó."

"Được rồi, cưng ạ. Mọi việc sẽ tùy theo ý Hoàng vậy."

"Cám ơn Khanh. Nhớ là không được hẹn hò công chuyện gì trong ngày ấy. Khanh thì lúc nào cũng bận rộn cả!"

"Khanh hứa, suốt cả ngày được không?"

"Phải giữ lời hứa đấy nhé. Bây giờ thì Hoàng phải ngủ sớm, mai đi làm."

"Hoàng nghỉ nhé. Cám ơn đã gọi cho Khanh."

"Bye."

"Bye."

Tiếng máy bên đầu giây kia đã cúp tự lúc nào mà Hoàng vẫn còn trầm ngâm cầm chiếc điện thoại của mình trong tay như cố lắng nghe chút dư âm còn lại của cuộc điện đàm. Cái cảm giác có sự hiện diện gần gũi của Khanh bên mình làm Hoàng xao xuyến. Khanh là như vậy đó, thoáng hiện rồi thoáng mất, thoáng gần lại thoáng xa. Mỗi lần Khanh từ biệt ra đi là Hoàng lại sống trong khắc khoải đợi chờ. Chờ một ngày trở về không hẹn trước. Rồi mỗi khi Khanh về, nỗi vui chưa trọn thì đã dọn sẵn một cuộc phân ly. Khanh như cánh chim trời phiêu lãng, cứ mải miết trong cuộc hành trình của riêng mình, chẳng biết đến bao giờ mới mỏi cánh dừng chân!...

Mặc đầu thèm lắm một giấc ngủ say nhưng Hoàng không thể nào chợp mắt được. Nằm một mình trong bóng đêm, Hoàng ôn lại từng kỷ miệm vui buồn đã có với Khanh mà cô đã trân trọng nâng niu từng chút một. Vài món quà nhỏ Khanh tặng vẫn được Hoàng giữ gìn, chăm chút cẩn thận. Những lời Khanh nói dù vô tình hay hữu ý cũng được Hoàng ghi nhớ lại. Tình cảm trân trọng ấy có gì đó vượt quá mức tình bạn thông thường giữa hai người kéo dài đã nhiều năm. Tình thân ấy khiến họ có thể nói với nhau về mọi chuyện trên đời, chỉ duy có một điều chưa bao giờ được nói đến. Dường như cả hai đều biết rõ vấn đề ấy vẫn còn đấy cho dù họ có cố tình tránh né hay lãng quên... Và thời gian cứ trôi qua, những điều đáng lẽ đã được nói ra từ lâu vẫn còn giữ lại. Cả hai đều bận rộn, loay hoay với những lo toan riêng của cuộc đời mình, hay là cố tình bận rộn để trì hoãn lại cái giờ khắc phải đối diện với chính trái tim mình?

Khanh và Hoàng quen nhau từ bảy tám năm về trước, khi còn là những thanh niên trẻ, đơn độc trong trại tị nạn Galang. Cùng tham gia vào những sinh hoạt thanh niên trong nhà thờ của trại, cùng là học sinh trong những lớp Anh văn chuẩn bị cho cuộc sống mới. Họ có chung những ưu tư về một tương lai mù mịt phía trước, có chung một nỗi buồn lưu lạc của những kẻ vừa đánh mất quê hương, xa cách gia đình, đoạn lìa quá khứ. Vì những điểm chung ấy mà hai người dễ trở thành thân thiết. Lúc ấy Hoàng thích ngồi nghe Khanh đàn trong bóng đêm, tiếng đàn của Khanh xôn xao tha thiết, đã gieo vào lòng rồi thì mãi không lắng xuống. Khanh cũng thỉnh thoảng hát cho Hoàng nghe những bản nhạc vừa viết xong, tiếng hát của Khanh ấm áp say sưa, gởi trao cả tâm tư trong đó. Hoàng thì chỉ biết yên lặng lắng nghe với lòng ngưỡng mộ và cảm thông, đôi khi góp một vài ý nhỏ vào lời ca. Hoàng nhớ mãi những buổi chiều cùng Khanh lang thang trên bãi biển, mây tím giăng mau ở cuối chân trời, sóng và gió rạt rào như một khúc ru êm, và Hoàng đã đọc cho Khanh nghe những bài thơ của mình, của một thuở mơ được làm thi sĩ! Thời ấy đã trở thành quá khứ xa lắc, xa lơ tự kiếp nào. Bây giờ nhớ lại dường như không còn có một giới hạn thời gian nào cả, không còn phải là con số bảy hay tám năm nữa mà là cả một đời người ấp ủ.

Rồi thì lần lượt cả hai được sang Mỹ định cư. Bẵng đi một thời gian dài không gặp. Bỗng một hôm, tình cờ gặp lại trong một khu thương xá đông người, trên hai chuyến thang cuốn ngược chiều kẻ lên, người xuống. Cuốn quít vẫy nhau, gọi nhau, cả hai đều sợ rồi sẽ một lần nữa mất hút, biệt tăm nhau. Tình bạn được nối lại nhưng những cái chung không còn nữa. Trong khi Hoàng yên phận với công việc làm ba cọc, ba đồng của mình, và vừa đi làm vừa đi học thì Khanh lại bôn ba hơn. Khanh làm trăm thứ việc, chạy từ nơi nầy đến nơi khác, khi học, khi thôi, trách nhiệm đối với gia đình còn ở lại Việt Nam Khanh phải một mình gánh vác. Tất cả những bận rộn đó choáng hết ngày tháng của Khanh và Hoàng. Không có mấy khi Hoàng lại được ngồi nghe Khanh đàn và hát, những bài thơ Hoàng cũng không đọc nữa vì Khanh sẽ không bao giờ có đủ thời giờ để lắng nghe. Rất nhiều khi Khanh biệt tăm ở đâu đó cả tháng trời. Một cú điện thoại nhắn tin cũng đủ cho Hoàng quên đi những đêm dài ngóng trông chờ đợi. Nhưng rồi Khanh cũng chẳng ở yên được lâu, lúc nào cũng có một công việc đang đợi, một người cần được giúp đỡ, và thế là Khanh biến mất. Hoàng quen dần với những lần Khanh bặt vô âm tín như vậy rồi, chỉ có sự xuất hiện của Khanh mới là điều bất ngờ, không định trước. Sự hiện diện của Khanh như một viên đá ném xuống mặt hồ đã lặng, trái tim Hoàng lại dồn dập những xao xuyến bâng khuâng.

Có lần Hoàng nói với Khanh:

"Hoàng thích cuộc sống như Khanh. Khanh đi khắp nơi còn Hoàng thì cứ ở lại một chỗ, một mình."

Lúc ấy Khanh vỗ nhẹ tay Hoàng rồi nói:

"Ngày nào đó khanh sẽ trở về và mang Hoàng đi khắp nơi với Khanh."

"Khanh hứa?"

"Tất cả những gì Khanh có thể làm được cho Hoàng thì Khanh sẽ hứa."

Nhưng ngày ấy có bao giờ sẽ đến trong cuộc đời Hoàng? Khanh vẫn mãi làm một bóng mây trôi đi, để lại bầu trời đơn độc, lặng lẽ chờ mong. Chẳng biết khi mây ra đi và trời ở lại, ai buồn hơn? Mỗi lần nghe Khanh từ giã ra đi là Hoàng lại thẩn thờ ngơ ngác suốt bao đêm dài. Hoàng đếm từng ngày trống trải, vô vị trôi qua, nghe nỗi nhớ thấm sâu và mơ hồ nghĩ rằng có lẽ đó là tình yêu. Đã hàng vạn lần Hoàng thầm thì một mình "I love you, I love you, Khanh." Hồi âm chỉ là những tiếng vọng hư vô làm buốt đau lồng ngực. Ở nơi xa xôi nào đó chắc hẳn Khanh sẽ chẳng bao giờ nghe thấy! Để rồi mỗi khi Khanh trở về, sự hiện diện gần gũi của Khanh cũng đủ làm cho trái tim đơn độc của Hoàng vui sướng trở lại. Những lời yêu thương ràng buộc bỗng trở thành thừa thãi. Mà cũng có thể Hoàng lo ngại tình yêu của mình không đủ sức giữ lại đôi chân phiêu bạt của Khanh, vậy thì nói ra làm gì? Thà chấp nhận tình bạn vốn có giữa hai người còn hơn là đánh mất tất cả! Như Xuân Diệu đã nói "anh không nhận tức là tình tôi mất, tình cho đi ai lấy lại bao giờ?"

Vậy là Hoàng còn có hai tuần lễ nữa để sống với một niềm vui nhỏ, được hạnh phúc khi đợi chờ những cú phôn thăm hỏi của Khanh, được vui với những lần gặp mặt ngắn ngủi, được nghe giọng nói Khanh ấm áp kể lại những chuyến đi xa. Trái tim Hoàng reo vui mỗi lần nghe Khanh bắt đầu câu chuyện bằng một lời thăm hỏi ân cần: "Hoàng có khỏe không?" Dường như trong câu hỏi ấy chứa đựng tất cả tấm lòng quan tâm trìu mến mà Khanh giành cho Hoàng. Đôi khi trong lúc nói chuyện Khanh lại sốt sắng hỏi: "Nói đi, nói cho Khanh biết Hoàng đang nghĩ gì? Tại sao Hoàng yên lặng?" Cách nói đầy nhiệt tình và chân thành của Khanh lúc nào cũng làm cho Hoàng cảm động. Cái cảm giác được quan tâm, yêu quý, trân trọng dễ làm cho người ta cảm thấy hạnh phúc và yên lòng.

*

Sáng sớm, như đã hẹn, Hoàng lái xe đến chỗ Khanh. Tháng mười một trời đã trở lạnh, cây cối hai bên đường bắt đầu nhuốm vàng. Lá rơi đầy mặt đường, những giây leo trên bờ tường đỏ ối pha chút sắc vàng dịu dàng của mùa thu Cali. Nắng sớm đã lên rực rỡ trên những mái nhà và trên những luống hoa cúc dọc theo vệ đường. Bầy chim bồ câu yên lặng rỉa lông trên những sợi giây điện chằng chịt cắt ngang bầu trời, bên dưới là cuộc đời với trăm nghìn muộn phiền trắc trở vẫn tiếp tục trôi. Lũ bồ câu vẫn yên lặng rỉa lông và tắm nắng, mùa thu vẫn bình thản để rơi những chiếc lá vàng, năm tháng sẽ hao gầy đi, và cuộc đời Hoàng cũng vậy. Chưa chi Hoàng đã thấy mình yếu đuối, run rẩy, buông xuôi trước những mất mát, đổi thay của cuộc sống và của chính mình.

Hoàng vừa cho xe ngừng lại thì đã thấy Khanh, cô nhường tay lái cho Khanh, và thích

thú với cái cảm giác tin cậy thoải mái để mặc Khanh đưa đi, ao ước được có Khanh bên cạnh trong suốt cuộc hành trình của đời mình.

"Hoàng muốn đi đâu bây giờ?"

"Tùy Khanh thôi, đi đâu cũng được. Muốn lên núi, xuống biển gì cũng được hết. Miễn là Khanh phải tiêu cho hết ngày hôm nay với Hoàng."

Chạy loanh quanh trong những con phố nhỏ một chút thì Khanh nảy ra sáng kiến;

"Được rồi, chúng ta sẽ chu du trên con đường Pacific Coast Highway. Mình sẽ đi dọc theo bờ biển Thái Bình Dương cho đến khi nào Hoàng cảm thấy chán."

"Khanh cũng biết là Hoàng rất yêu biển kia mà. Biển sẽ chẳng bao giờ trở thành nhàm chán đối với Hoàng cả, mà lúc nào cũng quyến rũ, trẻ trung như một người yêu đã lâu không gặp. Nhiều khi Hoàng muốn ra biển dạo chơi, nhưng đi biển một mình thì chắc là sẽ buồn đến phát khóc mất!"

"Vậy thì hôm nay Hoàng sẽ được ngắm biển thỏa thích nhé."

Khi xe bắt đầu rẽ vào Pacific Coast Highway, Hoàng hạ kính xe xuống để hứng lấy gió biển mát rượi, trong lành và hít đầy lồng ngực mùi hương thơm nồng quen thuộc. Hoàng nhớ lại hình ảnh những buổi chiều cùng với Khanh lang thang trên bờ biển Galang, ngắm nhìn những thân dừa ngã nghiêng theo gió, đợi hoàng hôn lên từ mặt biển thâm u xa xôi, nghe tiếng gió thét gào vọng lại từ những ghềnh đá chơ vơ, đơn độc. Biển của những ngày tháng ấy đẹp lắm mà cũng u buồn lắm! Ở nơi đó Hoàng ngóng về quê hương xa xôi, dõi mắt chờ mong những con tàu tả tơi, vô vọng, hoặc thả hồn mơ mộng về một tương lai mịt mù phía trước. Con đường như trôi về phía sau, một bên là nhà cửa phố xá, một bên là biển trời xanh ngắt, nắng bao la từ trên cao trải sắc vàng lấp lánh, nhấp nhô theo triều sóng. Xe của Khanh và Hoàng như lao vào trong cõi mộng êm đềm, tươi sáng và thanh bình của một ngày thu ấm áp. Tiếng nói của Khanh bất ngờ kéo Hoàng ra khỏi giòng suy tưởng:

"Để Khanh đưa Hoàng đi xem nhà."

HOÀNG KHANH

VÀ NHƯ LÁ...

Trong sân nhà em mùa thu không vội vã
Những lá vàng nằm lặng giữa sân hoa
Em ngồi đây nhặt thời gian đã mất
Có lá nào là của những thu xưa?

Anh vẫn bảo thế giới này nhỏ hẹp
(Hẳn còn mơ về những chuyến đi xa)
Em ở lại thấy buồn bao la quá
Một mình ngồi nghe biết mấy thu qua

Người xưa đi ba thu không trở lại
Em một ngày chờ đợi đã hư hao
Và như lá em sẽ về với đất
Nỗi nhớ nào rồi cũng phải chôn sâu.

Hoàng nhíu mày ngạc nhiên:

"Xem nhà để làm gì? Khanh định mua nhà à?"

Khanh cười hồn nhiên:

"Cứ xem như đó là mục đích mà mình đang nhắm tới. Chúng ta chẳng phải là đều đang nhắm vào một mục đích nào đó để sống hay sao?"

Lối nói của Khanh vừa có vẻ nghiêm túc vừa như đùa cợt. Một câu nói như thế có thể đúng cho tất cả mọi người. Trên cái xứ sở giàu có nầy, chuyện ăn, mặc không còn là bận tâm lớn, mà mơ ước thiết tha nhất của mỗi người có lẽ là một căn nhà, một mái ấm. Từ lâu, Hoàng vẫn nghĩ Khanh không phải là người của gia đình. Cuộc sống nay đây, mai đó làm cho Khanh có dáng dấp của một chàng lãng tử hơn là một ông chủ nhà. Nhưng Hoàng nào biết sâu kín trong thâm tâm Khanh cũng ước mơ về một mái ấm cho riêng mình. Hoàng nhìn Khanh ngạc nhiên:

"Hay là Khanh đã sẵn sàng để mua nhà rồi?"

"Không đâu, cưng ơi - Thỉnh thoảng Khanh vẫn gọi Hoàng một cách thân mật như thế - Nhà ở đây căn nào cũng hơn cả triệu đồng lận, tiền đâu mà mua?"

"Khỉ thật, làm lương năm sáu đồng một giờ

mà đòi coi nhà bạc triệu! Không khéo người ta đuổi cả hai đứa ra thì ê mặt."

Khanh đùa:

"Khi vào đến nơi hai đứa mình phải chuẩn bị bộ dạng cho ngon lành, phách lối một chút. Biết đâu người ta chẳng tưởng mình là những nhà triệu phú đang giả dạng thường dân?"

"Ờ. Vậy nhà ở đó chắc là đẹp lắm hả Khanh?"

"Khỏi phải nói. Biết bao nhiêu công sức, tài trí của con người đã đổ vào đó chỉ để phục vụ một thiểu số những người giàu có, làm sao mà không đẹp chứ!"

Khanh cho xe rẽ vào một con đường nhỏ, hai bên là cây xanh ngát, với đủ loại hoa màu sắc rực rỡ dưới nắng sớm. Thấp thoáng trong bóng cây là những mái nhà màu xám nhô lên những đỉnh nhọn, vòm cong như những lâu đài trong truyện cổ tích. Hoàng buột miệng:

"Ồ, đẹp quá! Khanh ơi."

"Chưa đâu, để vào trong rồi Hoàng sẽ thấy."

Khanh cho xe đậu lại, rồi lấy điệu bộ nghiêm trang bước xuống xe. Khanh mỉm một nụ cười rất Mỹ, đôi mày nhướng lên tinh nghịch. Nụ cười của Khanh rất đàn ông, vẻ bất cần, y hệt nụ cười của anh chàng Leonardo Dicaprio thủ vai Jack trong phim Titanic, khi anh ta dạy cho cô gái quý tộc Rose khạc nhổ vào tất cả những vinh hoa hào nhoáng của cuộc đời. Hẳn là Khanh cũng đang giễu cợt chính mình khi tự mặc vào cho mình vai trò của một kẻ khác. Dáng đi thẳng, đầu ngẩng cao, chân bước thong thả, nụ cười khinh mạn trên môi, mắt nhìn thẳng về phía trước. Khanh cố tạo ra cho mình dáng dấp của một người đàn ông phong nhã thành công trong cuộc đời, đưa tay cho Hoàng khoác rồi cả hai cùng bước vào văn phòng địa ốc gần đó như một đôi uyên ương đang tìm nơi xây tổ ấm. Cả hai được đón tiếp một cách lịch sự đúng mực, cũng có đủ thủ tục ghi danh, hướng dẫn, giới thiệu những công trình đã, đang và sẽ được xây dựng, rồi thì được mời đi tham quan một cách tự do những căn nhà mẫu kế bên.

Mỗi căn nhà ở đây đều được thiết kế thế nào để phòng ngủ chính, phòng ăn, phòng đọc sách đều hướng ra vụng biển yên lặng bên dưới. Trong nhà bài trí sang trọng, lộng lẫy vượt quá sự tưởng tượng của Hoàng. Tất cả màu sắc, hình thể, đường nét của những vật trang trí là một sự phối hợp rất nghệ thuật và tinh tế. Có căn làm ta liên tưởng đến thế giới hội họa lập thể của Picasso, có căn trang trọng, tráng lệ như một đền đài Hi Lạp cổ đại. Khanh và Hoàng say mê ngắm nghía từng phòng một. Hoàng thích nhất căn phòng có chiếc đàn piano màu nâu và bức tượng bán thân của Mozart trên lò sưởi, một chiếc ghế êm để ngả lưng và những ngọn nến trên chân đèn bằng bạc. Hoàng bảo;

"Phòng nầy là để giành cho Khanh, để Khanh đàn và viết nhạc."

"Còn phòng nào cho Hoàng?" Khanh hỏi.

"Phòng đọc sách bên kia là của Hoàng, có nguyên cả một cửa sổ rộng hướng ra biển. Ở đó Hoàng có thể làm thơ được." Cả hai cùng cười với những ao ước hão huyền của mình.

"Hoàng xem kìa. Khanh chỉ tay về phía biển. Đẹp không?"

Trong cái vụng biển yên lặng và xanh ngắt ở bên dưới, những cánh buồm trắng lấp loáng trong nắng, thỉnh thoảng vài chiếc ca nô xé nước lướt qua. Tất cả đều toát lên một vẻ đẹp xa hoa, kiêu kỳ của một thứ tiện nghi sang trọng, thừa mứa.

"Vâng, đẹp lắm! Nhưng có lẽ Hoàng sẽ không thích cảnh biển ở đây đâu. Nó thiếu sự sống, thiếu cái vẻ đẹp phóng khoáng của thiên nhiên và thiếu cái bao la của đại dương."

Khanh đùa:

"Nếu Hoàng đã chê thì thôi. Vậy mà Khanh đã định sẽ mua cho Hoàng một căn đấy."

"Nếu Khanh mua tặng thì dại gì mà không nhận chứ hả? Không thích thì cũng ráng mà thích vậy."

"Rồi thì Khanh sẽ mua. Lúc ấy Hoàng không được từ chối đó nghe."

Hoàng nhủ thầm. Có bao giờ Hoàng từ chối những gì của Khanh trao tặng đâu. Hoàng yêu thích cả cái nhỏ bé nhất, tầm thường nhất vì nó là của Khanh. Hoàng không mơ ước một món quà to lớn đến thế, chỉ sự hiện diện của Khanh trong cuộc đời Hoàng đã là quá đủ rồi!

Khanh ngồi ngả lưng trên một chiếc ghế dựa thật êm:

"Thử tưởng tượng xem, sau một ngày làm việc trở về, khoác chiếc kimono ngồi đây để đợi cho nước xả vào đầy bồn tắm, buổi chiều nhuộm tím mặt biển ngoài kia, mùi thức ăn thơm ngon và bàn ăn thắp nến đợi chờ. Thật là tuyệt! Hoàng nhỉ?"

Hoàng yên lặng ngắm nhìn Khanh, cái vẻ ngoài cứng cỏi, phong trần kia như cố che đậy đi phần tâm hồn nhạy cảm, tinh tế bên trong. Khanh giống như một đứa trẻ trước ngọn nến

sinh nhật của mình, nhắm mắt lại và say sưa thốt ra những ước nguyện ấp ủ trong lòng. Những ước nguyện có thật, hay là nỗi ám ảnh về một hoài vọng không thành? Chắc hẳn trong những chuyến viễn du, Khanh đã có lần mơ được trở về, về nhà, một mái ấm, một nơi để con người an nghỉ trong một tình thương êm dịu.

Khi cả hai trở ra xe, Khanh hỏi:

"Hoàng có thích không?"

"Thích chứ, nhưng thà không xem thì hơn, để mình còn có thể sống thỏa mãn với căn phòng trống trải, nhỏ bé và đơn sơ mà mình phải trở về."

Khanh lại tiếp tục cho xe chạy dọc theo bờ biển. Có nơi chỉ là những bãi cát dài phẳng phiu, trơ trụi, không một bóng cây, không một ghềnh đá. Nơi thì là phố xá sầm uất, tàu bè san sát, chen chúc trong bến đậu. Cuối cùng họ dừng lại ở một bãi biển vắng người. Mặt trời đã lên khá cao, gió biển ấm áp thổi đùa trong cây lá. Khanh và Hoàng đi thơ thẩn trên con đê chắn sóng kéo dài ra tận biển. Lũ chim hải âu bay lượn nhặt những xác cá tấp vào bờ hay thức ăn thừa du khách còn để lại. Ra đến tận cùng của con đê chắn sóng cả hai cùng ngồi nhìn ra biển. Gió thổi lồng lộng làm mái tóc Hoàng bay tơi tả trên vai Khanh, mặc dù ngồi rất gần nhau nhưng Hoàng vẫn cảm nhận có một khoảng cách giữa hai người. Con đê chắn sóng dưới chân họ chia biển ra làm hai phần. Một bên là biển yên lặng, trong xanh, lăn tăn sóng gợn. Còn bên kia là biển đục ngầu cuồng nộ, sóng cứ đập rát vào bờ đá rì rầm, rì rầm, rong rêu, rác rưởi, vỏ ốc tấp vào bờ theo từng đợt thủy triều lên xuống. Một bên là bầu trời nhỏ hẹp, cuộc sống bình yên, đơn điệu và tù hãm. Một bên là biển trời bao la, cuộc sống phong phú, sôi động và đầy thách thức. Cuộc đời của Khanh và Hoàng cũng giống như biển ở hai bên bờ đê chắn sóng, mỗi người đã có sự chọn lựa cho riêng mình. Con đê nhỏ hẹp là vậy, nhưng khoảng cách ấy không dễ gì có thể vượt qua!

Khanh ngồi yên lặng, đôi mắt đăm đăm nhìn về phía biển. Rồi bằng một giọng chùng thấp, Khanh nói:

"Mỗi lần ngắm nhìn biển là ký ức kinh hoàng của những ngày lênh đênh trên mặt biển lại trở về với Khanh. Con thuyền nhỏ như một chiếc lá trôi nổi giữa đại dương mênh mông. Bầu trời bao la và xa thẳm ở trên cao, còn bên dưới là mặt biển khép kín, tối đen, không bến bờ. Cái cảm giác của sự lạc lõng, không còn gì để bám víu, để nương tựa thật là kinh khủng! Lúc đó Khanh mới biết được thế nào là sự nhỏ nhoi của chính mình, và hiểu được rằng cái sự sống mà mình đang sở hữu thật là mong manh vô cùng!"

Hoàng hoàn toàn cảm thông với những kinh nghiệm Khanh vừa kể. Nhưng nếu Hoàng có thể nguôi ngoai với quá khứ và chấp nhận hiện tại một cách dễ dàng thì Khanh lại không. Khanh nặng lòng với quá khứ, hờ hững với tương lai. Những bận rộn, bôn ba, toan tính mà Khanh đang làm trong hiện tại chỉ là chút cố gắng để quên đi quá khứ. Hoàng nói bâng quơ:

"Không hiểu sao, mỗi lần nhìn biển là Hoàng cứ như bị cuốn hút vào trong đó. Hoàng có thể ngồi hàng giờ để cố hiểu ra những điều biển muốn nói trong sự câm lặng của nó. Nhưng rốt cuộc thì chẳng có gì hết Khanh ạ, biển vẫn mãi là một câu hỏi không lời giải đáp. Giống như khi ta đi tìm ý nghĩa của cuộc đời ở bên ngoài cuộc đời, thật là trống trải và vô nghĩa! Nhưng để hiểu thật sự ý nghĩa của đời mình ta cần phải sống với nó, chấp nhận những đổ vỡ, mất mát, sai lầm của cuộc đời ấy."

"Ai chà, cô bạn nhỏ của tôi lại sắp trở thành triết gia rồi. Hoàng biết không, đôi khi Khanh vẫn nghĩ mãi không biết tất cả những gì mình đã sống, đã làm, đã hi sinh có ích lợi gì không? Tại sao mình không chỉ sống cho chính mình?"

"Có một ngày, tự nhiên Hoàng nhận thức được mối liên hệ hài hòa giữa biển cả, đất và trời, và hiểu được sự hiện diện của mình trong thế giới nầy. Chúng ta không phải được tạo dựng nên để rồi qua đi một cách vô ích. Cuộc sống mà chúng ta đã được ban cho có ý nghĩa trước hết là cho chính bản thân mình và sau đó là cho cái tổng thể cuộc đời mà mình vốn là một phần ở trong đó."

"Có lẽ Hoàng nói đúng, nếu không thì cuộc sống của chúng ta hoàn toàn là vô nghĩa, phải không?"

Hai người trầm ngâm nhìn ra biển cho đến khi nắng nhạt dần bên kia núi, biển trở màu xanh thẫm ảm đạm và gió bắt đầu se lạnh. Khanh đứng dậy kéo tay Hoàng:

"Thôi mình về Hoàng ạ."

Hoàng ngơ ngác như vừa ra khỏi một giấc mơ:

"Nhưng vẫn chưa hết ngày kia mà?"

"Biển đã bắt đầu lạnh rồi, phải về thôi, nếu không Hoàng sẽ bệnh đấy."

Hoàng tiếc nuối quay nhìn biển:

"Ừ, thì về vậy!"

Trên đường về Khanh cho xe rẽ vào một khu thương xá sang trọng. Nhìn phố xá lộng lẫy với những giây kim tuyến lấp lánh, những giải băng xanh đỏ, những ngọn đèn giăng mắc đủ màu sắc, bất chợt Hoàng quay sang Khanh hỏi:

"Vậy là Giáng Sinh nầy Khanh sẽ không về?"

Khanh lắc đầu:

"Chắc là không."

"Giáng Sinh là mùa để trở về, còn Khanh thì lại ra đi. Khanh có nhớ bài hát "I'll be home for Christmas" không?"

Khanh đùa:

"Đối với một kẻ không nhà như Khanh thì 'đi và về cùng một nghĩa như nhau' mà."

Nghe vậy Hoàng yên lặng. Có lẽ Khanh đúng. Người ta chỉ trở về khi có một nơi để trở về. Người Mỹ có câu"Home is where the heart is." Chẳng lẽ không có nơi nào cho trái tim của Khanh hướng về sao? Một chút thất vọng làm mắt Hoàng nhòa đi, có giọt lệ nào sắp sửa tuôn rơi. Làm sao để nói với Khanh rằng có một mái nhà vẫn luôn luôn chờ đợi Khanh, trong khi chính Hoàng cũng là một kẻ không nhà như Khanh mà thôi? Hoàng nói, chỉ cốt để che giấu cảm xúc:

"Mình đi đâu bây giờ hả Khanh?"

"Hoàng muốn đi đâu tùy ý. Ngày hôm nay là của Hoàng mà."

"Hay là mình xem movie đi Khanh, tụi mình chưa bao giờ xem movie với nhau phải không?"

Họ đến rạp vừa đúng giờ cho xuất chiếu phim "I'll be home for Christmas." Suốt cuốn phim, cả hai được dịp cười thỏa thích với câu chuyện của hai cô cậu thiếu niên đi học xa nhà và cùng trở về cho kịp đêm Giáng sinh. Nhiều tình cảnh buồn cười, éo le xảy ra trong suốt cuộc hành trình. Nhưng cuối cùng cả hai đều khám phá ra rằng mục đích thật sự của họ là trở về với nhau, với gia đình yêu thương đang mở rộng vòng tay chờ đợi chứ không phải vì bất cứ điều gì khác. Bộ phim với một kết thúc có hậu làm cho người xem hả hê khi ra về. Nhưng tâm trạng của Hoàng thì lại khác, Hoàng và Khanh chỉ là những kẻ đang mải mê trong cuộc hành trình riêng của mình. Họ không cùng có một mục đích chung của cuộc đời để theo đuổi thì làm sao mong được đến một ngày về?

Vừa ngừng xe lại Khanh đã nói:

"Thế là hết một ngày. Rồi cũng đến lúc phải chia tay. Chúc Hoàng 'happy thanksgiving, merry Christmas, happy birthday, happy new year'."

"Chi mà dữ vậy?"

"Bởi vì chắc Khanh sẽ không về được để nói những lời chúc mừng đó đúng lúc."

Hoàng yên lặng ngậm ngùi, nước mắt vòng quanh. Khanh nhìn Hoàng bối rối, ngại ngùng, rồi cúi xuống hôn lên trán Hoàng vỗ về:

"Big girls don't cry."

"I'm not a big girl. I'm a young woman, Khanh."

Khanh giữ lại bàn tay Hoàng nói khẽ:

"Rồi Khanh sẽ trở về."

Hoàng muốn nói với Khanh "Be home for Chirstmas" nhưng lời như nghẹn lại. Hoàng biết rằng mình sẽ phải đợi chờ, có thể là nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm nữa, nhưng Hoàng tin rằng Khạnh sẽ trở về. Bởi vì cuộc hành trình nào rồi cũng phải có lúc kết thúc. Hoàng sẽ đợi...

Tháng 12, năm 1998

NHIỄU ĐIỀU PHỦ LẤY GIÁ GƯƠNG

Nhiễu điều phủ lấy giá gương

Họa sĩ Lê Bá Đảng tặng mười tác phẩm, giúp quỹ cứu trợ đồng bào bị lũ lụt ở Việt Nam. Những tác phẩm này sẽ được bán với giá đặc biệt so với giá hiện nay của Lê Bá Đảng.

Các bạn yêu nghệ thuật và muốn giúp đỡ đồng bào bị bão lụt, có thể xem tranh và liên lạc với họa sĩ Lê Bá Đảng qua địa chỉ sau đây:

http://lebadang.free.fr

TRAO ĐỔI VĂN HÓA NGHIÊN CỨU VÀ ĐỐI THOẠI

NGUYỄN KHIÊM

Xin thành thật cảm ơn tác giả Trần Gia Phụng đã kiên nhẫn trả lời từng điểm trong bài góp ý của tôi về bài viết "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh". Đọc xong bài trả lời, tôi thấy ông đã viết đầy đủ, công bằng; và vì không có ý bận tâm độc giả về một vấn đề nhỏ nhưng có ý nghĩa quan trọng, nên tôi không muốn viết thêm. Tuy nhiên, nhân đọc một bài trong mục *Bạn đọc viết* (số 138, thư của ông Trần Kim Đáng, Seattle WA), có liên quan đến bài góp ý của tôi, tôi muốn lấy cơ hội trả lời này để ghi nhận tinh thần làm việc nghiêm túc của ông Trần Gia Phụng, người mà tôi có thiện cảm và kính trọng. Tôi cũng muốn nói thêm là nếu trong bài góp ý của tôi có những chỗ làm cho ông phật lòng ngoài ý muốn, tôi thành thật xin lỗi ông. Chuyện ăn thua đủ nhau từng câu văn hay từng chữ không phải, và chưa bao giờ, là chủ ý của tôi. Trao đổi để làm cho sự kiện được chính xác hơn và sáng tỏ hơn là điều tôi mong muốn đạt được.

Tôi nghĩ công việc nghiên cứu về các nhân vật cộng sản, nhất là những người cộng sản Việt Nam, là một việc làm rất khó khăn, vì phần lớn những sự kiện xảy ra trong chế độ cộng sản thường không được ghi chép lại, hay có ghi chép nhưng tính trung thực cũng chưa chắc đã cao. Không giống như ở các nước tự do Tây phương, nơi mà việc gì cũng có biên bản và văn bản ghi chép rất rõ ràng; trong các nước cộng sản, nhiều trường hợp, họ chỉ ra chỉ thị bằng lời nói, không bằng văn bản. Nhiều lệnh cấm đoán các nhà văn trong nước đều không thành văn bản, mà chỉ là lời nói. Do đó, việc truy tầm bằng chứng bằng văn bản trong chế độ cộng sản cần một sự thận trọng và cân nhắc tối đa. Đó là chưa kể đến những "bằng chứng" hay bài viết, vì lý do cá nhân hay thành kiến chính trị, hoặc ca ngợi người họ thích, hoặc lăng mạ người họ ghét.

Trong trường hợp đời tư của ông Hồ Chí Minh, điều này lại càng phức tạp và quan trọng hơn, vì sách viết về ông còn quá ít, và nhiều điều về cuộc đời của ông ta vẫn còn trong vòng nghi vấn. Để chê ông Hồ, người ta có thể lấy ra hàng trăm bài viết và lời kể miệng về ông một cách dễ dàng. Ngược lại, để khen ông Hồ, người ta cũng có thể trích dẫn hàng trăm bài viết và lời truyền miệng khác về ông ta. Tuy nhiên, bằng chứng gốc có độ tin cậy cao thì ít, nhưng những lời đồn đãi lưu truyền bằng miệng thì nhiều và đôi khi lẫn lộn. Chẳng hạn như bài viết của ông Nguyễn Minh Cần, mà tôi trích dẫn trước đây, lấy thông tin từ hai nguồn chính: một là từ lời kể của ông Vũ Thư Hiên; và hai là từ một số người mà ông viết là "người ta kể cho tôi," trong đó, có thể kể luôn "một bức thư dài năm trang đánh máy của người chồng chưa cưới của cô Vàng đã bị giết, viết ngày 29 tháng 7 năm 1983" nhưng ông không được quyền công bố bức thư này! Còn ông Vũ Thư Hiên thì viết theo lời kể của ông Nguyễn Tạo và một số lời nói của ông Vũ Đình Huỳnh (tức cha ông Hiên).

Tuy thế, so sánh giữa hồi ký (hay lời kể) của ông Vũ Thư Hiên và bài viết của ông Nguyễn Minh Cần, người ta có thể thấy có ít nhất là một chi tiết không nhất quán: trong cái chết của bà Nguyễn Thị Xuân, ông Vũ Thư Hiên, trong *Đêm giữa ban ngày*, viết: "Xác không được mổ theo thường lệ, mà bị chôn cất vội vã theo lệnh của Trần Quốc Hoàn," nhưng ông Nguyễn Minh Cần tả, qua lời kể của người khác thuật lại dựa theo ký ức, lời của một bác sĩ là: "Mổ tử thi, trong lục phủ ngũ tạng cũng không có thương tích gì, dạ dày không có thuốc độc, tử cung không có tinh trùng, chứng tỏ không bị hiếp dâm." (*Thế Kỷ 21*, số 96, tháng 4 năm 1997). Làm sao xác định được ông Vũ Thư Hiên đúng hay ông Nguyễn Minh Cần đúng? Thực ra, câu hỏi căn bản hơn là: làm sao kiểm chứng được những sự kiện trên đây khi mà văn bản không có trong tay?

Tôi rất tâm đắc với ông Trần Gia Phụng khi ông viết "Xin đừng chụp mũ, và luôn luôn giữ sự tương kính trong lúc tranh luận." Và tôi muốn mượn cái ý đó để trao đổi với ông Trần Kim Đáng một vài điều, và hy vọng qua đó,

ông sẽ thấy được ý nghĩa của bài góp ý của tôi. Ông Trần Kim Đáng có vài lời lẽ cho cá nhân tôi mà, dù với một lòng kính trọng người đối thoại tối đa, tôi cũng đành phải nói là không nghiêm túc và mang ý nghĩa xúc phạm.

Trong bài góp ý trước, tôi đã nói rõ ràng là những điểm tôi nêu ra chỉ liên quan đến vấn đề học thuật, chấm hết. Bây giờ, tôi cần phải nói thêm cho rõ hơn rằng: chỉ ra những điều không chính xác hay góp ý là để làm cho bài viết gốc thêm giá trị, làm cho vấn đề sáng tỏ hơn, chứ không phải để chọn ranh giới, bênh người này, chỉ trích người kia, chấm hết.

Tôi nghĩ rằng một trong những điều mà ta nên học người Âu Mỹ là tinh thần làm việc khoa học của họ. Trong nghiên cứu, người Âu Mỹ rất tôn trọng sự thật. dù lớn hay nhỏ. "Sự thật" ở đây có nghĩa là điều có thể thấy được, sờ được, và đo lường được hay kiểm chứng được. Nếu không có đầy đủ sự thật thì ta hãy đặt vấn đề trong vòng giả thuyết. Đứng trên một quan điểm về biện chứng, không ai có thể chứng minh một giả thuyết đúng hay sai. Nhưng người ta có thể trình bày những dữ kiện hoặc nhất quán, hoặc không nhất quán, với giả thuyết đó. Nhưng không chứng minh. Vì thế, tôi rất quan tâm đến vấn đề tài liệu và trích dẫn, một vấn đề có tính phương pháp học (methodology).

Trong thâm tâm, tôi rất ngại và miễn cưỡng viết những dòng sau đây, vì nó là những điều về phương pháp học quá căn bản, mà bất cứ ai làm việc nghiêm túc đều hiểu và phải biết. Trên *Hợp Lưu* gần đây (số 153), ông Hoàng Ngọc Tuấn, một nhà nghiên cứu văn học ở Úc, đã bàn về vấn đề "Sáng chế tài liệu giả"; trong đó, tác giả chỉ ra những trích dẫn sai hay không chính xác của một vài tác giả trong nước. Trong bài đó, tác giả Hoàng Ngọc Tuấn viết: "Tôi viết để thực hiện một trách nhiệm không thể lảng tránh của bất cứ người cầm bút nào còn biết tôn trọng sự trung thực, sự lương thiện trí thức, và có tinh thần xây dựng." Đó cũng là động cơ duy nhất của bài góp ý của tôi.

Trước hết, trích dẫn tài liệu, dù là phê bình hay góp ý, là một hình thức ghi nhận sự đóng góp của tác giả trong đề tài nghiên cứu. Trong cùng một đề tài, có thể có nhiều người đã từng nghiên cứu trước đó, và họ có thể có nhiều ý kiến khác nhau. Việc chọn lựa ai để trích dẫn làm cơ sở bảo vệ cho quan điểm mình là quyền của tác giả. Cố nhiên, vấn đề thiên vị cũng có ở đây. Nhưng dù có thiên vị cá nhân về việc chọn lựa người để trích dẫn, những lời văn, sự kiện, hay số liệu trích dẫn phải chính xác. Điều này là một nguyên tắc bất di bất dịch trong khoa học. Không ai có thể cãi được. Không ai lại dại dột lên tiếng phản đối. Bất cứ ai từng được huấn luyện trong môi trường nghiên cứu đều biết rằng việc trích dẫn sai là một lỗi lầm khoa học nghiêm trọng và khó tha thứ. Một sinh viên đại học năm thứ nhất hay học sinh lớp 12 trung học cũng nhận thức được điều này. Mở bất cứ một cuốn cẩm nang nào về phương pháp nghiên cứu đều có một câu văn tương tự như thế. Đó không phải là một lời nói "đao to búa lớn" như ông Trần Kim Đáng muốn đánh giá; đó là một nguyên tắc làm việc rất căn bản. Tại sao lại là căn bản? Để trả lời câu hỏi này, tôi lại phải mượn lời của tác giả Hoàng Ngọc Tuấn:

"Sáng chế tài liệu giả là một hành động sai lầm trầm trọng nhất trong sinh hoạt trí thức. Không những nó chỉ mang tính cách phản trí thức, mà ngay cả tính cách phản đạo đức.

Nếu được thực hiện bởi những khuôn mặt thành danh và có ảnh hưởng lớn trong văn học của một đất nước, hành động này lại càng nguy hiểm hơn, vì không khéo những công trình của họ để lại cho hậu thế và được hậu thế vô tình tin tưởng sẽ tiếp tục dẫn đến kiến thức của hậu thế đi càng lúc càng xa vào con đường sai lầm và xuyên tạc."

Điểm thứ hai mà tôi muốn đề cập đến là phong cách khách quan trong nghiên cứu. Người làm nghiên cứu chân chính phải đủ bản lĩnh để ghi nhận những ý tưởng trái ngược lại với quan điểm và niềm tin của mình. Trình bày sự thực quan sát được là một trong những thể hiện này. Nhưng thao túng sự thực là một việc làm không chấp nhận được. Vài năm trước đây, một ông giáo sư người Úc, từng rất có uy tín trên thế giới, vì muốn bảo vệ quan điểm của mình, ông đã sửa số liệu thí nghiệm. Kết quả là trung tâm nghiên cứu của ông bị đóng cửa, và ông bị đuổi khỏi nhiệm sở. Một ông giáo sư tâm lý học ở Luân Đôn cũng phạm lỗi lầm về sáng chế tài liệu giả, và khi phát hiện ra, ông đã tự lấy cái chết để đối phó với lỗi lầm của mình. Một giáo sư khảo cổ học Ấn Độ lừng danh trên thế giới đã bị mất tất cả các chức vụ khoa bảng, bị tước tất cả các danh dự, và dĩ nhiên là thành tích ba mươi năm nghiên cứu khoa học, khi ông phạm phải lỗi lầm sáng chế tài liệu giả. Những trường hợp và hậu quả của sự thiếu khách quan trong nghiên cứu đã được viết thành ít nhất là ba quyển sách. Đối với những người quen tính làm việc lè phè, những trường hợp này mới nghe qua có vẻ quá

nhỏ và không đáng quan tâm, nhưng đối với những ai có tinh thần và đạo đức làm việc, đây là những trường hợp nghiêm trọng.

Vì tính nghiêm trọng của vấn đề, trong các tạp chí chuyên môn ở các nước Âu Mỹ, người ta có hệ thống kiểm tra bài viết rất kỹ lưỡng trước khi đưa lên trang báo. Thông thường, một bài báo phải qua nhiều chuyên gia cùng ngành kiểm duyệt và phê bình (gọi chung là "review"), và thời gian kiểm duyệt, phê bình, phúc thảo ... thường kéo dài từ ba đến chín tháng, có khi cả năm. Sau khi đã qua giai đoạn kiểm soát này, nếu bài báo được chấp nhận cho xuất bản, bài báo còn phải qua một giai đoạn biên tập nữa, mà trong đó người ta kiểm tra từng con số, từng câu văn và từng đoạn trích dẫn. Dù qua nhiều giai đoạn kiểm tra như thế, vẫn có bài báo phạm một vài sai sót. Và nếu có sai sót thì cần phải sửa và đính chính. Trong nhiều bài báo khoa học, có khi một sai sót rất nhỏ, có thể chẳng làm thay đổi nội dung hay kết luận của bài báo, chỉ được phát hiện sai sau khi xuất bản cả mười năm hay lâu hơn nữa; và khi phát hiện sai, người ta cũng đăng đính chính. Dĩ nhiên, nếu không đăng đính chính thì chưa chắc có người biết; nhưng lờ đi những lỗi lầm mà tác giả biết mình phạm phải, dù lớn hay nhỏ, tự nó đã là một thái độ thiếu đạo đức. Người ta không trách người có lỗi lầm; người ta chỉ sợ người có lỗi mà không chịu sửa.

Dĩ nhiên, vì hạn chế về nhân lực và ngân sách của tòa soạn, và thể loại của tạp chí, không ai trong chúng ta đòi hỏi *Thế Kỷ 21* phải làm như các tạp chí chuyên môn của Âu Mỹ. Như vậy, chúng ta, những người độc giả có lòng cần lên tiếng góp ý và bổ xung. Đọc *Thế Kỷ 21* trong các số trước, tôi thấy nhiều độc giả đã từng chỉ ra những lỗi chính tả, sai sót về dữ kiện, thiếu chính xác trong các bài viết, v.v... Chả lẽ đó là những hành động "vạch lá tìm sâu" hay sao?! Ngay cả trong cùng số báo (*Thế Kỷ 21* số 138), tòa soạn đã đính chính từng lỗi chính tả, từng chữ và dấu của con số trong bài viết "Kinh tế Việt Nam 13 năm đổi mới." Đó là một thái độ tôn trọng người đọc. Đó là một phong cách làm việc nghiêm túc. Nếu, và chỉ nếu, thái độ tôn trọng người đọc và phong cách làm việc nghiêm túc là những "vạch lá tìm sâu," thì tôi nghĩ ta cần nhiều độc giả như thế nữa.

Tôi đã thất vọng khi, chỉ qua vài chữ, mà ông Trần Kim Đính đã khái quát hóa bài góp ý của tôi thành những suy tưởng vừa không có cơ sở vừa ngô nghê là tôi "bảo vệ ông Hồ Chí Minh." Tôi e rằng trí tưởng tượng của ông đã trở nên quá phong phú; phong phú hơn cái mà sự thật trong chữ nghĩa có thể cho phép. Nhưng tôi cũng rất tiếc đó chỉ là sự tưởng tượng. Tôi những nghĩ lối suy tưởng này đã trở thành hiếm hoi trong cộng đồng chúng ta trong cuối thế kỷ 20. Hóa ra tôi lầm. Đáng lẽ tôi còn muốn trao đổi thêm với ông, nhưng tôi phải ngưng ở đây, vì tôi thực sự cảm thấy mình bị xúc phạm bởi những suy diễn có tính vu khống, và những từ ngữ vừa vẩn đục, vừa rổn rảng của những kim loại thuộc giới giang hồ như "phang," "nổ," "có nghề," "đo ván," "tiêu ma"... mà tôi không quen đọc trên những trang giấy trắng của *Thế Kỷ 21*. Dù sao đi nữa, thái độ gán ghép, chụp mũ, dù trực tiếp hay gián tiếp, không nên có chỗ đứng trong một đối thoại có văn hóa.

Xin cám ơn *Thế Kỷ 21* đã cho tôi cơ hội lên tiếng; cám ơn ông Trần Kim Đáng đã chú ý đến bài viết của tôi, để qua đó, tôi có cơ hội làm sáng tỏ hơn vấn đề; và cám ơn các bạn đọc đã kiên nhẫn theo dõi. Nhất chi vị thâm: tôi xin hứa sẽ không quay trở lại vấn đề này nữa.

Sydney, Australia.

Mời đọc ba thi phẩm
NGUYỄN VĂN CƯỜNG

* THƯỢNG QUÊ
* DẤU BUỒN THƠ TRỔ BÔNG
* MÀU SIM TRONG ĐẤT HỨA

Olsvikasen 144 5183
Olsvik - Norway
Tel: (47) 55 26 53 20
hoihuong@hotmail.com

MÙA GIÁNG SINH ÊM ĐỀM TRONG CÁC TRUYỆN NGHẸT THỞ CỦA MARY HIGGINS CLARK

HÀ KỲ LAM

Mary Higgins Clark, tác giả của những truyện nghẹt thở ăn khách hiện nay, có vẻ là một mẫu người sùng đạo. Sự kiện hai trong mười tám tiểu thuyết của bà - Silent Night *và* All Through The Night - *được dàn dựng trong khung cảnh an bình, thánh thiện của mùa Giáng Sinh đã cho người đọc nhận xét đó. Xin sơ lược hai cuốn truyện nêu trên nhân mùa Giáng Sinh như một quà đọc cho mọi người.*

ALL THROUGH THE NIGHT

All Through The Night, tựa đề của một nhạc khúc Giáng Sinh, đã được dùng làm tên cuốn sách.

Ngay chương đầu cuốn truyện người đọc đã nín thở theo dõi sự việc đang diễn ra...

Còn hai mươi hai ngày nữa mới đến lễ Giáng Sinh. Đêm đã xuống từ lâu. Bên trong một nhà thờ ở khu Manhattan, thuộc đô thị Nữu Ước, linh mục Ferris đang xem xét mọi nơi, khóa cửa nẻo cẩn thận, tắt đèn, trước khi lui về phòng riêng kế cận nhà thờ nghỉ đêm. Im phăng phắc. Tên trộm Lenny nếp mình sau chỗ xưng tội, chờ vị linh mục đi qua trên đường tiến ra cửa sau nhà thờ. Có tiếng cửa đóng mạnh. Hắn thở phào. Còn lại một mình, hắn ra tay.

Bên ngoài nhà thờ, Sondra, một cô gái mười tám tuổi đứng bên kia đường, trước cửa một tòa nhà đang sửa chữa, nhìn sang nhà thờ. Cô ta phải yên chí là linh mục Ferris đã rời nhà thờ về tư thất của ông mới đem đứa bé đặt trên bực thềm nhà thờ. Vừa lâm bồn trước đó mấy tiếng đồng hồ trong một phòng khách sạn rẻ tiền, cô cảm thấy yếu, phải tựa vào khung cửa cho vững.

Cha Ferris từ trong nhà thờ bước ra, đi thẳng đến căn nhà kế cận. Sondra biết đã đến lúc thi hành công việc. Cô đã sắm sẵn áo quần, tã lót, bình sữa, chăn mền, một chiếc xe đẩy, một bao bằng giấy. Mở nút áo choàng, nhẹ nhàng bồng đứa bé đặt trong bao giấy, với tay xách chiếc xe đẩy đã xếp lại, cô mang tất cả sang bên kia đường trong lúc không có một ai qua lại trên đường để trông thấy cô. Cô chạy ngược lên ba bực thềm, mở chiếc xe đẩy, gài thắng, đặt đứa bé vào xe, đặt mớ đồ "phụ tùng" dưới chân đứa bé, cài tờ giấy cô viết sẵn,trong đó cô xin ai đó hãy tìm giúp cho đứa bé một gia đình từ tâm, còn cô không thể nuôi nó được dù lúc nào cũng yêu thương con. Sondra quì xuống nhìn đứa bé một hồi lâu, thì thầm, "mẹ yêu con, tạm biệt" rồi đứng dậy chạy xuống mấy bực thềm, ra đường phố. Cô sẽ gọi linh mục Ferris từ một điện thoại công cọng ở ngã tư kế cận.

Trong khi đó, bên trong nhà thờ tên trộm Lenny vơ vét tiền con chiên họ đạo quyên góp, và đập vỡ tủ đựng chiếc cúp có nạm kim cương, một báu vật của nhà thờ. Xong, hắn vội vã thoát ra trước khi hệ thống báo động của nhà thờ hoạt động. Nhưng xe cảnh sát hụ còi inh ỏi đang tiến đến. Thoáng trông thấy chiếc xe đẩy con nít để ở bực thềm, hắn liền bê xuống đường và ngang nhiên đẩy đi, làm ra vẻ một người đàn ông lương thiện, có con cái đề huề. Vô gia cư, vô nghề nghiệp, buôn bán ma túy, và làm mọi việc phi pháp nào có thể kiếm tiền được, hắn đang trú tạm nhà người cô ruột. Và hắn ung dung đẩy chiếc xe giữ trẻ về nơi ấy.

Về tới nhà cô của hắn được an toàn, Lenny chưa kịp mừng thì bỗng sững sốt khi nghe tiếng khóc oe oe rồi cái bao giấy cử động: một bé sơ sinh. Hắn gỡ mảnh giấy ghim trên chăn, bắt đầu đọc. Xin làm ơn tìm cho bé gái của tôi một gia đình từ tâm. Tổ tiên bố của cháu là người Ý; ông bà tôi gốc Ái Nhĩ Lan. Cả hai bên gia đình theo tôi biết không hề có bệnh di truyền, vì thế cháu sẽ lớn lên khỏe mạnh. Tôi yêu con, nhưng không thể chăm sóc cháu được. Nếu một mai cháu có hỏi về mẹ nó, xin cho cháu đọc mấy giòng này. Hãy nói cho cháu biết rằng những giờ phút hạnh phúc nhất trong đời tôi mãi mãi là những lúc tôi ẵm nó

trên tay sau khi sinh cháu. Những lúc đó chỉ còn có hai mẹ con trên đời này.

Bà Lilly, người cô hắn, đang quyết tâm tống khứ thằng cháu ăn hại ra khỏi nhà, cũng sửng sốt, cúi nhìn trong chiếc xe đẩy. "Mày tính sao bây giờ? Mày lượm đứa bé này ở đâu thế?" Lenny nghĩ nhanh, hắn không muốn rời căn chung cư này, một vỏ bọc an toàn cho hắn. Hắn nghĩ ra một câu chuyện.

"Nó là con của cháu đấy, cô Lilly ạ. Mẹ nó là người con gái cháu yêu, nhưng cô ấy sắp dọn đi California, muốn đem cho đứa bé cho người ta nuôi. Cháu muốn giữ bé lại."

Bà Lilly mở các món quấn quanh đứa bé sơ sinh, ẳm nó lên và nét mặt bà bỗng thay đổi. Bà hỏi Lenny:

"Tên nó là gì?"

Lenny nghĩ đến hột kim cương hình ngôi sao trên báu vật của nhà thờ, vụt miệng nói:

"Thưa cô, cháu tên là Star."

"Star," bà Lilly Maldonado lẩm nhẩm, "trong tiếng Ý cháu sẽ được gọi Stellina, có nghĩa là vì sao nhỏ."

Lim dim đôi mắt, Lenny nhìn sự khắng khít vừa nẩy sinh giữa một trẻ sơ sinh và một bà già. Hắn tự nhủ không ai biết hắn bắt cóc đứa bé, và cùng lắm, nếu có gì lôi thôi về đứa bé, thì hắn đã có mảnh giấy nầy để chứng minh hắn chẳng ăn cắp của ai.

Trời trở lạnh hơn. Từ một điện thoại công cộng ở ngã tư kế cận, Sondra gọi Linh mục Ferris. Bên kia đầu dây, một giọng đàn ông xưng danh là cha Dailey, và cho biết cha Ferris đang bận tiếp chuyện với cảnh sát bên ngoài tòa nhà, vì có chuyện khẩn cấp. Sondra lặng lẽ gác điện thoại. Cô yên chí là người ta đã tìm thấy con mình. Đứa bé được an toàn. Cha Ferris sẽ tìm cho nó một mái nhà tốt.

Một giờ đồng hồ sau Sondra đã ngồi trên xe buýt xuôi về Birmingham, tiểu bang Alabama. Cô đang theo học ở phân khoa âm nhạc của đại học tại đó, và chuyên về vĩ cầm. Tài năng đặc biệt của cô đang hứa hẹn một chỗ đứng vinh quang trên sân khấu trình diễn tương lai.

Chương đầu cuốn sách, hay màn đầu của câu chuyện, đã hé mở cho người đọc một chuỗi sự việc mà nhiều năm sau mới phơi bày ra ánh sáng những nguyên ủy, gốc rễ, mối mớ của chúng.

*

Bảy năm trôi qua.

Chu kỳ thời tiết đang bước vào độ giá lạnh của những ngày đầu tháng chạp. Giáng Sinh lại sắp về. Sondra Lewis trở lại New York lần này với vinh quang đang chờ đón nàng. Cô sẽ biểu diễn vĩ cầm ở Carnegie Hall, sân khấu ước mơ của tất cả nghệ sĩ mầm non. Cô không tin nổi có ngày điều đó lại xảy ra. Vậy mà Sondra không thấy háo hức, sung sướng, chỉ thấy lòng nặng trĩu, đầy bất an, tuyệt vọng. Cô đã gọi điện thoại đến nhà thờ St. Clementõs giả làm một phóng viên đò hỏi về sự kiện một đứa bé sơ sinh bị bỏ trên bực thềm vào đêm mồng ba tháng chạp bảy năm trước, để bàng hoàng, chết điếng khi nghe một giọng nói đầy vẻ ngạc nhiên, sửng sốt đáp lại rằng chẳng bao giờ có một sự việc như thế từ hai mươi năm nay chứ chẳng riêng bảy năm trở lại đây đâu! Ôi, ai đã nuôi con nàng, hay đứa bé đã chết ngay vì lạnh, sau khi nàng bỏ đi. Nước mắt tự dưng cứ trào ra, Sondra không làm sao cầm giữ lại được. Hai ngày rồi, Sondra cứ lảng vảng trước nhà thờ, bên kia đường, và sáng nay đã vào dự lễ sớm trong nhà thờ. Xong lễ Sondra bước nhanh ra khỏi nhà thờ, không cho cha Ferris có dịp hỏi, vì vị linh mục cũng nhận thấy vẻ khác thường nơi người phụ nữ trẻ. Nàng cầu nguyện để được gặp lại con. Lúc lên mười hai tuổi Sondra đã được ông nội - vừa là dưỡng phụ, vừa là thầy vĩ cầm của mình - dẫn đến đây một lần. Ông nội cho biết St. Clementõs linh nghiệm lắm; ông nội đã cầu được bao nhiêu điều trong đời mình, kể cả được khỏi hẳn chứng thấp khớp ngón tay, một sự nghiệt ngã cho một nghệ sĩ vĩ cầm như ông.

Stellina, đứa bé sơ sinh bị bỏ trên bực thềm nhà thờ St. Clement trong một đêm tháng chạp giá lạnh năm xưa, nay đã lên bảy. Nó lớn lên trong sự nuôi nấng đùm bọc của Nội Maldonado, và trong sự hờ hững, vô trách nhiệm của người bố Lenny. Cô bé đẹp như thiên thần. Mỗi ngày, sau buổi học, Stellina cùng một số trẻ em cùng lứa trong khu phố đến vui chơi, sinh hoạt tại một nhà giữ trẻ miễn phí do các bà phước đảm trách, cho đến sau giờ làm việc phụ huynh đến đón con em mình về.

Willy và vợ, Alvirah, đôi vợ chồng đã nghỉ hưu, rất tích cực trong các hoạt động hỗ trợ nhà giữ trẻ này - Willy với tay nghề thợ ống nước, và Alvirah với óc sáng kiến, cùng một trực giác thám tử sắc bén. Chính trực giác này đã giúp khám phá và bẻ gãy âm mưu chiếm đoạt một bất động sản bằng di chúc giả mạo, tức cứu được tòa nhà sẽ làm trụ sở tương lai

của nhà giữ trẻ nói trên.

Sự lai vãng trước nhà thờ St. Clementõs của Sondra Lewis không thoát khỏi cặp mắt tinh tường của Alvirah. Rồi chân dung của nàng xuất hiện khắp đô thị New York trong các bích chương quảng cáo cho cuộc trình diễn vĩ cầm sắp tới tại trung tâm nghệ thuật Carnegie Hall càng thách thức óc điều tra của người đàn bà trên sáu mươi này. Chờ cho Sondra đến, đứng bên kia đường nhìn chăm chú sang nhà thờ, Alvirah nhẹ nhàng bước từ sau lưng đến vỗ nhẹ vai người thiếu nữ và dịu dàng mở lời muốn giúp đỡ... Cả hai đón taxi về nhà của Alvirah. Sondra thổ lộ mọi chuyện.

Ra về, ngang qua phòng khách, bên cạnh chiếc dương cầm với cuốn sách nhạc mở ở trang của nhạc khúc *All Through The Night*, Sondra dừng lại, dùng một tay nhấn trên phím chơi bản nhạc. Nàng chơi lại bài nhạc một lần nữa và khẽ hát theo:

Ngủ đi con
Và cầu xin
Mọi an bình
Cho con suốt đêm.
Chúa sẽ phái thiên thần
Xuống gìn giữ con
Suốt đêm.

Ngừng hát, giọng nàng thốt lên như òa vỡ, "Em mong con em đã tìm được một thiên thần đêm đó." Alvirah hứa hẹn, "Tôi sẽ gọi cho em hay mọi chuyện."

Buổi trình diễn mùa Giáng Sinh do các trẻ em tại nhà giữ trẻ xem rất ngoạn mục, một thành công sau bao nhiêu tuần luyện tập và chỉ dạy. Stellina đã thuyết phục được Nội Lilly Maldonado cho mang chiếc cúp bằng bạc đến dùng trong buổi trình diễn, chiếc cúp mà tên trộm Lenny đã lấy của nhà thờ St Clementõs, và nói dối là của mẹ của Stellina giao lại cho hắn ta. Hắn ta còn nói đó là báu vật của một đức giám mục, bác của người yêu. Bà Maldonado đã tin đó là một vật linh nghiệm, và bà thường bảo Stellina như thế. Cô bé vẫn hay ôm chiếc cúp ban đêm nằm ngủ, và mỗi lần như vậy Stellina cảm thấy ấm áp, bớt đi cảm giác cô đơn, dường như được gần mẹ mình. Và cô bé cũng thường ôm chiếc cúp cầu nguyện mẹ mình sớm trở về. Alvirah bỗng chú ý đến hai điều khác thường: chiếc cúp bạc, và cô bé Stellina với khuôn mặt sao giống Sondra thế! Bà ta đã nghi đó chính là món báu vật mất cắp của nhà thờ, cùng với với đứa hài nhi bị mất tích. Alvirah đem mấy tấm ảnh chụp chiếc cúp và cô bé Stellina cho linh mục Ferris xem. Ông ấy xác nhận báu vật bị đánh cắp giống hệt như vật trong hình. Bà Alvirah mơ hồ thấy có ánh sáng ở cuối đường hầm rồi!

Trong khi đó, bà Lilly Maldonado lên cơn đau tim, phải vào bệnh viện cấp cứu. Bé Stellina ở nhà một mình, chờ bố về. Lenny là mục tiêu theo dõi của cảnh sát từ bao lâu nay, và hôm nay cảnh sát đã đủ yếu tố để ra tay tóm cổ hung thủ. Hắn ta vội vã chạy về nhà vơ vét tiền bạc cùng giấy tờ, tài liệu phi pháp cất dấu trong phòng ngủ để tẩu tán. Với lại hắn thấy cần bắt Stellina theo, vì nghĩ đứa bé có triển vọng là ngôi sao hộ mệnh của hắn. Hắn ra lệnh cô bé chạy theo hắn lập tức, không được mang theo món gì cả, ngoại trừ chiếc cúp bạc mà hắn muốn phi tang, mặc cho Stellina cứ năn nỉ bố dẫn mình vào bệnh viện thăm bà Nội. Vừa xuống tới đường, cả hai đã phải khựng lại, vì cảnh sát đã bủa vây. Lenny dùng mạng sống của Stellina làm áp lực, và cảnh sát đành để hắn đẩy cô bé vào xe với hắn. Nhưng trời bất dung gian, trong lúc hắn buông tay khỏi cô bé để nổ máy xe thì Stellina mở cửa phóng mình ra khỏi xe, ôm theo chiếc cúp bạc. Cô bé quyết tâm đi tới bệnh viện thăm Nội cho bằng được! Cảnh sát ập đến chiếc xe của Lenny. Cô bé với nguyên bộ đồ mặc để trình diễn vai đức Mẹ Ơn Phước, ôm chiếc cúp bạc chạy theo con phố về phía bệnh viện St. Luke.

Lenny bị bắt. Mười phút sau, cảnh sát, linh mục Ferris và vợ chồng Willy-Alvirah có mặt tại căn chung cư mà cô bé Stellina đã sống bảy năm trời với người nuôi dưỡng mình. Lục soát phòng của Lenny, cảnh sát tìm thấy một mảnh giấy nhàu nát kẹp giữa kệ để đồ và bức tường: mảnh giấy mà người mẹ trẻ đáng thương cách đây bảy năm đã cài trên tấm chăn của con mình. Bà Alvirah đọc nhanh mấy giòng chữ nguệch ngoạc để thấy mọi sự đã được xác nhận hùng hồn, đúng như bà đã nghi. Bà gọi điện thoại cho Sondra.

*

Đoạn kết là khung cảnh đoàn tụ đầy mũi lòng của một câu chuyện có hậu. Bên giường bệnh của bà nội Lilly Maldonado, bé Stellina đang nói về buổi tình diễn, về việc giữ gìn chiếc cúp bạc như đã hứa với bà, và về lời mình cầu xin mẹ sớm trở về. Đúng lúc cô bé cất tiếng hỏi, "Nội có nghĩ rằng Chúa sẽ gởi mẹ về với con không?" thì Sondra vừa đến sau lưng Stellina. Nàng quì xuống, thổn thức, và

ôm cô bé vào lòng.

Ngoài hành lang bệnh viện, bà Alvirah thoáng thấy cảnh tượng trên, nhẹ nhàng khép cửa lại. Bà nói, "Có những khoảnh khắc cần được sống trong riêng tư. Có những lúc không cần phải hiển thị cũng biết rằng nếu ta có đức tin mạnh và bền vững thì những mong ước của ta sẽ thành hiện thực."

SILENT NIGHT

Mary Higgins Clark lại dùng tựa đề một nhạc khúc Giáng Sinh nổi tiếng, *Silent Night*, đặt tên cho tác phẩm của mình.

Catherine Dornan, cùng hai con nhỏ, Michael, mười tuổi, và Brian bảy tuổi đang ở tại khu Rockefeller, thành phố New York buổi chiều trước đêm Giáng Sinh. Chồng nàng, bác sĩ Thomas Dornan, vừa trải qua cuộc giải phẫu để chữa bệnh hoại huyết, đang nằm tại một bệnh viện ở thành phố nầy, trong tình trạng chưa biết tốt xấu thế nào. Bất hạnh đột ngột đến, ám ảnh về cảnh góa bụa có thể xảy ra, Catherine chẳng còn tâm trí đi ngoạn cảnh, nhưng không muốn hai con mình bị giao động, nàng đã dẫn chúng đến đây xem cây Giáng Sinh nổi tiếng hằng năm tại trung tâm Rockefeller, hy vọng chúng quên đi những lo âu, buồn phiền. Nhưng chính tại đây, trên vỉa hè của một Nữu Ước xô bồ, một Nữu Ước với thiện ác lẫn lộn, gia đình Dornan lại rơi vào cảnh họa vô đơn chí.

VƯƠNG ĐỨC LỆ

TÔI TÌM BÓNG TÔI

Em về hỏi bóng tôi đâu
Nhìn quanh vách dựng nỗi sầu cô đơn
Chân quen tìm đến ngọn nguồn
Đèn không hắt bóng tôi ruồng bỏ tôi

CÁI CHẾT

Chết ư? Khép kín một chu trình
Sinh hóa không ngoài lẽ hóa sinh
Tiếng khóc ôm đầu ai thét đó?
Ai lần chuỗi hạt niệm chân kinh?

VÔ ĐỀ

Ta sẽ về theo dấu bụi hồng
Em chờ, biết có gặp nhau không?
Vầng trăng thái cổ sầu vô cớ
Dối bóng riêng ta vẫn lạnh lùng!

*

Cally, một nữ y tá, vừa rời sở làm sau ca trực năm giờ chiều, đang rảo bước trên hè phố, mong tìm mua một món quà Giáng Sinh cho bé Gigi, con nàng. Đây là Giáng Sinh đầu tiên trong hai năm nay nàng mới có dịp gần con. Hai Giáng Sinh trước của Cally diễn ra trong tù, sau khi nàng cho Jimmy, em trai, mượn xe trốn khỏi thành phố trên đường vượt ngục. Nghĩ đến Jimmy, một cảm giác bất an, lo sợ như chạy khắp châu thân nàng. Cally thầm cầu mong hắn để cho nàng yên thân. Sáng nay cảnh sát đã giận dữ gõ cửa nàng tìm kiếm Jimmy. Thằng em khốn nạn lại vượt ngục nữa rồi, lần này thêm tội giết người!

Một đám đông đứng nghe một người hát dạo đang độc tấu vĩ cầm bản Silent Night. Cally gia nhập đám đông. Ba mẹ con Catherine Dornan cũng vừa tới, và dừng lại nghe. Catherine móc ví lấy tiền cho người hát dạo. Lúc bỏ ví trở lại vị trí cũ trong túi mang vai, nàng đã vô ý làm ví rơi xuống đất mà không hay. Bé Brian thấy, vừa xoay người, định cúi nhặt, thì một chiếc giày đá chiếc ví và một bàn tay đàn bà với tới và nắm lấy. Thằng bé quay lại và thấy người đàn bà đó tách ra khỏi đám đông. Nó gọi mẹ nó, nhưng rủi thay lúc đó bản đàn Silent Night lại nổi lên và tiếng đồng ca của đám đông át hẳn tiếng kêu của Brian. Không chần chờ, nó quyết định theo bén gót bà ta. Thằng bé hành động vì sợ mất tượng thánh Christopher mà nó tin sẽ làm bố khỏi bệnh; chiếc tượng đang nằm trong ví kia. Bà ngoại kể rằng tượng thánh đó đã giúp ông

ngoại nó qua khỏi bao lần hiểm nguy ở trận mạc hồi trước; bây giờ bà muốn mẹ nó đem vào bệnh viện cho bố nó. Và nó đã định tối nay sẽ đem vào làm quà cho bố.

Về phần Cally, sau khi đá phải một vật mềm nàng nhìn xuống và thấy một chiếc ví. Với phản xạ tự nhiên, nàng nhặt lên. Nhưng ngay khoảnh khắc ấy Cally thấy như vừa phạm tội. Một lần tù tội khiến nàng giống một con chim bị tên sợ cây cong. Tưởng như mọi người đang dòm mình, tưởng như cảnh sát đang được gọi đến, Cally rảo bước rời đám đông. Nàng bỏ ý định cuốc bộ dọc đại lộ số 5 tìm mua con búp bê cho Gigi. Nàng tự nhủ, lỡ rồi, mình sẽ gửi ví qua đường bưu điện hoàn lại cho chủ nó.

Cally rẽ ở ngã tư kế tiếp. Nàng đi đến Grand Central Station, chen lấn vào sân ga chính, rồi bước xuống mấy bực thềm vào cửa tàu điện ngầm Lexington Avenue. Trạm xe đông nghẹt người, ồn ào, huyên náo. Bước lên toa xe được là cả một sự khó khăn. Xe dừng, lại leo mấy bực thềm, đổi sang một xe khác. Lại xuống xe, leo cầu thang, lên mặt đường phố, đường 14. Băng qua một ngã tư, quẹo trái, theo vỉa hè thoai thoải đổ dốc. Cậu bé Brian vừa theo sau người đàn bà vừa liếc nhanh bảng đường, nhủ thầm phải nhớ tên đường. Nó có một kế hoạch trong đầu: theo dõi cho biết nơi ở của bà ta để gọi điện thoại báo cảnh sát thu hồi chiếc ví của mẹ nó.

Khu phố không còn sáng sủa với ánh đèn giáng sinh nữa, nhiều nhà bỏ hoang, nạn vẽ bậy hoành hành trên nhiều tòa nhà. Những con người râu ria xồm xoàm ngồi uống rượu trước thềm nhà. Brian chết điếng vì sợ. Cuối cùng người đàn bà bước đến cửa một tòa chung cư cũ kỹ. Bà mở cửa, lách vào và đóng lại ngay. Brian chậm chân, đành bị bỏ lại ngoài. Cally vẫn không hề biết có một đứa bé bám sát theo mình từ nãy giờ.

Một người đàn ông từ trong chung cư mở cửa đi ra. Brian lẹ làng lách cửa bước vào trong. Hành lang tối tăm, dơ bẩn, mùi thức ăn cũ bốc lên khắp nơi. Nó định bụng sẽ tìm cho được nơi ở của người đàn bà.

Trong khi đó, Catherine Dornan và Michael tại đại lộ số 5 phát giác Brian mất tích. Hai mẹ con báo động. Cảnh sát được phái đến giúp tìm kiếm đứa bé.

*

Cậu bé Brian đang lang thang trong chung cư lạ, dò tìm nơi người đàn bà đó ở. Rủi thay, lúc đó tên tù vượt ngục Jimmy Siddons, đã đột nhập vào nhà trước đó, đang uy hiếp Cally, chị mình, để lấy tiền đặng bôn tẩu. Hắn nghe tiếng bước chân của đứa bé, mở cửa ra vừa lúc Brian đang quay lưng đi về phía cầu thang. Nghi là đứa bé nghe trộm ngoài cửa vừa rồi nên hắn rượt theo tóm cổ nó lôi vào phòng. Cally van xin Jimmy thả đứa bé, vì cô ta chẳng hề biết nó. Nhưng thật tai hại là trí óc non nớt của Brian lại nghĩ đến việc nhờ người đàn ông nầy lấy lại chiếc ví của mẹ mình! Nó chỉ vào Cally: "Bà ấy lấy cái ví của mẹ cháu." Jimmy vội buông tay khỏi đứa bé, vẻ mặt hân hoan: "Vậy hả?"

Jimmy Siddons đoạt chiếc ví từ Cally, trong đó có gần bảy trăm mỹ kim, một món tiền rất quí với hắn trong lúc nầy. Brian lên tiếng đòi chiếc ví của mẹ nó. Jimmy quắc mắt làm nó hoảng sợ. Lôi chiếc tượng Thánh Christopher ra khỏi ví, hắn cười nhạo báng và vứt xuống nền nhà, "Tao không đi nhà thờ bao nhiêu năm nay nhưng cũng thừa biết người ta không còn công nhận Thánh Christopher nữa." Brian cúi nhặt lên, đeo vào cổ mình, ra vẻ bằng lòng với "báu vật" nầy. "Ông ngoại cháu mang nó suốt thời gian chiến tranh và đã bình yên trở về. Nay cháu sẽ đem đến cho bố cháu để bố lành bệnh. Chú cứ giữ cái ví đó đi, cháu không cần đâu. Thôi cháu về." Brian mở cửa, toan chạy xuống cầu thang thì Jimmy bước theo nắm lại, lôi xềnh vào nhà, đẩy đứa bé ngã dúi xuống nền nhà, "mày phải ở đây với tao, nghe chưa." Cally van xin cho đứa bé được thả, nhưng Jimmy cương quyết giữ nó. Không ai biết trong đầu hắn vừa nẩy sinh một kế hoạch nham hiểm. Dẫn đứa bé theo trên đường bôn tẩu để tránh tai mắt cảnh sát đang bủa vây, và khi thoát vùng nguy hiểm sẽ hạ sát đứa bé để trừ hậu họa.

Sau khi bắt Cally thực hiện cuộc điện đàm giả với hắn, theo đó hắn báo sẽ đầu thú vào nửa đêm, sau thánh lễ, tại nhà thờ St. Patrick, Jimmy dẫn đứa bé ra đi, định vượt sang Canada.

Cảnh sát toàn tiểu bang New York được báo động về vụ Jimmy Siddons vượt ngục, và vụ cậu bé Brian mất tích. Các hệ thống truyền thanh và truyền hình cũng tham gia chiến dịch săn đuổi nầy.

Nhìn hình ảnh Catherine và Michael trên màn ảnh truyền hình đang kêu gọi mọi người tiếp tay cứu bé Brian, Cally đứng ngồi không

yên. Nếu Gigi mất tích chắc chắn nàng cũng sẽ nói những lời cầu xin khẩn thiết kia. Nàng thấy rõ mình đã gây ra tai họa cho gia đình Dornan. Và Cally quyết định gọi Thanh Tra Mort Levy. Phải hành động gấp, trước khi Jimmy có thì giờ hãm hại thằng bé, và một ai khác nữa.

*

Xử dụng chiếc xe hiệu Toyota màu nâu đánh cắp, Jimmy chở Brian về hướng biên giới Mỹ-Canada thuộc vùng New York thượng. Hắn hăm dọa giết nếu Brian tìm cách trốn. Thằng bé ngồi im thin thít, mặc cho xe lăn bánh về phương nào! Nó mân mê chiếc tượng Thánh Christopher, cảm thấy một sự bình an trong lòng, hình dung cảnh vị thánh dũng mãnh cõng trên vai một bé thơ và lội qua con sông hiểm nghèo, vị thánh đã cứu ông ngoại nó, và có lẽ sẽ giúp bố khỏi bệnh. Và trong trí tưởng, Brian cũng thấy mình đang ở trên vai của vị thánh kia.

Một hồi lâu, tin rằng mình đã thoát, Jimmy ghé xe vào một tiệm McDonald dọc đường, ngồi trong xe quây kiếng xuống mua thức ăn. Cô bán hàng vui tính, thoáng thấy thằng bé mang chiếc tượng Thánh Christopher trước ngực liền tíu tít kể chuyện về ông thánh nầy, như hồi bé nghe mẹ kể.

Chris, viên cảnh sát tuần lưu xa lộ, đói bụng, nối đuôi theo xe của Jimmy. Thoáng thấy chiếc xe nầy qua tấm kiếng chiếu hậu, Jimmy như chết cứng, nhưng cố phớt tỉnh. Hắn nóng lòng chờ cho xong câu chuyện "trời ơi" của cô bán hàng để chuồn cho nhanh. Qua khỏi tiệm hắn hằn học ra lệnh, "tháo cái tượng trời hại đó ra khỏi cổ ngay," và Brian riu ríu làm theo. Đến phiên viên cảnh sát trờ tới cửa sổ nhận đồ ăn, Deidre, cô bán hàng, vốn quen biết anh ta, liền thao thao bất tuyệt về chiếc tượng Thánh Christopher vừa thấy trên ngực áo thằng bé trong xe trước. Chris không chú ý câu chuyện, chúc "giáng sinh vui vẻ" xong, phóng xe trở ra xa lộ. Một lát sau, tổng hành dinh cảnh sát New York gọi anh, báo chiếc xe Toyota màu nâu và đứa bé đeo tượng Thánh Christopher là đối tượng truy bắt. Chris nhớ lại câu chuyện của cô bán hàng ở tiệm McDonald, cùng chiếc xe Toyota màu nâu trước chiếc xe của mình. Không cách nào nhớ nổi bảng số xe! Anh phóng xe như bay, mong đuổi kịp. Và anh đã đuổi kịp ở gần exit 42 khi một chiếc toyota màu nâu với bảng số New York đang rẽ vào exit.

Về phần mình, Jimmy biết đang bị rượt theo, khi thấy chiếc xe cảnh sát đằng sau. Hắn quyết định táo bạo: sẽ hạ sát thằng bé, đẩy nó xuống đường để cảnh sát bận tâm cấp cứu nó, và mình phóng xe bôn tẩu. Và hắn ra tay. Hồn xiêu phách lạc khi thấy Jimmy rút súng, Brian ném tượng Thánh Christopher trúng ngay mắt trái của hắn. Loạn quạng vì đau, hắn làm rơi súng. Trong khoảnh khắc đó Brian nghe như có một giọng nói hối thúc, "nhảy ra, nhảy ra ngay." Nó mở tung cửa xe, phóng ra vừa lúc một viên đạn xẹt qua đầu, gần lổ tai. Brian té, lăn mấy vòng trên cỏ, trong khi chiếc Toyota lạc tay lái, lật nghiêng trên sân cỏ của một tư gia.

Cảnh sát viên Chris bàng hoàng, chạy đến bên đứa bé, bồng nó lên. May quá, nó vô sự. Nhưng anh ta vội để nó xuống, cầm súng lăm lăm tiến về chiếc xe lật.

Về tác giả Mary Higgins Clark

Tác giả của 18 truyện dài, và ba tập truyện ngắn. Sinh trưởng và lớn lên ở thành phố New York. Hiện sống tại Saddle River, tiểu bang New Jersey. Bà từng giữ chức Chủ Tịch hội nhà văn Mỹ chuyên đề trinh thám.●

Tìm đọc

KHUNG CỬA NẮNG

Truyện dài của
NGÔ NGUYÊN DŨNG

"Trong khi câu chuyện diễn tiến, chúng ta tai nghe chim kêu sóng vỗ, mắt thấy nắng vàng mây bay, cùng lúc chúng ta đuổi theo những suy tưởng của nhân vật, của tác giả. Và khi câu chuyện dừng lại, chúng ta không kịp dừng theo. Cái truyện nó vươn ra ngoài truyện, nó dấy động một cõi mông lung." Võ Phiến

VĂN HỌC (California, USA)
xuất bản
VĂN NGHỆ phát hành
9351 Bolsa Avenue
Westminster CA 92683 - USA

NGÃ BA LÒNG

Truyện

TRẦN YÊN HÒA

Cuốc xích lô chở người đàn bà từ chợ Gò Vấp đến chợ Cầu Muối thật bở hơi tai, người đàn bà to mập kèm theo cái giỏ cần xé chất đầy rau cải đặt chễm chệ phía trước làm Ngự ngồi phía sau nhiều khi phải nhướn người lên quan sát, để khỏi phải bị va quệt những người chạy xe bên cạnh. Thành phố Sài Gòn đông nghịt người, xe cộ chạy như một giòng thác ùn ùn bất tận. Khi thả người đàn bà xuống vựa rau xong, Ngự cảm thấy như thoát nợ, người đâu mà keo kiệt, cuốc xe vừa xa, vừa nặng mà trả có mười ngàn đồng, từ khi ra xe buổi tối đến giờ, đây là cuốc xe đầu tiên nên anh chạy đại, thà "bói rẻ hơn ngồi không," nghề xích lô càng ngày càng ế, không tranh dành nổi với xe ôm hoặc taxi.

Ngự đạp xe từ từ về hướng Sài Gòn, đêm gió mát dịu. Anh thuê chiếc xích lô nầy luôn cả đêm, từ ngày đi tù về, gia đình tứ tán, Ngự chỉ còn một thân một mình, buổi tối chạy xe rồi leo lên lên xe ngủ luôn. Anh cư trú tại thành phố này nhưng không ai dám chứa chấp anh, công an khu vực, công an đường phố luôn luôn dòm ngó mỗi nhà dân hằng đêm. Hoàn cảnh của anh, muốn ở Sài Gòn được chỉ có cách sống lang thang, không ổn định, mới qua mặt được công an. Trong tay chẳng có được một tấm giấy tờ nào ngoài tấm giấy ra trại, không theo kiểu sống này thì cũng chẳng có cách gì khác.

Ngự cho xe chạy về hướng chợ Bến Thành, anh ngó mông vô cửa chợ, nơi nầy buổi sáng khách đi mua hàng ra vào đông đúc, hàng đoàn xe xích lô đứng dọc hai bên lề đường đợi khách. Mắt anh xích lô nào cũng láo liên, có khách kêu xe thì cả hàng chục chiếc xe ào tới, cho nên khách thường trả giá rẻ mạt. Mắt của họ còn phải láo liên ngó chừng công an, mỗi khi công an xuất hiện thì họ nhảy lên xe chạy như một đàn vịt, chứ mà để công an bắt được sẽ bị giam xe hay phạt tiền. Không gì lo bằng bị lấy mất cái cần câu cơm. Buổi tối khu chợ đã đóng cửa nên bên ngoài trống vắng làm sao, anh thấy không có khách nào lai vãng nên anh chạy thẳng về hướng Thị Nghè, anh nghĩ, nếu ế quá thì anh sẽ ra bến xe miền Đông neo xe ngủ.

Đạp xe qua đường Thống Nhất, xuống sở Thú, anh biết khu nầy là nơi hoạt động của đám chị em ta, các chị em ta ra đứng đường đón khách, khu đường Hồng Thập Tự trước vườn Tao Đàn buổi tối rộn ràng với đám gái, đám ma cô, đám cò mồi rươc khách, khu Ngô Thời Nhiệm, Đoàn Thị Điểm, Lê Ngô Cát, trong bóng tối rậm rịt thiếu đèn đường, nhiều cô gái đứng đợi một mình. Từ ngày nhà nước có chiến dịch cấm mãi dâm, nhiều động mãi dâm bị bể nên các cô tràn ra đường làm ăn, các cô dùng lối rước khách dã chiến để đối phó với công an. Khi Ngự chạy xe đến đoạn ngã tư Thống Nhất - Hai Bà Trưng thì bỗng nghe nhiều tiếng tu huýt nổi lên từ phía sở thú, xe công an chạy rồn rập trên đường, anh biết hôm nay có chiến dịch hốt gái của chính quyền. Khi tảo thanh một khu vực nào, công an sẽ ào đến hốt sạch, thấy cô nào đứng bên lề đường khả nghi là bắt, bắt theo luôn các người buôn bán lề đường nữa, nên ai thấy xe công an cũng sợ, lo chạy đi kẻo bị bắt oan vô tội vạ. Các cô gái bị bắt thì sẽ bị đưa đi các trường gọi là phục hồi nhân phẩm. Ngự đang suy nghĩ miên man thì từ bên trong lề đường một người con gái chạy ra ngán trước xe, kêu "xích lô!" Anh chưa kịp dừng lại thì cô ta đã nhảy phóc lên và nói mau:

"Công an bố ráp, anh chạy mau cho tôi chút."

Thì ra đây là một cô gái đứng đường thấy công an nên bỏ chạy, anh hỏi lại :

"Cô về đâu vậy?"

"Anh quẹo theo ngã Hai Bà Trưng và cho tôi xuống chỗ công viên Lê Văn Tám."

Ngự nói theo :

"Tới đó tiếp tục làm ăn hả?"

Cô gái đáp có vẻ hằn học;

"Công an mở chiến dịch mà làm ăn cái gì cha nội, tôi ở chỗ đó mà."

"Đó là công viên mà ở cái nổi gì?"

"Ở đại, không có nhà thì ở, có chết con ma nào đâu?"

Rồi người con gái sang qua gạ gẫm Ngự:

"Hôm nay ế quá, em mới ra là thấy công an nên chẳng làm ăn gì được cả, rầu thúi ruột đây, anh có đi em không, em lấy rẻ cho."

Ngự cảm thấy thương hại cô gái, nhưng anh từ chối :

"Tôi đạp xích lô mà có tiền đâu, với lại..."

Anh chưa nói hết câu thì người con gái nói lớn:

"Thôi anh dừng lại cho em xuống đây, hôm khác trả tiền hôm nay không có..."

Vừa nói người con gái vừa nhảy xuống xe rồi biến vào đám đông trước cổng công viên Lê Văn Tám.

Ngự hậm hực nhưng không nói được lời nào, một cuốc xe công cốc.

*

Hai tháng sau Ngự mới gặp lại cô gái. Sau khi bỏ khách ở bến xe miền Đông, anh cảm thấy mệt mỏi, anh bèn chạy xe ra phía khoảng đất trống ngoài bến xe một chút và leo lên xe đang thiu thiu ngủ thì bỗng nhiên anh nghe có tiếng đập ở cánh tay:

"Dậy chạy xe đi chớ, ngủ chi sớm vậy, mới mười hai giờ đêm mà."

Anh lồm cồm ngồi dậy thì nhận ra cô gái, anh từ chối liền :

"Cô tháng trước tôi đã chở cô rồi mà cô không trả tiền, nay tôi không chở nữa."

Cô gái cũng ngạc nhiên nhưng như chợt nhớ ra :

"Á, anh chở tôi hôm tháng trước đó hả, lúc đó em không có một đồng trong túi mà đang bị công an rượt nữa, thôi hôm nay chở, em trả tiền luôn cho."

Anh như thấy dịu lòng lại :

"Bây giờ cô về đâu?"

"Công viên Lê Văn Tám."

Ngự xuống xe nhường chỗ cho cô gái rồi ra phía sau leo lên yên. Kiếp cu li chó má nầy không biết kéo đến bao giờ, cả nước đang đói, biết bao nghề, bao mánh mung, bao lọc lừa của con người đang diễn ra, mà anh cố dằn lòng, cố sống trong niềm hạnh phúc riêng tư của mình là đem mồ hôi ra để đổi lấy bát cơm. Ngự đang suy nghĩ mông lung thì người con gái ngồi phía trước quay người lại hỏi anh:

"Sao anh không về nhà ngủ mà ngủ trên xích lô vậy."

Ngự thật thà trả lời:

"Tôi đâu có nhà. Đi cải tạo về không còn ai là thân nhân, tôi trốn vào đây kiếm sống, thuê xích lô đạp kiếm tiền, tối ngủ luôn trên xe."

"Thế anh cũng đi tù về hả, bị tội gì vậy."

"Sĩ quan chế độ cũ."

"Ba em cũng lính nguỵ đó, ổng cũng bị tù gần ba năm."

"Hồi trước ổng làm việc ở đâu."

"Nghe như ở ngoài Trung, lúc đó em còn nhỏ em không biết, nghe ba em nói như đâu là sư đoàn hai."

"Thì tôi cũng là lính sư đoàn 2 đây, trung đoàn 6, mà ba cô làm gì."

"Thượng sĩ an ninh."

Tự nhiên Ngự thấy vui lên. Bất kỳ lúc nào khi nói chuyện với ai nhắc về đơn vị cũ, hình như anh được sống lại những hào hùng đã qua của một người trai thời loạn, những lúc đó anh hầu quên đi thân phận của một người đạp xích lô, của một người vô gia cư, tứ cố vô thân như anh hiện tại.

Anh vồ vập :

"Vậy ông già bây giờ ở đâu?"

"Thì ở với em ở công viên chứ đâu, ba em đi tù, má em ở nhà bỏ đi đâu không biết, em phải sống lang thang, nhà cửa không còn, ba em về tìm em, hai cha con sống lẩn quất, lúc đầu ở dưới mái hiên nhà người ta, bây giờ công viên mới thành lập nên vô đây ở tạm, lấy bạt che ở đó anh, buổi sáng em bán vé số, ba cũng đi bán nhưng ổng bán ế lắm, còn lại em phải bao, nhiều khi bị lỗ."

Người con gái nói một hơi, bỗng dưng giọng cô ta chùng xuống:

"Đói quá, mà em thấy thương ba em quá nên em phải đi làm nghề nầy, ba em đâu có biết, anh đừng nói cho ba em biết nghe."

"Tôi đâu biết ba cô mà nói."

"Thì ba em sống ở công viên đó, khi nào anh ghé chơi, gặp những người lính cũ ổng vui lắm."

Xe quẹo đến khúc ngã tư Hiền Vương - Hai Bà Trưng, đứa con gái giơ tay ra hiệu cho anh ngừng lại:

"Anh cho em xuống đây, em trả cho anh 10.000, kể luôn cuốc xe hôm trước."

Tự nhiên anh buộc miệng :

"Thôi, tôi chở dùm cô đó, cô đem tiền nầy về mua cho ông già bao thuốc thơm và ít trà, nói của tôi biếu, hôm nào tôi ghé thăm, biết đâu quen, à mà ông già tên gì vậy?"

"Ba em tên Mẫn."

"Tôi tên Ngự, trung uý Ngự ở trung đoàn 6 bộ binh, đại đội trưởng, cô về hỏi ba cô có biết tôi không?"

Người con gái cầm lại tiền rồi chạy biến vào trong bóng tối, trước khi đi cô còn quay lại dặn Ngự :

"Anh có gặp ba em thì đừng nói gì với ba em nghe."

*

Gần hai tuần sau, vào một buổi sáng nghỉ chạy xe, Ngự đi xe đạp đến công viên đi tìm gặp ông Mẫn. Hình như trong lòng Ngự luôn luôn có những hoài niệm về những ngày tháng cũ, ở một vùng chiến địa mù mịt khói lửa đạn bom, những vùng đất anh đã từng đi qua, từng dẫn "những thằng con" đi lùng giặc, nơi mà địch quân luôn luôn núp lén bắn sẻ, nơi mà dưới đất luôn có những quả mìn chôn, những chồi cây trơ trụi vì bom đạn của hai bên. Anh đã sống chết với "những thằng con" suốt mấy năm trời, từ trung đội trưởng, rồi đại đội phó đến đại đội trưởng, anh đã vuốt mặt cho biết bao nhiêu đồng đội đã ngã xuống, làm sao anh quên được những người bạn chiến đấu đã một thời đồng cam cộng khổ cùng anh. Đến tìm thượng sĩ Mẫn hôm nay anh như tìm về những ngày tháng cũ ấy.

Công viên Lê Văn Tám nguyên trước là nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi, những ngôi mộ đã được bốc còn loang lổ với những công trình đang xây dựng, anh bước vào công viên và đưa mắt tìm nơi cư ngụ của ông Mẫn. Dân bụi đời vô gia cư sống trong những bụi cây rậm, họ treo võng trên những cây chưa bị đốn ngã, áo quần vứt tứ tung, bừa bãi. Ngự nhìn dáo dác xem có khuôn mặt quen thuộc nào không, hay tìm ra khuôn mặt đứa con gái đã hai lần đi xích lô của anh, khuôn mặt của cô ta bây giờ cũng đã nhạt đi trong trí nhớ Ngự. Anh đang muốn tìm người để hỏi thì trong tàng cây rậm có tiếng kêu :

"Ông thầy."

Anh quay mặt lại nơi có tiếng kêu thì người đàn ông nằm trên võng cũng vụt dậy chạy đến bên anh vồn vã:

"Ông thầy không nhớ tôi sao, tôi là trung sĩ Mẫn của đại đội ông thầy ngày xưa nè."

Anh vui mừng quá, ôm chầm lấy ông Mẫn :

"Anh Mẫn, tôi đang đi kiếm anh đây, tôi nghe nói anh ở đây hôm nay mới đến được, khoẻ không, đời sống sao rồi?"

Ngự hỏi liên tiếp vì vui mừng tột độ, chuyện không ngờ lại đến, chính ông Mẫn là người lính cũ của anh. Anh nhìn Mẫn thấy Mẫn nay đã quá già và quá tiều tụy. Ngày trước, dù là lính của anh nhưng ông Mẫn lớn hơn anh cả chục tuổi, hồi đó anh đã cử ông làm thường vụ đại đội, nên đám lính trẻ thường gọi ông là bố già.

Ông Mẫn lại nói :

"Ông thầy vô đây, đây là nơi công cộng, không nhà không cửa cho nên tôi phải sống ngoài trời, tuần trước nghe con Thắm, con tôi về kể lại có anh nào ở chung đơn vị với ba, tôi cũng ngờ ngợ, may quá mà gặp lại được ông thầy, ông thầy ngồi đây tôi ra kiếm mấy xị đế với chút đồ nhắm về thầy trò mình lai rai chút đỉnh hàn huyên tâm sự."

Ông Mẫn bương bả đi ra ngoài, khoảng 20 phút sau ông trở về với lít rượu đế và một bịch lòng heo, lòng bò, đủ loại. Trải tấm bạt trên cỏ, hai người ngồi nhâm nhi, rượu vào, lời ra. Ông Mẫn kể :

"Tổ cha nó chớ, trước ba mươi tháng tư, tôi chạy từ Quảng Ngãi về đây, nó kêu đi học tập, tôi hạ sĩ quan có dính chút an ninh nên tôi phải đi trình diện, mình thua trận rồi mà trung úy. Thế là nó nhốt tôi gần ba năm đó ông thầy. Tôi trở về, con mụ vợ của tôi bỏ đi theo trai, bán hết nhà cửa, để con Thắm đi bụi đời. Tôi về, tìm được con Thắm đang đi moi bọc nilong kiếm ăn, tôi kéo nó về đây, cha con nương tựa nhau, tôi già rồi đâu có làm ra tiền, bây giờ một mình tay nó gánh vác, tội nghiệp. Con Thắm được cái là có hiếu lắm, nay nhà cửa mất hết phải sống lê lếch như thế này, tôi thương con Thắm quá, không biết làm sao mà nó lấy được chồng được đây."

Ngự nghe ông Mẫn kể, nhìn trong khoé mắt ông thấy có những giọt nước mắt long lanh. Người trung sĩ của anh ngày xưa gan dạ bao nhiêu, nay nhìn thấy thiểu não quá, anh thấy lòng mình chao động thật sự. Anh an ủi ông Mẫn:

"Chuyện đời vật đổi sao dời mà, tôi đây cũng vậy, như cái mền rách chứ khác gì ông đâu. Thôi bỏ qua đi, mình gặp lại nhau là vui rồi. Dô, dô, trăm phần trăm."

*

Ngự khuyên con Thắm nên bỏ cái nghề đó đi, đi đêm có ngày gặp ma, không công an hốt đi trại Bố Lá thì cũng mang bệnh sida, căn bệnh thế kỷ không thuốc nào chữa khỏi. Thắm nghe lời, nay nó chỉ còn đi bán vé số dạo, còn Ngự hàng ngày đạp xe xích lô, bỏ ống để dành khoản vài ba ngàn để sắm cho con Thắm một xe bán thuốc lá dạo như con Thắm ao ước. Đứa con gái vui hẳn lên, nó không còn nói năng trâng tráo như ngày cũ nữa, Ngự vui mừng là đã làm một việc tốt, vừa giúp cho một người lính cũ của mình, vừa giúp cho một người con gái thoát khỏi con đường nhơ nhớp. Nhìn thấy con Thắm suốt ngày ngồi bên xe thuốc lá, vừa bán thuốc lá, vừa bán vé số, Ngự thấy vui trong lòng. Mỗi khi đạp xe qua chỗ con Thắm bán thuốc, lúc không có khách, anh thường tạt vào thăm chơi, con Thắm hớn hở nói :

"Hôm nay em tính lời gần ba chục ngàn rồi đó anh."

Ngự nhìn Thắm cười vui :

"Khá quá há, vậy là em hơn anh rồi, từ chiều đến giờ anh chỉ chạy được hai cuốc xe, chưa tới mười ngàn."

Thắm nhìn anh, đôi mắt như có lưỡi dao bén ngót:

"Em định làm ở đây một thời gian, khá khá vốn lên một tí thì anh đừng đi đạp xích lô nữa, đạp xích lô mất sức lắm, anh về phụ với em đi chạy hàng, anh lên Chợ Lớn lấy hàng về cho em bán, chứ em lấy hàng ở đây người ta bỏ mối đắt lắm, em sẽ chia lời cho anh, em thấy anh đạp xe em chịu không nổi."

Ngự cảm thấy lòng mình chao đi khi nghe lời tâm sự của Thắm, từ ngày tìm gặp lại ông Mẫn, anh mừng như gặp được người anh em, anh còn ai đâu nên hai người kết nghĩa anh em và hứa cùng lo cho Thắm, anh tự coi như mình là người chú của Thắm, lo cho Thắm được chuyện gì anh cũng không từ nan, có lần anh nói :

"Thắm từ rày về sau kêu tôi là chú nghe chưa, tôi là em kết nghĩa của ông già đó."

Thắm liếng thoắn :

"Không được đâu, em kêu bằng anh quen miệng rồi, với lại kêu bằng chú nghe nó lạ làm sao á."

"Kêu riết rồi quen chứ gì."

"Anh nói thế thì để em tập, thôi thì khi có mặt ba em, em kêu bằng chú, còn riêng anh với em, em kêu anh bằng anh nghen."

Anh biết Thắm thương mình, tình thương có thể đến bằng tấm lòng từ ái, những lo lắng, an ủi vỗ về, những sẻ chia bất hạnh cho nhau. Anh cũng thấy lòng mình rung động với đôi mắt sắc lẽm kia, với giọng nói nũng nịu kia và cả với tấm lòng nữa, nhưng anh vẫn muốn giữ một khoảng cách, để anh tỉnh táo thực hiện ý định của anh, là ra đi, là thoát khỏi đất nước nầy. Điều nầy, tự thâm tâm anh biết thôi, anh không tâm sự cùng ai, bày tỏ với bất cứ ai lúc nầy cũng có thể là một trở ngại, sẽ làm anh chùn bước.

Lúc nầy, nghe Thắm nói những dự tính tương lai, những dự tính bình thường của một người con gái với một hạnh phúc nhỏ nhoi, tự nhiên anh lo sợ, ngại ngần.

Ngự nhìn vào đôi mắt Thắm khi nói ra câu đó, như có một niềm tin thầm kín mãnh liệt về một gia đình êm ấm, một cặp vợ chồng yêu thương nhau, cùng ra sức xây dựng tổ ấm, gánh vác gia đình. Thắm săn sóc anh như một người vợ hơn là một đứa em hay là đứa cháu, anh nghe lòng mình cũng rung lên những cảm giác òa vỡ, từ lâu lắm rồi, anh đã quên hẳn tình yêu, anh không muốn ràng buộc với ai, tất cả mọi ràng buộc chỉ làm nhụt đi ý chí của anh.

Ngự không nói ra ý nghĩ đó sợ làm Thắm buồn, nhưng trong thâm tâm thì anh đã tự dặn lòng, hãy tìm mọi cách để thực hiện ý định.

*

Và cơ hội may mắn tình cờ đã đến với anh. Một buổi tối cũng đón khách ở bến xe miền Đông, anh gặp Ngạc, thằng bạn tù cũ, hai đứa mừng hết lớn, hai người rủ nhau vào một quán nhậu bên đường, khi uống đến ly thứ ba thì thằng Ngạc kề tai Ngự nói nhỏ :

"Tau về đây là để ngày mai xuống Bà Rịa đợi chuyến đi, ba tau ở Đà Lạt đã móc nối với người chú dưới đó, mầy muốn đi, đi với tau, anh em mình sống chết cùng nhau."

Vậy là hai người đàn ông ra đi, và Ngự không một lời giã từ ông Mẫn và Thắm, chuyện nầy Ngự coi là dịp may ngàn năm một thuở nên anh không thể bỏ qua, anh bỏ chiếc xích lô lại giữa bến xe miền Đông, cùng Ngạc leo lên xe đò xuống Bà Rịa, một ngày sau hai người lên tàu ra khơi. Đứng trên tàu nhìn về phương trời cũ, anh thấy lòng mình nhói đau, lòng anh đang đứng ở ngã ba, nay ra đi là anh đã chọn. Vĩnh biệt ngã ba lòng.

Ngự biệt tin tức ông Mẫn và con Thắm từ ngày đó.●

TÌM MỘT QUÊ HƯƠNG

ký sự tùy bút

ĐOÀN VĂN KHANH

(Tiếp theo)

LTS. *Ký sự tùy bút của Đoàn Văn Khanh còn dài, chúng tôi xin tạm chấm dứt ở số báo này với trích đoạn có liên quan tới vụ án gọi là "Vụ gián điệp Bình Định" hồi đầu thập niên 50, mà trong đó thân phụ của tác giả đã dính líu vào.*

Một chút rong chơi

Hồi ra dạy học, phụ trách môn Việt văn nên cha tôi cũng đã tìm được một số sách báo để làm tài liệu. Có nguyên cả bộ báo Ngày Nay đã được đóng thành tập. Trước đây cha tôi vẫn giới hạn tôi trong việc đọc các loại sách báo người lớn. Nay thì tôi tha hồ đọc. Qua tập báo Ngày Nay, tôi đã đọc được vô số tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn. Tôi để ý đến vài nhân vật trong một số tác phẩm của Nhất Linh và của Hoàng Đạo, và tự nhiên tôi liên tưởng đến cha tôi.

Tuy không hiểu sâu sắc vấn đề nhưng tôi cảm thấy cha tôi có nhiều điểm giống với mấy nhân vật trong *Đôi bạn* của Nhất Linh, hay trong *Con đường sáng* của Hoàng Đạo. Mấy nhân vật trong các truyện này đều là những người hấp thụ nền tây học, thương nước nhà lạc hậu, thương dân lành cực khổ và bị áp bức, muốn đem cái sở học của mình ra để phục vụ quốc gia dân tộc. Vốn mang nhiều thiện chí, nhưng bản chất nặng tình cảm và giàu mơ mộng nên các nhân vật này luôn luôn nhìn đời, nhìn xã hội qua lăng kính chủ quan một cách phiến diện. Do đó có người ra làm quan với ý hướng đem sự hiểu biết cũng như đức độ của mình để mang lại công bình cho dân nghèo, có người thì lại đi làm cách mạng theo kiểu hiệp sĩ đi cứu đời, lao mình vào sương gió như một niềm vui.

Cha tôi cũng đã từng từ bỏ cuộc sống an nhàn của một người công chức thành phố để ra làm quan ở một vùng quê buồn tẻ vào thời điểm gần cáo chung của một chế độ lỗi thời. Sau đó người lại dấn thân vào cách mạng với mẫu người Hướng đạo thẳng thắn, mang tâm hồn phóng khoáng đi gieo rắc công bằng và tự do để đem lại niềm an vui cho đời giữa dòng thác lũ của một thời đại đang lao mình vào cơn mê của những ý tưởng không tưởng. Và đó là cái điều khiến cho tôi cảm thấy tương lai mình hình như cũng chỉ là một cái gì rất bấp bênh.

Đọc báo nhiều tôi bỗng nảy ra cái ý tập viết văn làm báo. Tôi bèn rủ mấy người bạn trong xóm từng theo học lớp tư gia của cha tôi làm báo để cùng vui với nhau. Mấy người bạn, kể cả vài ba anh lớn tuổi và học lớp trên tôi cũng đang chịu cái nạn nghỉ học nửa chừng nên nghe tôi đề xướng làm báo để giúp nhau luyện văn cũng là một cách giải buồn rất tao nhã, liền hưởng ứng ngay.

Chúng tôi đồng ý với nhau là ai muốn viết gì thì viết, miễn có bài để lên báo là được rồi.

Nhưng qua đến phần đặt tên cho tờ báo thì đúng là một cuộc bàn cãi. Người thì muốn tên tờ báo phải nói lên một khát vọng nào đó, kẻ thì thích chọn một cái tên thật hiền hòa thơ mộng. Càng bàn thì càng đẻ ra lắm tên. Cuối cùng thì cũng đẻ ra được một cái tên mà không có ai phản đối, đó là *Tập Báo,* có nghĩa là tờ báo của những người mới tập làm. Thế là tạm ngưng mục bàn cãi nhưng cái tên thì tôi nghe vẫn chói tai thế nào ấy.

Tờ báo ra số đầu tiên. Sau khi chia nhau chép, vẽ và trình bày như kiểu một tờ nội san học sinh các trường thường làm, có khuôn khổ và dày bằng quyển vở học trò, chúng tôi chuyền tay nhau ngắm, còn đọc thì chúng tôi đã đọc quá nhiều rồi, từ lúc *"báo chưa lên khuôn"* và *"đang lên khuôn"* nên cũng chẳng còn gì để đọc. Tuy nhiên ai nấy đều vui thích thấy bài của mình *"đăng"* trong tờ *"Tập Báo"* chẳng kém gì mấy nhà văn lúc mới bắt đầu viết thấy sáng tác của mình được đăng lên báo Ngày Nay.

Mặc dù chúng tôi đã đồng ý với nhau là chỉ *"phổ biến nội bộ"* , nhưng không hiểu do đâu mà tờ báo cũng đã lọt tới tay mấy chú bác, vượt ra ngoài khu vực họ Gò Xoài và rồi đi xa tới đâu thì cũng không còn ai biết được. Đang lúc chính quyền có chủ trương cấm phổ biến và tàng trữ các loại sách báo có khuynh hướng tự do hay tư sản lãng mạn, cho nên chúng tôi cũng nhận thấy việc mình làm là điều không hợp thời và có thể đưa tới những hậu quả không hay, nên tờ báo cũng chỉ thực hiện có một số đó rồi thôi.

Liên tiếp sau đó thì trong gia tộc họ Trương cũng xảy ra vài chuyện buồn. Bác Hai, cha của anh Ba, đau bệnh phổi đã lâu, nay vừa qua đời. Chú Năm cũng bỏ mất đứa con mà chú đã chọn cha tôi làm bố đỡ đầu cho nó. Rồi tiếp đó là cô em gái của anh Ba, người con gái mang chứng bệnh kinh niên cũng lên cơn bệnh mà chết. Dù ngày ấy tôi chưa hề nghĩ đến một điều gì xa hơn tôi vẫn cảm thấy như có một chút gì chua xót, và cái tên cũng như dấu ấn mà người con gái ấy đã in vào tâm trí tôi chắc chắn còn lưu mãi về lâu dài.

Từ khi bác Hai qua đời, anh Ba không biết làm gì cho qua ngày giờ nên vẫn hay đi thăm bà con khắp nơi trong tỉnh. Vì tôi cũng đang lông bông giống anh ta nên hay rủ tôi cùng đi. Chính nhờ theo anh Ba đi đó đây mà tôi có dịp biết thêm nhiều vùng khác nhau của đất Bình Định. Tôi đã theo anh ta về Hòa Mục, thuộc huyện Phù Cát, quê ngoại của anh ta. Cậu Hai tức là cậu của anh Ba thấy tôi mừng lắm. Tôi chưa biết cậu Hai nhưng cậu Hai thì biết tôi từ những ngày tôi còn bé ở huyện vì ngày ấy cậu cũng là chức sắc trong làng nên có dịp biết cha tôi. Cậu kể cho tôi nghe những chuyện về cha tôi mà trước giờ tôi chưa biết, hay là có những chuyện mà tôi đã quên khuấy đi mất.

Phong cảnh xứ Hòa Mục có vẻ buồn nhưng cũng có một cái thú đặc biệt. Vì vùng này gần rừng núi lại có nhiều ruộng mía nên có một loài chim vẫn thường kéo nhau về ngủ trong các đám mía hằng đêm. Muốn bắt chim người ta phải quan sát trước từ chiều xem đám mía nào có nhiều chim về ngủ. Đợi đêm tối, người ta giăng một cái lưới cao vượt đầu ngọn mía ở cuối ruộng. Vài người khác lên đầu ruộng thả một sợi dây thừng dài ngang ngọn mía rồi chia nhau đi dọc theo hai bên bờ và kéo cho sợi dây đi về cuối ruộng. Sợi dây lướt trên ngọn mía tạo ra một âm thanh xào xạc làm cho lũ chim đang ngủ bị giật mình, chuyền theo cây mía tránh vùng tiếng động thì đụng vào lưới. Người ta chỉ việc ập lưới xuống là tha hồ bắt. Mỗi mẻ lưới có khi bắt được hàng trăm con.

Chim mía nhỏ như chim se sẻ và đem chiên lên ăn rất ngon, nhưng khi nhìn những con chim nhỏ đang còn vùng vẫy như muốn tung bay bị người ta vặn cổ vặt lông, tự nhiên tôi lại thấy gần như bất mãn, hết muốn ăn thịt chim. Người ta vẫn bảo: *"Đất lành chim đậu."* Có lẽ những con chim này đã chọn nhầm đất lành.

Tôi cũng từng theo anh Ba đi vào An Nhơn, Tuy Phước, đến xứ Vườn Vông, hay xuống tận Gò Bồi, Gò Thị. Xứ Vườn Vông có loài chim đồng dộc chuyên làm tổ bằng rơm sợi kết lại, có hình dáng tựa tựa quả bầu đeo lủng lẳng chi chít trên các cành cây keo nên nhìn xa xa cứ tưởng như một loài cây lạ mang trái. Cũng may là chẳng có ai phá những tổ chim này cả nên chim ở đây vẫn yên tâm làm tổ.

Thấy tôi và anh Ba lang thang không chỗ học hành, vị linh mục ở Đại An cũ nhân một chuyến về Gò Xoài thăm gia tộc bèn dẫn tôi và anh Ba về ở với ngài để ngài dạy cho học. Lúc này ngài đã đổi về Trung Ái, một xứ đạo nhỏ gần Kim Châu. Tôi lại có cảm tưởng như mình đang sống lại những ngày ở Đại An, dù phong cảnh chỉ có ruộng đồng nhưng nếp sống thì cũng vậy, có khi lại còn buồn tẻ hơn vì không có những cái thú của rừng.

Người ở đây hay bị chứng sốt rét, một

chứng bệnh cũng đem lại cho con người cái chết mòn mặc dù trông có vẻ không phải ghê sợ như là bệnh phong cùi hay lao phổi. Có một buổi sáng tôi đang nhìn nắng lên trên cánh đồng thì nghe có tiếng hát: *"Nắng trên khóm cây, xuân sáng ngời..."* là bài Nắng Xuân, một trong những bài hát vui tươi nhẹ nhàng của Hoàng Quý mà Hướng đạo thường ca. Âm thanh khào khào và có chỗ lạc điệu, nhưng giọng ca thì thật tha thiết. Tôi nhận ra người đang hát là một thanh niên, nước da xanh bủng và bụng thì to như cái trống, đang đi trên bờ ruộng. Cha sở bảo là anh ta bị sốt rét nặng, bây giờ lá lách đã sưng, chắc cũng chẳng sống được bao lâu. Tôi bỗng nhiên thấy mình như đứng trước một cái gì rất nghịch lý về cuộc đời. Người thanh niên kia lẽ ra còn sống lâu vì anh ta yêu cuộc sống và tuổi đời anh ta vẫn còn dài, nhưng định mệnh thì rất là khe khắt. Chỉ mai đây nữa thôi rồi anh ta cũng phải giã từ cuộc đời này, cho dù ngày hôm nay anh ta vẫn còn thấy nắng lên đẹp trên cánh đồng và cuộc đời là đáng yêu.

Được vài tháng, chịu không nổi cảnh sống buồn nản của vùng này, và có lẽ cũng sợ bị mang bệnh sốt rét, anh Ba xin về. Vào thời bấy giờ ở Bình Định ít có ai nằm ngủ có mùng. Tối nào nhiều muỗi, người ta un khói cho muỗi bay bớt trước khi đi ngủ. Mền gối cũng không cần thiết, chỉ một manh chiếu, vừa trải vừa đắp cũng có thể ngủ ngon giấc. Tôi cũng không muốn tiếp tục sống như vậy để rồi một lúc nào đó thấy mình giống như người thanh niên đi trên bờ ruộng và hát hôm nào. Thế là tôi lại theo anh ta trở về Gò Xoài. Bây giờ thì xứ Gò Xoài mặc nhiên như là quê hương của tôi, cho nên dù có đi đâu rồi thì cuối cùng tôi cũng vẫn trở về đó.

Niềm tin vẫn vững

Trong khi các vụ bắt bớ và điều tra vẫn còn tiếp diễn, đa số những người bị bắt là thành phần công giáo, có cả những vị linh mục, thì người công giáo cũng nổi lên một phong trào xây dựng hang đá kính Đức Mẹ hiện ra. Tại Gò Xoài, giáo dân trong họ cũng nô nức rủ nhau lên cấm lấy đá. Chỉ bằng sức người và những dụng cụ thô sơ như đòn xeo, đà lăn bằng thân cây dừa, rỏ rẻ kéo ghe bầu, người ta cũng đã mang được từ cấm về nhiều tảng đá lớn, có tảng nặng hàng mấy tấn, và chồng chất những tảng đá ấy lên nhau để làm thành một cái núi đá trong khuôn viên nhà thờ. Tôi cũng đã theo mọi người kéo đá để tìm chút niềm tin hay cũng có thể là một chút niềm vui.

Sau mấy tháng cùng nhau góp công góp của, ra sức xây dựng bằng những phương tiện eo hẹp nhưng nhiệt tình bao la của chính mình, mọi người sung sướng và hãnh diện với công trình được hoàn thành. Có hang đá kính Đức Mẹ, các giáo hữu trong họ dường như tìm được niềm hy vọng mới. Và từ đó, đêm đêm sau buổi kinh tối trong nhà thờ, người ta lại kéo nhau ra quỳ trước hang đá Đức Mẹ đọc thêm mấy kinh và cùng nhau hát:

"Mẹ ơi! Đoái thương xem nước Việt Nam
Trời u ám, chiến tranh điêu tàn
Mẹ hãy ra tay ban phước bình an
Cho Việt Nam qua phút nguy nan.

Rồi mọi người yên lặng cầu nguyện. Qua bao nhiêu biến cố đau buồn dập dồn đổ xuống trong đời, hình như tôi không còn dám mơ tưởng vào một phép lạ nào đó xảy ra làm thay đổi lại cuộc thế, nhưng khi nhìn thấy những con người thành kính hát bài ca cầu khẩn trên, tôi cũng thấy lòng mình cảm động đến rưng rưng.

Niềm tin của kẻ ở nhà thì vẫn mạnh và hy vọng vẫn tràn trề, nhưng kẻ bị bắt thì cũng vẫn cứ còn đi. Có người bị bắt, sau đó được thả về, nhưng chẳng bao lâu lại bị bắt. Điều này tạo ra cho người bị công an tình nghi luôn luôn ở trong tình trạng báo động. Do đó mà tất cả những ai đã qua một lần bị bắt đều có một thái độ dè dặt và sợ sệt.

Một hôm tự nhiên có nhiều người trong xóm náo nức, rồi có người kêu tôi mà bảo là cha tôi đã về. Tôi chạy ra và quả nhiên thấy cha tôi và một số chú bác khác đang đi bộ về nhà chú Năm. Tôi thấy có cả chú Tiến nằm trên chiếc võng có hai người khiêng. Toán công an áp giải ngăn cản không cho một ai được tiếp xúc với người vừa trở về. Lúc vào nhà rồi, công an yêu cầu người nhà kê lại bàn ghế nơi phòng khách đúng trở lại như ngày cha tôi còn dạy học nơi đây. Cha tôi và các chú bác đi theo được lệnh ngồi vào đấy như đang cùng nhau trò chuyện. Người công an giữ máy hình đi tới đi lui và chụp một số ảnh từ nhiều vị trí khác nhau. Thì ra công an đang dựng lại hiện trường.

Sau khi hoàn tất công tác, toán công an lại áp giải đoàn người ra đi. Sự vui mừng chào đón người thân yêu trở về vừa qua chỉ là một thoáng mừng hụt ngỡ ngàng. Chú Tiến vẫn phải nằm trên chiếc võng có hai người khiêng.

Người công an nói là chú Tiến đang bị bệnh kiết lỵ nên không đi nổi. Tôi không nói gì nhưng tôi đã thấy một chân của chú khập khiểng lúc chú chống gậy cố bước vào ghế ngồi. Từ ngày cha tôi bị bắt, tôi đã học được một điều: trong cuộc sống đầy nghi kỵ này, có nhiều lúc cần phải biết im lặng.

Định mệnh đã an bài

Cho dù trên thực tế chính quyền lúc này không còn là Liên hiệp kháng chiến, và đã đi theo đường lối cộng sản rõ rệt, nhưng trên mặt tuyên truyền, người cộng sản vẫn ngụy trang chính sách đàn áp các lực lượng chống đối lại tư tưởng cộng sản bằng cách gán cho những người không theo cộng sản là những kẻ phản quốc, làm tay sai cho thực dân và đế quốc để chính quyền dễ dàng khuynh đảo nhân dân. Chính vì thế mà họ đã đem tổ chức chính trị đối lập của cha tôi cùng các tổ chức chống đối bên nhóm Phật giáo và Cao đài dàn dựng lại thành một cái mà họ đặt tên là *"Vụ Gián điệp Bình Định"*. Họ tổ chức những buổi triển lãm hình ảnh của những hoạt động mà họ gọi là *"gián điệp"*. Họ lại cho mở các buổi học tập trong nhân dân về những hành động làm tay sai bán nước mà họ vẽ ra rồi gán cho những người trong các nhóm này đã làm. Sau đó họ bắt dân chúng làm kiến nghị lên án tội phản quốc của những người trong nhóm.

Chính quyền đã gài sẵn người trong các buổi học tập lên án nên khi làm kiến nghị luôn luôn có những người đề ra những hình phạt nặng nề nhất. Đa số người nông dân chất phác, mang tấm lòng yêu nước thật thà thì làm sao có thể hiểu nổi những uẩn khúc của con đường làm chính trị. Họ chỉ biết hô theo mấy người cổ xướng. Trước làn sóng phẫn nộ và căm thù đó, người có lòng, có hiểu biết cũng chỉ đành ngậm miệng.

Sau hơn một năm trời bắt bớ rất nhiều người để điều tra, cuối cùng chính quyền đã cho lập một phiên tòa quân sự đặc biệt để đem những người bị bắt ra xét xử. Phiên tòa công khai được kéo dài trong hai đêm liền để nghe ủy viên công an đóng vai công tố viên thao thao và hùng hổ buộc tội. Khi tòa nghị án, bốn bản án tử hình được tuyên bố, còn lại là một số án chung thân hoặc tù hữu hạn. Bốn án tử hình gồm ba hiện diện, trong đó có cha tôi là một, cùng với ông Nguyễn và ông Võ thuộc khối Phật giáo và nhóm Cao Đài. Một án xử khuyết tịch vì can nhân là cụ Tạ đã vượt thoát về được thành trước khi bị bắt. Mang án tù chung thân có mấy vị linh mục, mấy chú thân cận với cha tôi, kể cả chú Tiến.

Ngồi ghế chánh án lại là tổng đốc họ Phạm tại tỉnh Bình Định trước ngày Toàn quốc khởi nghĩa. Không biết vị chánh án của cái *"Phiên tòa quân sự đặc biệt"* ngày hôm ấy khi đứng lên đọc hai tiếng "tử hình" đối với một cựu đồng liêu thời cũ và cũng là đồng sự trong suốt mấy năm kháng chiến vừa qua chỉ vì không khuất phục cộng sản, ông ta có cảm nghĩ gì ở trong lòng, nhưng riêng tôi bỗng thấy mình đang chứng kiến quá nhiều điều đáng để suy tư. Hình ảnh một cụ Thượng trong bộ áo dài gấm bệ vệ bước xuống xe trước huyện Phù Cát ngày nào bây giờ chỉ còn là một ông già an

TRẦN VẤN LỆ

KINH KIM CƯƠNG

Tay lần mở Kinh Kim Cương, những tờ giấy trắng mịn dường như nhung, tự nhiên một thoáng đau lòng: Kim Cương là Ngọc hóa dòng Kinh sao? Dòng Kinh bảo phá niềm đau, nỗi sinh, nỗi tử, nỗi lao lung đời. Té ra làm kiếp con người, vô duyên - hữu phận chưa rời ước mơ? Kinh in không biết bao tờ, cầm lên xé mỗi trang ngờ phiến mây, tại sao là ngọc, Kinh này? Rồi như mây khói, hỏi ai không buồn?

Đọc Kinh mà nước mắt tuôn, Tham-Sân-Si thấy Kim Cương lại thèm! Phá tung từng mảnh giấy mềm, làm sao phá được trái tim phập phồng? Chữ rằng Sắc Tức Thị Không, giàu sang phú quý trùng trùng tâm tư! Ngọc ai đập nát bao giờ, Kinh in trên Ngọc chỉ mờ mắt thôi!

Phá đi thèm muốn trong đời, Kinh Kim Cương nát, ta thời còn chi? Nếu còn hai chữ Sân, Si; chữ Tham bay mất... cười khì, được không? Chắc là được chứ, sao không? Ta còn đây những trang lòng... là Thơ!

phận trong bộ đồ kaki bốn túi kiểu Trung cộng cho tôi thấy cuộc đời đã thay đổi quá nhiều.

Để tỏ ra chế độ là nhân đạo, chính quyền cộng sản chưa thi hành ngay các bản án tử hình mà cho các can nhân được chờ đợi cứu xét xin khoan hồng. Thân nhân và một vài đoàn thể tôn giáo gửi đơn và kiến nghị xin khoan hồng nhưng sự khoan hồng chỉ là cái tiếng để an ủi sự đau khổ của thân nhân người bị kết án chứ thực tế không bao giờ có.

Đúng vào năm Hội Thánh ban ơn toàn xá, vừa qua khỏi mấy ngày tết ta và người công giáo bắt đầu vào mùa chay, tôi nhận được tờ giấy báo của Công an tỉnh cho phép đi thăm cha tôi tại Phù Mỹ. Tôi hơi ngạc nhiên vì tôi và em gái tôi mới lên nhà giam An Lão thăm cha tôi cách đây hai tuần, nay tự nhiên được phép đi thăm nữa, chắc là có chuyện khác thường, nên vội đi ngay cho đúng hẹn vì ngày giờ cho gặp cũng đã gần kề.

Vào đến Phù Mỹ tôi tìm mãi vẫn không thấy có đồn Công an nào cả. Đang loay hoay thì tôi thấy có mấy người như là du kích rủ nhau đi xem xử tử Việt gian, tôi linh cảm ngay có một điều đau buồn nào đó sắp xảy đến cho mình nên liền cất bước theo họ đi về hướng An Lương. Trên đường đi càng lúc càng có đông người cùng đi về một ngả. Sau đó thì tất cả cùng rẽ vào một ngọn đồi trọc. Tôi gặp thân nhân của ông Nguyễn và ông Võ đang ngồi ở một góc khóc nức nở. Tôi đã hiểu tất cả.

Độ năm giờ chiều thì từ trong làng bên kia đồi, một toán công an võ trang dẫn cha tôi cùng hai người nữa đi ra, đưa đến giữa đồi, chỗ có đóng sẵn hàng trụ tre và để sẵn ba cái quan tài. Tôi và những người thân nhân kia được phép đến gần bên người thân của mình để nói chuyện lần cuối giữa hàng công an hờm súng vây quanh. Lần đầu tiên cha tôi nói nhiều với tôi nhưng có lẽ cha tôi nghĩ là tôi vẫn còn non dại lắm, không hiểu những uẩn khúc của vấn đề chính trị, nên lời trăn trối cuối cùng mà người nhắc đi nhắc lại với tôi là *"ba không phải là Việt gian phản động và cũng không hề phản bội tổ quốc."*

Tôi muốn nói với cha tôi rằng tôi không đến nỗi ngây thơ hay khờ dại để tin những lời tuyên truyền của kẻ cầm quyền nhưng sự đau khổ đã làm tôi nghẹn lời. Tôi nghĩ giờ phút này cha tôi chắc cũng đau khổ tột bực khi thấy hoài bão không thành, sắp phải giã từ cõi đời, bỏ lại hai đứa con còn nhỏ không mẹ, không họ hàng thân thích, ở một nơi không phải là quê hương, vào một thời buổi đầy nhiễu nhương và ly loạn. Tôi bật lên nức nở. Cha tôi vẫn trầm tĩnh nhắc tôi lời hứa cố gắng.

Sau mấy phút gặp mặt cuối cùng này, công an ra lệnh cho tất cả thân nhân lui ra, nhường chỗ cho vị linh mục tiến vào. Để tỏ ra chính quyền vẫn tôn trọng tự do tín ngưỡng nên vị linh mục cai quản họ Nhà Đá gần đấy được mời đến để ban các phép bí tích cuối cùng cho người sắp tìm về với Chúa. Có lẽ muốn tránh cho tôi những xúc động thái quá khi phải chứng kiến cảnh đau đớn này nên cha tôi đã bảo tôi hãy đi khuất khỏi nơi này ngay. Vâng lời người, tôi quay bước về hướng chân đồi. Một bàn tay nào đó chạm vào vai tôi và bảo tôi đi theo. Tôi tuân theo như cái máy. Người đó đưa tôi về nhà và an ủi tôi rất nhiều nhưng hình như tôi chẳng nghe gì cả. Tôi ngồi yên suy nghĩ mông lung và khi nghe có tiếng một loạt súng nổ trên đồi vọng lại, tôi lẳng lặng một mình trở lại ngọn đồi.

Người đi xem đang kéo nhau ra về. Tôi đi ngược chiều với họ. Một vài người nhìn tôi như có vẻ ái ngại nhưng cũng có kẻ nhìn tôi bằng đôi mắt không thiện cảm tí nào. Nghe họ nói với nhau toàn những chuyện ngây ngô, tôi bỗng nhiên thấy họ đáng thương hại hơn là đáng ghét. Tuy nhiên qua nét mặt và cử chỉ của họ, tôi cũng đồng thời ý thức được về những khó khăn trong cuộc đời đã bắt đầu đến với tôi kể từ hôm nay.

Khi tôi trở lên đến pháp trường thì tất cả đã giải tán, chỉ còn lại mấy người du kích đang lấp ba cái huyệt, cũng gần với hàng cọc tre ban chiều. Thân nhân của ông Nguyễn đã về, chỉ còn hai cô chị và em của chú Võ. Cô Bảy thì sụt sùi nhưng cô Út thì đang nức nở. Cũng như đối với mẹ tôi lần trước, tôi đã không có mặt trong giờ phút tẩm liệm của cha tôi, dù rằng không phải ý tôi muốn như vậy. Khi huyệt đã lấp rồi, tôi đi theo cô Bảy và cô Út vào làng để nhận các vật dụng của cha tôi còn để lại.

Đoàn công tác đã giao lại cho tôi cái ba lô mà thời còn Hướng đạo cha tôi vẫn xử dụng trong mỗi lần đi cắm trại rồi lại dùng nó làm túi hành trang cho những ngày đi ở tù. Trong ba lô vỏn vẹn một bộ bà ba còn mới, một tấm vải dùng làm chăn đắp, một quyển sổ ghi chép thơ và vài món linh tinh. Tôi sực nhớ ra lúc ban chiều cha tôi đã mặc bộ bà ba đen cũ đã bạc màu và để bộ đồ còn mới lại, và tôi đã không cầm được nước mắt.●

ĐẾN VỚI NƯỚC NGA

PHẠM XUÂN ĐÀI

(Tiếp theo)

Nhưng một điều không ai có thể ngờ là một công trình lớn lao và có dính líu nhiều đến lịch sử nước Nga như Đại Giáo Đường Đấng Cứu Thế cuối cùng đã bị chế độ Cộng sản phá hủy. Kể từ năm 1928 người ta đã chuẩn bị dư luận cho việc ấy, và đến ngày 5 tháng 12 năm 1931 công việc phá hủy được tiến hành: một công trình vĩ đại được xây dựng trong 40 năm chỉ trong phút chốc, sau một loạt mìn nổ, đã biến thành đống gạch vụn. Kế hoạch của nhà nước là sẽ xây một cái Cung Xô Viết trên nền cũ (hẳn là *đàng hoàng, to đẹp gấp mười ngày xưa*, sách của đảng ta thì đâu cũng một kiểu nói như vậy). Năm 1937 Cung Xô Viết bắt đầu xây dựng với một dự án đồ sộ: đó sẽ là một kiến trúc vĩ đại chưa từng thấy với một bức tượng Lênin cao 75 thước, sẽ là nơi họp Đại hội đảng và các buổi họp quan trọng. Nhưng không hiểu vì nguyên do gì, móng cứ bị thấm nước mãi, xây cái gì lên cũng bị sập, rồi thế chiến hai xảy đến, người ta đành bỏ dở công trình. Và vĩnh viễn Cung Xô Viết không bao giờ xuất hiện trên cái nền của đại giáo đường Đấng Cứu Thế. Năm 1960 để che dấu vết tích của một sự thất bại xem ra rất có ý nghĩa của những kẻ vô thần, người ta xây một cái bể bơi ngay nơi ấy.

Ở Việt Nam cũng có rất nhiều công trình kiến trúc cổ bị phá hủy nhân danh chính sách tiêu thổ kháng chiến thời chống Pháp, nhưng thâm ý là triệt hạ những dấu vết của một nền văn hóa xưa. Làng tôi, làng Đông Bàn ở khu Gò Nổi miệt bắc của tỉnh Quảng Nam, có một cái đình xưa mà trong trí nhớ của một đứa bé là tôi hồi năm 1947 trước khi rời làng đi tản cư, thì lớn lắm, lớn như... cái đình vậy. Vì trường làng ở ngay cạnh đình nên dưới bóng mát của hai cây đa to tướng trước cổng đình, tôi cùng lũ bạn thôn quê của tôi đã biết bao lần bày ra đủ các trò chơi đùa. Nhưng đến năm đình chiến về lại làng xưa thì đình chỉ còn là đống gạch vụn, và những hình ảnh cùng kỷ niệm của thời thơ ấu đi học trường làng không còn gì bấu víu, cũng chóng phôi pha đi theo bước chân của gã thiếu niên đi học tại những đô thị. Rồi cuộc chiến tranh thứ nhì bắt đầu, tôi xa làng cho mãi đến khi ra khỏi trại cải tạo mới lại "tìm đường về chốn cố hương" vào cuối thập niên 80. Đêm ở làng tôi ngủ tại nhà ông chú trong họ, dưới ánh đèn dầu, chú tôi kể cho tôi nghe những đổi thay, trong đó có chuyện liên quan đến cái đình, hay đúng hơn đến địa điểm xưa kia đình làng tôi đã tọa lạc.

"Cháu ạ, bắt đầu từ năm bảy lăm chính quyền cách mạng cải cách nhiều thứ. Làm thủy lợi, tổ chức cày cấy theo hợp tác xã, họ còn khuyên dân làng phá bỏ lũy tre đi, vì 'vài năm nữa toàn dân làm nhà ngói để để ở, tre sẽ chẳng có việc gì dùng nữa,' họ nói như thế. Và họ tổ chức một trại chăn nuôi tập thể - chăn nuôi kiểu này thì từ trước đến giờ làng mình chưa hề có - ngay trong khuôn viên của đình làng, dùng nền cũ của đình làm nền chuồng nuôi heo. Thời gian đầu phấn khởi lắm, đàn heo cả trăm con sởn sơ lớn như thổi. Nhưng một hôm heo bắt đầu bị bịnh, thoạt đầu tưởng bịnh thông thường không đáng kể, không ngờ lây lan nhanh chóng, rồi ngã ra chết. Chết hàng loạt, chẳng bao lâu chuồng trại trống trơn. Dân làng chưa kịp bàng hoàng thì thật ghê quá, người trông coi việc chăn nuôi vẫn ở luôn trong khuôn viên đình cũng ngã bịnh và chết đột ngột không ai kịp trở tay. Từ ngày đó cả chính quyền lẫn dân chúng không ai nói đến chuyện tiếp tục công việc chăn nuôi tại đó nữa, có tổ chức ra cũng không ai dám lãnh, chuồng trại bỏ hoang bao nhiêu năm rồi..."

Ông chú già của tôi không có kết luận gì về chuyện linh thiêng hay thần thánh, nhưng cái ngụ ý của ông khi kể thì thấy rất rõ. Ông là người chứng kiến biết bao việc tế tự cùng những sinh hoạt tinh thần của quê tôi ngày xưa tại chốn đình làng. Ông cũng biết rằng rất nhiều thế hệ tổ tiên của làng này từ ít nhất vài thế kỷ qua đã đến nghe giảng sách tại đây. Trong ký ức của ông, đó là một mảnh đất

thiêng, nơi kết tụ những năng lực tinh thần ưu tú nhất của cộng đồng người Việt đến cư ngụ tại địa phương này, vào một lúc nào đó trên bước đường Nam tiến. Ông thấy không có lý do gì để phải căm thù chưởi rủa quá khứ như thế cả, như ông vẫn thường được nghe nào là "lạc hậu" nào là "phản động." Với ông, đình làng là nơi luôn luôn phảng phất cả một quá khứ mênh mông của tiền nhân, nơi đặt định cả một nề nếp sống cho dân làng hết đời này đến đời khác.

Câu chuyện phá hủy đại giáo đường Đấng Cứu Thế của cộng sản Nga tại Moscou đã làm tôi liên tưởng đến việc phá hủy đình làng tôi và bao công trình văn hóa khác do những "học trò trung thành và xuất sắc" của cộng sản Nga thực hiện trên nước Việt Nam. Việc phá hủy ngôi thánh đường mà không bao giờ xây được Cung Xô Viết để thay thế giống như một câu chuyện ngụ ngôn về khả năng phá hoại của người cộng sản: họ chẳng bao giờ xây dựng được gì. Nhưng cái bãi hoang mà họ đã gây ra thì thực khủng khiếp.

Nhưng điều tôi không ngờ nhất là trong buổi chiều ấy tại Mạc Tư Khoa tôi đã đứng chiêm ngưỡng say sưa đúng ngôi giáo đường ấy, ngay tại địa điểm ấy, như là một ảo ảnh hiện về từ quá khứ. Đã bảy mươi năm từ khi nó đổ sụp dưới sức tàn phá của mìn, hay đúng hơn, sức tàn phá của hệ ý thức cộng sản, và nay trong ánh chiều hè năm 2000 nó đã lại được khôi phục y nguyên như trong ngày khánh thành năm 1883, với những mái tháp tròn giát vàng chói lên rực rỡ. Một kỳ công của dân tộc Nga. Chỉ mới vào tháng Giêng năm 1995, đại Giáo chủ Aleksey II và quan chức chính quyền Moscou *lại* đặt viên đá đầu tiên cho công việc xây dựng, mà tháng Bảy năm 2000 ngôi đại giáo đường đã sừng sững trước mắt tôi như một công trình kiến trúc và nghệ thuật tuyệt hảo. Tại sao bao nhiêu sức mạnh của một chế độ độc tài trong suốt hơn nửa thế kỷ không xây nổi một cái "cung" cho họ, mà dân Nga khi đã thoát ách cộng sản chỉ cần có năm năm đã tái tạo được một di sản quý giá của tiền nhân? Những kỳ công chỉ thực hiện được với niềm khát khao bắt nguồn từ sức mạnh tinh thần đích thực. Chủ nghĩa cộng sản đã từng tỏ ra rất mạnh, nhưng không bao giờ có được nguồn sức mạnh đích thực ấy. Họ mạnh bằng cách khêu gợi bản năng, khích động căm thù và một gọng kềm siết chặt, loại sức mạnh dã thú tạm bợ mà nhân tính không thể chịu đựng được lâu dài. Quá trình làm người diễn ra hàng triệu năm để con người đạt đến trình độ "người" như ngày nay, lý thuyết cộng sản trong một chớp mắt của lịch sử muốn hủy những thành tựu hàng triệu năm ấy đi thì thật là viển vông!

*

Sau bữa ăn tối thuần món Nga do chị Inna khoản đãi tại nhà, chúng tôi vội ra ga để đáp chuyến tàu đêm khởi hành lúc 11 giờ đi Saint Petersburg. Ga Mạc Tư Khoa rất lớn, không có người địa phương như anh Cần hướng dẫn thì chúng tôi khó lòng đến đúng sân ga để lên tàu kịp giờ. Tôi chưa bao giờ thấy một chuyến tàu như thế: tất cả các toa đều là toa phòng ngủ, mỗi phòng gồm bốn giường, được trang bị và săn sóc chăn nệm sạch sẽ chu đáo như một khách sạn. Ba chúng tôi chiếm riêng một phòng, thật tiện quá vì không có người lạ chen vào, tôi nghĩ đây có lẽ do một "biệt nhãn" của người thiếu phụ bán vé trưa nay dành cho chúng tôi.

Đúng là một khách sạn lưu động. Tàu vừa chuyển bánh đã có "người phục vụ" mang khẩu phần ăn đến, gồm mỗi người một hộp đựng bánh sandwich, bánh mì, bơ, sữa chua, các bao cà phê và trà, và những phụ tùng ăn uống linh tinh khác, xem ra khá ngon lành và tươm tất. Đó là bữa ăn điểm tâm cho sáng hôm sau, nhưng trong đêm trường khách trằn trọc đói bụng khó ngủ thì dùng làm bữa ăn khuya cũng được lắm. Đầu mỗi toa có máy cung cấp nước sôi, bất cứ lúc nào cũng có thể pha trà hay cà phê.

Khác với những chuyến tàu bình thường luôn luôn sinh động vì các sinh hoạt của hành khách, cái khách sạn lưu động này dường như chìm ngay vào giấc ngủ sau khi rời ga. Các phòng đóng cửa kín, hành lang vắng ngắt không ai đứng nhìn phong cảnh bên ngoài. Người ta lên tàu này là ngủ ngay một giấc để sáng hôm sau xuống ga Saint Petersburg chứ không làm việc gì khác. Tàu đêm. Tôi nhớ lại những chuyến tàu đêm Sài Gòn - Nha Trang ngày xưa khi chưa có chiến tranh ở miền Nam cũng vui lắm chứ không quá im lìm như ở đây, dù là đi couchette người ta có thể lang thang xuống các hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để... nhìn hành khách (nhiều khi do đó mà có những gặp gỡ rất là "kỳ ngộ"), hoặc đặc biệt vào toa hàng ăn sang trọng dành cho các hạng trên để ăn hay uống cà phê vào đêm khuya

cũng là một cái thú vô song. Mỗi bàn ăn có một cái đèn mờ mờ, một bình hoa tươi, và nhà bếp có thể cung cấp thức ăn nóng bất cứ lúc nào, thức ăn được nấu nướng thực sự của nhà hàng tây chứ không phải kiểu mì gói hay bánh mì sandwich, tạo cho khách một cảm tưởng thụ hưởng rất thư nhàn, cho chuyến đi thêm nhiều thi vị. Tàu đêm. Biết bao kỷ niệm của một thời trẻ tuổi khi còn được sống trong một đất nước bình yên. Hình ảnh những ga xép trong ánh đèn vàng vọt vụt qua như từ một trang tiểu thuyết, những bờ biển huyền ảo dưới ánh trăng, hoặc làng xóm yên ngủ nơi xa xa... Những chuyến về quê ăn tết, về quê nghỉ hè với tâm trạng *rương chật rồi khó nhốt cả niềm vui...*

Tôi muốn tìm lại một chút cảm giác xưa trên con tàu lạ, bèn đi tìm toa restaurant. Tìm thấy, nhưng nhà hàng không bán. Một vài người phục phụ nằm ngủ khoèo trên ghế, trông buồn tênh, vắng ngắt. Tất cả đều ngủ, đây là một thế giới ngủ, trong tiếng xình xịch bất tận của con tàu chạy nhanh. Nhưng tôi không ngủ được. Đây chỉ mới là đêm thứ hai của tôi trên đất Nga, cơ thể còn chưa điều chỉnh kịp giờ giấc mới, lại thêm những cảm xúc quá đổi dào trong một ngày vừa qua. Tôi thức trong cái thế giới ngủ di động này, nhớ nghĩ mông lung về những ngày xưa, về những người bạn nay không còn, và về những xứ sở tôi sắp sửa đến trong chuyến đi này, Praha, Berlin, Paris, Lausanne..., về những người quen hay không quen tôi sẽ gặp, những cuộc gặp gỡ sẽ đến. Hai người bạn cùng phòng của tôi đã ngủ yên. Tôi ngồi dậy lặng lẽ nhìn qua cửa sổ, bỗng nhận ra một điều lạ mà khi nãy trong toa chưa tắt đèn tôi không thấy, đó là ngoài trời rất sáng, sáng đến độ tôi không thể gọi đó là đêm. Tôi có thể nhìn thấy cảnh vật bên ngoài như trong một đêm trăng sáng nhất, mặc dù đêm đó không có trăng. Nhưng ánh sáng ấy không giống ánh trăng, nó trắng nhờ nhờ như sữa loãng bao phủ khắp nơi. Đêm trắng! Tôi nhớ ra anh Cần có nói hiện tượng đêm trắng vào tháng Sáu vừa qua tại St Petersburg. Bây giờ mới đầu tháng Bảy, chắc hiện tượng ấy chưa dứt hẳn, mặc dù đêm sáng nhất thì đã qua rồi. Thân thể với bộ thần kinh tỉnh queo của tôi đang trôi đi trong một màu trắng đục trên một vùng đất cho đến nay đối với tôi hoàn toàn xa lạ.

(Còn tiếp)

THẾ KỶ vừa phát hành

TÀ ÁO VĂN QUÂN

Tập truyện

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Một tập truyện tình. Tình từ thuở mới từ Bắc vào Huế. Huế vào Sài Gòn. Sài Gòn đi du học Mỹ, từ mấy mươi năm trước. Đậm chất cổ truyền của dân tộc hoặc lãng đãng với những cô gái Tây phương. Hoặc tái ngộ với "người xưa" trên đất lạ...

Tình chập chờn như tà áo bay.

TÀ ÁO VĂN QUÂN.

Giá US$16.00

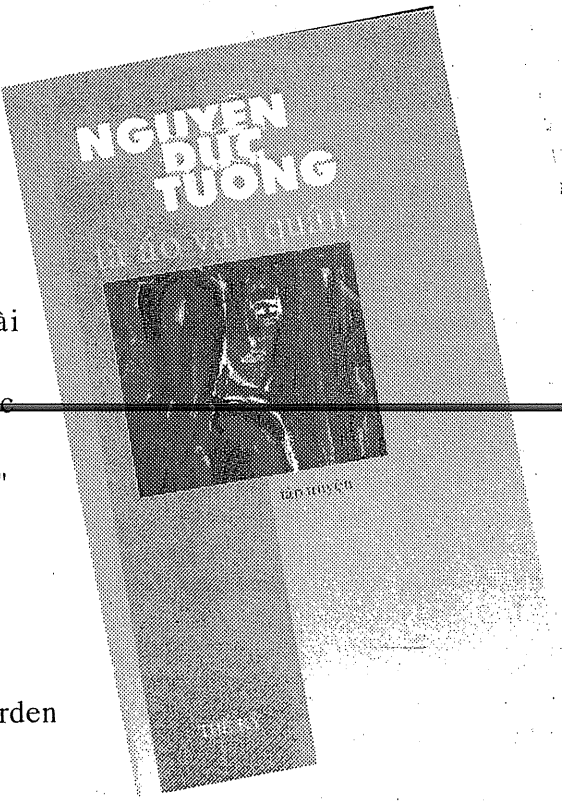

THẾ KỶ

11022 Acacia Parkway #A Garden
Grove CA 92840 - USA

Tel: (714) 839-8746.

ĐƠN VỊ, TRỌNG LƯỢNG VÀ KIM LOẠI CỦA TIỀN ĐỒNG, TIỀN KẼM VIỆT NAM

LỤC ĐỨC THUẬN

(Tiếp theo và hết)

Tiền tệ của triều Nguyễn

Tiền tệ đời nhà Nguyễn rất phong phú, hơn hẳn các triều đại trước, nhờ vào sự phát triển về thương nghiệp, kinh tế hàng hoá trong nước sôi động mạnh. Đất nước hưởng cảnh thanh bình, nội thương và ngoại thương trên đà phát triển, khiến nhà Nguyễn cần nhiều tiền lưu thông trong nước. Ngay cả vàng và bạc cũng được thông dụng nhiều dưới hình thức thoi hoặc tiền. Và tiền đồng, tiền kẽm là những thứ tiền căn bản được tiêu dùng trong dân chúng dĩ nhiên cũng có ít nhiều thay đổi. Dù quốc gia đã thanh bình, nhà Nguyễn vẫn không có đủ đồng cung cấp cho nhu cầu về tiền tệ khắp nước. Bởi thế từ đầu triều Gia Long, kẽm được dùng chính thức trở lại để đúc tiền, song song với tiền đồng. Các vua Nguyễn đời sau cũng tận lực khai thác mỏ kẽm, mỏ đồng để có kim loại cơ bản cho việc đúc tiền.

Đồng và kẽm là hai kim loại có giá trị khác biệt nhau, triều đình cũng thấu rõ điều này. Vì thế trong đời Gia Long, năm thứ 11, vua đã chuẩn y cho người buôn nhà Thanh mua kẽm đúc tiền, cả vốn lẫn công, sau khi đúc xong được đổi 130 quan tiền kẽm lấy 100 quan tiền đồng. Tỷ giá tiền đồng, tiền kẽm vào thời này tính phỏng chừng bằng 1:1,3. Tuy nhiên, càng về sau tỷ giá giữa hai loại tiền này càng cách biệt do nhiều nguyên do đưa đến mà triều đình không kiểm soát nổi. Trước hết là nạn đúc trộm tiền có phẩm chất kém trong nước, rồi đến nạn người Thanh mua tiền đồng của xứ ta mang về nước họ, pha trộn thêm tạp chất mà đúc tiền kém phẩm lượng, mang trở lại xứ ta để tiêu dùng lẫn lộn, và nguyên do cuối cùng là Pháp thôn tính nước Việt, gây cảnh giặc giã, đói kém. Thế lực của triều đình bị suy yếu, kinh tế giảm sút, do đó mà sự khác biệt về giá trị giữa tiền đồng, tiền kẽm càng ngày càng lớn vì kẽm là kim loại rẻ tiền, giá trị dễ bị phá giá khi kinh tế suy thoái.

Sử liệu của nhà Nguyễn cung cấp khá đầy đủ chi tiết về việc đúc tiền và những việc liên hệ đến đồng tiền, khiến công việc khảo cứu về tiền cổ nhà Nguyễn dễ dàng và thấu đáo hơn. Thành phần hợp kim, hoặc phân lượng nặng nhẹ khác nhau do triều đình quyết định để điều chỉnh đồng tiền cho phù hợp với tình thế của mỗi thời kỳ, hoặc phí tổn nhân công vật liệu đều được ghi chép.

Hệ thống đo trọng lượng của triều Nguyễn được dựa vào hai loại cân tiêu chuẩn, cân thiên bình được áp dụng cho những kim loại sắt, đồng, kẽm, chì, thiếc và cân trung bình được áp dụng cho hai kim loại quý vàng và bạc. Hai tiêu chuẩn này đã được vua Gia Long ra chỉ dụ từ năm 1813, cho chế tạo hai loại cân mã tải để ban cho các trấn, thành xử dụng. Cân mã tải là loại cân với hai đĩa, cân bằng bởi những trái cân.

Hệ thống cân thiên bình được ấn định như sau:

1 tạ = 1 yến
1 yến = 10 cân
1 cân = 16 lạng
1 lạng = 10 đồng cân (còn gọi là tiền)
1 đồng cân = 10 phân
1 phân = 10 li
1 li = 10 hào

Để so sánh hệ thống cân thiên bình với hệ thống trọng lượng thập phân của Tây Phương, điều căn bản phải tìm hiểu là trọng lượng tính ra gram của một lạng ta. Đến đời các vua chúa triều Nguyễn, nhờ tiếp xúc với Tây phương, nên chúng ta có nhiều sách vở cho biết trọng lượng tính bằng gram của một lạng ta. Tuy vậy, các kết quả đưa ra vẫn xê xích nhau đôi chút như sau :

- Tự điển Dictionarium Latino-Anaticum của Auctore J.L. Taberd in vào năm 1838 cho một lạng bằng 39,05 gram.

- Theo thỏa ước Pháp - Hoa ký vào ngày 27 tháng 6 năm 1858, một lạng Tàu cân nặng 37,783125 gram.

- Theo sắc lệnh của Chính phủ Bảo hộ Đông Dương ký ngày 24-11-1898, một lạng ta cân nặng 37,6 gram.

- Theo Janneau, một lạng ta cân nặng 38,5458 gram.

- Theo Phòng Thương Mại Sài Gòn trong thời Pháp thuộc, cho 1 cân (picul) = 60,4 kí, suy ra 1 lạng ta cân nặng 37,75 gram.

Tiền tệ với đơn vị nhỏ thông dụng trong dân gian vào thời nhà Nguyễn được chia làm hai loại chính, tiền đồng và tiền kẽm.

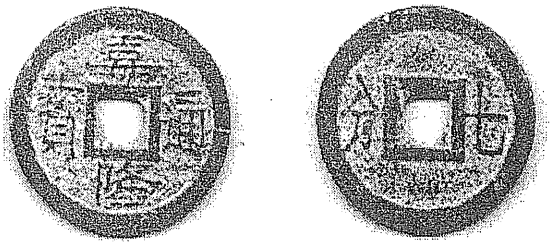

tiền đồng Gia Long thông bảo / Thất phân

Tiền đồng

Về trọng lượng, tiền đồng có hai loại lớn nhỏ. Loại lớn là thứ tiền cân nặng từ 9 phân trở lên, và loại nhỏ là tiền cân nặng từ 5 phân 5 ly đến dưới 9 phân. Từ đời vua Gia Long đến Tự Đức, đất nước còn độc lập, triều đình hầu như theo khuôn khổ 9 phân là tiền lớn, và 6 phân là tiền nhỏ. Thỉnh thoảng có những đợt đúc đặc biệt như 7 phân hay 5 phân 5 ly hay 1 đồng cân, nhưng đôi khi vì bất tiện mà không đúc nữa. Đến triều vua Đồng Khánh trở về sau, Việt Nam đã trở thành một nước bảo hộ thuộc Pháp, tiền tệ lưu thông chi dùng là những đồng "xu," tiền "đồng" do Ngân Hàng Đông Dương phát hành. Các đồng tiền cổ của triều đình chỉ được dùng như tiền lẻ hoặc lưu hành ở thôn quê. Đồng tiền của triều đình đúc ra không còn là một yếu tố quan trọng trong lãnh vực kinh tế như ngày xa xưa, chỉ còn tính cách tượng trưng, có lẽ vì thế mà từ vua Đồng Khánh đến thời Bảo Đại có những đồng tiền nặng hơn tiền các triều vua trước. Có phải chăng là để tiếc nuối một quá khứ huy hoàng, hay để khoa trương mà che đậy sự yếu kém của triều đại?

Về đơn vị, tiền đồng được chia ra 3 loại:

- loại tiền có ghi rõ tỷ giá với tiền kẽm như Lục Văn, Thập Văn, tiền Tự Đức Bảo Sao.

Trị giá của tiền được đúc trên mặt cũng gây những bất tiện về sau, vì khi tỷ giá giữa đồng và kẽm thay đổi, đồng tiền sẽ được dân chúng ưa chuộng hay bị loại bỏ.

- loại tiền có ghi trọng lượng của đồng tiền như Lục Phân, Thất Phân,

- loại tiền không có ghi gì cả, nhưng được dựa vào trọng lượng để xác định giá trị.

Tiền kẽm

Là loại tiền cơ bản, có đơn vị nhỏ nhất trong hệ thống tiền tệ của triều Nguyễn. Chỉ có đời vua Gia Long, tiềm kẽm được đúc chữ Thất Phân để chỉ trọng lượng của đồng tiền. Ngoài ra, tất cả tiền kẽm khác của triều Nguyễn đều không ghi gì và thường cân nặng độ 6 phân.

Tỷ giá giữa tiền đồng và tiền kẽm của triều Nguyễn

Vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh, tiền kẽm đã được giới thiệu chính thức trong lịch sử tiền tệ Việt Nam. Mục đích của việc đúc tiền kẽm là thay thế cho kim loại đồng ngày càng hiếm đắt như trường hợp của xứ Đàng Trong vào thế kỷ 18, hoặc tăng số lượng tiền lưu hành trong nước để thoả mãn nhu cầu tiền tệ do nội ngoại thương phát triển như trường hợp của cả Đại Việt vào thời đó. Bởi thế, khi đúc tiền kẽm, triều đình mặc nhiên xem như tiền đồng và tiền kẽm có trị giá ngang nhau. Một tiền kẽm Vĩnh Trị nguyên bảo ăn ngang một tiền đồng Chính Hoà Thông Bảo của vua Lê. Cũng như một tiền kẽm Thiên Minh Thông Bảo do chúa Nguyễn Phúc Khoát hoặc các nhà giàu có đúc ra ăn ngang một tiền đồng Thái Bình Thông Bảo của chúa Nguyễn. Về sau chỉ vì tư nhân tham lợi mà đúc tiền kẽm kém phẩm lượng, khiến tiền qúa mỏng, dễ gãy, gây ra loạn tiền kẽm đưa quả là "ba tiền kẽm Thiên Minh đổi một tiền đồng mà có người còn chê."

Đến khi vua Gia Long đánh bại nhà Tây Sơn và khai sáng nhà Nguyễn, tỷ giá của tiền kẽm chỉ thấp hơn tiền đồng một chút. Triều đình cho người nhà Thanh bỏ vốn đúc tiền kẽm, khi thành tiền thì cứ 130 quan tiền kẽm đổi được 100 quan tiền đồng. Cùng trong năm 1813, "lại chuẩn cho: người đúc tiền lĩnh bạc của công mua kẽm đúc tiền nộp vào nhà nước, thì cứ mỗi 125 quan, tính thành tiền đồng 100 quan". Qua năm 1814, triều đình ra lệnh giảm

tỷ giá "lại định người nhận đúc tiền, tự đem kẽm của mình đúc tiền nộp vào kho công, cứ tiền kẽm 120 quan, đổi được tiền đồng 100 quan, cấp cho nửa bạc nửa tiền." Như thế tỷ giá tiền đồng và tiền kẽm vào thời Gia Long là 1:1,2 đến 1:1,3.

Sang năm Minh Mạng thứ 21 (1840), triều đình cho gia tăng tỷ giá này như sau "năm thứ 21, lại chuẩn y tỉnh Hà Nội lần này đúc thử tiền đồng hạng lớn, hạng nhỏ, còn lại có đồng mềm, đồng cứng, không đều nhau. *Xét ra bởi lúc đúc không thể nhất luật đúng cách thức, nhưng xét đến nét chữ trong đồng tiền cũng đúng như cách thức. Nhưng khi đem ra tiêu dùng thì tiền đồng hạng lớn, một đồng ăn ba đồng, tiền đồng hạng nhỏ, một đồng ăn hai đồng.*". Tỷ giá giữa tiền đồng, tiền kẽm tăng lên 1:2 đến 1:3.

Khi tàu chiến Pháp bắn phá Đà Nẵng vào năm 1858, dưới đời vua Tự Đức, triều đình cho thay đổi tỷ giá như sau "đổi thứ tiền đồng hạng to làm một đồng ăn bốn đồng tiền kẽm, hạng nhỏ ăn ba đồng." Tỷ lệ lúc này là 1:3 đến 1:4. Mười bốn năm sau, khi toàn thể Lục Tỉnh Nam Kỳ đã rơi vào tay Pháp và người Pháp đang chuẩn bị xâm chiếm Bắc Kỳ, kho tàng của triều đình hầu như trống rỗng vì nợ tiền chiến phí của Pháp và Tây Ban Nha quá cao, vua Tự Đức cho đúc tiền đồng cân nặng 7 phân, mặt lưng tiền có đúc chữ Lục Văn, cho ăn ngang 6 tiền kẽm. Vào thời này, một tiền đồng nhỏ ăn bốn tiền kẽm và một đồng 7 phân trở lên ăn sáu tiền kẽm. Tỷ giá thay đổi là 1:4 đến 1:6.

Dưới thời vua Tự Đức, triều đình còn đúc tiền Tự Đức Bảo Sao có trị giá từ 10 tiền kẽm cho đến 1 quan tiền kẽm. Khi đúc tiền Bảo Sao, triều đình đã gia tăng tỷ giá cách biệt giữa tiền kẽm và tiền đồng bằng cách giảm bớt trọng lượng kim loại đồng. Như chúng ta đã biết, vào năm 1858, tiền đồng lớn vẫn ăn 4 tiền kẽm và tiền đồng nhỏ ăn 3 tiền kẽm. Nhưng chỉ hai năm sau (1860), đợt tiền Bảo Sao đúc đầu tiên với trọng lượng đồng nhẹ hơn dựa trên tỷ giá 1:3 tới 1:4 vào thời đó. Thật vậy, nếu dựa vào trọng lượng của tiền Bảo Sao mà tính toán, chúng tôi thấy triều đình đã áp dụng tỷ giá 1:4 tới 1:6, là tỷ giá mãi đến năm 1872 mới có hiệu lực. Tiền Bảo Sao đã được đúc khá nhẹ và được triều đình cho lưu hành với một trị giá cao hơn trị giá kim loại thật sự của đồng tiền. Chính vì thế, tiền Bảo Sao không được dân chúng ưa chuộng nhiều cho lắm. Năm 1871, vua Tự Đức lại chuẩn cho đúc tiền Bảo Sao lần thứ hai. Tỷ giá kẽm đồng của đồng tiền đợt mới này còn tệ hại hơn. Đồng tiền có trọng lượng nhẹ hơn so với đợt đúc đầu. Một năm sau, triều đình công khai phá giá tiền kẽm do lệnh đúc tiền đồng 7 phân Lục Văn ăn ngang 6 tiền kẽm, nhưng tỷ giá mới này chỉ tương xứng với tiền Bảo Sao đợt 1860 và vẫn còn quá cách biệt so với tiền Bảo Sao đợt 1871. Đơn vị tiền tệ của triều Nguyễn phức tạp hơn các triều đại trước, nên gây nhiều hiểu lầm cho người nghiên cứu về tiền cổ ngày nay.

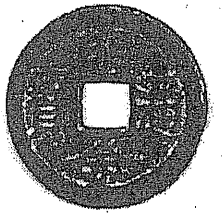

tiền đồng Minh Mạng nhỏ

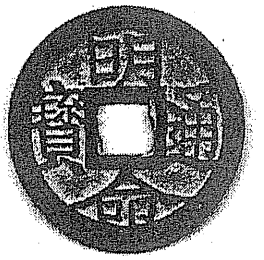

tiền đồng Minh Mạng lớn

Hợp kim của tiền cổ triều Nguyễn.

Trước triều Nguyễn, không thấy sách sử nào ghi chép về thành phần của hợp kim dùng để đúc tiền. Từ lúc Gia Long lên ngôi vua, các bộ sử của triều Nguyễn được ghi chép đầy đủ hơn về kim loại dùng để đúc tiền, kể cả những lần đúc thật và những lần đúc thử.

Đồng là một kim loại tìm thấy nhiều trong đất, một số lượng lớn thường ở dạng kết hợp với lưu huỳnh tạo những khoáng sản như CuFeS2 (chalcopyrite). Tuy nhiên cũng có một số lượng nhỏ đồng nguyên chất, ở dạng kim loại trong lòng đất. Đây cũng là một lý do để giải thích vì sao kim loại này đã có một vai trò quan trọng trong thuật luyện kim thô sơ của nhiều nền văn minh xa xưa. Khí cụ bằng đồng ngày xưa thường chứa nhiều độc chất thạch tín, tuy nhiên trong quá trình luyện kim, cũng như thói quen trộn lẫn thiếc để tạo hợp kim đồng đỏ đã làm giảm bớt lượng thạch tín này.

Người xưa không biết nhiều về hoá chất cũng như kỹ thuật tinh luyện kim loại, tuy vậy trải qua kinh nghiệm của nhiều thế kỷ, những ghi chú về phép luyện đồng trong sách cổ đã

gây ra nhiều điều thích thú vì phù hợp với kiến thức khoa học ngày nay. Lê Qúy Đôn đã có những ghi chú luyện đồng trong sách Vân Đài Loại Ngữ như sau "Theo sách Tống Sử Chí, Hàn Cầu đúc tiền mới, lấy hầm đảm thủy chứa và ngâm một số đồng làm ngạch số. Có chú phép ngâm đồng như sau: Lấy sắt sống rèn thành miếng mỏng xếp để trong máng ở hầm đảm thủy. Những miếng sắt ấy bị đảm thủy ăn mỏng, sinh ra thứ than đỏ ở trên mặt. Cạo lấy thứ than đỏ ấy cho vào lò nấu ba lần thì thành đồng, đại để dùng sắt hai cân một

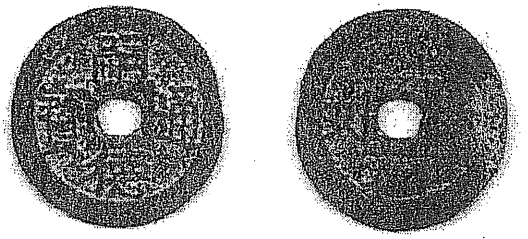

Tiền đồng Tự Đức thông bảo / Lục văn

lạng thì được một cân đồng." hoặc như "Sách Hành Trù Tập lại chép: Trui sắt với đảm phàn thì biến sắt thành đồng." Còn vấn đề tìm mỏ kim loại, Lê Qúy Đôn dẫn sách Quảng Bác Vật Chí như sau "Núi mà ở dưới có bạc thì ở trên phải mọc cây hành, ở dưới có vàng thì ở trên phải mọc cây hẹ, ở dưới có đồng thiếc thì ở trên có mọc cây phương thảo, hễ thấy cọng vàng đẹp đẽ thì biết ở dưới chứa đồng."

Đồng nguyên chất có màu đỏ nâu, với độ nóng chảy ở 1083 độ C và có tính mềm. Khí vật bằng đồng nguyên chất rất mềm, không thể xử dụng. Do đó, đồng thường được pha thêm với những kim loại khác như kẽm, chì, thiếc, gang để giảm độ nóng chảy và tăng gia độ cứng. Tiền đồng cổ trước đời nhà Nguyễn thường là đồng nguyên chất lẫn với tạp chất do kỹ thuật tinh luyện chưa được tinh vi hoặc do thợ đúc pha trộn thêm kim loại khác để có một hợp kim cứng hơn đồng nguyên chất, dựa trên kinh nghiệm của họ. Chúng tôi xin trích dẫn một vài tài liệu phân tích thành phần hóa học của các đồng tiền cổ Việt nam theo phương pháp khoa học ngày nay để độc giả tham khảo. Tác giả Tạ Chí Đại Trường trong *Những Bài Dã Sử Việt* trích dẫn một bảng kết quả phân tích thành phần hóa học của tiền Việt Nam do ông Diệp Đình Hoa thực hiện như sau.

Trị Bình nguyên bảo: 63.6 % Đồng, 21 % Chì, 0,14% Thiếc và 0,27% Sắt.

Trị Bình thánh bảo: 64,92% Đồng, 21,75% Chì, 0,86% Thiếc và 0,14 % Sắt.

Đồng đỏ (bronze), là hợp kim giữa đồng và thiếc. Kim loại thiếc có màu trắng bạc với độ nóng chảy ở 231,9 độ C, nên làm giảm độ nóng chảy của đồng đỏ xuống khoảng từ 700 - 900 độ C. Tỷ lệ thiếc trong hợp kim càng cao thì hợp kim càng tăng tính cứng, rồi trở nên dễ gẫy bể, theo đó mà chia ra hai loại đồng non và đồng già tùy tỷ lệ của thiếc. Hợp kim đồng đỏ có màu đỏ như đồng, trạng thái nóng chảy lỏng giữ lâu hơn đồng nguyên chất, giúp cho việc đúc khí cụ dễ dàng, cũng như ăn khuôn rõ rệt, nổi nhiều chi tiết. Dựa vào bảng phân tích của ông Diệp Đình Hoa, cho thấy những tiền cổ nói trên là đồng đỏ. Đồng đỏ khi bị sét thường tạo một lớp rỉ xanh lục để che chở lớp đồng bên trong. Sự sét rỉ gia tăng nếu môi trường ẩm thấp, cho nên trong những chum vại chôn dấu tiền cổ chúng ta thường thấy có trộn lẫn vôi trắng để hút nước. Theo thương trường ngày nay, đồng đỏ có trị giá cao hơn đồng thau. *Đồng thau (brass hay laiton) là hợp kim đồng và kẽm có màu đồng tới màu vàng với ánh xanh tùy theo tỷ lệ kẽm trong hợp kim.* Đồng thau cứng hơn đồng và nóng chảy dễ hơn đồng. Đồng thau được thông dụng hơn đồng đỏ trong việc đúc tiền của nhà Nguyễn. Từ ngữ đồng thau còn dùng không chính xác để nói đến các hợp kim giữa đồng và các kim loại khác. *Kẽm là một kim loại màu trắng xanh, có độ nóng chảy ở 419,4 độ C.* Kẽm pha trộn nhiều chì sẽ có sắc đen. Kẽm rẻ tiền, bị không khí ẩm ướt tác dụng mòn liên tục đến khi bị hủy hoại, do đó tiền kẽm rất dễ bị tiêu hủy theo thời gian hơn tiền đồng.

Nói về phẩm chất của đồng trong thời Nguyễn, đồng nắp nồi là loại kém nhất, hao tổn than củi để đun và không tạo được sắc tiền đẹp. Thứ đến là *đồng đỏ Trang Liệt, và cuối cùng tốt nhất là đồng đã đúc gò thành khí cụ mà đời vua Thành Thái đã xử dụng để đúc tiền. Đồng đỏ Trang Liệt là tên gọi loại đồng mua bán bởi làng Trang Liệt, thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.* Đây là một làng chuyên mua bán đồng và gò sửa hàn những đồ đồng nhỏ bị hư hỏng. *Đồng đỏ Tụ Long là loại đồng lấy từ mỏ đồng Tụ Long thuộc tỉnh Tuyên Quang. Tiền đồng của nhà Thanh là loại tiền đồng mà nhà Thanh thường đúc với thành phần đồng đỏ 50%, kẽm 41.5%, chì 6.5% và thiếc 2%. Kẽm Phán Giang là kẽm lấy ở tỉnh Hải Dương.*

Về kinh nghiệm đúc tiền, sử liệu ghi chép

nhiều về những lần triều đình đúc thử nghiệm, để tìm một thành phần hợp kim thích hợp, ít hao tốn. Sách Hội Điển ghi lại vào thời Thiệu Trị lần này đem tiền đồng ngày xưa đúc tiền, có chọn ra tiền đồng Gia Long hạng nhỏ, lấy những đồng thủng vỡ và chữ không rõ, đã trình bày rõ xin đúc lại, đem đúc cùng tiền Tây Sơn; trót đã đúc thử thì hạng tiền ấy nguyên không có chì nên hao mất nhiều. *Nếu theo lệ nấu lại thành đồng, cho thêm kẽm vào thì hai lần đúc 8 lò, số hao lại gấp hai. Nay đem tiền ấy 90 cân thêm 10 cân kẽm vào đúc thành tiền thì sắc tiền so với tiền đúc 7 phần đồng 3 phần kẽm cũng giống nhau, mà số đồng thành và mức hao cũng giống nhau.*

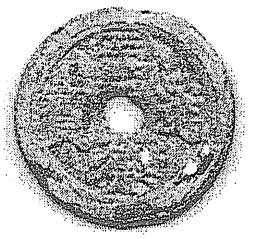

tiền kẽm Tự Đức

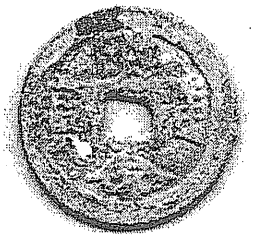

tiền kẽm Minh Mạng

Trị giá của tiền cấm vào thời nhà Nguyễn

Tiền do triều đình đúc được gọi là quan chế tiền, ngoài ra các tiền khác do dân chúng đúc trộm gọi là tư chú tiền, hoặc tiền do người Thanh đúc đem sang nước ta, được gọi chung là tiền dị dạng. *Tiền cấm là loại tiền mà triều đình cấm không cho thông dụng trong nước, có thể là tiền dị dạng hay tiền Tây Sơn vào thời nhà Nguyễn.* Tùy theo thời đại, đôi khi đồng tiền bị cấm vào thời này nhưng lại được cho phép thông dụng trong thời khác. Ví dụ vào thời chúa Nguyễn, xứ Đàng Trong cho phép dân đúc tiền. Thời đó, tiền do dân đúc không gọi là tiền cấm. Hoặc giả như tiền Tây Sơn vẫn được thông dụng mãi tới năm Gia Long thứ 19, nhưng khi vua Minh Mạng lên ngôi, cũng vừa hết hạn gia ân năm năm thông dụng, tiền Tây Sơn bị cấm tiêu dùng cũng như tồn trữ. Lại nữa, ngay cả các thứ tiền kém phẩm chất do người Thanh đúc ở nước họ và nhập cảng vào gây xáo trộn trong thị trường tiền tệ, tiền này bị cấm rất nghiêm nhặt vào cuối thời Tự Đức, nhưng sang đến đời Kiến Phúc, Hàm Nghi, triều đình lại cho phép thông dụng với một tỷ giá thấp hơn tiền quan chế.

Năm 1724, chúa Nguyễn đã nghe lời Nguyễn Đăng Đệ ban lệnh cấm những thứ tiền gang, thiếc, chì thông dụng ở xứ Đàng Trong. Nhưng đến năm 1748, chúa Nguyễn lại ra dụ cho tiêu dùng tiền kẽm, kế tiếp cho phép dân chúng đúc tiền kẽm. Loạn tiền kẽm đã dẫn đến sự suy tàn của xứ Đàng Trong. Nhưng ngay sau khi đã chiếm lấy hai trấn Thuận Quảng của chúa Nguyễn, tướng Trịnh Hoàng Ngũ Phúc vẫn cho dân chúng tiêu dùng tiền kẽm lẫn với tiền đồng. Cho đến lúc nhà Nguyễn khôi phục lại quyền hành, trong thời gian đầu, vua Gia Long vẫn cho phép dùng tiền Tây Sơn, cùng với tiền kẽm, tiền đồng. Qua đến đời vua Minh Mạng, triều đình xếp loại các tiền cấm gồm tiền Tây Sơn, tiền đúc trộm kém phẩm chất và cả tiền Đạo Quang của nhà Thanh. Vào lúc này, vua Minh Mạng cho phép dân chúng đổi hai đồng tiền cấm lấy một tiền kẽm.

Năm Tự Đức thứ hai, 1849, vì nạn đúc trộm tiền trở nên quá phổ biến, khó thể ngăn chặn, nên nhà vua cho phép dân đúc tiền kẽm, nhưng phải theo đúng trọng lượng. Sau khi quân Pháp xâm chiếm Nam Kỳ, đất nước hỗn loạn, người Thanh lợi dụng tình thế mà thu lượm tiền đồng của xứ ta, mang về nước họ, và đúc tiền pha chế với tạp chất, mang trở lại xứ Việt để dùng lẫn vào, kiếm lợi. Lúc này, triều đình Tự Đức ra lệnh khám xét tàu người Thanh, chận các đồn ải để kiểm soát, cũng như cấm thương nhân di chuyển với số tiền quá lớn. Cho đến năm 1879, triều đình đành phải chấp nhận cho tiền cấm ăn ngang ba tiền kẽm, nếu đồng tiền khá giống tiền Việt về phẩm lượng.

Sang đời vua Kiến Phúc, năm 1884, triều đình cho một tiền đồng lạ ăn bốn tiền kẽm. Nhưng chỉ vài tháng sau, vua Hàm Nghi lên nối ngôi, triều đình bàn sâu vào chi tiết hơn, chỉ cho một tiền đồng nhỏ dị dạng ăn hai tiền kẽm, tiền đồng lớn dị dạng mới ăn bốn tiền kẽm. Tuy nhiên, vì có hai tỷ giá cho tiền dị dạng mà kẻ xấu lại lợi dụng để kiếm lời, nên triều đình duyệt xét cho một tiền đồng lạ ăn ngang ba tiền kẽm. Sách *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim còn nói đến thứ tiền sềnh Tự Đức "ông Tường (quan Phụ Chính Nguyễn văn Tường) thì chịu tiền hối lộ của những người Khách, cho chúng nó đem tiền sềnh, là

một thứ tiền niên hiệu Tự Đức, mỏng và xấu, đúc ở bên Tàu đem sang, bắt dân phải tiêu. *Ai không tiêu thì phải tội.*" Thứ tiền này mỏng và nhẹ, có thể nổi khi thả trên mặt nước. Ngày nay, một số người mua bán tiền không thông hiểu, đã gọi tiền đồng nhỏ mỏng do dân đúc vào thế kỷ 17 và 18 như tiền Thiên Thánh, An Pháp là tiền nổi (floaters).

*

Tóm lại, suốt từ thời nhà Đinh dựng nước, trải qua những triều đại Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê, Mạc, Tây Sơn và Nguyễn, đồng tiền cổ Việt Nam hình tròn lỗ vuông đã là một chứng tích của nền độc lập và tự chủ của nước Việt. Tuy rằng đồng tiền cổ Việt Nam đã trải qua những giai đoạn hưng thịnh như tiền Hồng Đức của vua Lê Thánh Tông, tiền Quang Trung thông dụng tận trong nội địa nhà Thanh, hoặc những giai đoạn biến đổi như tiền Hội Sao của nhà Hồ, hoặc những lúc suy yếu hỗn loạn như tiền Thiên Minh thời Trịnh Nguyễn, nhưng lúc nào đồng tiền cổ Việt nam vẫn giữ một chức năng quan trọng trong sự phát triển kinh tế của nước nhà, giúp cho hàng hoá trao đổi luân lưu trong nước. Cho đến những ngày Pháp thuộc, triều đình nhà Nguyễn chỉ còn là biểu hiệu tượng trưng cho một nền quân chủ chuyên chế, cúi đầu quy thuận trước áp bức của ngoại bang, để giới tài phiệt của Pháp qua Ngân hàng Đông Dương nắm hết những then chốt của nền kinh tế Việt nam thời đó. Những đồng tiền Đồng Khánh, Thành Thái chỉ còn đứng lẻ loi bên lề của những hoạt động thương mại trong thời Đông Dương thuộc Pháp. Đến khi những đồng trinh Khải Định mỏng nhỏ, đúc bằng máy rập mang từ Pháp về, tiền cổ Việt Nam chỉ còn là xu lẻ dành cho trẻ con, hành khất. Đồng trinh chỉ còn giá trị bằng nửa đồng xu của Đông Dương. Sau hết, đồng trinh của Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn, lại còn sụt giá thê thảm hơn, phải hai hay ba đồng mới ăn ngang một đồng trinh Khải Định. Tiền cổ Việt Nam hoàn toàn mất hết chức năng trong nền kinh tế của nước nhà, nhượng bước cho tiền tệ Đông Dương, và chung cuộc cho những đồng tiền của các chế độ dân chủ sau này.●

THƯ MỤC

- Albert Schroeder *Annam Numismatique*, Paris 1905.
- Association of Vietnamese historians people's administrative committee of Hai Hung province, *Pho Hien, The centre of international Commerce in the 17th, 18th centuries*, Thế Giới xb, Hà Nội 1994.
- Bành Tín Uy, *Zhongguo Huobi Shi (A money history of China)* dịch bởi Edward Kaplan, Center for East Asian Studies, Washington 1993.
- Bửu Sao. *La sapèque Vietnamienne face aux monnaies étrangères.* Institut Nationale des Langues et Civilisations Orientales, tự xuất bản, 1992.
- Désiré Lacroix. *Annamite Numismatiques.* Publication de l'École Francaise d'Extrême Orient, SaiGon 1900.
- Đỗ Bang. *Kinh tế thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn.* Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.
- Đỗ Văn Ninh. Tham khảo ý kiến qua thư từ.
- Đỗ Văn Ninh. *Tiền cổ Việt Nam.* Khoa Học Xã Hội xuất bản, Hà Nội 1992.
- Hà Mai Phương. *Lược sử Tiền Tệ Việt Nam.* Mai Hiên xuất bản, California 1983.
- Lê Hoàn Hưng, Nha Trang. Tham khảo ý kiến.
- Lê Qúy Đôn, *Phủ Biên Tạp Lục,* Lê Xuân Giáo dịch, Phủ Quốc Vụ Khanh, SaiGon 1992.
- Lê Qúy Đôn, *Vân Đài Loại Ngữ,* Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, 1995.
- Lê Tắc. *An Nam Chí Lược.* Viện Đại Học Huế, Uỷ Ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt Nam dịch, Huế 1961.
- Li Tana, *Nguyễn Cochinchina-Southern Vietnam in the 17th&18th centuries,* SEAP Cornell University, NewYork 1998.
- Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.* Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1993.
- *Nội Các Triều Nguyễn - Đại nam Hội Điển Sử Lệ,* Thuận Hóa xuất bản, Huế 1993.
- Pelliot Paul. *Notes on Marco Polo,* 3 tập. Imprimerie Nationale, Paris 1959.
- Phan Huy Chú. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí.* Nhà xuất bản Sử Học, Hà Nội , 1961.
- Poivre Pierre. *Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine,* Revue de l'Extrême Orient 1883.
- *Quốc Sử Quán Triều Nguyễn - Đại nam Thực Lục Chính Biên,* dẫn theo *Tiền cổ Việt Nam,* Đỗ Văn Ninh.
- *Quốc Sử Quán Triều Nguyễn - Minh Mệnh Chính yếu.* Bộ Văn Hóa Giáo dục và Thanh Niên, Sài Gòn, 1974.
- Reid Anthony, *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680,* vol 2 Expansion and Crisis. Yale University Press 1993.
- Rhodes Alexandre, *Histoire du royaume de Tonquin,* dịch bởi Albi. Lyon 1651.
- Richard Jerome, *Histoiry of Tonquin,* tập hợp trong *A general collection of the best and most interesting voyages and travels in all parts of the world* của John Pinkerton, Paris 1778.
- Tạ Chí Đại Trường, *Những Bài Dã Sử Việt,* Thanh Văn xb, California 1966.
- Tabert Auctore, *Dictionarium Latino-Anaticum,* Paris 1838.
- Thanh Thế Vỹ. *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ 17, 18 và đầu 19.* Nhà xuất bản Sử Học, Hà Nội, 1961.
- Thierry Francois - *Catalogue des monnaies Vietnamiennes,* Bibliothèque Nationale xuất bản, Paris 1987.
- Thierry Francois - *Monnaies d'Extrême Orient,* quyển 2 : Việt Nam & Nhật bản. Bibliothèque Nationale xuất bản, Paris 1987.
- Trần Trọng Kim - *Việt nam Sử Lược,* Trung tâm Học Liệu xuất bản, Sài Gòn 1971.
- Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. *Lịch Sử Việt Nam,* tập 1. Khoa Học Xã Hội xuất bản, Hà Nội 1971.
- Wicks Robert. *Money, Markets and Trade in early SouthEast Asia.* Southeast Asia Program, Cornell University, NewYork 1992.
- William Dampier, *Voyages and discoveries.* The Argonaut Press, London 1931.●

QUẬN CAM

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ và Cảo Thơm giới thiệu Sách Nói (Audio-Book)

Trong bầu không khí dịu nhẹ của mùa thu, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) và nhà xuất bản Cảo Thơm đã giới thiệu một số sáng tác phẩm của ba nhà văn nữ Việt Nam qua dạng audio-book (sách thu băng) tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt với sự hiên diện của gần 200 khán giả thính giả và văn nghệ sĩ vào chiều ngày thứ Bẩy 28 tháng Mười năm 2000.

Cô Lê Đình Y Sa, Tổng Thư Ký Hội VAALA cho biết nhà xuất bản Cảo Thơm đã thực hiện những loại audio-book từ mấy năm nay nhưng hôm nay mới là lần ra mắt khán thính giả đầu tiên tại Quận Cam. Tiếp theo nhà văn Phạm Xuân Đài lên nói về vai trò của một loại "sách" mới: loại sách dùng để... nghe thay vì đọc. Theo ông, bên Tàu ngày xưa đã có những người làm nghề kể chuyện ăn tiền, bên ta có nghề đi hát vè gồm những câu chuyện được kể theo lối văn vần, đó là hình thức "sách nói" đầu tiên. Đến thời đại khoa học ngày nay, người ta biến sách đọc thành sách để nghe, những "cuốn sách" biến thành "cuộn sách" (băng cassette). Kỹ thuật của sách nói ngày một nâng cao, như thêm nhạc đệm và các loại âm thanh phụ, chọn lựa kỹ người đọc, thay đổi giọng đối thoại... làm nổi bật kịch tính và sự hấp dẫn của truyện. Dịp này nhà văn Phạm Xuân Đài cũng giới thiệu các sách nghe của nhà Cảo Thơm, gồm Hương Dạ Lan và Cuộc Hẹn của Bùi Bích Hà, Khung Cửa Sổ và Chiếc Phong Linh của Trần Mộng Tú, Người Đàn Bà Cao Số của Trần Thị Diệu Tâm với các giọng đọc Thái Hà, Hồng Vân, Trần Thị Diệu Hằng và Anh Dũng, mà ông cho là đã góp phần xứng đáng để làm phong phú các hình thái văn học nghệ thuật của người Việt hải ngoại.

Nhà thơ Du Tử Lê cũng đã lên nói những nỗ lực cũng như những sáng kiến của những nhà thực hiện các tác phẩm văn nghệ đi vào quần chúng. Ông cũng ca ngợi những đóng góp của những người muốn đi tìm cái mới. Nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc thì nhắc đến một hình thức sách nói qua thí dụ câu chuyện của 1001 Đêm để thấy rằng chuyện nói, sách nói đã có từ lâu nhưng nay được thể hiện qua kỹ thuật mới.

Chen vào những lời phát biểu vừa kể là những trích đoạn các tác phẩm của Cảo Thơm cùng với một chương trình văn nghệ nhẹ với Nguyên Khang, Mỹ Thúy, Lucie Hoàng...

Triển Lãm Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật cứu lụt

Hội Triển Lãm Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam đã tổ chức một cuộc triển lãm nhiếp ảnh nghệ thuật do Trung Tâm Công Giáo, Giáo Phận Orange bảo trợ đã khai mạc vào sáng ngày thứ Bẩy 11 tháng Mười Một năm 2000 tại phòng hội của Trung Tâm Công Giáo dưới sự chủ tọa của Đức Ông Nguyễn Đức Tiến, Giám Đốc Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, giáo phận Orange cùng với khoảng hơn một trăm quan khách và đại diện các hội đoàn. Mục đích cuộc triển lãm nhằm gây quỹ cứu trợ nạn nhân bão lụt tại Việt Nam.

Bác sĩ Nguyễn Đức Tuấn, chủ tịch Cộng Đồng Công Giáo Giáo Phận Orange đã đọc diễn văn khai mạc nói thể theo lời kêu gọi của Giáo Hội Công Giáo ở quê nhà khẩn thiết yêu cầu đồng bào hải ngoại cứu giúp cho đồng bào nạn nhân bão lụt trầm trọng gây cho nhiều người chết, đa số là trẻ em, Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, Giáo Phận Orange đã nhanh chóng đáp ứng và kêu gọi sự hỗ trợ của mọi giới đồng bào hải ngoại giúp đỡ cho nạn nhân bão lụt ở quê nhà.

Tiếp theo là nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa, chủ tịch Hội Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật cũng lên nói về những đóng góp của nhóm nhiếp ảnh gia Bến Nghé thuộc Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam mở cuộc triển lãm hôm nay gồm có ảnh nghệ thuật của các ông Lê Văn Khoa, Thái Đắc Nhã, Lại Hữu Đức, Dương Xuân Phương, Hà Quang San, Phí Văn Trung và một nhiếp ảnh gia Hoa Kỳ Jeff Horgan. Ông Lê Văn Khoa nói rằng đây là một trong những đóng góp khiêm nhường của Hội Ảnh triển lãm và bán những tác phẩm này trong một ngày duy nhất để góp sức xoa dịu phần nào những mất mát đau thương của đồng bào ở

quê nhà.

Ông Vũ Quang Ninh, giám đốc đài Little Saigon Radio cũng nói đến nghĩa cử cao đẹp đầy tình người của những người những người đi săn ảnh đẹp và đóng góp cái đẹp cho chính đời sống: lòng bác ái.

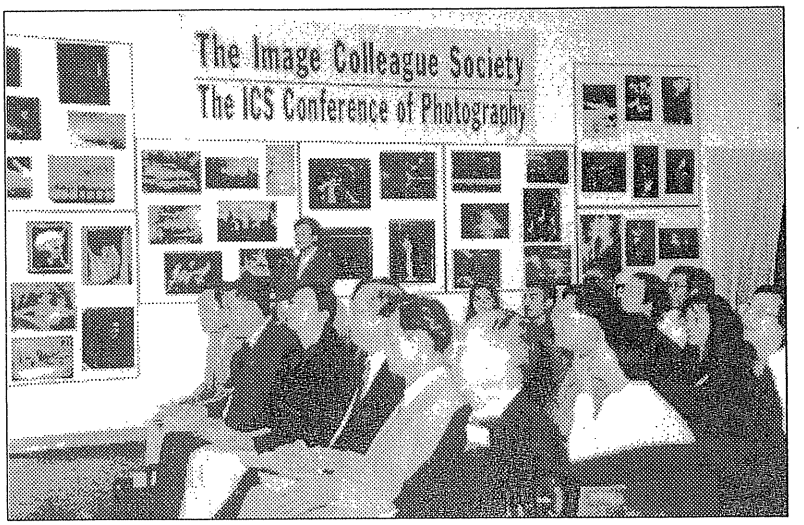

Hội thảo và triển lãm của ICS

Sau đó ban tổ chức đã hướng dẫn Đức ông Nguyễn Đức Tiến cùng với quan khách đi xem phòng triển lãm ảnh nghệ thuật, duyệt qua tất cả khoảng 80 bức ảnh với rất nhiều kích thước, hơn một trăm bức ảnh đa số các nhiếp ảnh gia triển lãm ảnh nghệ thuật về Quê Hương từ Bắc chí Nam với có sực thu hút rất mạnh của khách thưởng ngoạn. Bên cạnh đó là một số ảnh về những thắng cảnh ở Hoa Kỳ và Hoa. Bức ảnh khổ lớn với đề tài Thác Pongour của Thái Đắc Nhã cho thấy sự vĩ đại của thiên nhiên, bức Hoàng Hôn Trên Vịnh Hạ Long của Dương Xuân Phương thể hiện những nét đẹp của quê hương Việt Nam, bức Cầu Thê Húc của Phí Văn Trung mang lại vẻ cổ kính của Hà Nội... đã thu hút đông người xem.

Có khá nhiều khách đến xem và mua ảnh. Tất cả số tiền thu được trong việc bán ảnh nghệ thuật hôm nay đều xung vô quỹ cứu trợ và ban tổ chức cho biết khách có thể đặt mua tùy theo kích thước hợp với từng vị trí trong nhà.

Hội Ảnh Nghệ Thuật ICS triển lãm

Hội Ảnh Nghệ Thuật ICS (The Image Colleague Society) tổ chức một cuộc triển lãm những tác phẩm đoạt giải Cuộc Thi Ảnh Quốc Tế ICS Circuit 2000 cùng với cuộc hội thảo về các đề tài liên quan đến nhiếp ảnh tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt với khoảng gần 100 khách tham dự từ sáng ngày thứ Bẩy 11 tháng 11 năm 2000. Cuộc triển lãm và hội thảo này do Hội Văn Học nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) bảo trợ.

Mở đầu, cô Lê Đình Y Sa, Tổng Thư Ký VAALA đã giới thiệu nhiếp ảnh gia Tony Lê Kim Thuận đại diện cho ICS (Image Colleague Society, LTD) lên diễn đàn trao tặng Tước Hiệu Danh Dự ICS và FMPA cho các nhiếp ảnh gia có công quảng bá và đóng góp trong ngành nhiếp ảnh nghệ thuật.

Tiếp theo nhiếp ảnh gia Lê Ngọc Minh, Tổng Thư Ký hội ICS đã thuyết trình về đề tài "Nhiếp Ảnh Việt Nam Trước và Sau 1975" từ trong nước ra hải ngoại.

Ông Lê Ngọc Minh cho biết ông đang hoàn tất cuốn lịch sử nhiếp ảnh Việt Nam khá dầy với rất nhiều tài liệu mà ông dã cất công sưu tầm trong đó có cả những tài liệu hiếm qúy về nhiếp ảnh gần như là tuyệt bản. Ông nói bộ môn nhiếp ảnh đã mang về cho Việt Nam nhiều huy chương quốc tế nhất, hơn bất cứ bộ môn văn học nghệ thuật và thể thao nào, nhưng lại ít được nhắc nhở đến nhất.

Ông Lê Ngọc Minh cho biết cuộc triển lãm bộ môn nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam đầu tiên ở tại Hà Nội vào năm 1951 với 21 nhiếp ảnh gia trong đó có những nhiếp ảnh gia tên tuổi như Trịnh Văn Bách, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn An Ninh, Bàng Bá Lân, Phạm Văn Mùi, Võ An Ninh, Lỗ Vinh... và đặc biệt là có nhiếp ảnh gia Bùi Quý Lân hiện đang có mặt trong hội trường này.

Từ năm 1954 trở đi ở miền Nam bộ môn nhiếp ảnh nghệ thuật được thăng tiến và Việt Nam đã tổ chức triển lãm quốc tế nhiều lần cùng với nhiều hội ảnh nghệ thuật ra đời từ dân sự cho đến quân đội, trong khi đó ở miền Bắc các nhiếp ảnh gia không được tự do hoạt động mà bị đưa vào biên chế để chịu sự kiểm soát rất gắt gao vì bộ môn nhiếp ảnh phải có... lập trường rõ rệt.

Ông Lê Ngọc Minh cũng nói sự phát triển bộ môn nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam ở hải

ngoại với Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam xuất hiện từ năm 1978, kế đó là hội ICS và nhiều hội nhiếp ảnh và lớp nhiếp ảnh tại xuất hiện ở những nơi có nhiều người Việt cư ngụ.

Sau đó nhiếp ảnh gia Tony Thuận đã thuyết trình về đề tài "Các Đẳng Cấp và Tước Hiệu Trong Lãnh Vực Nhiếp Ảnh Quốc Tế." Đặc biệt trong buổi hội thảo có trình chiếu các tuyệt tác phẩm nhiếp ảnh thế giới do FIAP và Hội Nhiếp Ảnh của Hongkong tuyển chọn.

Trong phòng sinh hoạt Nhật Báo Người Việt có treo đến hơn 200 tác phẩm của các nhiếp ảnh gia của hơn 60 quốc gia tham dự. Những hình ảnh với những đề tài, phong cách rất mới lạ, phong phú từ khắp nơi trên thế giới, như trăm hoa đua nở, đem lại cho người xem những cảm tưởng vô cùng kỳ thú.

Đêm nhạc thính phòng Tình Khúc Không Tên Vũ Thành An

Hơn 700 khách thưởng ngoạn đã đến tham dự một đêm nhạc thính phòng tuyệt vời với chủ đề "Không Tên Vũ Thành An" do một nhóm sinh viên và thân hữu của nhạc sĩ Vũ Thành An tổ chức tại nhà hàng Emerald Bay vào tối Chủ Nhật, 5 tháng Mười Một năm 2000.

MC Phạm Long và Mộng Lan đã giới thiệu nhạc sĩ Nguyễn Hiền nói đôi nét về người nhạc sĩ tài hoa với những Tình Khúc Không Tên đánh dấu bằng những con số, nổi tiếng trong gần bốn thập niên. Tiếp theo là chương trình trình diễn với những tiếng hát thành danh từ những thập niên trước của ban The Dreamers, của Jo Marcel, Khánh Ly, Tuấn Ngọc, Nhật Hạ, Ngọc Minh, Trọng Nghĩa... cùng với các tài năng trẻ của nền âm nhạc hải ngoại Trần Thái Hòa, Huân Ngữ, Đinh Ngọc, ban The Friends với Vương Hương, Luân Vũ, Đặng Trần Thiện...

Nhạc sĩ Vũ Thành An xuất hiện với những tác phẩm đầu tiên vào thập niên 1960 với Tình Khúc Thứ Nhất, Em Đến Thăm Anh Đêm 30 và nhất là các Bài Không Tên đánh dấu bằng những con số. Ông là người đồng thời với Lê Uyên & Phương, Từ Công Phụng, Trịnh Công Sơn..., mỗi người đều tạo được những phong cách riêng trong dòng nhạc của mình và đều được giới thưởng ngoạn đón nhận nồng nhiệt cùng lúc với cường độ chiến tranh ngày càng dâng cao.

Nhạc sĩ Vũ Thành An cho biết ông muốn đêm nhạc thính phòng này đánh dấu hơn ba thập niên viết nhạc tình và cũng là dịp ông giới thiệu Tình Khúc Toàn Tập như là để đền ơn tri ngộ rất nhiều tầng lớp khán giả đã yêu thương nhạc tình của ông và cũng là cái cớ để ông có thể cảm tạ những thân hữu đã cho ông một tình bạn bền bỉ qua bao nhiêu thay đổi của thời gian.

Nhạc sĩ Vũ Thành An cũng cho biết ông hiện đang chuyển hướng sáng tác sang Thánh Ca mà theo ông nói sẽ dẫn đến một tình yêu không giới hạn, không đòi hỏi, thuần túy chỉ là sự dâng hiến chứ không như những Tình Ca đầy những đầy vò, nhung nhớ, đau đớn, hận sầu, nước mắt... đã tạo thành một đề nén cần phải được giải thoát. Nhạc sĩ Vũ Thành An đã đi tù cải tạo từ 1975 đến 1985 và sang định cư Hoa Kỳ tại Oregon vào năm 1991. Ở trong tù cải tạo ông đã chịu phép rửa tội và trở thành một con chiên. Bằng vào khả năng âm nhạc của mình, Vũ Thành An đã đưa Phúc âm vào nhạc. Năm 1996, ông ghi danh theo học chương trình Cao Học Thần Học và hiện đang được đào tạo trở thành Phó Tế, chấm dứt viết nhạc tình để chuyển sang Thánh ca.

Trong đêm nhạc thính phòng này, Vũ Thành An cũng đã ký tặng đến khách mộ điệu tập nhạc Vũ Thành An, Tình Khúc Toàn Tập hơn 100 bản nhạc gồm có 40 ca khúc không tên, 13 ca khúc có tên và hơn 40 bài phổ thơ của nhiều thi sĩ như Nguyễn Đình Toàn, Du Tử Lê...

Điểm đặc biệt của đêm nay là, nhạc sĩ Vũ Thành An đã dành ra một phần ba tiền thu được trao đến tận tay Hòa Thượng Thích Chơn Thành đang có mặt, để góp phần cứu trợ đồng bào bão lụt ở quê nhà.

Khai mạc phòng tranh của họa sĩ Cao Bá Minh

Lúc 11 giờ sáng ngày thứ bảy 25-11, họa sĩ Cao Bá Minh, với sự bảo trợ của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), đã khai mạc phòng triển lãm tranh tại Phòng Sinh Hoạt của nhật báo Người Việt, thành phố Westminster. Trước khi mời khách tham dự đi xem tranh, ông Phạm Phú Minh, đại diện hội VAALA đã nói qua về các hoạt động đa dạng của hội, trong đó, một thập niên qua đã tổ chức nhiều sinh hoạt liên quan đến nghệ thuật tạo hình. Họa sĩ Huỳnh Thượng Chí, một thành viên của hội đã giới thiệu về họa sĩ Cao Bá Minh và các tranh vẽ của ông, ngày nay phần lớn nghiêng về trừu tượng.

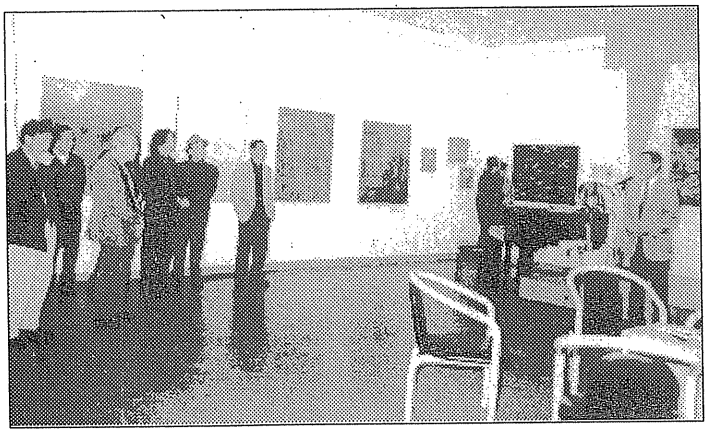

Lễ khai mạc phòng tranh Cao Bá Minh

Khoảng bốn mươi bức tranh treo quanh phòng sinh hoạt đã nói lên điều ấy. Một thân hữu khi xem tranh đã nói với họa sĩ Cao Bá Minh: "Ông có thể giải thích qua cho tôi về bức tranh này không?" thì họa sĩ Minh trả lời: "Bức tranh tự nó đã giải thích rồi." Hầu hết các tranh đều được thực hiện với màu xanh, chỉ thỉnh thoảng đây đó nổi lên một mảng đỏ gắt gao giữa một thế giới xanh dịu.

Cao Bá Minh sinh năm 1942 tại Hải Dương, di cư vào Nam năm 1954. Cuộc triển lãm đầu tiên của ông là vào năm 1969, và sau đó có nhiều lần trưng bày tranh, cho đến 1975. Đến Mỹ vào năm 1991, ông sáng tác trở lại với một số kỹ thuật và phong cách mới, phần nhiều là trừu tượng.

TEXAS

VINH DANH NHÀ VĂN DOÃN QUỐC SỸ

Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam tại Texas vừa tổ chức hai đêm "Doãn Quốc Sỹ và Dòng sông định mệnh" - 17 và 18 tháng 11/2000 tại Houston và Dallas - để long trọng vinh danh nhà văn lão thành của thế kỷ 20.

Sinh năm 1923 tại làng Hạ Yên Quyết (làng Cót) ngoại thành Hà-Nội, Doãn Quốc Sỹ đã tham gia kháng chiến chống Pháp từ những ngày đầu. Cho tới năm 1950, thấy rõ bộ mặt thật của Cộng sản, ông cùng gia đình đã rời hậu phương về Hà Nội. Năm 1954 ông bà Doãn Quốc Sỹ cùng hai con di cư vào Nam, vừa học vừa dạy, và truyện đầu tay *Sợ Lửa* được in trong báo Xuân của nhóm sinh viên di cư đã đưa ông vào nghiệp viết văn từ đó. Cũng vì là nhà văn viết lời chân thực mà Doãn Quốc Sỹ đã bị Cộng Sản cầm tù hai lần sau tháng 4/1975 - tổng cộng hơn 12 năm.

Ngoài mấy chục tác phẩm đặc sắc được nhiều độc giả yêu thích từ thập niên 1950 cho tới thập niên 1980 (sau khi ra tù CS lần đầu), Doãn Quốc Sỹ còn nổi tiếng là một nhà văn có khí phách và sống rất an nhiên tự tại như một thiền sư trong mọi hoàn cảnh - kể cả những lần bị biệt giam trong ngục tù. Tư cách thanh cao và hành xử khiêm cung giản dị của ông đã khiến cho các bạn trẻ trong hội VHKHVN vùng Texas chọn ông để tổ chức một chương trình vinh danh ông rất phong phú và có ý nghĩa.

Chương trình kéo dài ba tiếng đồng hồ, do anh Hà Hữu Quang phối hợp, có tới hơn 60 anh chị em hội viên VHKHVN đảm trách, làm việc tích cực trong nhiều tháng trời. Ngoài các nghệ sĩ Phan Duy, Tiểu Muội... nhạc sĩ dương cầm Vĩnh Lạc là nhân vật nòng cốt của chương trình. Ông làm hòa âm các bản Trường Ca sông Lô, Thiên Thai rất công phu. Những âm điệu rất đẹp của các "bè" khiến người nghe thấy rõ được những hợp âm du dương - của đàn và của cả lời ca rất nghệ thuật. Các nghệ sĩ trình diễn Anh Ngọc, Kim Tước, Lệ Thu, Bích Liên, Lê Hồng Quang, Thanh Nhàn... tới từ California. Mỗi người mỗi vẻ, ai cũng được khán giả tán thưởng nhiệt liệt, nhất là Lê hồng Quang, giọng Tenor trẻ và có chất lượng. Nhạc thính phòng và các bài hát tiền chiến được chọn lọc rất hợp với tinh thần của những đoạn văn trích từ các tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ - do các MC Nguyễn Ngọc Bảo, Diễm Uyên và Kim Thoa đảm trách.

Cuốn phim ngắn 12 phút về Doãn Quốc Sỹ do hội thực hiện, phỏng vấn nhiều văn nghệ sỹ, từ Võ Phiến, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác tới Đỗ Ngọc Yến, Tô Thùy Yên và các sinh viên trẻ v.v... Các thân hữu của nhà văn kiêm nhà giáo Doãn Quốc Sỹ cũng bay tới chung vui trong dịp này: từ Minnesota có ông bà thi sĩ Tô Thùy Yên và nhạc sĩ Cung Tiến, từ Paris có luật sư Trần Thanh Hiệp (cùng Doãn Quốc Sỹ trong nhóm chủ trương nhóm Sáng Tạo trước kia)... Giáo sư Đỗ Quý Toàn đến từ California đóng góp vào chương trình một bài nói chuyện 15 phút về Doãn Quốc Sỹ đã gây nhiều cảm ứng trong khán giả.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI
TIỂU QUYÊN
NGUYỄN HÙNG VŨ

Gọng Kìm Lịch Sử

người đọc: **Phạm Xuân Đài**

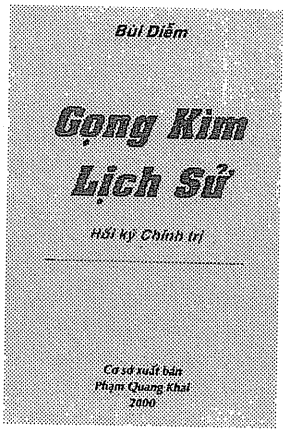

hồi ký chính trị của **Bùi Diễm**, Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai ấn hành, 596 trang, giá US$25.00. Phát hành bởi: Sud Asie, 269 rue Saint Jacques, 75005 Paris, France. Đại diện phát hành: Nam Á, 44 avenue d'Ivry 75013 Paris, France. Tel: (33) 01.45.84.81.87.

Nếu *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên là một cuốn *Hồi ký chính trị của một người không làm chính trị* từng sống trong lòng chế độ cộng sản, thì *Gọng Kìm Lịch Sử* đích thực là hồi ký của một chính trị gia, đứng trong phía quốc gia. Năm 1987 ông đã cho xuất bản cuốn *In the Jaws of History* viết bằng tiếng Anh, và *Gọng Kìm Lịch Sử*, viết xong vào đầu năm 1999, là hậu thân của cuốn này, hoàn toàn viết lại bằng tiếng Việt với các tình tiết Việt Nam và thêm một số tài liệu mới tìm thấy.

Ông Bùi Diễm, sinh năm 1923, con trai thứ của học giả Bùi Kỷ, cháu của học giả Trần Trọng Kim, từ tuổi thanh niên, vào đầu thập niên 40, đã tham gia vào phong trào dành độc lập cho Việt Nam. Từ đó ông đi vào cuộc đời hoạt động chính trị, chứng kiến các trôi nổi của lịch sử từ nhiều vị trí đặc biệt: có mặt tại Huế khi nội các Trần Trọng Kim thành lập, yết kiến Quốc trưởng Bảo Đại năm 1949 tại Đà lạt, theo dõi Hội nghị Genève 1954, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng 1965, Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ từ 1967 đến 1972, Quan sát viên đặc biệt tại Hòa đàm Paris 1968, Đại sứ Lưu động 1973-1975.

Tác giả bắt đầu các hồi ức về đời mình ở Chương 2, lúc còn là một học sinh tiểu học nhưng đã *mơ tưởng đến những chuyện đi xa, đến những nơi mới lạ để tìm hiểu thế giới rộng lớn*, và kết thúc ở Chương 37 với nhan đề "Thay lời kết, Lịch sử còn dài..." Ngay ở Chương 2, ông đã cho thấy ảnh hưởng chính trị đã đến với ông rất sớm khi ông vào học trường trung học tư thục Thăng Long, nơi mà ban giáo sư gồm những tên tuổi như Phan Thanh, Đặng Thái Mai, Hoàng Minh Giám, Trần Văn Tuyên, Võ Nguyên Giáp... và *tôi lớn lên trong bầu không khí đó, và dần dần ý thức được rằng dưới bộ mặt phẳng lặng của đời sống học đường, là những đợt sóng ngầm đang chuyển động mạnh*. Lúc bấy giờ là cuối thập niên 30 của thế kỷ 20, những người yêu nước Việt Nam, dưới nhiều khuynh hướng khác nhau, đang vận động để thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Và từ đó, ông đã từ từ được dắt dẫn tham gia vào một đảng phái quốc gia, đối lập với khuynh hướng cộng sản vào thời đó cũng đang phát triển mạnh.

Lịch sử cuộc đấu tranh cho độc lập nước nhà của người quốc gia Việt Nam trong thế kỷ 20 là lịch sử của sự thất bại. Từ các cuộc khởi nghĩa võ trang và các vận động duy tân hay Đông du của các cụ hồi đầu thế kỷ, đến Việt Nam Quốc Dân đảng của Nguyễn Thái Học, rồi đến các đảng phái quốc gia trong trận thế vừa chống thực dân vừa chống phong trào cộng sản quốc tế quãng giữa thế kỷ, và sau cùng, khi người quốc gia đã có được nửa nước Việt Nam phía Nam lại cũng thất bại khi chống đỡ với cuộc xâm lăng của phe Cộng sản từ phía Bắc tràn xuống. Từ thập niên 40 trở đi thế trận đấu tranh giành độc lập trở nên phức tạp vì sự có mặt của đảng Cộng sản, một đảng cách mạng dày dạn chuyên nghiệp có hậu thuẫn quốc tế và nhất quyết đoạt sự độc tôn, trong khi người quốc gia chỉ tiếp tục các phương thức đấu tranh truyền thống, luôn luôn tỏ ra lép vế trong phương thức và đòn phép, mặc dù tinh thần yêu nước và hy sinh không thiếu.

Gọng Kìm Lịch Sử chính là lịch sử của một người quốc gia trưởng thành vào đúng thời điểm gay go nhất mở màn cho sự đụng độ quốc gia - cộng sản, và bị cuốn theo suốt ba mươi năm, luôn luôn ở những vị thế thuận lợi để có thể tham gia vào những hoạt động cao cấp và từ đó có thể có một cái nhìn tổng thể.

Đó là một con người ưu tú và cũng rất nhiều may mắn để có thể sống trọn vẹn trong từng giai đoạn, hoạt động hết mình, gìn giữ đầy đủ tài liệu, để khi kể lại các hoạt động chính trị của đời mình thì những trang hồi ký ấy có thể xem là đặc trưng cho cuộc đời tranh đấu của một con người quốc gia, hoặc một phần của "phe quốc gia." Tác giả dẫn chúng ta đi từ những năm đầu thập niên 40 với quân Nhật và máy bay Mỹ, các biến cố lớn lao năm 1945, đi tản cư và về lại Hà Nội, giải pháp Bảo Đại, hiệp định Genève, miền Nam với Đệ nhất và Đệ nhị Cộng hòa, và đặc biệt, hào hứng và căng thẳng nhất là giai đoạn tác giả làm Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ với các liên hệ phức tạp, đa phương với chính giới Hoa Kỳ, cho mãi tới ngày miền Nam sụp đổ. Vì là hồi ký của một cá nhân, tác giả luôn luôn là một "nhân vật" trong đó, nhưng không phải là một nhân vật trung tâm, đó là điều dễ chịu nhất cho người đọc khi theo dõi một cuốn hồi ký loại này. Qua chuyện kể của mình tác giả giúp chúng ta hiểu rõ về tình hình một giai đoạn, về những biến cố hay nhân vật, với một lối trình bày thấu đáo và một văn phong thành thực, trong sáng.

Năm 1949, 26 tuổi, ông đã hai lần được tiếp xúc với Quốc trưởng Bảo Đại, và đã có những nhận xét: ... *sau chuyến đi Đà Lạt, tôi không còn nhiều ảo tưởng về ông như trước nữa. Thực ra về phương diện cá nhân, cũng như nhiều người khác có dịp gần ông, tôi có rất nhiều cảm tình đối với ông. Ông là một ông Vua, nhưng cách cư xử của ông đối với mọi người thật là giản dị, bình dân. (...) Nhưng về phương diện chính trị thì mặc dầu ông không phải là người khờ khạo hay thiếu hiểu biết, ông không có đức tính của một người lãnh đạo tạo được thời thế thuận lợi cho quốc gia dân tộc, mà chỉ là người chịu đựng cho thời thế xoay vần.* Cả cuộc đời chính trị của cựu hoàng Bảo Đại cho đến khi đóng nắp áo quan có lẽ không ra ngoài nhận xét trên đây từ mấy mươi năm trước của chàng thanh niên Bùi Diễm.

Trong chế độ Ngô Đình Diệm, ngay từ đầu, giống như bao người khác đã từng hoạt động trong các đảng phái quốc gia, Bùi Diễm nhận thấy mình bị loại ra khỏi sinh hoạt chính trị. Chỉ việc mô tả sự kiện ấy, tác giả đã cho thấy một đặc điểm của chế độ này, mà người ta thường gọi là gia đình trị. *Chế độ Ngô Đình Diệm dần dần được củng cố, thì bên ngoài chính quyền, các phần tử quốc gia có tinh thần độc lập như chúng tôi, bị dồn vào một thế càng ngày càng khó cựa. Mặc dầu có thiện cảm với ông Diệm ngay lúc ông trở về nước, nhiều người nhận thấy khó mà giúp ông, vì chính ông cũng không muốn sự hợp tác đó. (...) Ông Diệm vẫn theo chính sách đóng cửa, và giữ thái độ nghi kỵ nếu không nói là khinh rẻ đối với các giới chính trị, trong khi đó thì ông Nhu lặng lẽ xây dựng một bộ máy để củng cố chế độ. Cũng như nhiều người khác, sau bao nhiêu năm hoạt động, tôi thành một người ngoài cuộc, bị loại ra khỏi chính trường.*

Đệ nhất Cộng hòa là một cơ hội hiếm có và may mắn cho người quốc gia, nhưng tiếc thay, chế độ không những đã không có lòng đoàn kết mọi người mà lại còn tiến hành chính sách cục bộ nhiều màu sắc gia đình và tôn giáo, loại trừ nhiều thành phần ưu tú đã từng dày dạn đấu tranh, nên khi chế độ đó chấm dứt thì phe quốc gia cũng đã bị phân rã, thương tích khá nhiều. Một tiết lộ ít ai ngờ tới, là phim *Chúng Tôi Muốn Sống*, một phim chống cộng có giá trị trong thời kỳ đầu của chế độ này, lại do chính tác giả và bạn bè, trong đó có bác sĩ Phan Huy Quát, thực hiện. Dù có sự giúp đỡ về phương diện kỹ thuật của sở Thông tin Hoa Kỳ và sự yểm trợ một số phương tiện của quân đội, phim này hoàn toàn là một phim thương mại có chủ đề chính trị, mà vốn thực hiện thì do *tôi xoay xở, rủ người này người khác, vay mượn nơi này nơi khác.*

Sau chế độ Ngô Đình Diệm là giai đoạn sôi nổi nhất của tác giả. Chủ trương một tờ báo tiếng Anh, *Saigon Post*, rồi tham chính, làm bộ trưởng trong chính phủ Phan Huy Quát, rồi Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ. Năm 1963 ông vừa bốn mươi, tuổi vừa chín chắn vừa sung sức cho một người nắm giữ những vị trí then chốt trong chính trị. Thời sự trong những năm sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ thật vô cùng phức tạp, các phe quân nhân đảo chính với chỉnh lý liên tục, xung đột Phật giáo Công giáo, vụ Phật giáo miền Trung, Hoa Kỳ đổ quân vào Việt Nam, rồi Tết Mậu Thân, rồi hòa đàm Paris... một người trưởng thành có để ý đến tình hình vào thời đó đến nay chưa chắc có thể nhớ rõ từng biến cố, cái nào trước cái nào sau, chưa nói đến nguyên nhân và hậu quả mà chỉ có giới am tường chính trị mới có thể nắm được. Có lẽ chưa có một cuốn sách nào trình bày về giai đoạn này rõ ràng hơn khúc chiết hơn là *Gọng Kìm Lịch Sử*. Từ vụ đảo chính tháng 11.1963 trở về sau, biến cố nào

xảy ra trên chính trường Việt Nam cũng đều được tác giả kể lại rất đầy đủ chi tiết cùng nguyên ủy. Nếu thời Ngô Đình Diệm tác giả là người "đứng ngoài" thì thời kỳ sau đó ông là người "đứng trong," với các liên hệ quen biết chằng chịt với mọi giới. Chúng ta sẽ bắt gặp những chuyện mà ta không thể ngờ được, ví dụ những đơn vị quân đội Mỹ đầu tiên đổ bộ Đà Nẵng vào ngày 8 tháng 3, 1965, thì chính quyền trung ương Việt Nam không hay biết gì cả, và ngay tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn cũng bị động, lúng túng.

Cũng với cái nhìn đầy đủ và nhạy bén ấy, tác giả đi vào chính giới Hoa Thịnh Đốn, khi được cử làm Đại sứ tại đây vào năm 1966. So với các vị "được làm vua, thua làm đại sứ" tiền nhiệm thì đại sứ Bùi Diễm mới đích thực là một sứ thần đại diện xứng đáng cho Việt Nam nơi một quốc gia đồng minh đang có liên hệ sống chết với nước mình. Qua các hoạt động được mô tả lại, người ta thấy sự quen biết rộng rãi của ông trong chính giới và giới báo chí Hoa Kỳ, sự nhạy bén, sáng suốt và tinh thần trách nhiệm của ông khi phải đối phó liên tục với tình thế biến đổi không ngừng trên chính trường Hoa Kỳ cũng như chiến trường và chính trường Việt Nam. Là một nhà chính trị, ông còn là một học giả, về cuộc chiến Việt Nam, ngoài việc thường xuyên cọ xát trực tiếp với những nhân vật đầu não trong chính quyền Hoa Kỳ thời bấy giờ, ông đã sưu tầm rất nhiều tài liệu liên quan, để mong có thể hiểu được cuộc chiến tranh mà cho đến giờ phút này nhiều người vẫn thấy là còn nhiều bí ẩn.

Cuốn *In the Jaws of History* gồm 36 chương, khi viết lại bằng tiếng Việt để thành cuốn *Gọng Kìm Lịch Sử* này, tác giả thêm một chương chót, 37, có tựa đề "Thay lời kết, Lịch sử còn dài..." Tác giả cho biết đã viết cuốn trên là để trả lời một số lập luận sai lầm của các nhóm thiên tả hay phản chiến trong dư luận Hoa Kỳ về cuộc chiến tại Việt Nam. Chương viết thêm này là những lời tâm sự của một người Việt Nam quốc gia đã trải qua lịch sử 30 năm từ 1945-1975. Ước vọng của người quốc gia nào cũng là mưu tìm độc lập cho Việt Nam, và rồi xây dựng một đất nước văn minh dân chủ, mà qua hai mươi năm chế độ Cộng hòa ở miền Nam coi như các tiền đề đã tạm đặt xong. Dù phe quốc gia đã thua trong cuộc chiến, lý tưởng của phe quốc gia vẫn đứng vững đến tận ngày nay, và ngày càng trở nên là ước vọng của mọi người Việt Nam chân chính, ngay cả những người một thời đã theo chủ nghĩa cộng sản. Người quốc gia đã tiếp tục giữ gìn truyền thống của dân tộc, nhờ đó mà những giá trị tinh thần còn lưu giữ được đến ngày nay qua cơn hồng thủy điên cuồng của tinh thần vô sản quốc tế mà người cộng sản đã du nhập một cách điên cuồng vào đất nước ta. Phe cộng sản thắng cuộc chiến vì đã đánh thức được cái phần bản năng cướp giật của một khối người bị trị nghèo đói lâu ngày (*bao nhiêu lợi quyền tất qua tay mình* - Quốc tế ca), đồng thời cũng che phủ lên cái mặt thú vật ấy một cái khăn choàng lý tưởng rất cao đẹp và cũng rất không tưởng.

Phe quốc gia thấy trước được tất cả nguy cơ làm sa đọa con người và cuộc sống ấy, đã chiến đấu, với tất cả hy sinh cao đẹp cũng như sự yếu kém của mình. Cuộc chiến đấu ấy đã giương cao mãi mãi những ước mơ phải đạt tới của dân tộc, cũng là ước mơ bình thường của cả loài người, đã bị chủ nghĩa cộng sản làm vẹo vọ đi trong gần suốt thế kỷ 20. Dù là sau chiến thắng 1975, Cộng sản Việt Nam tiếp tục dìm đất nước trong lạc hậu, nghèo đói và thiếu tự do, nhưng với tình hình thế giới biến chuyển vào thập niên cuối của thế kỷ 20, tác giả lại lạc quan, thấy Việt Nam đã dần dần hội đủ nhân tố để những "đột biến" có thể xảy ra. Lúc bấy giờ lý tưởng của bao thế hệ người quốc gia sẽ được thực hiện trên mảnh đất mà chỉ vì mấy chữ "độc lập, tự do, dân chủ" đã có không biết bao đau thương và xương máu đổ xuống suốt nửa thế kỷ qua.

Gọng Kìm Lịch Sử đã tổng hợp được cái nhìn cho một phía, phe quốc gia, phơi bày khá chi tiết các ngóc ngách lịch sử về một giai đoạn gay go nhất. Tác giả hình như đã tự kềm chế rất nhiều tính chất chủ quan thường là có quyền có của thể loại hồi ký, để gắng đem lại sự khách quan cho cuốn sách mà như tên gọi, chính là một phần lịch sử được tái hiện. Phẩm cách của ngòi bút, sự chân thành và uyên bác của tác giả thuyết phục người đọc. Đó là một nhà chính trị có văn tài, bút pháp của ông già dặn mà tươi tắn, khoa học mà tình cảm, phô bày một cái tâm suốt đời thiết tha với nền độc lập của đất nước, đời sống tự do sung sướng cho dân tộc. Hồi ký của ông cho thấy sự dấn thân *tận nhân lực* của một trí thức ưu tú trong quá khứ, và tiếp tục là một lời kêu gọi và biểu dương cho lý tưởng không bao giờ lỗi thời của người quốc gia.

Thiết Lập Tịnh Độ

Người đọc: **Tiểu Quyên**

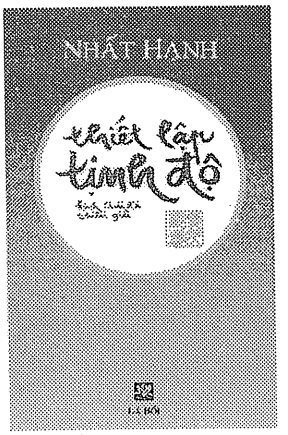

Sách giảng Phật pháp của Hòa thượng **Thích Nhất Hạnh**, Lá Bối xuất bản tháng 9/2000 - 160 trang, giá $10.00. Liên lạc: Lá Bối 1037 E. Taylor, San Jose, Ca 95112 USA. Tel: (408) 288-8873.

Đây là cuốn Kinh A Di Đà do tác giả dịch từ Hán Văn sang Việt ngữ, và diễn giảng theo con mắt của một Thiền sư. Hòa thượng Nhất Hạnh là một cao tăng Bắc Tông (Đại thừa) đầu tiên đã diễn giải nhiều kinh điển thuộc tạng Pali (Nam Tông hay Tiểu Thừa) để cho Phật tử được tiếp xúc và học hỏi với cả hai truyền thống của đạo Phật. Có lẽ cũng trong chiều hướng giúp cho đại chúng xả bỏ tâm phân biệt giữa các tông phái mà Hòa thượng đã cho ấn hành Kinh A Di Đà thiền giải.

A Di Đà là kinh văn căn bản được Phật tử các chùa Việt Nam tụng đọc thường xuyên nay được bình giải rất dễ hiểu, sẽ là một đóng góp rất lớn vào sự hiểu biết và cảm thông giữa các pháp môn Thiền - Tịnh và Mật tông trong Phật Giáo, đem lại lợi lạc cho cả hai truyền thống Bắc, Nam. Cuốn sách này còn giúp cho các Phật tử tại gia và xuất gia hiểu biết rõ ràng hơn về căn cơ của chính mình để chọn được con đường thích hợp nhất mà thực tập, tiến bộ trong cuộc đời tu học. Niệm Phật hay ngồi thiền, đa số chúng ta đều mong cầu tạo được môi trường sống cho có hạnh phúc, bình an - nghĩa là thiết lập được một cõi Cực Lạc cho chính mình và cho gia đình, xã hội... Cuốn sách mới của thiền sư Nhất Hạnh giúp cho các Phật tử có thêm niềm Tin và phương cách thực tập để họ có thể Thiết lập được Tịnh độ ngay trong cõi Ta Bà này, không cần phải đợi chết rồi mới được siêu sinh về Tịnh Độ. Như Tuệ Trung thượng Sĩ đời nhà Trần đã viết:

"Di Đà đích thực Pháp thân ta
Nam Bắc Đông Tây khắp chói lòa..."

Hai Ngàn Năm Một Thuở

Người đọc: **Nguyễn Hùng Vũ**

Tuyển tập những bài viết của 15 tín hữu công giáo do tạp chí Tin Nhà xuất bản, 255 trang, giá US$10. Liên lạc: nhà xuất bản TIN, 54 Avenue Léon-Blum, 92160 Antony, France.

Sách gồm bài của các tác giả: Lê Thị Bạch Nhựt & Nguyễn Văn Tánh (Bỉ), Trần Ngọc Báu (Thụy Sĩ), Nguyễn Tiến Cảnh (Hoa Kỳ), Nguyễn Hữu Tấn Đức (Pháp), Trịnh Viết Đức (Canada), Nguyễn Tiến Ích (Hoa Kỳ), Phạm Hồng Lam (Đức), Đoàn Thanh Liêm (Hoa Kỳ), Vũ Đức Minh (Hoa Kỳ), Trần Ngọc Tá (Úc), Phạm Hữu Trác (Canada), Đỗ Mạnh Tri (Pháp), Nguyễn Đức Tuyên (Hoa Kỳ), Trần Phong Vũ (Hoa Kỳ).

Nhóm chủ trương, khi mời các tác giả viết bài, đã đưa ra năm câu hỏi:

1. Đâu là nhược điểm lớn nhất và ưu điểm lớn nhất của Giáo hội công giáo hoàn vũ hiện nay?

2. Muốn dứt khoát hướng về tương lai, người Công giáo Việt Nam nên có thái độ nào đối với quá khứ của cộng đoàn Công giáo Việt Nam?

3. Dân chủ hóa đất nước là một đòi hỏi khẩn thiết hiện nay, người Công giáo Việt Nam, với tư cách là người Công giáo, có trách nhiệm nào đặc biệt không, ngoài trách nhiệm công dân?

4. Mai ngày khi hết độc tài toàn trị, theo bạn đâu là những điều kiện tối thiểu cho phép thực hiện sự hợp tác giữ những thành phần dân tộc có chính kiến và tôn giáo khác nhau, như: Phật giáo, Công giáo, Cộng sản, Hòa Hảo, Cao Đài, Hữu thần, Vô thần...?

5. Bước vào thế kỷ 21, theo bạn đâu là vài ba công việc ưu tiên người Công giáo Việt Nam ngoài nước cần làm để phục vụ Quê hương và Giáo hội?

Các bài viết là những câu trả lời, trực tiếp hoặc gián tiếp, tạo thành cuốn sách này. Đây là một cuốn sách khá đặc biệt và cần thiết, được thực hiện nhân giai đoạn chuyển tiếp giữa hai thiên kỷ. Hầu hết những tín hữu Công giáo đã viết khá trung thực về những ưu khuyết điểm cũng như những sự kiện chính yếu liên quan đến Thiên chúa giáo từ 2000 năm qua. Có thể xem cuốn sách là một tiếng nói đại diện cho tầng lớp trí thức công giáo Việt Nam (hải ngoại).

Có thể xem cuốn sách như một bàn tay chìa ra của những người bạn công giáo, mong muốn được nghe những tiếng nói của người cùng hay không cùng tín ngưỡng. Từ xưa đến

nay, thái độ của đại đa số người công giáo dường như vẫn là khép kín trong đức tin của mình, nhưng lần này, những tâm sự, cảm nghĩ, tự phê bình đã được gửi đến mọi người một cách công khai qua một cuốn sách và chính độc giả là người được "mời gọi đáp ứng" qua phần "lời thưa với bạn đọc" ở những trang đầu cuốn sách.

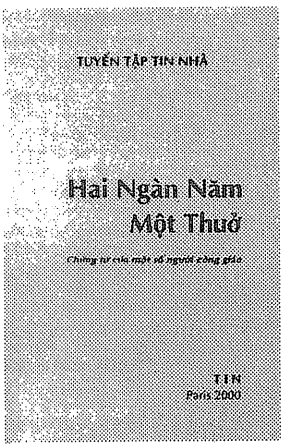

Trong bất cứ thời đại nào, nhất là thời buổi hiện đại, sự cảm thông và dung hòa giữa những khác biệt tôn giáo hay chính trị là một điều cực kỳ cần thiết. Máu của nhân loại đã thấm ướt mặt trái đất từ xưa và vẫn còn đang tiếp tục chỉ vì những khác biệt rất cũ và vô lý về ý thức hệ chính trị hay tôn giáo. Thế kỷ 21 sắp chấm dứt, khi mà những biến động giữa quân đội Do Thái và thường dân Palestine đang đi vào trong giai đoạn máu đổ thịt rơi một cách hết sức tàn bạo vô ý nghĩa, khi mà vấn đề nhân quyền ở Việt Nam vẫn còn là một vấn đề nan giải sau một phần tư thế kỷ thay đổi thể chế. Với bao nhiêu hiểm họa về mọi mặt trên thế giới, nhất là sự tàn phá môi sinh không ngừng của bàn tay con người, không một ai trong chúng ta không thể không lo lắng và không đặt ra những câu hỏi như: Trong thế kỷ 21 chúng ta sẽ sống như thế nào? Chúng ta sẽ còn tồn tại như một loài ký sinh trùng biết suy nghĩ trên một hạt bụi gọi là địa cầu trong một không gian vô tận, hay chúng ta đang tự sát một cách ngu xuẩn về cả hai mặt tâm linh lẫn vật chất?

Nhìn qua, cuốn sách có được một sự đồng nhất về một số vấn đề chung, như việc tiếp tục tranh đấu đòi hỏi chế độ cộng sản VN phải tôn trọng tự do, nhân quyền, là những nền tảng căn bản quan trọng của con người trong bất cứ chế độ chính trị nào. Tuy những phát biểu không hoàn toàn giống nhau nhưng hầu hết mọi người viết đều có những hoài bão và ước mơ chung. Tất cả đều có những đóng góp ý kiến sáng suốt và thiết thực trong việc tạo dựng một VN hậu cộng sản.

Tất cả người viết đều công nhận Công giáo đã đóng góp những vai trò lớn lao trong mọi lãnh vực thế tục và ảnh hưởng rộng rãi đến mọi tầng lớp, góp phần nâng cao trình độ dân trí nói chung trên khắp thế giới, nhưng cũng như con dao hai lưỡi, một số tác giả cũng nhìn nhận giáo hội và chính sách truyền đạo để mở mang nước Chúa trong những thế kỷ qua cũng đã là một trong những nguyên nhân tạo nên những bất ổn và chia rẽ ở nhiều nơi.

Tất cả đều hãnh diện mình là người công giáo và đã góp phần tích cực vào sự xây dựng đất nước, hãnh diện vì công giáo đã đào tạo được bao nhiêu nhân tài cho đất nước trong nhiều thập niên vừa qua. Có thể nói, không có dấu ấn của KiTô giáo thì không có được một thế giới như thế giới ngày hôm nay chúng ta đang sống.

Cuối sách, Lời Bạt của Đỗ Mạnh Tri là một đúc kết thông minh và khéo léo các ý kiến, giúp người đọc dễ có một nhận định chung về các ý kiến không phải là không có nhiều dị biệt đã được đưa ra. Tác giả Lời Bạt xếp các ý kiến theo từng loại vấn đề, và nhấn mạnh: *Đây không phải là một tổng kết - không có kết, càng không có tổng kết cho những chứng từ thực ra khơi dậy nhiều câu hỏi hơn là đem câu trả lời.*

Đón đọc

THẾ KỶ 21
XUÂN TÂN TỴ
2001

Phát hành đầu tháng
Giêng 2001

Liên lạc:
THẾ KỶ 21
11022 Acacia Parkway # A
Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 839-8746

PHẢI TÌM ĐỌC

Cuốn tiểu thuyết vào hàng hay nhất của thời đại chúng ta

Bên giòng sông Hằng

của tác giả Nhật Bản **VIỄN ĐẰNG CHU TẮC - ENDO SHUSAKU**
Dịch thẳng từ bản Nhật ngữ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
(dịch giả rất thành công cuốn ***Sao Chúa Mãi Im,*** cùng một tác giả)

Tự Lực phát hành: (714) 531-5290

Endo Shusaku là nhà văn Nhật Bản được độc giả Nhật và Tây phương biết đến và yêu mến còn hơn cả Kenzaburo Oe, nhà văn Nhật đoạt giải Nobel văn chương năm 1994. Ông đã nhận được những giải thưởng văn chương cao quý nhất của Nhật, và nhiều lần được đề cử tranh giải Nobel về văn chương.

Sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản là đề tài lớn trong sự nghiệp sáng tác của ông. Nhưng phải chờ đến BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG (Thâm Hà) người ta mới thấy được thị kiến về một tâm-thức-mới chuyên chở được muôn giòng sông tư tưởng và tôn giáo, trong đó có Công giáo, là tôn giáo của tác giả.

Tất cả lồng trong một câu chuyện rất hiện đại, đầy linh hoạt và trắc ẩn, của một nhóm du khách Nhật Bản đến bên giòng sông Hằng, chạm đến cái mênh mông của giòng sông thiêng cũng như của tâm linh muôn thuở...

THẾ KỶ xuất bản, 325 trang, giá 14 mỹ kim. Ở xa xin gửi thêm $2 cước phí.

Riêng quý bạn đọc tạp chí Thế Kỷ 21 ở trong nước Mỹ, điền và cắt phiếu dưới đây gửi về để mua sách thì sẽ được miễn tiền cước phí (chỉ gửi $14.00 cho một cuốn).

Liên lạc, chi/lệnh phiếu (check, money order) xin đề:

YEN TRAN
9702 Bolsa Avenue # 112, Westminster CA 92683 - USA
Tel: (714) 839-8746

PHIẾU ĐẶT MUA SÁCH "BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$14.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:_____

Họ tên:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____ E-mail:_____

Ý NGUYỆN CỦA CỐ GIÁO SƯ LÊ BÁ KÔNG LÀ TIẾP TỤC XUẤT BẢN

NHỮNG SÁCH GIÁ TRỊ HỮU ÍCH CHO NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

NHỮNG MÓN QUÀ TINH THẦN QUÝ GIÁ VÀ ÍCH LỢI

TỰ ĐIỂN DANH NHÂN VIỆT NAM - Nguyễn Huyền Anh

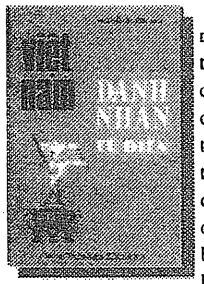

Lịch sử một dân tộc là do con dân của dân tộc đó tạo thành. Bao chiến công oai hùng, bao sự tích hiên ngang của tổ tiên và các bậc tiền bối đã đóng góp để xây dựng nên nòi giống Lạc Hồng, đáng truyền tụng lại cho con cháu chúng ta. Nhiều dân tộc còn đang tìm gốc. Chúng ta có sẵn gốc vững bền của gần 5.000 năm chôn sâu trong giải đất gấm vóc. Vậy không khi nào chúng ta để mất gốc đó.
#ĐNVN - US$14.50

NGHĨA SĨ THÀNH TÂY ĐÔ

Của Sơn Linh. Dày 480 trang. Toàn dân kháng chiến chống lại độc tài, bạo tàn, tham nhũng và bè lũ tay sai để giành Độc Lập và Tự Do. Hãy đọc thiên tiểu thuyết lịch sử hay nhất từ trước tới nay.
#NSTĐ - US$11.00

KIM CỔ KỲ QUAN

Bản dịch của Phan Hồng Chung. 480 trang, bìa 4 màu mỹ thuật. Tập truyện ngắn ly kỳ, dí dỏm, cảm động, lôi cuốn,... hay nhất của Trung hoa từ trước tới nay, được chuyển qua Việt văn nhờ tài của dịch giả điêu luyện xuất sắc. Thật là những viên kim cương châu báu của một nền văn hóa cổ kính. Quý vị muốn biết về thi bá Lý Thái Bạch, Bách Cư Dị, duyên "tri âm tri kỷ" giữa Bá Nha và Tử Kỳ, mối tình thắm thiết của Thôi Hộ và Phụng Trinh, nghĩa bằng hữu của Trọng Tường và Lý Mông, đọc truyện nàng Điển Thị để hiểu thêm về lòng dạ đàn bà, tích nàng Tô huệ dệt bài thơ trên gấm để cứu chồng,... Tất cả gồm 24 truyện ngắn tuyệt tác. Không thể bỏ sót cuốn sách này.

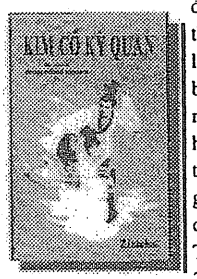

#KCKQ - US$15.00

ĐÔNG CHÂU LIỆT QUỐC

Bản dịch với lời ghi chú và phê bình độc đáo của nhà văn Mộng Bình Sơn. Toàn pho truyện gồm 3 cuốn, dày 1,270 trang. Mỗi cuốn dày khoảng 420 trang để tiện cầm đọc. Bộ truyện hàm chứa những điều mà chúng ta cần phải mổ xẻ, suy luận mới thấy rõ những điều tinh vi, lý thú. Từ xưa đến nay, và mãi mãi sau này, người đời không bao giờ quên nhắc tới pho truyện Đông Châu Liệt Quốc vì trong đó chất chứa những uẩn khúc, tâm trạng, mưu lược và những lời châu ngọc, mà kẻ nào có óc khảo sát về tâm lý, xã hội đều phải đem nó ra để luận cổ suy kim, dùng làm tấm gương rọi vào cuộc sống của hậu thế. Những nhân vật trong Đông Châu Liệt Quốc sẽ không bao giờ phai nhòa khiến cho người đọc thích thú lạ lùng.
#ĐCLQ - US$33.00 cả bộ 3 cuốn

MODERN ENGLISH

Kinh nghiệm hơn 40 năm của cố giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách rất giá trị này, được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi.

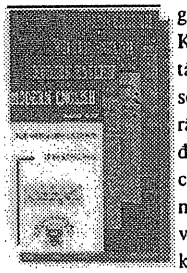

Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

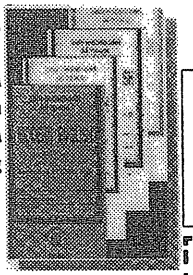

Hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác.

Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ.

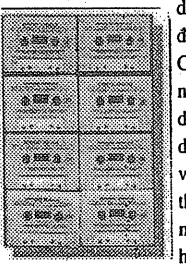

Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.
#ME - US$99.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng, bìa bọc plastic.
#METĐ - US$120.00

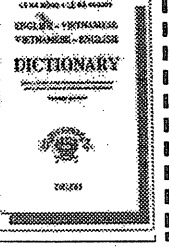

Ý nguyện của cố Giáo sư
LÊ BÁ KÔNG
là tiếp tục phụng vụ đồng bào đồng hương

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK°
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783
Xin quí hãng gửi cho chúng tôi
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
Cước phí (ở Mỹ xin thêm 10%, Canada 15%, các nước khác 30%) US$_____
Tổng cộng US$_____
Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money-order
☐ chi tiết cho credit card
Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang_____ Zip_____
Nếu dùng credit Card:
Số _____
Hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN

PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

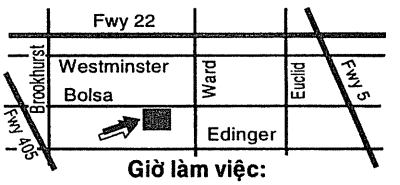

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Mới phát hành CD và Cassette THƠ THIỀN

TRÚC LÂM THIỀN PHỔ

Thi phẩm: Trần Nhân Tôn - Thiền sư Vạn Hạnh - Tuệ Trung Thượng Sĩ

THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ

Thơ kệ: Thiền sư Thường Chiếu - Thiền sư Thanh Từ - Thiền sư Nhật Quang

Sạch

Cháy tan phiền não lửa lò
Chân như trong lành hiện rõ
Có gì để nói nữa đâu?
Sát núi trăng thích thú cho

Thiền Sư Nhật Quang

Bài Học Của Cuộc Đời

Ngày nay bạn thương mến tôi,
Vâng! Tôi cám ơn bạn,
Nhưng ngày mai kia tôi không dám nghĩ đến!
Thời gian dành cho chúng ta quá nhiều điều bất như ý.
Chúng ta phải khéo tu, để vượt qua những bất hạnh này.
Những thay đổi trong lòng luôn đến với ta,
Khi chúng đến ta nên cười, chẳng nên khóc
Vì đó là qui luật của Thế gian..!

Thiền Sư Thanh Từ

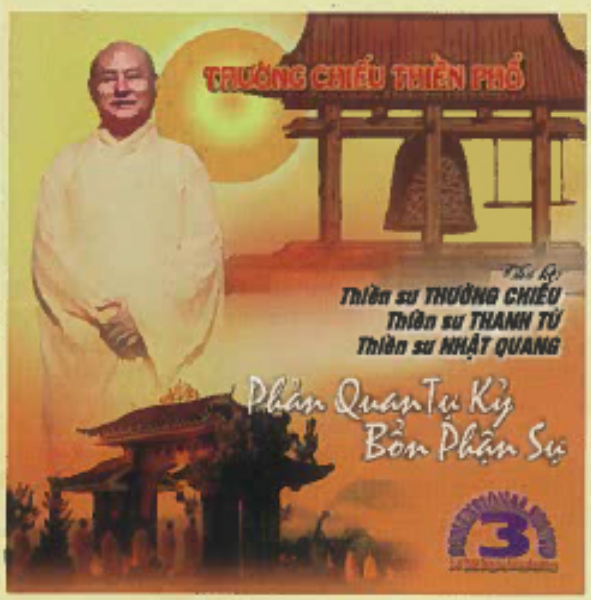

Diễn ngâm: Việt Hùng, Phương Dung, Quỳnh Hoa, Phương Hạnh, Xuân Phát.

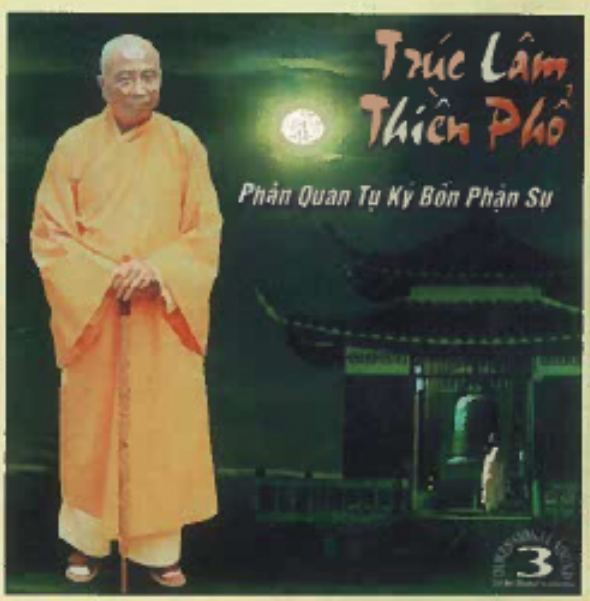

Diễn ngâm: Minh Nguyệt, Bích Thuận, Phượng Vũ, Trọng Nghĩa.

Để chào mừng Thiên niên kỷ thứ III, trong tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ, Nhân Bản và Khai Phóng của đạo Phật, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu *CD & Cassette* **TRÚC LÂM THIỀN PHỔ và THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ** gồm các thi kệ bất hủ của: ***Thiền Sư Vạn Hạnh,*** vị Quốc sư đầu tiên khai sáng triều đại Lý; ***Thiền sư Thường Chiếu,*** một cao tăng tài ba lỗi lạc vào cuối thế kỷ 12; ***Tuệ Trung Thượng Sỹ*** là thầy của Vua Trần Nhân Tông, Vua Trần Nhân Tông là Sư tổ phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử, vào thế kỷ 13; Thiền sư khả kính hiện đại ***Thích Thanh Từ,*** Ngài có công khôi phục Thiền Tông Việt nam cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, Viện trưởng Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt; ***Thiền sư Thích Nhật Quang,*** trụ trì Thiền Viện Thường Chiếu, Long Thành, Đồng Nai.

Phát hành tại: Hoa Phát Dịch Vụ: (714) 531-2700

hay liên lạc **Đạo hữu Mãn Tâm An: (714) 839-6704** - Địa chỉ: 9490 Madison Ave., Westminster, CA 92683. USA

www.truclamthienvien.com * Email: mantaman@truclamthienvien.com

Chúng tôi có phát thanh Chương Trình Học Phật trên làn sóng 1480 AM hàng tuần mỗi thứ Ba từ 5:35AM - 6AM và mỗi thứ Bảy 9:30 PM - 10:00 PM.

Chúng tôi có phát hành Video & Cassette học Phật.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim